BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO TRÌNH

LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam : Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị. - H. : Chính trị Quốc gia, 2021. - 440tr. ; 21cm

ISBN 9786045765906

1. Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Lịch sử 3. Giáo trình

324.259707509 - dc23

CTM0460p-CIP

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



GIÁO TRÌNH
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

(Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2021

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

1. Đồng chí **Phạm Văn Linh**, Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Trung ương, *Trưởng Ban Chỉ đạo;*

2. Đồng chí **Bùi Văn Ga**, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Phó Trưởng Ban Chỉ đạo;*

3. Đồng chí **Nguyễn Văn Phúc**, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Phó Trưởng Ban Chỉ đạo;*

4. Đồng chí **Lê Hải An**, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Phó Trưởng Ban Chỉ đạo;*

5. Đồng chí **Mai Văn Chính**, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, *Thành viên;*

6. Đồng chí **Nguyễn Trọng Nghĩa**, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam, Bộ Quốc phòng, *Thành viên;*

7. Đồng chí **Nguyễn Văn Thành**, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Công an, *Thành viên;*

8. Đồng chí **Triệu Văn Cường**, Thứ trưởng Bộ Nội vụ, *Thành viên;*

9. Đồng chí **Huỳnh Quang Hải**, Thứ trưởng Bộ Tài chính, *Thành viên;*

10. Đồng chí **Nguyễn Tất Giáp**, Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, *Thành viên;*

11. Đồng chí **Phạm Văn Đức**, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, *Thành viên;*

12. Đồng chí **Nguyễn Hồng Minh**, Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, *Thành viên.*

(Theo Quyết định số 165-QĐ/BTGTW ngày 06/6/2016, số 1302-QĐ/BTGTW ngày 05/4/2018, số 1861-QĐ/BTGTW ngày 04/01/2019 của Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng)

HỘI ĐỒNG BIÊN SOẠN

- **PGS.TS. Nguyễn Trọng Phúc**, *Chủ tịch Hội đồng*
- **PGS.TS. Ngô Đăng Tri**, *Phó Chủ tịch Hội đồng*
- **PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà**, *Thư ký chuyên môn*
- **Thiếu tướng, PGS.TS. Nguyễn Bình Ban**
- **PGS.TS. Vũ Quang Hiển**
- **PGS.TS. Phạm Xuân Mỹ**
- **PGS.TS. Nguyễn Mạnh Hà**
- **TS. Nguyễn Hữu Công**
- **Đại tá, PGS.TS. Nguyễn Văn Sự**
- **PGS.TS. Nguyễn Văn Giang**
- **PGS.TS. Trần Thị Thu Hương**
- **TS. Nguyễn Thị Hoàn**
- **TS. Dương Văn Khoa**
- **TS. Ngô Quang Định**
- **Nguyễn Đức Trung**, *Thư ký hành chính*

LỜI GIỚI THIỆU

Thực hiện các nghị quyết của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Kết luận số 94-KL/TW "về việc tiếp tục đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân". Kết luận số 94-KL/TW khẳng định, đổi mới việc học tập (bao gồm cả nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy, xây dựng đội ngũ giáo viên...) lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân có tầm quan trọng chiến lược; đồng thời yêu cầu đổi mới việc học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân phải tạo bước tiến mới, có kết quả, chất lượng cao hơn, góp phần làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, quan điểm của Đảng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống xã hội; bảo đảm thế hệ trẻ Việt Nam luôn trung thành với mục tiêu, lý tưởng của Đảng và với chế độ xã hội chủ nghĩa.

Dưới sự chủ trì của Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, trực tiếp là Ban Chỉ đạo biên soạn chương trình, giáo trình lý luận chính trị, trong những năm qua, việc tổ chức biên soạn bộ giáo trình các môn lý luận chính trị được thực hiện nghiêm túc, công phu, cẩn trọng với nguyên tắc cần phân

định rõ nội dung của từng đối tượng học, từng cấp học, bậc học, tránh trùng lắp, đồng thời bảo đảm tính liên thông. Phương châm của đổi mới việc học tập lý luận chính trị là cùng với đổi mới về nội dung phải đồng thời đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng sinh động, mềm dẻo, phù hợp với thực tiễn cũng như đối tượng học tập; tạo được sự hứng thú và có trách nhiệm cho người dạy, người học. Đối với sinh viên đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, phải xây dựng các bài giảng chung, tổng hợp các vấn đề cơ bản nhất về chủ nghĩa Mác - Lênin, trọng tâm là về chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, gắn với tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối của Đảng. Sinh viên hệ chuyên lý luận chính trị cần học tập các kiến thức sâu rộng, đầy đủ hơn, phù hợp với yêu cầu đào tạo.

Trong quá trình biên soạn, tập thể các tác giả đã kế thừa nội dung các giáo trình do Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn. Đồng thời, Ban Chỉ đạo, tập thể tác giả đã tiếp thu các ý kiến góp ý của nhiều tập thể cũng như các nhà khoa học, giảng viên các trường đại học trong cả nước. Cho đến nay, về cơ bản bộ giáo trình đã hoàn thành việc biên soạn theo những tiêu chí đề ra. Nhằm cung cấp tài liệu giảng dạy, học tập cho giảng viên, sinh viên các trường đại học theo chương trình mới, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xuất bản bộ giáo trình lý luận chính trị dành cho bậc đại học hệ chuyên và không chuyên lý luận chính trị, gồm 5 môn:

- *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*
- *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin*

- *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*
- *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*
- *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình tổ chức biên soạn, tiếp thu các ý kiến góp ý để hoàn thiện bản thảo và xuất bản, song do nhiều lý do chủ quan và khách quan, bộ giáo trình chắc chắn khó tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót, cần được tiếp tục bổ sung, chỉnh sửa và cập nhật. Rất mong nhận được các ý kiến góp ý của bạn đọc để bộ giáo trình được hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản sau.

Thư góp ý xin gửi về: Vụ Giáo dục đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 35 Đại Cồ Việt, Hà Nội; hoặc Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội, Email: suthat@nxbctqg.vn.

Trân trọng giới thiệu bộ giáo trình với đông đảo bạn đọc.

Hà Nội, tháng 6 năm 2021

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chương nhập môn

ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập (3/2/1930). Từ thời điểm lịch sử đó, lịch sử của Đảng hòa quyện cùng lịch sử của dân tộc Việt Nam. Đảng đã lãnh đạo và đưa sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, "có được cơ đồ và vị thế như ngày nay"[1]. "*Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.20.

cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản"[1].

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử. Chuyên ngành lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã được nghiên cứu từ rất sớm. Năm 1933, tác giả Hồng Thế Công (tức Hà Huy Tập) đã công bố tác phẩm *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương*. Ở các thời kỳ lịch sử của Đảng, Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo đã có những tổng kết quan trọng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (1960) đã nêu rõ nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết lịch sử Đảng, nhất là tổng kết kinh nghiệm, bài học lãnh đạo của Đảng, con đường và quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam.

Năm 1962, cơ quan chuyên trách nghiên cứu, biên soạn lịch sử Đảng là Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương được thành lập (nay là Viện Lịch sử Đảng). Từ những năm 60 của thế kỷ XX, bộ môn Lịch sử Đảng đã được giảng dạy, học tập chính thức trong các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp. Theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị khóa VII, ngày 13/7/1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) đã ban hành Quyết định số 255/CT thành lập Hội đồng chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó có bộ môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88.

Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam dành cho bậc đại học được biên soạn lần này là sự kế thừa và phát triển các giáo trình đã biên soạn trước đây, phù hợp với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo quan điểm của Đảng.

I- ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU CỦA MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đối tượng nghiên cứu của khoa học Lịch sử Đảng là sự ra đời, phát triển và hoạt động lãnh đạo của Đảng qua các thời kỳ lịch sử.

1. Môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống *các sự kiện lịch sử Đảng*, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Các sự kiện thể hiện quá trình Đảng ra đời, phát triển và lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến cứu quốc và xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,... Cần phân biệt rõ sự kiện lịch sử Đảng gắn trực tiếp với sự lãnh đạo của Đảng; phân biệt sự kiện lịch sử Đảng với sự kiện lịch sử dân tộc và lịch sử quân sự trong cùng thời kỳ, thời điểm lịch sử.

Sự kiện lịch sử Đảng là hoạt động lãnh đạo, đấu tranh phong phú và oanh liệt của Đảng, làm sáng rõ bản chất cách mạng của Đảng với tư cách là một đảng chính trị, là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Hệ thống các sự kiện lịch sử Đảng nhằm làm rõ thắng lợi, thành tựu của cách mạng, đồng thời cũng thấy rõ những khó khăn, thách thức, hiểu rõ những hy sinh, cống hiến lớn lao của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, sự hy sinh, phấn đấu của các tổ chức lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở, của mỗi cán bộ, đảng viên, với những tấm gương tiêu biểu. Các sự kiện phải được tái hiện trên cơ sở tư liệu lịch sử chính xác, trung thực, khách quan.

2. Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và phát triển đất nước bằng *Cương lĩnh, đường lối, chủ trương, chính sách lớn*. Lịch sử Đảng có đối tượng nghiên cứu là Cương lĩnh, đường lối của Đảng; phải nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung Cương lĩnh, đường lối của Đảng, cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh, đường lối đúng đắn là điều kiện trước hết quyết định thắng lợi của cách mạng. Phải không ngừng bổ sung, phát triển đường lối phù hợp với sự phát

triển của lý luận, thực tiễn và yêu cầu của cuộc sống; chống nguy cơ sai lầm về đường lối, nếu sai lầm về đường lối sẽ dẫn tới đổ vỡ, thất bại.

Đảng đã đề ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2/1930); Luận cương chính trị (10/1930); Chính cương của Đảng (2/1951) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (6/1991), Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011). Trong quá trình lãnh đạo, Đảng đề ra đường lối nhằm cụ thể hóa Cương lĩnh trên những vấn đề nổi bật ở mỗi thời kỳ lịch sử: Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc; đường lối kháng chiến bảo vệ Tổ quốc; đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa; đường lối đổi mới; đường lối quân sự; đường lối đối ngoại, v.v.. Đảng quyết định những vấn đề chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng. Đảng là người tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân, hiện thực hóa đường lối đưa đến thắng lợi.

3. Đảng lãnh đạo thông qua quá trình *chỉ đạo, tổ chức* thực tiễn trong tiến trình cách mạng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam làm rõ *thắng lợi, thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam* do Đảng lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến giành độc lập, thống nhất Tổ quốc, thành tựu của công cuộc đổi mới. Từ một quốc gia nông nghiệp lạc hậu,

một nước thuộc địa nửa phong kiến, bị đế quốc, thực dân cai trị, dân tộc Việt Nam đã giành lại độc lập bằng cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 với bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử; tiến hành hai cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, thống nhất đất nước; thực hiện công cuộc đổi mới, đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đảng cũng thẳng thắn nêu rõ những khuyết điểm, hạn chế, khó khăn, thách thức, nguy cơ cần phải khắc phục, vượt qua.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng là giáo dục sâu sắc những kinh nghiệm, bài học trong lãnh đạo của Đảng. Tổng kết kinh nghiệm, bài học, tìm ra quy luật riêng của cách mạng Việt Nam là công việc thường xuyên của Đảng ở mỗi thời kỳ lịch sử. Đó là nội dung và yêu cầu của công tác lý luận, tư tưởng của Đảng, nâng cao trình độ lý luận, trí tuệ của Đảng. Lịch sử Đảng là quá trình nhận thức, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn Việt Nam. Cần nhận thức rõ và chú trọng giáo dục những truyền thống nổi bật của Đảng: truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng; truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng; truyền thống gắn bó mật thiết với nhân dân, vì lợi ích quốc gia, dân tộc; truyền thống của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

4. Nghiên cứu lịch sử Đảng là làm rõ hệ thống tổ chức Đảng, công tác xây dựng Đảng qua các thời kỳ lịch sử.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng để nêu cao hiểu biết về *công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử* về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Xây dựng Đảng về chính trị bảo đảm tính đúng đắn của đường lối, củng cố chính trị nội bộ và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng. Xây dựng Đảng về tư tưởng để bảo đảm Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Xây dựng Đảng về tổ chức là củng cố, phát triển hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, tuân thủ các nguyên tắc tổ chức cơ bản. Xây dựng Đảng về đạo đức với những chuẩn mực về đạo đức trong Đảng và ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên hiện nay.

II- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Là một ngành của khoa học lịch sử, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử, đồng thời có những điểm cần nhấn mạnh.

1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng

a) Chức năng nhận thức

Nghiên cứu và học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

để nhận thức đầy đủ, có hệ thống những tri thức lịch sử về sự lãnh đạo, đấu tranh và cầm quyền của Đảng, nhận thức rõ về Đảng với tư cách một đảng chính trị - tổ chức lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam. Quy luật ra đời và phát triển của Đảng là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đảng được trang bị học thuyết lý luận, có Cương lĩnh, đường lối rõ ràng, có tổ chức, kỷ luật chặt chẽ, hoạt động có nguyên tắc. Từ năm 1930 đến nay, Đảng là tổ chức lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam. Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng trở thành Đảng cầm quyền, nắm chính quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng. Đảng thường xuyên tự xây dựng và chỉnh đốn để hoàn thành sứ mệnh lịch sử trước đất nước và dân tộc.

Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam còn nhằm nâng cao nhận thức về thời đại mới của dân tộc - thời đại Hồ Chí Minh, góp phần bồi đắp nhận thức lý luận từ thực tiễn Việt Nam. Nâng cao nhận thức về giác ngộ chính trị, góp phần làm rõ những vấn đề của khoa học chính trị (chính trị học) và khoa học lãnh đạo, quản lý. Nhận thức rõ những vấn đề lớn của đất nước, dân tộc trong mối quan hệ với những vấn đề của thời đại và thế giới. Tổng kết lịch sử Đảng để nhận thức quy luật

của cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quy luật đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

b) Chức năng giáo dục

Nghiên cứu, biên soạn, giảng dạy, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần quán triệt *chức năng giáo dục* của khoa học lịch sử, đó là giáo dục sâu sắc tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn, ý chí tự lực, tự cường dân tộc. Tinh thần đó hình thành trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc và phát triển đến đỉnh cao ở thời kỳ Đảng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giáo dục lý tưởng cách mạng với mục tiêu chiến lược là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là sự giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao nhận thức tư tưởng, lý luận, con đường phát triển của cách mạng và dân tộc Việt Nam. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần chiến đấu bất khuất, đức hy sinh, tính tiên phong gương mẫu của các tổ chức đảng, những chiến sĩ cộng sản tiêu biểu trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam có vai trò quan trọng trong giáo dục truyền thống của Đảng và dân tộc, góp phần giáo dục đạo đức cách mạng, nhân cách, lối sống

cao đẹp như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh"[1].

c) Chức năng dự báo và phê phán

Cùng với hai chức năng cơ bản của sử học là nhận thức và giáo dục, khoa học lịch sử Đảng còn có chức năng *dự báo và phê phán*. Từ nhận thức những gì đã diễn ra trong quá khứ để hiểu rõ hiện tại và dự báo tương lai của sự phát triển. Năm 1942, trong tác phẩm *Lịch sử nước ta*, Hồ Chí Minh đã dự báo: "Năm 1945 Việt Nam độc lập". Sau này, Người còn nhiều lần dự báo chính xác trong hai cuộc kháng chiến. Lãnh đạo đòi hỏi phải thấy trước, do vậy trong giai đoạn hiện nay, khi tình hình thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, Đảng nhấn mạnh cần nâng cao năng lực dự báo.

Để tăng cường sự lãnh đạo, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển của Đảng. Phải kiên quyết phê phán những biểu hiện tiêu cực, lạc hậu, hư hỏng. Trong giai đoạn hiện nay, sự phê phán nhằm mục đích ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.12, tr.403.

2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng

Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng được đặt ra từ đối tượng nghiên cứu, đồng thời cụ thể hóa chức năng của khoa học Lịch sử Đảng.

- *Nhiệm vụ trình bày có hệ thống Cương lĩnh, đường lối của Đảng*. Khoa học Lịch sử Đảng có nhiệm vụ hàng đầu là khẳng định, chứng minh giá trị khoa học và hiện thực của những mục tiêu chiến lược và sách lược cách mạng mà Đảng đề ra trong Cương lĩnh, đường lối từ khi Đảng ra đời và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Mục tiêu và con đường đó là sự kết hợp, thống nhất giữa thực tiễn lịch sử với nền tảng lý luận nhằm thúc đẩy tiến trình cách mạng, nhận thức và cải biến đất nước, xã hội theo con đường đúng đắn. Sự lựa chọn mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử, đã và đang được hiện thực hóa.

- *Nhiệm vụ tái hiện tiến trình lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng*. Từ hiện thực lịch sử và các nguồn tư liệu thành văn và không thành văn, khoa học Lịch sử Đảng có nhiệm vụ rất quan trọng và làm rõ những sự kiện lịch sử, làm nổi bật các thời kỳ, giai đoạn và dấu mốc phát triển căn bản của tiến trình lịch sử, nghĩa là tái hiện quá trình lịch sử lãnh đạo và đấu tranh của Đảng. Những kiến thức, tri thức lịch sử Đảng được làm

sáng tỏ từ vai trò lãnh đạo, hoạt động thực tiễn của Đảng, vai trò, sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hoạt động của Đảng không biệt lập mà thống nhất và khơi dậy mạnh mẽ nguồn sức mạnh từ giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc.

- *Nhiệm vụ tổng kết lịch sử của Đảng.* Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam không dừng lại ở việc mô tả, tái hiện sự kiện và tiến trình lịch sử, mà còn có nhiệm vụ tổng kết từng chặng đường và suốt tiến trình lịch sử, làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật và những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam. Kinh nghiệm lịch sử gắn liền với những sự kiện hoặc một giai đoạn lịch sử nhất định. Bài học lịch sử khái quát cao hơn gắn liền với một thời kỳ dài, một vấn đề của chiến lược cách mạng hoặc khái quát toàn bộ tiến trình lịch sử của Đảng. Quy luật và những vấn đề lý luận ở tầm tổng kết cao hơn. Hồ Chí Minh nêu rõ:

"Lý luận là đem *thực tế* trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc tranh đấu, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng, rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính"[1].

"Lý luận do kinh nghiệm cách mạng ở các nước và trong nước ta, do kinh nghiệm từ trước và kinh nghiệm

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.273.

hiện nay gom góp phân tích và kết luận những kinh nghiệm đó thành ra lý luận"[1].

Hồ Chí Minh nhiều lần đặt ra yêu cầu phải tổng kết, tìm ra quy luật riêng của cách mạng Việt Nam. Qua nhiều lần tổng kết, Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định:

"Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn"[2].

"Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*"[3].

- Một nhiệm vụ quan trọng của lịch sử Đảng là *làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở* trong lãnh đạo, tổ chức thực tiễn. Những truyền thống nổi bật của Đảng; tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo, những chiến sĩ cộng sản tiêu biểu trong các thời kỳ cách mạng; trí tuệ, tính tiên phong, gương mẫu, bản lĩnh của cán bộ, đảng viên; những giá trị truyền thống, đức hy sinh... luôn luôn là động lực cho sự phát triển và bản chất cách mạng của Đảng. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII (10/2016) khẳng định: "Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.5, tr.312.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, t.55, tr.356.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.66.

truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta - Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng"[1].

III- PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Quán triệt phương pháp luận sử học

Phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần dựa trên phương pháp luận khoa học mácxít, đặc biệt là nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét và nhận thức lịch sử một cách khách quan, trung thực và đúng quy luật. Chú trọng nhận thức lịch sử theo quan điểm khách quan, toàn diện, phát triển và lịch sử cụ thể. Tư duy từ thực tiễn, từ hiện thực lịch sử, coi thực tiễn và kết quả của hoạt động thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Chân lý là cụ thể, cách mạng là sáng tạo. Nhận thức rõ các sự kiện và tiến trình lịch sử trong các mối quan hệ: nguyên nhân và kết quả, hình thức và nội dung, hiện tượng và bản chất, cái chung và cái riêng, phổ biến và đặc thù.

Chủ nghĩa duy vật lịch sử là kết quả của tư duy biện chứng, khoa học để xem xét, nhận thức lịch sử. Khi nghiên

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Sđd,* tr.20.

cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cần thiết phải nhận thức, vận dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử để nhận thức tiến trình cách mạng do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Lý luận về hình thái kinh tế - xã hội; về giai cấp và đấu tranh giai cấp; về dân tộc và đấu tranh dân tộc; về vai trò của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử; về các động lực thúc đẩy sự phát triển của xã hội và lịch sử; về cách mạng xã hội và tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản và Đảng Cộng sản.

Cùng với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh dẫn dắt sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Nghiên cứu, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng để hiểu rõ lịch sử Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh và tư duy, phong cách khoa học của Người là cơ sở và định hướng về phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, không ngừng sáng tạo, chống chủ nghĩa giáo điều và chủ quan duy ý chí.

2. Các phương pháp cụ thể

Khoa học lịch sử và chuyên ngành khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đều sử dụng hai phương pháp cơ bản: phương pháp lịch sử và phương pháp logic, đồng thời chú trọng vận dụng các phương pháp nghiên cứu, học tập các môn khoa học xã hội khác.

a) Phương pháp lịch sử

Phương pháp lịch sử là các con đường, cách thức tìm hiểu và trình bày quá trình phát triển của các sự vật và hiện tượng nói chung, của lịch sử loài người nói riêng với đầy đủ tính cụ thể, sống động, quanh co của chúng.

Phương pháp lịch sử là nhằm diễn lại tiến trình phát triển của lịch sử với muôn màu muôn vẻ, nhằm thể hiện cái lịch sử với tính cụ thể hiện thực, tính sinh động của nó. Nó giúp chúng ta nắm vững được cái lịch sử để có cơ sở nắm cái logic được sâu sắc.

Phương pháp lịch sử đi sâu vào tính muôn vẻ của lịch sử để tìm ra cái đặc thù, cái cá biệt trong cái phổ biến. Các hiện tượng lịch sử thường hay tái diễn, nhưng không bao giờ hoàn toàn như cũ; phương pháp lịch sử chú ý tìm ra cái khác trước, cái không lặp để thấy những nét đặc thù lịch sử. Phương pháp lịch sử để thấy bước quanh co, có khi thụt lùi tạm thời của quá trình lịch sử. Phương pháp lịch sử đòi hỏi nghiên cứu thấu đáo mọi chi tiết lịch sử để hiểu vai trò, tâm lý, tình cảm của quần chúng, hiểu điểm và diện, tổng thể đến cụ thể. Chú trọng về không gian, thời gian, tên đất, tên người để tái hiện lịch sử đúng như nó đã diễn ra. Phương pháp lịch sử không có nghĩa là học thuộc lòng sự kiện, diễn biến lịch sử mà phải hiểu tính chất, bản chất của sự kiện, hiện tượng, do đó không tách rời phương pháp logic.

b) Phương pháp logic

Phương pháp logic là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng lịch sử trong hình thức tổng quát, nhằm mục đích vạch ra bản chất, quy luật, khuynh hướng chung trong sự vận động của chúng. Phương pháp logic đi sâu tìm hiểu cái bản chất, cái phổ biến, cái lặp lại của các hiện tượng, các sự kiện, phân tích, so sánh, tổng hợp với tư duy khái quát để tìm ra bản chất các sự kiện, hiện tượng. Xác định rõ các bước phát triển tất yếu của quá trình lịch sử, để tìm ra quy luật vận động khách quan của lịch sử, phương pháp logic chú trọng những sự kiện, nhân vật, giai đoạn mang tính điển hình. Cần thiết phải nắm vững logic học và rèn luyện tư duy logic, phương pháp logic có ý nghĩa quyết định đến sự nhận thức đúng đắn thế giới khách quan, hiện thực lịch sử, thấy rõ được hướng phát triển của lịch sử. Từ nắm vững quy luật khách quan mà vận dụng vào thực tiễn cách mạng, góp phần chủ động cải tạo, cải biến thế giới.

Chỉ có nắm vững phương pháp lịch sử và phương pháp logic mới có thể hiểu rõ bản chất, nhận thức đúng đắn, giảng dạy và học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam một cách có hiệu quả, với tư cách một môn khoa học. Phương pháp lịch sử và phương pháp logic có quan hệ mật thiết với nhau và đó là sự thống nhất của phương pháp biện chứng mácxít trong nghiên cứu và nhận thức lịch sử. Các phương pháp đó không tách rời mà luôn luôn

gắn với nguyên tắc tính khoa học và tính đảng trong khoa học lịch sử và trong chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

c) Các phương pháp khác

Cùng với hai phương pháp cơ bản là phương pháp lịch sử, phương pháp logic, nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần coi trọng *phương pháp tổng kết thực tiễn lịch sử* gắn với nghiên cứu lý luận để làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật phát triển và những vấn đề về nhận thức lý luận của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Chú trọng *phương pháp so sánh*, so sánh giữa các giai đoạn, thời kỳ lịch sử, so sánh các sự kiện, hiện tượng lịch sử, làm rõ các mối quan hệ, so sánh trong nước và thế giới, v.v..

Phương pháp học tập của sinh viên, hết sức coi trọng nghe giảng trên lớp để nắm vững những nội dung cơ bản của từng bài giảng và nội dung tổng thể của môn học. Thực hiện *phương pháp làm việc nhóm*, tiến hành thảo luận, trao đổi các vấn đề do giảng viên đặt ra để hiểu rõ hơn nội dung chủ yếu của môn học. Sử dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và học tập. Tổ chức các cuộc làm việc tại bảo tàng lịch sử quốc gia, bảo tàng địa phương và các di tích lịch sử đặc biệt gắn với sự lãnh đạo của Đảng. Thực hiện kiểm tra, thi cử theo đúng quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của các trường đại học.

Nghiên cứu, giảng dạy, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam cần chú trọng phương pháp vận dụng lý luận vào thực tiễn. Điều đó đòi hỏi nắm vững lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, bao gồm triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh, luôn luôn liên hệ lý luận với thực tiễn Việt Nam để nhận thức đúng đắn bản chất của mỗi hiện tượng, sự kiện của lịch sử lãnh đạo, đấu tranh của Đảng.

IV- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA MÔN HỌC LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tính khoa học là sự phản ánh kết quả nghiên cứu sự vật, hiện tượng, sự kiện lịch sử phải đạt đến chân lý khách quan. Tính khoa học đòi hỏi phản ánh lịch sử khách quan, trung thực với những đánh giá, kết hợp dựa trên luận cứ khoa học, tôn trọng hiện thực lịch sử. Tính khoa học yêu cầu phương pháp nghiên cứu phải sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm. Tính đảng cộng sản trong nghiên cứu lịch sử và lịch sử Đảng yêu cầu đứng trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để nhận thức lịch sử một cách khoa học, đúng đắn; là sự phản ánh đúng đắn quan điểm, đường lối của Đảng vì lợi ích của giai cấp vô sản, của nhân dân lao động và của dân tộc; là thể hiện tính chiến đấu, biểu dương cái đúng đắn, tốt đẹp, phê phán cái xấu, cái lạc hậu, hư

hỏng và những nhận thức lệch lạc, sai trái, phản động của các thế lực thù địch; luôn luôn kế thừa và phát triển sáng tạo. Tính khoa học và tính đảng là thống nhất và đều hướng tới phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, của cách mạng, vì lý tưởng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đối với bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, phân bổ 2 tín chỉ (30 tiết giảng lý thuyết), tập trung nghiên cứu nội dung tương ứng với 3 thời kỳ nổi bật của lịch sử Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc (1930 - 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền Bắc (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và thực hiện công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Sinh viên cần nắm vững hệ thống những vấn đề cơ bản của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Cụ thể là:

- Hiểu rõ đặc điểm, mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thuộc địa, phong kiến ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX; sự phát triển tất yếu của đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc để giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người; các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại. Tình hình đất nước đen tối như không có

đường ra. Trong hoàn cảnh đó, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã tìm ra con đường đấu tranh đúng đắn để giành độc lập cho dân tộc và giải phóng nhân dân. Người đã truyền bá lý luận cách mạng là chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam; phát triển sáng tạo học thuyết lý luận đó phù hợp với thực tiễn Việt Nam; chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị, tổ chức, cán bộ để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mùa Xuân năm 1930 với Cương lĩnh chính trị đúng đắn đã mở ra thời kỳ phát triển mới của cách mạng và dân tộc Việt Nam.

- Từ năm 1930 đến năm 1945, Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh không ngừng bổ sung, phát triển Cương lĩnh, đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc theo con đường cách mạng vô sản, hoàn thiện đường lối giải phóng dân tộc, lãnh đạo các phong trào cách mạng 1930 - 1931, 1936 - 1939 và cao trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945 dẫn đến thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Cần nắm vững tính chất, đặc điểm, ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng Tháng Tám và bản *Tuyên ngôn độc lập* (2/9/1945) - sự kiện mở ra thời đại mới trong lịch sử dân tộc và cách mạng Việt Nam.

- Trong hoàn cảnh lịch sử với nhiều khó khăn, thách thức của thời kỳ mới, Đảng có đường lối, chiến lược và sách lược phù hợp, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, xây

dựng chính quyền nhà nước và chế độ mới; đề ra đường lối và lãnh đạo kháng chiến làm thất bại các kế hoạch chiến tranh của thực dân Pháp đưa đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954) và ký kết Hiệp nghị Giơnevơ (21/7/1954). Đế quốc Mỹ áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt Nam và tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975 với các chiến lược chiến tranh tàn bạo chống lại dân tộc Việt Nam và phong trào cách mạng giải phóng trên thế giới. Đảng đề ra đường lối, kiên trì lãnh đạo đấu tranh, vượt qua thách thức hiểm nghèo dẫn đến toàn thắng của Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975).

- Cần nhận thức rõ quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, với đường lối do Đại hội III của Đảng đề ra (9/1960); đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau năm 1975. Hiểu được quá trình đổi mới tư duy lý luận, khảo nghiệm thực tiễn trong những năm 1975 - 1986 để hình thành con đường đổi mới đất nước. Nắm vững đường lối đổi mới được hoạch định tại Đại hội VI của Đảng (12/1986); sự phát triển đường lối và tổ chức thực hiện hơn 30 năm qua đưa đất nước vững bước phát triển trên con đường xã hội chủ nghĩa. Đảng lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, các cuộc kháng chiến, cách mạng xã hội chủ nghĩa phải vượt qua nhiều nguy cơ,

khó khăn, thách thức, trong đó có cả khuyết điểm, yếu kém ở mỗi thời kỳ, song Đảng đã kiên cường cùng toàn dân vượt qua, quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, thực hiện thành công sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nhận thức rõ hơn những truyền thống vẻ vang của Đảng.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, *"là cả một pho lịch sử bằng vàng"*[1]. Đó chính là tính khoa học, cách mạng, giá trị thực tiễn sâu sắc trong Cương lĩnh, đường lối của Đảng; là sự lãnh đạo đúng đắn, đáp ứng kịp thời những yêu cầu, nhiệm vụ do lịch sử đặt ra; những kinh nghiệm, bài học quý báu có tính quy luật, lý luận của cách mạng Việt Nam và những truyền thống vẻ vang của Đảng. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng không chỉ nắm vững những sự kiện, cột mốc lịch sử mà cần thấu hiểu những vấn đề phong phú đó trong quá trình lãnh đạo và đấu tranh, để vận dụng, phát triển trong thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay.

Mục tiêu của nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là nâng cao nhận thức, hiểu biết về Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiền phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam, đưa đến những thắng lợi, thành tựu

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.404.

có ý nghĩa lịch sử to lớn trong sự phát triển của lịch sử dân tộc. Qua học tập, nghiên cứu lịch sử Đảng để giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc, củng cố, bồi đắp niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng, tự hào về Đảng, nâng cao nhận thức cho thế hệ trẻ khi gia nhập Đảng, tham gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh, tiếp tục thực hiện sứ mệnh vẻ vang của Đảng là lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Chương 1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

A. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 - 1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930 - 1945).

2. Về tư tưởng: Cung cấp cơ sở lịch sử, góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào con đường cách mạng giải phóng dân tộc và phát triển đất nước - sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu, khách quan của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Về kỹ năng: Trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng.

B. NỘI DUNG

I- ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG (THÁNG 2/1930)

1. Bối cảnh lịch sử

a) Tình hình thế giới

Từ nửa sau thế kỷ XIX, các nước tư bản Âu - Mỹ có những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế - xã hội. Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (đế quốc chủ nghĩa), đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ, yếu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh, biến các quốc gia này thành thuộc địa của các nước đế quốc. Trước bối cảnh đó, nhân dân các dân tộc bị áp bức đã đứng lên đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thực dân, đế quốc, tạo thành phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ, rộng khắp, nhất là ở châu Á. Cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản ở các

nước tư bản chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trở thành một bộ phận quan trọng trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa tư bản, thực dân. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX phát triển rộng khắp, tác động mạnh mẽ đến phong trào yêu nước Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga không chỉ có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ở các nước tư bản, mà còn có tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa. Tháng 3/1919, Quốc tế Cộng sản, do V.I. Lênin đứng đầu, được thành lập, trở thành bộ tham mưu chiến đấu, tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới. Quốc tế Cộng sản không những vạch đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản mà còn đề cập các vấn đề dân tộc và thuộc địa; giúp đỡ, chỉ đạo phong trào giải phóng dân tộc. Cùng với việc nghiên cứu và hoàn thiện chiến lược và sách lược về vấn đề dân tộc và thuộc địa, Quốc tế Cộng sản đã tiến hành hoạt động truyền bá tư tưởng cách mạng vô sản và thúc đẩy phong trào đấu tranh ở khu vực này đi theo khuynh hướng vô sản. Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920) đã thông qua *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề*

thuộc địa do V.I. Lênin khởi xướng. Cách mạng Tháng Mười Nga và những hoạt động cách mạng của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng mạnh mẽ và thức tỉnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam và Đông Dương.

b) Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng

- Tình hình Việt Nam:

Là quốc gia Đông Nam Á nằm ở vị trí địa chính trị quan trọng của châu Á, Việt Nam trở thành đối tượng nằm trong mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp. Sau một quá trình điều tra thám sát lâu dài, thâm nhập kiên trì của các giáo sĩ và thương nhân Pháp, ngày 1/9/1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, từng bước xâm lược Việt Nam. Đó là thời điểm chế độ phong kiến Việt Nam (dưới triều đại phong kiến nhà Nguyễn) đã lâm vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Trước hành động xâm lược của Pháp, triều đình nhà Nguyễn từng bước thỏa hiệp (Hiệp ước 1862, 1874, 1883) và đến ngày 6/6/1884 với Hiệp ước Patơnốt đã đầu hàng hoàn toàn thực dân Pháp, Việt Nam trở thành "một xứ thuộc địa, dân ta là vong quốc nô, Tổ quốc ta bị giày xéo dưới gót sắt của kẻ thù hung ác"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.401.

Tuy triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp, nhưng nhân dân Việt Nam không chịu khuất phục, phong trào đấu tranh nổ ra liên tục, khắp các địa phương. Thực dân Pháp phải dùng vũ lực để bình định, đàn áp sự nổi dậy của nhân dân. Thực dân Pháp tiến hành xây dựng hệ thống chính quyền thuộc địa bên cạnh việc duy trì chính quyền phong kiến bản xứ làm tay sai. Pháp thực hiện chính sách "chia để trị" nhằm phá vỡ khối đoàn kết cộng đồng quốc gia dân tộc: chia ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) với các chế độ chính trị khác nhau nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc Pháp (Union Indochinoise)[1], được thành lập ngày 17/10/1887 theo sắc lệnh của Tổng thống Pháp.

Từ năm 1897, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành các cuộc khai thác thuộc địa lớn: Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) và cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai (1919 - 1929). Mưu đồ của thực dân Pháp nhằm biến Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của "chính quốc", đồng thời ra sức vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề.

Chế độ cai trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam là "chế độ độc tài chuyên chế nhất, nó vô cùng khả ố và khủng khiếp hơn cả chế độ chuyên

1. Bao gồm: Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ, Cao Miên, Ai Lao.

chế của nhà nước quân chủ châu Á đời xưa"[1]. Năm 1862, Pháp đã lập nhà tù ở Côn Đảo để giam cầm những người Việt Nam yêu nước chống Pháp.

Về văn hoá - xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách "ngu dân" để dễ cai trị, lập nhà tù nhiều hơn trường học, đồng thời du nhập những giá trị phản văn hoá, duy trì tệ nạn xã hội vốn có của chế độ phong kiến và tạo nên nhiều tệ nạn xã hội mới, dùng rượu cồn và thuốc phiện để đầu độc các thế hệ người Việt Nam, ra sức tuyên truyền tư tưởng "khai hoá văn minh" của nước "Đại Pháp"...

Chế độ áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa của thực dân Pháp đã làm biến đổi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. Các giai cấp cũ phân hóa, giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện với địa vị kinh tế khác nhau và do đó cũng có thái độ chính trị khác nhau đối với vận mệnh của dân tộc.

Dưới chế độ phong kiến, giai cấp địa chủ và nông dân là hai giai cấp cơ bản trong xã hội, khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, giai cấp địa chủ bị phân hóa.

Một bộ phận địa chủ câu kết với thực dân Pháp và làm tay sai đắc lực cho Pháp trong việc ra sức đàn áp phong trào yêu nước và bóc lột nông dân; một bộ phận khác nêu cao tinh thần dân tộc, khởi xướng và lãnh đạo

1. Phan Văn Trường: Bài đăng trên tờ *La Cloche Fêlée*, số 36, ngày 21/1/1926.

các phong trào chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương; một số trở thành lãnh đạo phong trào nông dân chống thực dân Pháp và phong kiến phản động; một bộ phận nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản.

Giai cấp nông dân chiếm số lượng đông đảo nhất (khoảng hơn 90% dân số), đồng thời là một giai cấp bị bóc lột nặng nề nhất. Do vậy, ngoài mâu thuẫn giai cấp vốn có với giai cấp địa chủ, nông dân còn có mâu thuẫn sâu sắc với thực dân xâm lược. "Tinh thần cách mạng của nông dân không chỉ gắn liền với ruộng đất, với đời sống hằng ngày của họ, mà còn gắn bó một cách sâu sắc với tình cảm quê hương đất nước, với nền văn hóa hàng nghìn năm của dân tộc"[1]. Đây là lực lượng hùng hậu, có tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất cho nền độc lập tự do của dân tộc và khao khát giành lại ruộng đất cho dân cày, khi có lực lượng tiên phong lãnh đạo, giai cấp nông dân sẵn sàng vùng dậy làm cách mạng lật đổ thực dân, phong kiến.

Giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành gắn với các cuộc khai thác thuộc địa, với việc thực dân Pháp thiết lập các nhà máy, xí nghiệp, công xưởng, khu đồn điền... Ngoài những đặc điểm của giai cấp công nhân

1. Lê Duẩn: *Giai cấp công nhân Việt Nam và liên minh công nông*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976, tr.119.

quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm riêng vì ra đời trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến, chủ yếu xuất thân từ nông dân, cơ cấu chủ yếu là công nhân khai thác mỏ, đồn điền, lực lượng còn nhỏ bé[1], nhưng sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, nhanh chóng phát triển từ "tự phát" đến "tự giác", thể hiện là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp tư sản Việt Nam xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân. Một bộ phận có lợi ích gắn liền với tư bản Pháp, tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế của chính quyền thực dân Pháp, trở thành tầng lớp tư sản mại bản. Một bộ phận là giai cấp tư sản dân tộc, họ bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế. Phần lớn tư sản dân tộc Việt Nam có tinh thần dân tộc, yêu nước nhưng không có khả năng tập hợp các giai tầng để tiến hành cách mạng.

Tầng lớp tiểu tư sản (tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên,...) bị đế quốc, tư bản chèn ép, khinh miệt, họ có tinh thần dân tộc, yêu nước, rất nhạy cảm về chính trị và thời cuộc. Tuy nhiên, do địa vị kinh tế bấp bênh, hay dao động, thiếu kiên định, do đó tầng lớp tiểu tư sản không thể lãnh đạo cách mạng.

Các sĩ phu phong kiến cũng có sự phân hóa: một bộ phận hướng sang tư tưởng dân chủ tư sản hoặc tư tưởng vô sản; một số người khởi xướng các phong trào yêu nước, có ảnh hưởng lớn.

Như vậy, có thể nhận thấy, cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, Việt Nam đã có sự biến đổi rất quan trọng cả về chính trị, kinh tế, xã hội. Chính sách cai trị và khai thác, bóc lột của thực dân Pháp đã làm phân hóa những giai cấp vốn là của chế độ phong kiến (địa chủ, nông dân), đồng thời hình thành những giai cấp, tầng lớp mới (công nhân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản) với thái độ chính trị khác nhau. Những mâu thuẫn mới trong xã hội Việt Nam xuất hiện, trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến phản động trở thành mâu thuẫn chủ yếu nhất và ngày càng gay gắt.

Trong bối cảnh đó, những luồng tư tưởng ở bên ngoài như: tư tưởng Cách mạng tư sản Pháp 1789, phong trào Duy Tân Nhật Bản năm 1868, cuộc vận động Duy Tân tại Trung Quốc năm 1898, Cách mạng Tân Hợi của Trung Quốc năm 1911..., đặc biệt là Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã tác động mạnh mẽ, làm chuyển biến phong trào yêu nước những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Năm 1919, trên chiến hạm của Pháp ở Hắc Hải (Biển Đen), Tôn Đức Thắng tham gia đấu tranh chống

1. Số lượng công nhân ở Việt Nam đến trước Chiến tranh thế giới thứ nhất (năm 1913) có khoảng 10 vạn người; đến cuối năm 1929, công nhân Việt Nam có hơn 22 vạn người, chiếm trên 1,2% dân số.

việc can thiệp vào nước Nga Xôviết. Năm 1923, luật sư Phan Văn Trường từ Pháp về nước và công bố tác phẩm: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (The Manifesto of the Communist Party) của C. Mác và Ph. Ăngghen đăng trên báo *La Cloche Fêlée*, số ra từ ngày 29/3 đến ngày 20/4/1926 tại Sài Gòn, góp phần tuyên truyền tư tưởng vô sản ở Việt Nam.

- *Các phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam trước khi có Đảng:*

Ngay từ khi Pháp xâm lược, các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đã diễn ra liên tục, rộng khắp. Đến năm 1884, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã đầu hàng, nhưng một bộ phận phong kiến yêu nước đã cùng với nhân dân vẫn tiếp tục đấu tranh vũ trang chống Pháp, như phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng (1885 - 1896). Hưởng ứng lời kêu gọi Cần Vương cứu nước, các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hoá), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)... diễn ra sôi nổi, thể hiện tinh thần quật cường chống ngoại xâm của các tầng lớp nhân dân. Nhưng ngọn cờ phong kiến lúc đó không còn là ngọn cờ tiêu biểu để tập hợp một cách rộng rãi toàn thể các tầng lớp nhân dân, không có khả năng liên kết các trung tâm kháng Pháp trên toàn quốc nữa. Cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng thất bại (1896) cũng là dấu mốc chấm dứt vai trò lãnh đạo của giai cấp phong

kiến đối với phong trào yêu nước chống thực dân Pháp ở Việt Nam.

Vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, ở vùng miền núi và trung du phía Bắc, *phong trào nông dân* Yên Thế (Bắc Giang) nổ ra dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám. Nghĩa quân đã xây dựng lực lượng chiến đấu, lập căn cứ và đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp suốt gần 30 năm. Phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng "cốt cách phong kiến", không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, do vậy cũng bị thực dân Pháp đàn áp.

Từ những năm đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước Việt Nam chịu ảnh hưởng, tác động của *trào lưu dân chủ tư sản*, tiêu biểu là xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh và sau đó là phong trào tiểu tư sản trí thức của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng (12/1927 - 2/1930) tiếp tục diễn ra rộng khắp các tỉnh Bắc Kỳ, nhưng tất cả đều không thành công.

Xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức, lãnh đạo: Chủ trương tập hợp lực lượng với phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như ở Nhật Bản. Phong trào theo xu hướng này tổ chức đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang Nhật Bản học tập (gọi là phong trào *Đông Du*). Đến năm 1908, Chính phủ Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp trục xuất lưu học sinh

Việt Nam và những người đứng đầu phong trào. Sau khi phong trào Đông Du thất bại, với sự ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc, năm 1912, Phan Bội Châu lập tổ chức Việt Nam Quang phục Hội với tôn chỉ là vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam. Tuy nhiên, chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội thiếu rõ ràng. Cuối năm 1913, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt giam tại Trung Quốc cho tới đầu năm 1917 và sau này bị quản chế tại Huế cho đến khi ông mất (1940). Ảnh hưởng xu hướng bạo động của tổ chức Việt Nam Quang Phục Hội đối với phong trào yêu nước Việt Nam đến đây chấm dứt.

Xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh: Phan Châu Trinh và những người cùng chí hướng muốn giành độc lập cho dân tộc nhưng không đi theo con đường bạo động như Phan Bội Châu, mà chủ trương cải cách đất nước. Phan Châu Trinh cho rằng "bất bạo động, bạo động tắc tử"; phải "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh", phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp. Để thực hiện được chủ trương ấy, Phan Châu Trinh đã đề nghị nhà nước "bảo hộ" Pháp tiến hành cải cách. Đó chính là sự hạn chế trong xu hướng cải cách để cứu nước, vì Phan Châu Trinh đã "đặt vào lòng độ lượng của Pháp cái hy vọng cải tử hoàn sinh cho nước Nam,... Cụ không rõ bản chất của đế

quốc thực dân"[1]. Do vậy, khi phong trào Duy Tân lan rộng khắp cả Trung Kỳ và Nam Kỳ, đỉnh cao là vụ chống thuế ở Trung Kỳ (1908), thực dân Pháp đã đàn áp dã man, giết hại nhiều sĩ phu và nhân dân tham gia biểu tình. Nhiều sĩ phu bị bắt, bị đày đi Côn Đảo, trong đó có Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn... Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ bị thực dân Pháp dập tắt, cùng với sự kiện tháng 12/1907 thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa Trường Đông Kinh Nghĩa Thục[2] phản ánh sự kết thúc xu hướng cải cách trong phong trào cứu nước của Việt Nam.

Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng: Khi thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa lần thứ hai, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp càng trở nên gay gắt, các giai cấp, tầng lớp mới trong xã hội Việt Nam đều bước lên vũ đài chính trị. Trong đó, hoạt động có ảnh hưởng rộng và thu hút nhiều học sinh, sinh viên yêu nước ở Bắc Kỳ là tổ chức

---

1. Trần Văn Giàu: *Sự phát triển tư tưởng ở Việt Nam từ thế kỷ XIX đến Cách mạng Tháng Tám - Hệ ý thức tư sản và sự thất bại của nó trước nhiệm vụ lịch sử*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975, tr.442.

2. Trường Đông Kinh Nghĩa Thục do Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Hoàng Tăng Bí... thành lập ở Hà Nội, nhằm truyền bá tư tưởng dân chủ, tự do tư sản, nâng cao lòng tự tôn dân tộc cho thanh niên Việt Nam.

Việt Nam Quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Trên cơ sở các tổ chức yêu nước của tiểu tư sản trí thức, Việt Nam Quốc dân Đảng được chính thức thành lập tháng 12/1927 tại Bắc Kỳ.

Mục đích của Việt Nam Quốc dân Đảng là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, với phương pháp đấu tranh vũ trang nhưng theo lối manh động, ám sát cá nhân, lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên... Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở một số tỉnh, chủ yếu và mạnh nhất là ở Yên Bái (2/1930), tuy oanh liệt nhưng nhanh chóng bị thất bại. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái thể hiện là "... một cuộc bạo động bất đắc dĩ, một cuộc bạo động non, để rồi chết luôn không bao giờ ngóc đầu lên nổi. Khẩu hiệu "không thành công thì thành nhân" biểu lộ tính chất hấp tấp tiểu tư sản, tính chất hăng hái nhất thời và đồng thời cũng biểu lộ tính chất không vững chắc, non yếu của phong trào tư sản"[1].

Vào những năm cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến, ngọn cờ dân chủ tư sản của nhân dân Việt Nam đã diễn ra quyết liệt, liên tục và rộng khắp. Dù với nhiều cách thức tiến hành khác nhau, song đều hướng tới mục

1. Lê Duẩn: *Một vài đặc điểm của cách mạng Việt Nam*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1959, tr.41.

tiêu giành độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, "các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại"[1]. Nguyên nhân thất bại của các phong trào đó là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội, chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, chưa xác định được phương pháp đấu tranh thích hợp để đánh đổ kẻ thù. Tuy thất bại song các phong trào yêu nước đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức tiên tiến chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại. Nhiệm vụ lịch sử cấp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

Trước yêu cầu cấp thiết giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, với nhiệt huyết cứu nước, với nhãn quan chính trị sắc bén, vượt lên trên hạn chế của các bậc yêu

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.51, tr.14.

nước đương thời, năm 1911, Nguyễn Tất Thành quyết định ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Qua trải nghiệm thực tế nhiều nước, Người đã nhận thức được một cách rạch ròi: "dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột"[1], từ đó xác định rõ kẻ thù và lực lượng đồng minh của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Năm 1917, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ tới nhận thức của Nguyễn Tất Thành - đây là cuộc "cách mạng đến nơi". Người từ nước Anh trở lại nước Pháp và tham gia các hoạt động chính trị hướng về tìm hiểu con đường Cách mạng Tháng Mười Nga, về V.I. Lênin.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiến bộ nhất lúc đó ở Pháp. Tháng 6/1919, tại Hội nghị của các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ nhất họp ở Versailles (Vécxây, Pháp), Tổng thống Mỹ Uynxơn (Woodrow Wilson) tuyên bố bảo đảm về quyền dân tộc tự quyết cho các nước thuộc địa. Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người An Nam yêu nước ở Pháp gửi tới Hội nghị bản *Yêu sách của nhân dân An Nam* (gồm tám điểm đòi quyền tự do cho nhân dân Việt Nam) ngày 18/6/1919. Những người Việt Nam tiêu biểu cho tinh thần yêu nước ở Pháp, gồm: Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh, Phan Văn Trường, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Ái Quốc. Những yêu sách đó dù không được Hội nghị đáp ứng, nhưng đã tạo nên tiếng vang lớn trong dư luận quốc tế và Nguyễn Ái Quốc càng hiểu rõ hơn bản chất của đế quốc, thực dân.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.1, tr.287.

Tháng 7/1920, Người đọc bản *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin đăng trên báo *L'Humanité* (*Nhân đạo*), số ra ngày 16 và 17/7/1920. Những luận điểm của V.I. Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Lý luận của V.I. Lênin và lập trường đúng đắn của Quốc tế Cộng sản về cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa là cơ sở để Nguyễn Ái Quốc xác định thái độ ủng hộ việc gia nhập Quốc tế Cộng sản tại Đại hội lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp (12/1920) họp ở thành phố Tua (Tours). Tại Đại hội này, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III (Quốc tế Cộng sản do V.I. Lênin thành lập).

Ngay sau đó, Nguyễn Ái Quốc cùng với những người vừa bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố thành lập *Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng sản* - tức là Đảng Cộng sản Pháp. Với sự kiện này, Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những người sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Trong

những năm 1919 - 1921, Bộ trưởng Bộ thuộc địa Pháp Anbe Xarô (Albert Sarraut) nhiều lần gặp Nguyễn Ái Quốc mua chuộc và đe dọa. Ngày 30/6/1923, Nguyễn Ái Quốc tới Liên Xô và làm việc tại Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva, tham gia nhiều hoạt động, đặc biệt là dự và đọc tham luận tại Đại hội V Quốc tế Cộng sản (17/6 - 8/7/1924), làm việc trực tiếp ở Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản.

Sau khi xác định được con đường cách mạng đúng đắn, Nguyễn Ái Quốc tiếp tục khảo sát, tìm hiểu để hoàn thiện nhận thức về đường lối cách mạng vô sản, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam.

- Chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng:

Về tư tưởng: Từ giữa năm 1921, tại Pháp, cùng một số nhà cách mạng của các nước thuộc địa khác, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo *Le Paria* (*Người cùng khổ*). Người viết nhiều bài trên các báo: *Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản,* Tập san *Thư tín quốc tế,...*

Năm 1922, Ban Nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp được thành lập, Nguyễn Ái Quốc được cử làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương. Vừa nghiên cứu lý luận, vừa tham gia hoạt động thực tiễn trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, dưới nhiều phương thức phong phú, Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo, lên án bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân

đối với nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng. Người chỉ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới. Đồng thời, Người tiến hành tuyên truyền tư tưởng về con đường cách mạng vô sản, con đường cách mạng theo lý luận Mác - Lênin, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa những người cộng sản và nhân dân lao động Pháp với các nước thuộc địa và phụ thuộc.

Trong tác phẩm *Đường cách mệnh* (năm 1927), Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam"[1]. Phải truyền bá tư tưởng vô sản, lý luận Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam.

Về chính trị: Xuất phát từ thực tiễn cách mạng thế giới và đặc điểm của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, kế thừa và phát triển quan điểm của V.I. Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về cách mạng giải phóng dân tộc. Người khẳng định: con đường cách

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.289.

mạng của các dân tộc bị áp bức là *giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc*; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản. Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải hướng tới giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền và lợi ích cho nhân dân.

Nguyễn Ái Quốc xác định, cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa với cách mạng vô sản ở "chính quốc" có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau, nhưng cách mạng giải phóng dân tộc ở nước thuộc địa không phụ thuộc vào cách mạng vô sản ở "chính quốc" mà có thể thành công trước cách mạng vô sản ở "chính quốc", góp phần tích cực thúc đẩy cách mạng vô sản ở "chính quốc".

Đối với các dân tộc thuộc địa, Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: ở nước nông nghiệp lạc hậu, nông dân là lực lượng đông đảo nhất, bị đế quốc, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề, vì vậy phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, phải xây dựng khối liên minh công - nông làm động lực cách mạng: "công nông là gốc cách mệnh; còn học trò, nhà buôn nhỏ, điền chủ nhỏ... là bầu bạn cách mệnh của công nông"[1]. Do vậy, Người xác định rằng, cách mạng "là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người"[2].

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.288, 283.

Về vấn đề Đảng Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc khẳng định: "Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"[1].

Phong trào "Vô sản hóa" do Kỳ bộ Bắc Kỳ Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên phát động từ ngày 29/9/1928 đã góp phần truyền bá tư tưởng vô sản, rèn luyện cán bộ và xây dựng, phát triển tổ chức của công nhân.

Về tổ chức: Sau khi lựa chọn con đường cứu nước - con đường cách mạng vô sản - cho dân tộc Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc khẳng định phải "đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập"[2]. Vì vậy, sau một thời gian hoạt động ở Liên Xô để tìm hiểu, khảo sát thực tế về cách mạng vô sản, tháng 11/1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc), nơi có đông người Việt Nam yêu nước hoạt động, để xúc tiến các công việc tổ chức thành lập Đảng Cộng sản. Tháng 2/1925, Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã, lập ra nhóm Cộng sản đoàn.

Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc),

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.289.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.1, tr.209.

nòng cốt là Cộng sản đoàn. Hội đã công bố chương trình, điều lệ của Hội, mục đích: để làm cách mệnh dân tộc (đập tan bọn Pháp và giành độc lập cho xứ sở) rồi sau đó làm cách mạng thế giới (lật đổ chủ nghĩa đế quốc và thực hiện chủ nghĩa cộng sản). Hệ thống tổ chức của Hội gồm 5 cấp: trung ương bộ, kỳ bộ, tỉnh bộ hay thành bộ, huyện bộ và chi bộ. Tổng bộ là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội. Trụ sở đặt tại Quảng Châu.

Hội đã xuất bản tờ báo *Thanh niên* (do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo), tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và phương hướng phát triển của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam. Báo in bằng tiếng Việt và ra hằng tuần, mỗi số in khoảng 100 bản. Ngày 21/6/1925 ra số đầu tiên, đến tháng 4/1927, báo ra được 88 số. Sau khi Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu (4/1927) đi Liên Xô, những đồng chí khác trong Tổng bộ vẫn tiếp tục việc xuất bản và hoạt động cho đến tháng 2/1930 với 202 số (từ số 89 trở đi, trụ sở báo chuyển về Thượng Hải). Một số lượng lớn báo *Thanh niên* được bí mật đưa về nước và tới các trung tâm phong trào yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài. Báo *Thanh niên* đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt Nam.

Sau khi thành lập, Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách, phái người về nước vận động, lựa chọn và đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị. Từ giữa năm 1925 đến tháng 4/1927, Hội đã tổ chức được trên 10 lớp huấn luyện tại nhà số 13A và 13B đường Văn Minh, Quảng Châu. Sau khi được đào tạo, các hội viên được cử về nước xây dựng và phát triển phong trào cách mạng theo khuynh hướng vô sản. Trong số học viên được đào tạo ở Quảng Châu, có nhiều đồng chí được cử đi học trường Đại học Phương Đông (Liên Xô) và trường Quân sự Hoàng Phố (Trung Quốc).

Sau sự biến chính trị ở Quảng Châu (4/1927), Nguyễn Ái Quốc trở lại Mátxcơva và sau đó được Quốc tế Cộng sản cử đi công tác ở nhiều nước châu Âu. Năm 1928, Người trở về châu Á và hoạt động ở Xiêm (tức Thái Lan).

Các bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp đào tạo, bồi dưỡng cho những người Việt Nam yêu nước tại Quảng Châu, được Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông xuất bản thành cuốn *Đường cách mệnh*. Đây là cuốn sách chính trị đầu tiên của cách mạng Việt Nam, trong đó tầm quan trọng của lý luận cách mạng được đặt ở vị trí hàng đầu đối với cuộc vận động cách mạng và đối với đảng cách mạng tiên phong. *Đường cách mệnh* xác định rõ con đường, mục tiêu, lực lượng và phương pháp đấu tranh của cách mạng. Tác phẩm thể hiện tư tưởng nổi bật của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc dựa trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào đặc điểm của Việt Nam. Những điều kiện về tư tưởng, lý luận chính trị và tổ chức để thành lập Đảng đã được thể hiện rõ trong tác phẩm.

Ở trong nước, từ đầu năm 1926, Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở, đến năm 1927, các kỳ bộ được thành lập. Hội còn chú trọng xây dựng cơ sở trong Việt kiều ở Xiêm (Thái Lan). Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên chưa phải là chính đảng cộng sản, nhưng chương trình hành động đã thể hiện quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, là tổ chức tiền thân dẫn tới sự ra đời của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam. Hội là tổ chức trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam và cũng là sự chuẩn bị quan trọng về tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Những hoạt động của Hội có ảnh hưởng và thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928 - 1929 theo xu hướng cách mạng vô sản. Đó là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

a) Các tổ chức cộng sản ra đời

Với sự nỗ lực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc và những hoạt động tích cực của các cấp bộ trong tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trên cả nước đã có tác dụng thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công

nhân. Những cuộc đấu tranh của thợ thuyền khắp ba kỳ với nhịp độ, quy mô ngày càng lớn, nội dung chính trị ngày càng sâu sắc. Số lượng các cuộc đấu tranh của công nhân trong hai năm 1928 - 1929 tăng gấp 2,5 lần so với hai năm 1926 - 1927.

Đến năm 1929, trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam, tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên không còn thích hợp và đủ sức lãnh đạo phong trào. Trước tình hình đó, tháng 3/1929, những người lãnh đạo Kỳ bộ Bắc Kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Nguyễn Đức Cảnh, Trịnh Đình Cửu...) họp tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, quyết định lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam. Ngày 17/6/1929, đại biểu của các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ họp tại số nhà 312, phố Khâm Thiên (Hà Nội), quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng, thông qua Tuyên ngôn, Điều lệ; lấy cờ đỏ búa liềm là Đảng kỳ và quyết định xuất bản báo *Búa liềm* làm cơ quan ngôn luận.

Trước ảnh hưởng của Đông Dương Cộng sản Đảng, những thanh niên yêu nước ở Nam Kỳ theo xu hướng cộng sản lần lượt tổ chức những chi bộ cộng sản. Tháng 11/1929, trên cơ sở các chi bộ cộng sản ở Nam Kỳ, An Nam Cộng sản Đảng được thành lập tại Khánh Hội, Sài Gòn, công bố Điều lệ, quyết định xuất bản Tạp chí *Bônsơvích.*

Tại Trung Kỳ, Tân Việt Cách mạng Đảng (là một tổ chức thanh niên yêu nước có cả Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai...) chịu tác động mạnh mẽ của Hội Việt Nam

Cách mạng Thanh niên - đã đi theo khuynh hướng cách mạng vô sản. Tháng 9/1929, những người tiên tiến trong Tân Việt Cách mạng Đảng họp, ra Tuyên đạt khẳng định: "những người giác ngộ cộng sản chân chính trong Tân Việt Cách mệnh Đảng trịnh trọng tuyên ngôn cùng toàn thể đảng viên Tân Việt Cách mệnh Đảng, toàn thể thợ thuyền dân cày và lao khổ biết rằng chúng tôi đã chánh thức lập ra *Đông Dương Cộng sản Liên đoàn*... Muốn làm được tròn nhiệm vụ thì trước mắt của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn là một mặt phải xây dựng cơ sở chi bộ của Liên đoàn tức là thực hành cải tổ Tân Việt Cách mệnh Đảng thành đoàn thể cách mạng chân chính..."[1].

Sự ra đời ba tổ chức cộng sản trên cả nước diễn ra nửa cuối năm 1929 đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam. Tuy nhiên, sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở ba miền đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản, kêu gọi Quốc tế Cộng sản thừa nhận tổ chức của mình và đều tự nhận là đảng cách mạng chân chính, không tránh khỏi phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất về tổ chức trên cả nước.

Sự chuyển biến mạnh mẽ các phong trào đấu tranh của các tầng lớp nhân dân ngày càng lên cao, nhu cầu thành lập một chính đảng cách mạng có đủ khả năng tập

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.1, tr.404.

hợp lực lượng toàn dân tộc và đảm nhiệm vai trò lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc ngày càng trở nên bức thiết đối với cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ.

b) Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, ngày 23/12/1929, Nguyễn Ái Quốc đến Hồng Kông (Trung Quốc) triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng đến họp tại Cửu Long (Hồng Kông) để tiến hành hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam.

Hội nghị diễn ra từ ngày 6/1 đến ngày 7/2/1930[1]. Trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản*, ngày 18/2/1930, Nguyễn Ái Quốc viết: "Chúng tôi họp vào ngày mồng 6/1. Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, tôi nói cho họ biết những sai lầm và họ phải làm gì. Họ đồng ý thống nhất vào một đảng. Chúng tôi cùng nhau xác định cương lĩnh và chiến lược theo đường lối của Quốc tế Cộng sản... Các đại biểu trở về An Nam ngày 8/2"[2].

1. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (tháng 9/1960) quyết nghị lấy ngày 3 tháng 2 dương lịch hằng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.19-20.

Thành phần dự Hội nghị gồm: 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng (Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh), 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (Châu Văn Liêm và Nguyễn Thiệu), dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - đại biểu của Quốc tế Cộng sản.

Chương trình nghị sự của Hội nghị:

1. Đại biểu của Quốc tế Cộng sản nói lý do cuộc hội nghị;

2. Thảo luận ý kiến của đại biểu Quốc tế Cộng sản về: a) Việc hợp nhất tất cả các nhóm cộng sản thành một tổ chức chung, tổ chức này sẽ là một Đảng Cộng sản chân chính; b) Kế hoạch thành lập tổ chức đó.

Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc nêu ra năm điểm lớn cần thảo luận và thống nhất:

"1. Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành thật hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương;

2. Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam;

3. Thảo Chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng;

4. Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước;

5. Cử một Ban Trung ương lâm thời..."[1].

Hội nghị thảo luận, tán thành ý kiến chỉ đạo của Nguyễn Ái Quốc, thông qua các văn kiện quan trọng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo: *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.2.

tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị xác định rõ tôn chỉ mục đích của Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức ra để lãnh đạo quần chúng lao khổ làm giai cấp tranh đấu để tiêu trừ tư bản đế quốc chủ nghĩa, làm cho thực hiện xã hội cộng sản"[1]. Quy định điều kiện vào Đảng: là những người "tin theo chủ nghĩa cộng sản, chương trình đảng và Quốc tế Cộng sản, hăng hái tranh đấu và dám hy sinh phục tùng mệnh lệnh Đảng và đóng kinh phí, chịu phấn đấu trong một bộ phận đảng"[2].

Hội nghị chủ trương: các đại biểu về nước phải tổ chức một Trung ương lâm thời để lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Hệ thống tổ chức Đảng từ chi bộ, huyện bộ, thị bộ hay khu bộ, tỉnh bộ, thành bộ hoặc đặc biệt bộ và Trung ương.

Ngoài ra, Hội nghị còn quyết định chủ trương xây dựng các tổ chức công hội, nông hội, cứu tế, tổ chức phản đế và xuất bản một tạp chí lý luận và ba tờ báo tuyên truyền của Đảng.

Đến ngày 24/2/1930, việc thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất được hoàn thành với Quyết nghị của Lâm thời chấp ủy Đảng Cộng sản Việt Nam, chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.7, 8.

Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam dưới sự chủ trì của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc có giá trị như một Đại hội Đảng. Sau Hội nghị, Nguyễn Ái Quốc ra *Lời kêu gọi* nhân dịp thành lập Đảng. Mở đầu *Lời kêu gọi*, Người viết: "Nhận chỉ thị của Quốc tế Cộng sản giải quyết vấn đề cách mạng nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ"[1].

c) Nội dung bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Trong các văn kiện do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng, có hai văn kiện, đó là: *Chánh cương vắn tắt của Đảng* và *Sách lược vắn tắt của Đảng* đã phản ánh về đường hướng phát triển và những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam. Hai văn kiện trên là Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt Nam: Từ việc phân tích thực trạng và mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam - một xã hội thuộc địa nửa phong kiến, mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam trong đó có công nhân, nông dân với đế quốc ngày càng gay gắt cần phải giải quyết, đi đến xác định đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam "chủ trương làm tư sản dân quyền c.m và thổ địa c.m để đi tới xã hội cộng sản"[2]. Như vậy, mục tiêu chiến lược được nêu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.20.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.2.

ra trong Cương lĩnh đầu tiên của Đảng đã làm rõ nội dung của cách mạng thuộc địa nằm trong phạm trù của cách mạng vô sản.

Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng Việt Nam được xác định là: "Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập"[1]. Cương lĩnh đã xác định: Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.

Về phương diện xã hội, Cương lĩnh xác định rõ: "a) Dân chúng được tự do tổ chức; b) Nam nữ bình quyền, v.v.; c) Phổ thông giáo dục theo công nông hoá"[2]. Về phương diện kinh tế, Cương lĩnh xác định: Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; thâu hết sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật ngày làm tám giờ... Những nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam về phương diện xã hội và phương diện kinh tế nêu trên vừa phản ánh đúng tình hình kinh tế, xã hội cần được giải quyết ở Việt Nam, vừa thể hiện tính cách mạng, toàn diện,

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.2.

triệt để là xóa bỏ tận gốc ách thống trị, bóc lột hà khắc của ngoại bang, nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, đặc biệt là giải phóng cho hai giai cấp công nhân và nông dân.

Xác định lực lượng cách mạng: phải đoàn kết công nhân, nông dân - đây là lực lượng cơ bản, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo; đồng thời chủ trương đoàn kết tất cả các giai cấp, các lực lượng tiến bộ, yêu nước để tập trung chống đế quốc và tay sai. Do vậy, Đảng "phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình... phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày,... hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông... để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Còn đối với bọn phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản c.m thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập"[1]. Đây là cơ sở của tư tưởng chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng khối đại đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân yêu nước và các tổ chức yêu nước, cách mạng, trên cơ sở đánh giá đúng đắn thái độ các giai cấp phù hợp với đặc điểm xã hội Việt Nam.

Về phương pháp tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc, Cương lĩnh khẳng định phải bằng con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thỏa hiệp, "không khi nào nhượng một

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.2, tr.4.

chút lợi ích gì của công nông mà đi vào đường thỏa hiệp"[1]. Có sách lược đấu tranh cách mạng thích hợp để lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản, nhưng kiên quyết: "bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (Đảng Lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ"[2].

Xác định tinh thần đoàn kết quốc tế, Cương lĩnh chỉ rõ: trong khi thực hiện nhiệm vụ giải phóng dân tộc, đồng thời tranh thủ sự đoàn kết, ủng hộ của các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp. Cương lĩnh nêu rõ cách mạng Việt Nam liên lạc mật thiết và là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới: "trong khi tuyên truyền cái khẩu hiệu *nước An Nam độc lập*, phải đồng tuyên truyền và thực hành liên lạc với bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới"[3]. Như vậy, ngay từ khi thành lập, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu cao chủ nghĩa quốc tế và mang bản chất quốc tế của giai cấp công nhân.

Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng: "Đảng là đội tiên phong của vô sản giai cấp phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng"[4]. "Đảng là đội tiên phong của đạo quân vô sản gồm một số lớn của giai cấp công nhân và làm cho họ có đủ năng lực lãnh đạo quần chúng"[5].

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.3.

4, 5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.2, tr.4, 6.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh một cách súc tích các luận điểm cơ bản của cách mạng Việt Nam; thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là việc đánh giá đúng đắn, sát thực thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Từ đó, các văn kiện đã xác định đường lối chiến lược và sách lược của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp cách mạng, nhiệm vụ cách mạng và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra.

Như vậy, trước yêu cầu của lịch sử, cách mạng Việt Nam cần phải thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước, chấm dứt sự chia rẽ bất lợi cho cách mạng, với uy tín chính trị và phương thức hợp nhất phù hợp, Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời triệu tập và chủ trì hợp nhất các tổ chức cộng sản. Những văn kiện được thông qua trong Hội nghị hợp nhất dù "vắt tắt", nhưng đã phản ánh những vấn đề cơ bản trước mắt và lâu dài cho cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam sang một trang sử mới.

4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, đưa cách mạng

Việt Nam sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại: cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản thế giới. Đó là kết quả của sự vận động phát triển và thống nhất của phong trào cách mạng trong cả nước, sự chuẩn bị tích cực, sáng tạo, bản lĩnh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sự đoàn kết, nhất trí của những chiến sĩ cách mạng tiên phong vì lợi ích của giai cấp và dân tộc.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó cũng là kết quả của sự phát triển cao và thống nhất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác - Lênin. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng*, "Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng"[1].

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời cùng với Cương lĩnh chính trị đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định lần đầu tiên cách mạng Việt Nam có một bản cương lĩnh chính trị phản ánh được quy

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.406.

luật khách quan của xã hội Việt Nam, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đường lối đó là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách đúng đắn, sáng tạo và có phát triển trong điều kiện lịch sử mới.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã khẳng định sự lựa chọn con đường để giải phóng dân tộc Việt Nam là con đường cách mạng vô sản. Đây là con đường duy nhất đúng đắn giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản phù hợp với nội dung và xu thế của thời đại mới được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại: "Đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thực sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng ta"[1].

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, trở thành

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.51, tr.13-14.

nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

II- LÃNH ĐẠO QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

1. Phong trào cách mạng 1930 - 1931 và khôi phục phong trào 1932 - 1935

a) Phong trào cách mạng năm 1930 - 1931 và Luận cương chính trị tháng 10/1930

Trong thời gian 1929 - 1933, khi Liên Xô đang đạt được những thành quả quan trọng trong công cuộc xây dựng đất nước, thì ở các nước tư bản chủ nghĩa diễn ra một cuộc khủng hoảng kinh tế trên quy mô lớn, để lại những hậu quả nặng nề, làm cho những mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản phát triển gay gắt. Phong trào cách mạng thế giới dâng cao.

Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 ảnh hưởng lớn đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc, đồng thời tiến hành một chiến dịch khủng bố trắng nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2/1930). Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai càng trở nên gay gắt.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hệ thống tổ chức thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam đã "lãnh đạo ngay cuộc đấu tranh kịch liệt chống thực dân Pháp"[1].

Từ tháng 1 đến tháng 4/1930, bãi công của công nhân nổ ra liên tiếp ở nhà máy ximăng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm và nhà máy cưa Bến Thủy... Phong trào đấu tranh của nông dân cũng diễn ra ở nhiều địa phương như Hà Nam, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh... Truyền đơn, cờ đỏ búa liềm xuất hiện trên các đường phố Hà Nội và nhiều địa phương.

Từ tháng 5/1930, phong trào phát triển thành cao trào. Ngày 1/5/1930, nhân dân Việt Nam kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động với những hình thức đấu tranh phong phú. Riêng trong tháng 5/1930 đã nổ ra 16 cuộc bãi công của công nhân, 34 cuộc biểu tình của nông dân và 4 cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân thành thị. Từ tháng 6 đến tháng 8/1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh, nổi bật nhất là cuộc tổng bãi công của công nhân khu công nghiệp Bến Thủy - Vinh (8/1930), đánh dấu "một thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến"[2].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.20.

2. Báo *Người lao khổ* - cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Trung Kỳ, số 13, ngày 18/9/1930.

Ở vùng nông thôn hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh nổ ra nhiều cuộc biểu tình lớn của nông dân. Tháng 9/1930, phong trào cách mạng phát triển đến đỉnh cao với những hình thức đấu tranh ngày càng quyết liệt. Cuộc biểu tình của nông dân Hưng Nguyên, ngày 12/9/1930 bị đàn áp dữ dội, máy bay Pháp ném bom giết chết 171 người. Như lửa đổ thêm dầu, phong trào cách mạng bùng lên mạnh mẽ.

Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều nơi tan rã. Các tổ chức đảng lãnh đạo ban chấp hành nông hội ở thôn, xã đứng ra quản lý mọi mặt đời sống xã hội ở nông thôn, thực hiện chuyên chính với kẻ thù, dân chủ với quần chúng nhân dân, làm chức năng, nhiệm vụ một chính quyền cách mạng dưới hình thức các ủy ban tự quản theo kiểu Xôviết.

Tháng 9/1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng gửi thông tri cho Xứ ủy Trung Kỳ vạch rõ chủ trương bạo động riêng lẻ trong một số địa phương lúc đó là quá sớm vì chưa đủ điều kiện. Trách nhiệm của Đảng là phải tổ chức quần chúng chống khủng bố, giữ vững lực lượng cách mạng, "duy trì kiên cố ảnh hưởng của Đảng, của Xôviết trong quần chúng để đến khi thất bại thì ý nghĩa Xôviết ăn sâu vào trong óc quần chúng và lực lượng của Đảng và nông hội vẫn duy trì"[1].

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.83.

Chính quyền Xôviết ra đời và là đỉnh cao của phong trào cách mạng. Từ cuối năm 1930, thực dân Pháp tập trung mọi lực lượng đàn áp khốc liệt, kết hợp thủ đoạn bạo lực với những thủ đoạn chính trị như cưỡng bức dân cày ra đầu thú, tổ chức rước cờ vàng, nhận thẻ quy thuận... Đầu năm 1931, hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đày. Tháng 4/1931, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bắt, không còn lại một ủy viên nào[1]. "Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết"[2].

Mặc dù bị tổn thất nặng nề, nhưng phong trào cách mạng 1930 - 1931 có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, đã "khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng ta; ở chỗ nó đem lại cho nông dân niềm tin vững chắc vào giai cấp vô sản, đồng thời đem lại cho đông đảo quần chúng công nông lòng tự tin ở sức lực cách mạng vĩ đại của mình..."[3].

Phong trào cách mạng đã rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước. Đặc biệt, "Xôviết Nghệ

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.6, tr.332.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.20.

3. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr.38-39.

An bị thất bại, nhưng đã có ảnh hưởng lớn. Tinh thần anh dũng của nó luôn luôn nồng nàn trong tâm hồn quần chúng, và nó đã mở đường cho thắng lợi về sau"[1].

Cao trào cũng để lại cho Đảng những kinh nghiệm quý báu "về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân với phong trào đấu tranh của nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào cách mạng ở thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang v.v."[2].

b) Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương, tháng 10/1930

Từ ngày 14 đến ngày 31/10/1930, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng tức Hồng Kông (Trung Quốc), quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng. Hội nghị thông qua *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* gồm các nội dung chính[3]:

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.20.

2. Trường Chinh: *Đời đời nhớ ơn Các Mác và đi theo con đường Các Mác đã vạch ra*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1968, tr.52.

3. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.88-103.

- Xác định mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là "một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ; một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bổn và đế quốc chủ nghĩa".

- Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc "*cách mạng tư sản dân quyền*", "*có tánh chất thổ địa và phản đế*". Sau đó sẽ tiếp tục "*phát triển, bỏ qua thời kỳ tư bổn mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa*".

- Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải "*tranh đấu để đánh đổ các di tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tư bổn và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để*" và "*đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập*". Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau: "*... có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi; mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa*". Luận cương nhấn mạnh: "*Vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền*", là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

Giai cấp vô sản và nông dân là hai động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh.

- Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương khẳng định: "điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở

Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường chánh trị đúng, có kỷ luật, tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành".

- Về phương pháp cách mạng, Luận cương nêu rõ phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường "võ trang bạo động". Đến lúc có tình thế cách mạng, "Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chánh phủ của địch nhân và giành lấy chánh quyền cho công nông". Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, "phải theo khuôn phép nhà binh".

Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Luận cương chính trị tháng 10/1930 đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng, về cơ bản thống nhất với nội dung của Chính cương, sách lược vắn tắt của Hội nghị thành lập Đảng tháng 2/1930. Tuy nhiên, Luận cương đã không nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa, không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà nặng về đấu tranh giai cấp và cách mạng ruộng đất; không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai. Nguyên nhân của những hạn

chế đó là do nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh, nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản và một số đảng cộng sản trong thời gian đó. Những hạn chế của Đảng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc, giữa hai nhiệm vụ giải phóng dân tộc và cách mạng ruộng đất, cũng như trong việc tập hợp lực lượng cách mạng còn tiếp tục kéo dài trong nhiều năm sau.

Sau Hội nghị Trung ương tháng 10/1930, Đảng đã có chủ trương mới. Ngày 18/11/1930, Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị *Về vấn đề thành lập "Hội Phản đế đồng minh"*, là tổ chức mặt trận đầu tiên để tập hợp, đoàn kết các giai cấp, tầng lớp dân tộc, khẳng định vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

c) Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội Đảng lần thứ I (tháng 3/1935)

Do bị tổn thất nặng nề, cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn đấu tranh cực kỳ gian khổ. Tháng 1/1931, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Thông cáo *về việc đế quốc Pháp buộc dân cày ra đầu thú*, vạch rõ thủ đoạn của kẻ thù và đề ra các biện pháp hướng dẫn quần chúng đấu tranh. Hội nghị Trung ương (3/1931) quyết định nhiều vấn đề thúc đẩy đấu tranh. Năm 1931, các đồng chí Trung ương bị địch bắt. Đồng chí Trần Phú bị địch bắt ngày 18/4/1931 tại Sài Gòn.

Trong khi thực dân Pháp khủng bố ngày càng dữ dội, tư tưởng hoang mang, dao động xuất hiện trong quần chúng và cả một số đảng viên, nhưng chỉ là số ít, "đa số đồng chí hết sức trung thành, hiến thân cho Đảng đến giọt máu cuối cùng"[1]. Xứ ủy Trung Kỳ không nhận rõ điều đó, nên đã đề ra chủ trương "thanh trừ trí, phú, địa, hào, đào tận gốc trốc tận rễ". Tháng 5/1931, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị nghiêm khắc phê phán chủ trương sai lầm về thanh Đảng của Xứ ủy Trung Kỳ và vạch ra phương hướng xây dựng Đảng, "làm cho Đảng Bônsơvích hóa để cách mạng hóa quần chúng, qua đó mà duy trì cơ sở, phát triển phong trào cách mạng, đồng thời qua thử thách đấu tranh mà vận động phát triển Đảng"[2].

Ngày 11/4/1931, Quốc tế Cộng sản ra Nghị quyết công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là chi bộ độc lập. Đó là sự khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng.

Trong nhà tù đế quốc, các đảng viên của Đảng nêu cao khí tiết người cộng sản. Tổng Bí thư Trần Phú hy sinh ngày 6/9/1931 tại Nhà thương Chợ Quán (Sài Gòn), trước lúc hy sinh còn căn dặn các đồng chí của mình: "Hãy giữ vững chí khí chiến đấu!". Nằm trong xà lim án chém, Nguyễn Đức Cảnh vẫn viết tổng kết công tác vận động công nhân. Người thanh niên cộng sản Lý Tự Trọng trước

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sdd*, t.3, tr.157, 157-158.

lúc hy sinh, khảng khái nói: "Con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng". Những đảng viên cộng sản trong các nhà tù Hỏa Lò (Hà Nội), Khám Lớn (Sài Gòn), Vinh, Hải Phòng, Côn Đảo... bí mật thành lập nhiều chi bộ để lãnh đạo đấu tranh chống khủng bố, chống chế độ nhà tù hà khắc, đòi cải thiện sinh hoạt... Cuộc đấu tranh phản đối án tử hình Lý Tự Trọng nổ ra ở Khám Lớn (11/1931) gây náo động cả thành phố Sài Gòn. Anh chị em tù ở Hỏa Lò tuyệt thực phản đối vụ án tử hình Nguyễn Đức Cảnh. Cuộc đấu tranh chống chế độ nhà tù hà khắc ở Kon Tum diễn ra đẫm máu...

Nhiều chi bộ nhà tù tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng cho đảng viên về lý luận Mác - Lênin, đường lối chính trị của Đảng, kinh nghiệm vận động cách mạng; tổ chức học văn hóa, ngoại ngữ, v.v.. Nhiều tài liệu huấn luyện đảng viên được biên soạn ngay trong tù như: *Chủ nghĩa duy vật lịch sử, Gia đình và Tổ quốc, Lịch sử tóm tắt ba tổ chức quốc tế* (chủ yếu là Quốc tế Cộng sản), *Những vấn đề cơ bản của cách mạng Đông Dương*. Một số tác phẩm của chủ nghĩa Mác - Lênin như *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tư bản, Làm gì?, Bệnh ấu trĩ "tả" khuynh trong phong trào cộng sản, Hai sách lược của Đảng xã hội dân chủ*... được dịch tóm tắt ra tiếng Việt.

Các chi bộ đảng trong nhà tù còn ra báo bí mật để phục vụ việc học tập và đấu tranh tư tưởng. Ở nhà tù Hỏa Lò có các tờ báo *Đuốc đưa đường* và *Con đường chính*. Ở Côn Đảo có báo *Người tù đỏ* và tạp chí *Ý kiến chung*...

Ngày 6/6/1931, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh ở Hồng Kông bắt giam. Đầu năm 1934, sau khi ra tù, Người trở lại làm việc ở Quốc tế Cộng sản (Mátxcơva - Liên Xô).

Đầu năm 1932, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong cùng một số đồng chí công bố Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương và các chương trình hành động của Công hội, Nông hội, Thanh niên Cộng sản đoàn...

Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương (15/6/1932) vạch ra nhiệm vụ đấu tranh trước mắt để khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng, đặc biệt cần phải "gây dựng một đoàn thể bí mật, có kỷ luật nghiêm ngặt, cứng như sắt, vững như đồng, tức Đảng Cộng sản để hướng dạo quần chúng trên con đường giai cấp chiến đấu"[1].

Khi Đảng và phong trào cách mạng còn gặp nhiều khó khăn, tháng 3/1933, đồng chí Hà Huy Tập (Hồng Thế Công) đã viết tác phẩm *Sơ thảo lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương*, bước đầu tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng, khẳng định công lao và sáng kiến của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người sáng lập Đảng.

Từ ngày 2 đến ngày 9/5/1933, Tòa án Đại hình Sài Gòn mở phiên tòa xét xử 120 chiến sĩ cộng sản và đày ra

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.4, tr.14.

Côn Đảo, trong đó có các đồng chí Ngô Gia Tự, Nguyễn Chí Diểu, Lê Văn Lương, Phạm Hùng, Hà Huy Giáp, Bùi Lâm.

Đầu năm 1934, theo sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản, Ban Chỉ huy ở ngoài của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập để lãnh đạo, chỉ đạo phong trào trong nước như chức năng, trách nhiệm của Ban Chấp hành Trung ương.

Đến đầu năm 1935, hệ thống tổ chức của Đảng được phục hồi. Đó là cơ sở để tiến tới Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng.

Tháng 3/1935, Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc), đề ra ba nhiệm vụ trước mắt: 1) Củng cố và phát triển Đảng; 2) Đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng; 3) Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh, ủng hộ Liên Xô và ủng hộ cách mạng Trung Quốc... Đại hội thông qua Nghị quyết chính trị, Điều lệ Đảng và các nghị quyết về vận động quần chúng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương do đồng chí Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc được cử làm đại diện của Đảng bên cạnh Quốc tế Cộng sản. Đại hội lần thứ I của Đảng (3/1935) vẫn chưa đề ra một chủ trương chiến lược phù hợp với thực tiễn cách mạng Việt Nam, chưa đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và tập hợp lực lượng toàn dân tộc. Đại hội Đảng vẫn cho rằng: "Người ta không thể "làm cách mạng phản đế, sau đó mới làm cách mạng điền địa". Cách mạng sẽ chỉ

thắng lợi với điều kiện hai cuộc cách mạng ấy gắn bó chặt chẽ với nhau và cùng đi với nhau"[1]. "Chính sách Đại hội Ma Cao vạch ra không sát với phong trào cách mạng thế giới và trong nước lúc bấy giờ"[2].

Đại hội lần thứ I đánh dấu sự phục hồi hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng, tạo điều kiện để bước vào một cao trào cách mạng mới.

2. Phong trào dân chủ 1936 - 1939

a) Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng

Để giải quyết những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, giai cấp tư sản ở một số nước như Đức, Italia, Tây Ban Nha... chủ trương dùng bạo lực đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và chuẩn bị phát động chiến tranh thế giới để chia lại thị trường. Chủ nghĩa phátxít xuất hiện và tạm thời thắng thế ở một số nơi. Nguy cơ chủ nghĩa phátxít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Tháng 7/1935, Quốc tế Cộng sản họp Đại hội VII tại Mátxcơva (Liên Xô), xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phátxít. Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.5, tr.419.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.21.

động thế giới là chống chủ nghĩa phátxít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hòa bình. Để thực hiện nhiệm vụ đó, giai cấp công nhân các nước trên thế giới phải thống nhất hàng ngũ, lập mặt trận nhân dân rộng rãi. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản có các đồng chí: Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hoàng Văn Nõn[1]. Tổng Bí thư Lê Hồng Phong được bầu làm Ủy viên Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản.

Trong thời gian này, các đảng cộng sản ra sức phấn đấu lập mặt trận nhân dân chống chủ nghĩa phátxít. Đặc biệt, Mặt trận nhân dân Pháp thành lập từ tháng 5/1935 do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt đã giành được thắng lợi vang dội trong cuộc tổng tuyển cử năm 1936, dẫn đến sự ra đời của Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp. Chính phủ này ban bố nhiều quyền tự do, dân chủ, trong đó có những quyền được áp dụng ở thuộc địa, tạo không khí chính trị thuận lợi cho cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân các nước trong hệ thống thuộc địa Pháp. Nhiều tù chính trị cộng sản được trả tự do. Các đồng chí đã tham gia ngay vào công việc lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, góp phần rất quan trọng thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển.

1. Trong quá trình hoạt động, đồng chí còn có tên gọi hoặc bí danh là: Tú Hưu, Văn Tân, Hoàng Văn Nọn... (*B.T*).

Ở Việt Nam, mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ nhằm thoát khỏi tình trạng ngột ngạt do khủng hoảng kinh tế và chính sách khủng bố trắng do thực dân Pháp gây ra. Đảng Cộng sản Đông Dương đã phục hồi hệ thống tổ chức sau một thời gian đấu tranh cực kỳ gian khổ và tranh thủ cơ hội thuận lợi để xây dựng, phát triển tổ chức đảng và các tổ chức quần chúng rộng rãi.

Ngày 26/7/1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), do đồng chí Lê Hồng Phong chủ trì, có các đồng chí Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên dự, nhằm "sửa chữa những sai lầm" trước đó và "định lại chính sách mới" dựa theo những nghị quyết của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản[1]. Hội nghị xác định nhiệm vụ trước mắt là chống phátxít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình; "lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương *để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ*"[2]. Hội nghị chủ trương chuyển hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.21.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.6, tr.144.

công khai, nửa công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp, kết hợp với bí mật, bất hợp pháp. Đồng chí Hà Huy Tập là Tổng Bí thư của Đảng từ tháng 8/1936 đến tháng 3/1938.

Các Hội nghị lần thứ ba (3/1937) và lần thứ tư (9/1937) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn sâu hơn về công tác tổ chức của Đảng, quyết định chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 3/1938 nhấn mạnh: "lập Mặt trận dân chủ thống nhất là một nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại"[1].

Cùng với việc đề ra chủ trương cụ thể, trước mắt để lãnh đạo phong trào dân chủ 1936 - 1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản đế và điền địa. Chỉ thị của Ban Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương *Gửi các tổ chức của Đảng* (26/7/1936) chỉ rõ, "ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào giải phóng dân tộc"[2].

Trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* (10/1936), Đảng nêu quan điểm: "Cuộc dân tộc giải phóng

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.6, tr.349-350, 74.

không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng"[1]. "Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng"[2]. Với văn kiện này, Trung ương Đảng đã nêu cao tinh thần đấu tranh, thẳng thắn phê phán quan điểm chưa đúng và bước đầu khắc phục hạn chế trong *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* tháng 10/1930. Đó cũng là nhận thức mới, phù hợp với tinh thần trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng tại Hội nghị thành lập Đảng (2/1930) và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc.

b) Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc vận động dân chủ diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú.

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.6, tr.152.

Nắm cơ hội Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp quyết định trả tự do một số tù chính trị, thi hành một số cải cách xã hội cho lao động ở các thuộc địa Pháp và cử một ủy ban điều tra thuộc địa đến Đông Dương, Đảng phát động phong trào đấu tranh công khai của quần chúng, mở đầu bằng cuộc vận động lập "Ủy ban trù bị Đông Dương đại hội" nhằm thu thập nguyện vọng quần chúng, tiến tới triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương. Hưởng ứng chủ trương của Đảng, quần chúng sôi nổi tổ chức các cuộc míttinh, hội họp để tập hợp "dân nguyện". Trong một thời gian ngắn, ở khắp các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, từ thành thị đến nông thôn đã lập ra các "ủy ban hành động" để tập hợp quần chúng. Riêng ở Nam Kỳ có 600 "ủy ban hành động".

Đầu năm 1937, nhân dịp phái viên của Chính phủ Pháp là Gôđa (Godart) đi kinh lý Đông Dương và Brêviê (Brévié) sang nhận chức toàn quyền Đông Dương, Đảng vận động hai cuộc biểu dương lực lượng quần chúng dưới danh nghĩa "đón rước", míttinh, biểu tình, đưa đơn "dân nguyện".

Ngày 5/5/1937, Tổng Bí thư Hà Huy Tập xuất bản cuốn *Tờrốtxky và phản cách mạng*, phê phán những luận điệu "tả" khuynh của các phần tử tờrốtxkít ở Việt Nam như Tạ Thu Thâu, Hồ Hữu Tường,... góp phần xây dựng Đảng về tư tưởng, chính trị và tổ chức.

Các báo chí tiếng Việt và tiếng Pháp của Đảng, Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra đời. Nhiều sách chính trị phổ thông được xuất bản để giới thiệu chủ nghĩa Mác - Lênin và chính sách mới của Đảng. Cuốn *Vấn đề dân cày* (1938) của Qua Ninh (Trường Chinh) và Vân Đình (Võ Nguyên Giáp) tố cáo tội ác của đế quốc và phong kiến đối với nông dân và làm rõ vai trò quan trọng của nông dân trong cách mạng. Cuốn *Chủ nghĩa mácxít phổ thông* của Hải Triều được in và phát hành năm 1938. Ngoài ra còn một số cuốn sách giới thiệu về Liên Xô, cách mạng Trung Quốc, Mặt trận nhân dân Pháp và Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha. Theo sáng kiến của Đảng, *Hội truyền bá quốc ngữ* ra đời. Từ cuối năm 1937, phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh.

Hội nghị Trung ương Đảng (29 - 30/3/1938) quyết định lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp rộng rãi lực lượng, phát triển phong trào. Hội nghị bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư của Đảng.

Các hình thức tổ chức quần chúng phát triển rộng rãi, bao gồm các hội tương tế, hội ái hữu. Trong những năm 1937 - 1938, Mặt trận Dân chủ còn tổ chức các cuộc vận động tranh cử vào các Viện dân biểu Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương.

Năm 1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ xuất bản cuốn sách *Tự chỉ trích*, thẳng thắn chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm, nêu rõ những bài học cần thiết trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Đó là tác phẩm có ý nghĩa lý luận, thực tiễn về xây dựng Đảng, tự phê bình và phê

bình để nâng cao năng lực lãnh đạo và bản chất cách mạng của Đảng.

Tháng 10/1938, Nguyễn Ái Quốc rời Mátxcơva (Liên Xô) trở lại Trung Quốc. Năm 1939, từ Trung Quốc, Người đã gửi nhiều thư cho Trung ương Đảng ở trong nước, truyền đạt quan điểm của Quốc tế Cộng sản và góp nhiều ý kiến quan trọng về sự lãnh đạo của Đảng.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9/1939), thực dân Pháp đàn áp cách mạng, Đảng rút vào hoạt động bí mật. Cuộc vận động dân chủ kết thúc. Đó thực sự là một phong trào cách mạng sôi nổi, có tính quần chúng rộng rãi, nhằm thực hiện mục tiêu trước mắt là chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình. Đảng nhận thức đầy đủ rằng, "những yêu sách đó tự nó không phải là mục đích cuối cùng", "bằng cải cách không thể nào thay đổi một cách căn bản trật tự xã hội cũ"[1]. Song, muốn đi đến mục đích cuối cùng, cách mạng phải vượt qua nhiều chặng đường quanh co, từ thấp đến cao, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn.

Qua cuộc vận động dân chủ, đội quân chính trị quần chúng gồm hàng triệu người được tập hợp, giác ngộ và rèn luyện. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng. Tổ chức Đảng được củng cố và phát triển. Đến tháng 4/1938,

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới, Sđd*, tr.38.

Đảng có 1.597 đảng viên hoạt động bí mật và hơn 200 đảng viên hoạt động công khai. Số hội viên trong các tổ chức quần chúng công nhân, nông dân, phụ nữ, học sinh, cứu tế là 35.009 người[1].

Qua lãnh đạo phong trào giai đoạn 1936 - 1939, Đảng tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm mới, đó là kinh nghiệm về chỉ đạo chiến lược: giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước mắt; về xây dựng một mặt trận thống nhất rộng rãi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù nguy hiểm nhất; về kết hợp các hình thức tổ chức bí mật và công khai để tập hợp quần chúng và các hình thức, phương pháp đấu tranh: tổ chức Đông Dương đại hội, đấu tranh nghị trường, trên mặt trận báo chí, đòi các quyền dân sinh, dân chủ, bãi công lớn của công nhân vùng mỏ (12/11/1936), kỷ niệm Ngày Quốc tế lao động 1/5. Thực tiễn phong trào chỉ ra rằng: "Việc gì đúng với nguyện vọng nhân dân thì được quần chúng nhân dân ủng hộ và hăng hái đấu tranh, và như vậy mới thật là một phong trào quần chúng"[2]. Cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 đã làm cho trận địa và lực lượng cách mạng được mở rộng ở cả nông thôn và thành thị, thực sự là một bước chuẩn bị cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám sau này.

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.6, tr.375.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.21.

3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945

a) Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng

Tháng 9/1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ Đalađiê (Daladier) thi hành một loạt biện pháp đàn áp lực lượng dân chủ ở trong nước và phong trào cách mạng ở thuộc địa. Tháng 6/1940, Đức tấn công Pháp, Chính phủ của Thủ tướng Pêtanh (Pétain) đầu hàng Đức. Sau khi chiếm một loạt nước châu Âu, tháng 6/1941, Đức tiến công Liên Xô.

Ở Đông Dương, bộ máy đàn áp được tăng cường, lệnh thiết quân luật được ban bố. Ngày 28/9/1939, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người... Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến, phátxít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng; thực hiện chính sách tăng cường vơ vét sức người, sức của để phục vụ cuộc chiến tranh đế quốc. Tháng 9/1940, quân phiệt Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương. Nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh "một cổ hai tròng" Pháp - Nhật.

Từ giữa năm 1941, tình hình trong nước và thế giới có nhiều biến chuyển. Tháng 12/1941, chiến tranh Thái

Bình Dương bùng nổ. Quân phiệt Nhật lần lượt đánh chiếm nhiều thuộc địa của Mỹ và Anh ở trên biển và trong đất liền.

Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai mới bùng nổ, Đảng kịp thời rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, đồng thời vẫn chú trọng các đô thị. Ngày 29/9/1939, Trung ương Đảng gửi toàn Đảng một thông báo quan trọng chỉ rõ: "Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng"[1].

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (11/1939) tại Bà Điểm (Hóc Môn, Gia Định) phân tích tình hình và chỉ rõ: "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm, vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập"[2]. Hội nghị nhấn mạnh: "chiến lược cách mệnh tư sản dân quyền bây giờ cũng phải thay đổi ít nhiều cho hợp với tình thế mới"[3]. "Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mệnh, cả vấn đề điền địa cũng phải nhằm vào cái mục đích ấy mà giải quyết"[4]. Khẩu hiệu "cách mạng ruộng đất" tạm gác lại và thay bằng các khẩu hiệu chống địa tô cao, chống cho vay lãi nặng, tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc chia

---

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.756, 536, 538, 539.

cho dân cày. Hội nghị chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, tập hợp tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai, giành lại độc lập hoàn toàn cho các dân tộc Đông Dương. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11/1939 đã đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử, đưa nhân dân bước vào thời kỳ trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

Ngày 17/1/1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bị địch bắt. Nhiều đồng chí Ủy viên Trung ương cũng sa vào tay giặc.

Tháng 11/1940, hơn một tháng sau khi Nhật vào Đông Dương, Hội nghị cán bộ Trung ương họp, lập lại Ban Chấp hành Trung ương và nhận định: "Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến, không thể cái làm trước cái làm sau"[1]. "Mặc dầu lúc này khẩu hiệu cách mạng phản đế - cách mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết dụng hơn song nếu không làm được cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công. Tình thế hiện tại không thay đổi gì tính chất cơ bản của cuộc cách mạng tư sản dân quyền Đông Dương"[2]. Trung ương Đảng vẫn chưa thật sự dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.7, tr.68, 74.

phóng dân tộc lên hàng đầu được đề ra tại Hội nghị tháng 11/1939.

Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, ngày 28/1/1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước và dừng chân ở Cao Bằng. Tháng 5/1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Hội nghị khẳng định: "Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc; lập *Mặt trận Việt Minh*, khẩu hiệu chính là: Đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập; hoãn cách mạng ruộng đất"[1]. Trung ương bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư. Hội nghị Trung ương nêu rõ những nội dung quan trọng:

Thứ nhất, hết sức nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và phátxít Nhật, bởi vì dưới hai tầng áp bức Nhật - Pháp, "quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng"[2].

Thứ hai, khẳng định dứt khoát chủ trương "phải thay đổi chiến lược" và giải thích: "Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.23.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.7, tr.112.

đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp "dân tộc giải phóng""[1]. Trung ương Đảng khẳng định: "Chưa chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền mà chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc"[2]. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu "đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày", thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức. Hội nghị chỉ rõ: "Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc"[3].

Thứ ba, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thi hành chính sách "dân tộc tự quyết". Sau khi đánh đuổi Pháp - Nhật, các dân tộc trên cõi Đông Dương sẽ "tổ chức thành liên bang cộng hòa dân chủ hay đứng riêng thành lập một quốc gia tùy ý". "Sự tự do độc lập của các dân tộc sẽ được thừa nhận và coi trọng"[4].

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.118, 119, 113.

Từ quan điểm đó, Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung.

Thứ tư, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, "không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc"[1]. Các tổ chức quần chúng trong Mặt trận Việt Minh đều mang tên "cứu quốc". Trong việc xây dựng các đoàn thể cứu quốc, "điều cốt yếu là không phải những hội viên phải hiểu chủ nghĩa cộng sản, mà điều cốt yếu hơn hết là họ có tinh thần cứu quốc và muốn tranh đấu cứu quốc"[2].

Thứ năm, chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo tinh thần tân dân chủ, một hình thức nhà nước "của chung cả toàn thể dân tộc"[3]. Hội nghị chỉ rõ, "không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xôviết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hợp và lập chính phủ dân chủ cộng hòa"[4].

Thứ sáu, Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân;

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.112, 125, 114, 127.

"phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù"[1]. Trong những hoàn cảnh nhất định thì "với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành sự thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn"[2]. Hội nghị còn xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị tháng 11/1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10/1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập, tự do.

b) Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

Ngày 27/9/1940, nhân việc quân Pháp ở Lạng Sơn bị Nhật tiến đánh phải rút chạy qua đường Bắc Sơn - Thái Nguyên, nhân dân Bắc Sơn dưới sự lãnh đạo của đảng bộ địa phương nổi dậy khởi nghĩa, chiếm đồn Mỏ Nhài, làm chủ châu lỵ Bắc Sơn. Đội du kích Bắc Sơn được thành lập. Khởi nghĩa Bắc Sơn là bước phát triển của đấu tranh vũ trang vì mục tiêu giành độc lập

Ở Nam Kỳ, phong trào cách mạng của quần chúng lan rộng ở nhiều nơi. Theo chủ trương của Xứ ủy Nam Kỳ, một kế hoạch khởi nghĩa vũ trang được gấp rút chuẩn bị. Tháng 11/1940, Hội nghị cán bộ Trung ương họp ở làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) quyết định duy trì và củng cố lực lượng vũ trang ở Bắc Sơn và đình chỉ chủ trương phát động khởi nghĩa ở Nam Kỳ. Tuy nhiên, chủ trương hoãn cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ chưa được triển khai thì cuộc khởi nghĩa đã nổ ra vào đêm 23/11/1940. Quân khởi nghĩa đánh chiếm nhiều đồn bốt và tiến công nhiều quận lỵ. Chính quyền cách mạng được thành lập ở một số địa phương và ban bố các quyền tự do dân chủ, mở các phiên tòa để xét xử phản cách mạng... Cuộc khởi nghĩa bị đế quốc Pháp đàn áp khốc liệt, làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề, phong trào cách mạng Nam Kỳ gặp khó khăn trong nhiều năm sau.

Ngày 13/1/1941, một cuộc binh biến nổ ra ở đồn Chợ Rạng (Đô Lương, Nghệ An) do Đội Cung chỉ huy, nhưng cũng bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng.

Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương là "những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.131, 131-132.

toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng võ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương"[1].

Sau Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (5/1941), lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc gửi thư (6/6/1941), kêu gọi đồng bào cả nước: "Trong lúc này *quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy.* Chúng ta phải đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi lửa nóng"[2].

Pháp - Nhật ngày càng tăng cường đàn áp cách mạng Việt Nam. Ngày 26/8/1941, thực dân Pháp xử bắn các đồng chí: Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai tại Hóc Môn, Gia Định. Đồng chí Lê Hồng Phong hy sinh trong nhà tù Côn Đảo (6/9/1942). Tháng 8/1942, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trên đường đi công tác ở Trung Quốc cũng bị quân Trung Hoa dân quốc bắt giữ hơn một năm (từ tháng 8/1942 đến tháng 9/1943). Trước quân thù tàn bạo, các chiến sĩ cộng sản đã nêu cao ý chí kiên cường bất khuất và giữ vững niềm tin vào thắng lợi tất yếu của cách mạng.

Ngày 25/10/1941, Việt Minh công bố Tuyên ngôn, nêu rõ: "Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) ra đời". Chương trình Việt Minh đáp ứng nguyện vọng cứu nước của mọi giới đồng bào, nên phong trào Việt Minh phát

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.7, tr.109.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.230.

triển rất mạnh, mặc dù bị kẻ thù khủng bố gắt gao. Việt Minh là mặt trận đại đoàn kết dân tộc Việt Nam, là nơi tập hợp, giác ngộ và rèn luyện lực lượng chính trị rộng lớn, một lực lượng cơ bản và có ý nghĩa quyết định trong tổng khởi nghĩa giành chính quyền sau này.

Đảng tích cực chăm lo xây dựng Đảng và củng cố tổ chức, mở nhiều lớp huấn luyện ngắn ngày, đào tạo cán bộ về chính trị, quân sự, binh vận. Nhiều cán bộ, đảng viên trong các nhà tù Sơn La, Chợ Chu, Buôn Ma Thuột... vượt ngục về địa phương tham gia lãnh đạo phong trào.

Tháng 2/1943, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp ở Võng La (Đông Anh, Phúc Yên, nay thuộc Hà Nội), đề ra những biện pháp cụ thể nhằm phát triển phong trào quần chúng rộng rãi và đều khắp nhằm chuẩn bị điều kiện cho cuộc khởi nghĩa có thể nổ ra ở những trung tâm đầu não của quân thù.

Đảng và Việt Minh cho xuất bản nhiều tờ báo: *Giải phóng, Cờ giải phóng, Chặt xiềng, Cứu quốc, Việt Nam độc lập, Bãi Sậy, Đuổi giặc nước, Tiền phong, Kèn gọi lính, Quân giải phóng, Kháng địch, Độc lập,* v.v.. Trong các nhà tù đế quốc, những chiến sĩ cách mạng cũng sử dụng báo chí làm vũ khí đấu tranh, ra các tờ báo *Suối reo* (Sơn La), *Bình Minh* (Hòa Bình), *Thông reo* (Chợ Chu), *Dòng sông Công* (Bá Vân)... Năm 1943, Đảng công bố bản Đề cương về văn hóa Việt Nam, xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng, chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng.

Cuối năm 1944, Hội Văn hóa cứu quốc Việt Nam ra đời, thu hút trí thức và các nhà hoạt động văn hóa vào mặt trận đấu tranh giành độc lập, tự do.

Đảng vận động và giúp đỡ một số sinh viên, trí thức yêu nước thành lập Đảng Dân chủ Việt Nam (6/1944). Đảng này tham gia Mặt trận Việt Minh và tích cực hoạt động, góp phần mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc.

Đảng cũng tăng cường công tác vận động binh lính người Việt và người Pháp. Từ Trung ương đến các địa phương đều có ban binh vận.

Cùng với việc đẩy mạnh xây dựng lực lượng chính trị, Đảng chú trọng chuẩn bị lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, đội du kích Bắc Sơn được duy trì và phát triển thành Cứu quốc quân. Sau 8 tháng hoạt động gian khổ, một bộ phận Cứu quốc quân vượt khỏi vòng vây của quân Pháp, rút lên biên giới phía Bắc, nhưng giữa đường đi bị phục kích và tổn thất nặng. Bộ phận Cứu quốc quân còn lại đã phân tán lực lượng hoạt động tại chỗ, phát triển cơ sở chính trị.

Cuối năm 1941, Nguyễn Ái Quốc quyết định thành lập một đội vũ trang ở Cao Bằng để thúc đẩy phát triển cơ sở chính trị và chuẩn bị xây dựng lực lượng vũ trang. Tháng 12/1941, Trung ương ra thông cáo *Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng*, chỉ rõ các đảng bộ địa phương cần phải vận động nhân dân đấu tranh chống địch bắt lính, bắt phu, chống cướp đoạt tài sản của nhân dân, đòi tăng lương, giảm giờ làm cho công nhân, củng cố và mở rộng các đội tự vệ cứu quốc, thành lập các tiểu tổ du kích để tiến lên thành lập đội du kích chính thức, mở rộng cơ sở quần chúng và lực lượng vũ trang ở các khu du kích... tiến lên phát động khởi nghĩa giành chính quyền khi có thời cơ.

Ở Bắc Sơn - Võ Nhai, Cứu quốc quân tiến hành tuyên truyền vũ trang, gây cơ sở chính trị, mở rộng khu căn cứ ra nhiều huyện thuộc các tỉnh Thái Nguyên, Tuyên Quang, Vĩnh Yên... Từ Cao Bằng, khu căn cứ được mở rộng sang các tỉnh Hà Giang, Bắc Kạn, Lạng Sơn. Các đoàn xung phong Nam tiến đẩy mạnh hoạt động, mở một hành lang chính trị nối liền hai khu căn cứ Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai (cuối năm 1943). Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị *Sửa soạn khởi nghĩa*. Không khí chuẩn bị cho khởi nghĩa sôi nổi trong khu căn cứ.

Tháng 10/1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc thông báo chủ trương của Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân. Bức thư nêu rõ: "Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!"[1].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.538.

Cuối năm 1944, ở Cao - Bắc - Lạng, cấp ủy địa phương gấp rút chuẩn bị phát động chiến tranh du kích trong phạm vi ba tỉnh. Lúc đó, lãnh tụ Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở lại Cao Bằng, kịp thời quyết định đình chỉ phát động chiến tranh du kích trên quy mô rộng lớn vì chưa đủ điều kiện. Tiếp đó, Người ra *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, xác định nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động và phương châm tác chiến của lực lượng vũ trang. Bản Chỉ thị này có giá trị như một cương lĩnh quân sự tóm tắt của Đảng.

Ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ra đời ở Cao Bằng. Ba ngày sau, đội đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phai Khắt (25/12/1944) và Nà Ngần (26/12/1944). Đội đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ Cao - Bắc - Lạng.

Ngày 24/12/1944, Đoàn của Tổng bộ Việt Minh do Hoàng Quốc Việt dẫn đầu sang Trung Quốc liên lạc với các nước Đồng minh để phối hợp chống Nhật. Tháng 2/1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh sang Trung Quốc tranh thủ sự giúp đỡ của Đồng minh chống phátxít Nhật.

c) Cao trào kháng Nhật cứu nước

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô truy kích phátxít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở

Đông Âu và tiến về phía Béclin (Đức). Ở Tây Âu, Anh - Mỹ mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp (2/1945) rồi tiến về phía tây nước Đức. Nước Pháp được giải phóng, Chính phủ Đờ Gôn về Pari.

Ở mặt trận Thái Bình Dương, quân Anh đánh vào Miến Điện (nay là Mianma). Quân Mỹ đổ bộ lên Philíppin. Đường biển đến các căn cứ ở Đông Nam Á bị quân Đồng minh khống chế, nên Nhật phải giữ con đường duy nhất từ Mãn Châu qua Đông Dương xuống Đông Nam Á. Thực dân Pháp theo phái Đờ Gôn ở Đông Dương ráo riết chuẩn bị, chờ quân Đồng minh vào Đông Dương đánh Nhật thì sẽ khôi phục lại quyền thống trị của Pháp. "Cả hai quân thù Nhật - Pháp đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mày chết, quyết liệt cùng nhau"[1].

Với sự chuẩn bị từ trước, ngày 9/3/1945, Nhật nổ súng đảo chính lật đổ Pháp, độc chiếm Đông Dương. Pháp chống cự yếu ớt rồi nhanh chóng đầu hàng. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành một loạt chính sách nhằm củng cố quyền thống trị. Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim được Nhật dựng ra với cái bánh vẽ "độc lập" để phục vụ cho nền thống trị của chủ nghĩa phátxít.

Dự đoán đúng tình hình, ngay trước lúc Nhật nổ súng lật đổ Pháp, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng mở rộng tại làng

1. *Ngọn cờ giải phóng*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1955, tr.46.

Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) để phân tích tình hình và đề ra chủ trương chiến lược mới. Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, chỉ rõ bản chất hành động của Nhật ngày 9/3/1945 là một cuộc đảo chính tranh giành lợi ích giữa Nhật và Pháp; xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phátxít Nhật; thay khẩu hiệu "Đánh đuổi phátxít Nhật - Pháp" bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phátxít Nhật", nêu khẩu hiệu "Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương" để chống lại chính phủ thân Nhật.

Chỉ thị quyết định phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa, đồng thời sẵn sàng chuyển lên tổng khởi nghĩa khi có đủ điều kiện. Bản chỉ thị ngày 12/3/1945 thể hiện sự lãnh đạo kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Việt Minh, từ giữa tháng 3/1945 trở đi, cao trào kháng Nhật, cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.

Chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần nổ ra ở vùng thượng du và trung du Bắc Kỳ. Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân phối hợp với lực lượng chính trị giải phóng hàng loạt xã, châu, huyện

thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang... Khởi nghĩa Ba Tơ (Quảng Ngãi) thắng lợi, đội du kích Ba Tơ được thành lập và xây dựng căn cứ Ba Tơ.

Ngày 16/4/1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức Ủy ban giải phóng Việt Nam.

Ngày 15/5/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hòa (Bắc Giang). Hội nghị chủ trương thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam giải phóng quân, phát triển lực lượng bán vũ trang và xây dựng bảy chiến khu trong cả nước.

Tháng 5/1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang), chỉ thị gấp rút chuẩn bị Đại hội quốc dân, thành lập Khu giải phóng. Ngày 4/6/1945, Khu giải phóng chính thức được thành lập gồm hầu hết các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hà Giang và một số vùng lân cận thuộc Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên. Ủy ban lâm thời Khu giải phóng được thành lập và thi hành các chính sách của Việt Minh. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước. Nhiều chiến khu mới được xây dựng như chiến khu Vần - Hiền Lương ở vùng giáp giới hai tỉnh Phú Thọ và Yên Bái, chiến khu Đông Triều (Quảng Yên), chiến khu Hòa - Ninh - Thanh (ở phía tây ba tỉnh Hòa Bình, Ninh Bình, Thanh Hóa), chiến khu Vĩnh Tuy và Đầu Rái (Quảng Ngãi)...

Trong các đô thị, nhất là những thành phố lớn, các đội danh dự Việt Minh đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian, tạo điều kiện phát triển các tổ chức cứu quốc trong các tầng lớp nhân dân thành thị và xây dựng lực lượng tự vệ cứu quốc.

Ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, khẩu hiệu "phá kho thóc, giải quyết nạn đói" đã "thổi bùng ngọn lửa căm thù trong đông đảo nhân dân và phát động quần chúng vùng dậy với khí thế cách mạng hừng hực tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền"[1]. Tại nhiều địa phương, quần chúng tự vũ trang, xung đột với binh lính và chính quyền Nhật, biến thành những cuộc khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ.

Báo chí cách mạng của Đảng và Mặt trận Việt Minh đều hoạt động công khai, gây ảnh hưởng chính trị vang dội.

Từ nhiều lao tù thực dân, những chiến sĩ cộng sản vượt ngục ra ngoài hoạt động, bổ sung thêm đội ngũ cán bộ lãnh đạo phong trào cách mạng.

Cao trào kháng Nhật, cứu nước không những động viên được đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, viên chức... mà còn lôi kéo cả tư sản dân tộc và một số địa chủ nhỏ tham gia hoạt động cách mạng. Binh lính, cảnh sát của chính quyền thân

1. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới, Sđd*, tr.47.

Nhật dao động, một số ngả theo cách mạng. Nhiều lý trưởng, chánh, phó tổng, tri phủ, tri huyện và cả một số tỉnh trưởng cũng tìm cách liên lạc với Việt Minh... Bộ máy chính quyền Nhật nhiều nơi tê liệt. Không khí sửa soạn khởi nghĩa sục sôi trong cả nước.

Cao trào kháng Nhật, cứu nước là một cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền ở những nơi có điều kiện. Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

d) Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Giữa tháng 8/1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Sau khi phátxít Đức đầu hàng Liên Xô và Đồng minh (9/5/1945), Liên Xô tuyên chiến với Nhật, đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc). Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống các thành phố Hirôsima (6/8/1945) và Nagasaki (9/8/1945), Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện ngày 15/8/1945. Quân Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần. Chính quyền do Nhật dựng lên hoang mang cực độ. Thời cơ cách mạng xuất hiện.

Tuy nhiên, một nguy cơ mới đang dần đến. Theo quyết định của Hội nghị Pốtxđam (7/1945), quân đội Trung Hoa dân quốc vào Bắc Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở ra và quân đội của Liên hiệp Anh từ vĩ tuyến 16 trở vào để giải giáp

quân đội Nhật. Pháp toan tính, với sự trợ giúp của Anh, sẽ trở lại xâm lược Việt Nam, trước mắt là phục hồi bộ máy cai trị cũ ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Trong khi đó, những thế lực chống cách mạng ở trong nước cũng tìm cách đối phó. Một số người trong Chính phủ Bảo Đại - Trần Trọng Kim quay sang tìm kiếm sự trợ giúp của một số cường quốc, với hy vọng giữ chế độ quân chủ.

Từ chỗ hợp tác với Việt Minh chống quân phiệt Nhật trong Chiến tranh thế giới thứ hai, Chính phủ Mỹ không ngần ngại quay lưng lại phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Tại Hội nghị Ianta (2/1945), Tổng thống Mỹ Roosevelt hoàn toàn nhất trí với đề nghị chỉ để các thuộc địa dưới quyền ủy trị nếu "mẫu quốc" đồng ý. "Mẫu quốc" của Đông Dương không ai khác là nước Pháp. Từ đó, Mỹ ngày càng nghiêng về phía Pháp, ủng hộ Pháp trở lại xâm lược Đông Dương, nhất là sau khi Roosevelt qua đời (12/4/1945) và Harry S. Truman bước vào Nhà Trắng. Mùa hè năm 1945, Mỹ cam kết với Đờ Gôn rằng sẽ không cản trở việc Pháp phục hồi chủ quyền ở Đông Dương. Cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam sẽ bị xếp vào "hoạt động phiến loạn do cộng sản cầm đầu". Trong tình hình ấy, "ai biết dòng chảy của lịch sử sẽ đi về đâu, với tốc độ nào?"[1].

1. Đại tướng Võ Nguyên Giáp: *Chiến đấu trong vòng vây*, Nxb. Quân đội nhân dân - Nxb. Thanh niên, Hà Nội, 1995, tr.18.

Thời cơ giành chính quyền chỉ tồn tại trong thời gian từ khi Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh đến trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương, vào khoảng nửa cuối tháng 8/1945.

Trong tình hình trên, vấn đề giành chính quyền được đặt ra như một cuộc chạy đua nước rút với quân Đồng minh mà Đảng và nhân dân Việt Nam không thể chậm trễ, không chỉ để tranh thủ thời cơ, mà còn phải khắc phục nguy cơ, đưa cách mạng đến thành công.

Ngày 12/8/1945, Ủy ban lâm thời Khu giải phóng hạ lệnh khởi nghĩa trong khu. Ngày 13/8/1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc; 23 giờ cùng ngày, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố "Quân lệnh số 1", phát đi lệnh tổng khởi nghĩa trong cả nước.

Ngày 14 và 15/8/1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, do lãnh tụ Hồ Chí Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì, tập trung phân tích tình hình và dự đoán: "Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương"[1]. Hội nghị quyết định phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phátxít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: "Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân!". Hội nghị xác định ba nguyên tắc chỉ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.424.

đạo khởi nghĩa là *tập trung, thống nhất* và *kịp thời*. Phương hướng hành động trong tổng khởi nghĩa: phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh. Phải chộp lấy những căn cứ chính (cả ở các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào, thành lập ủy ban nhân dân ở những nơi đã giành được quyền làm chủ... Hội nghị cũng quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại cần thi hành sau khi giành được chính quyền.

Tiếp sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, ngày 16/8/1945, Đại hội quốc dân họp tại Tân Trào. Về dự Đại hội có khoảng 60 đại biểu của các giới, các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng cứu quốc, các dân tộc, tôn giáo trong nước và đại biểu ở nước ngoài. Đại hội tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Ngay sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr.596.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước nhất tề vùng dậy ở cả thành thị và nông thôn, với ý chí dù có hy sinh đến đâu, "dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập".

Từ ngày 14 đến ngày 18/8/1945, tuy chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa, nhưng do nắm vững tinh thần các nghị quyết, chỉ thị trước đó của Đảng, căn cứ vào tình hình thực tiễn, đảng bộ nhiều địa phương đã kịp thời, chủ động lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất là Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Từ ngày 14/8/1945 trở đi, các đơn vị Giải phóng quân lần lượt tiến công các đồn binh Nhật ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, v.v. hỗ trợ quần chúng nổi dậy giành chính quyền ở tỉnh lỵ. Ngày 16/8/1945, một đơn vị Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên. Ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, một số tỉnh miền Trung và miền Nam, quần chúng cách mạng nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và huyện.

Tại Hà Nội, ngày 17/8, Tổng hội viên chức tổ chức một cuộc míttinh ủng hộ Chính phủ Trần Trọng Kim. Đảng bộ Hà Nội bí mật huy động quần chúng trong các tổ chức cứu quốc ở nội và ngoại thành biến cuộc míttinh đó thành cuộc míttinh ủng hộ Việt Minh. Các đội viên tuyên truyền xung phong bất ngờ giương cao cờ đỏ sao vàng, kêu gọi nhân dân tham gia khởi nghĩa.

Hàng vạn quần chúng dự míttinh nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Việt Minh. Lính bảo an, cảnh sát của chính quyền Nhật có nhiệm vụ bảo vệ cuộc míttinh cũng ngả theo Việt Minh. Cuộc míttinh biến thành một cuộc biểu tình tuần hành, có cờ đỏ sao vàng dẫn đầu, rầm rộ diễu qua các phố đông người, tiến đến trước phủ toàn quyền cũ, nơi tư lệnh quân Nhật đóng, rồi chia thành từng toán, đi cổ động chương trình Việt Minh khắp các phố.

Sau cuộc biểu dương lực lượng, Thành ủy Hà Nội nhận định đã có đủ điều kiện để phát động tổng khởi nghĩa.

Sáng ngày 19/8, Thủ đô Hà Nội tràn ngập cờ đỏ sao vàng. Quần chúng cách mạng xuống đường tập hợp thành đội ngũ, rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát thành phố trong tiếng hát "Tiến quân ca" và cờ đỏ sao vàng để dự cuộc míttinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa của Việt Minh. Cuộc míttinh chuyển thành biểu tình vũ trang. Quần chúng cách mạng chia thành nhiều đoàn đi chiếm Phủ Khâm sai, Tòa Thị chính, Trại Bảo an binh, Sở Cảnh sát và các công sở của chính quyền thân Nhật. Trước khí thế và sức mạnh áp đảo của quần chúng, hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân. Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội ảnh hưởng nhanh chóng đến nhiều tỉnh và thành phố khác, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cả nước, làm cho chính quyền tay sai của Nhật ở nhiều nơi thêm

hoảng hốt, tạo điều kiện thuận lợi lớn cho quá trình tổng khởi nghĩa.

Ngày 23/8, Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên Huế huy động quần chúng từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với nhân dân trong nội thành Huế xuống đường biểu dương lực lượng. Bộ máy chính quyền và quân đội Nhật hoàn toàn tê liệt. Quần chúng lần lượt chiếm các công sở không vấp phải sức kháng cự nào.

Ở Nam Kỳ, được tin Hà Nội và Tân An (tỉnh khởi nghĩa thí điểm của Xứ ủy) đã giành được chính quyền, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh. Đêm 24/8, các lực lượng khởi nghĩa với gậy tầm vông, giáo mác, từ các tỉnh xung quanh rầm rập kéo về Sài Gòn. Sáng 25/8, hơn 1 triệu người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở. Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Những cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn và các đô thị đập tan các cơ quan đầu não của kẻ thù có ý nghĩa quyết định thắng lợi trong cả nước.

Ngày 25/8/1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban dân tộc giải phóng về đến Hà Nội. Sáng ngày 26/8/1945, Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp của Thường vụ Trung ương Đảng, thống nhất những chủ trương đối nội và đối ngoại trong tình hình mới; đề nghị mở rộng hơn nữa thành phần của Chính phủ lâm thời, chuẩn bị ra *Tuyên ngôn độc lập,* tổ chức míttinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ ra mắt nhân dân, cũng là ngày nước

Việt Nam chính thức công bố quyền độc lập và thiết lập chế độ dân chủ cộng hòa. Hồ Chí Minh nhấn mạnh những việc cần làm trước khi quân Trung Hoa dân quốc vào Đông Dương[1].

Trong cuộc họp ngày 27/8/1945, Ủy ban dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Danh sách Chính phủ lâm thời được chính thức công bố ngày 28/8/1945 tại Hà Nội. Một số thành viên là người của Mặt trận Việt Minh tự nguyện rút khỏi Chính phủ, trong đó có Tổng Bí thư Trường Chinh, để mời thêm nhân sĩ ngoài Việt Minh tham gia. "Đó là một cử chỉ vô tư, tốt đẹp, không ham chuộng địa vị, đặt lợi ích của dân tộc, của đoàn kết toàn dân lên trên lợi ích cá nhân"[2].

Ngày 30/8/1945, tại cuộc míttinh gồm hàng vạn người tham gia ở Ngọ Môn, Huế, Bảo Đại thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trung ương Đảng và Chính phủ lâm thời hoàn toàn ý thức được phải khẩn trương làm tất cả mọi việc có thể để xác lập vị thế người chủ đất nước của nhân dân Việt Nam trước khi những người mang danh "Đồng minh" đặt chân đến.

1. Xem Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.229-231.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t.6, tr.160.

Trong tình hình hết sức khẩn trương, Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định sớm tổ chức lễ Tuyên bố độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại một căn phòng trên gác nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội, Hồ Chí Minh đã soạn thảo bản Tuyên ngôn độc lập của nước Việt Nam mới. Để phát huy trí tuệ tập thể, ngày 30/8/1945, Hồ Chí Minh mời một số cán bộ trong Ban Thường vụ Trung ương Đảng và các vị bộ trưởng trong Chính phủ lâm thời đến trao đổi, góp ý kiến cho bản dự thảo Tuyên ngôn độc lập. "Bản *Tuyên ngôn độc lập* là hoa là quả của bao nhiêu máu đã đổ và bao nhiêu tính mạng đã hy sinh của những người con anh dũng của Việt Nam trong nhà tù, trong trại tập trung, trong những hải đảo xa xôi, trên máy chém, trên chiến trường. Bản *Tuyên ngôn độc lập* là kết quả của bao nhiêu hy vọng, gắng sức và tin tưởng của hơn hai mươi triệu nhân dân Việt Nam"[1].

Ngày 2/9/1945, Lễ độc lập được tổ chức trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập*, trịnh trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bản Tuyên ngôn nêu rõ:

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017, tr.119.

"Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do"[1].

"Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy"[2].

Tuyên ngôn độc lập là một văn kiện lịch sử có giá trị tư tưởng lớn và ý nghĩa thực tiễn sâu sắc. Đó là thiên anh hùng ca chiến đấu và chiến thắng, chứa chan sức mạnh và niềm tin, tràn đầy lòng tự hào và ý chí đấu tranh của nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp giành và giữ nền độc lập, tự do.

Như vậy, Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong hoàn cảnh khách quan rất thuận lợi: kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam là phátxít Nhật đã đầu hàng Đồng minh, quân đội Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần chiến đấu, chính quyền thân Nhật rệu rã, tạo thời cơ thuận lợi để nhân dân Việt Nam tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Đó là kết quả và đỉnh cao của 15 năm đấu tranh của toàn dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, mà trực tiếp là cao trào vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

Đảng Cộng sản Đông Dương đóng vai trò tổ chức và lãnh đạo cách mạng. Đảng có đường lối chính trị đúng đắn, phương pháp cách mạng sáng tạo, dày dạn kinh nghiệm đấu tranh, bắt rễ sâu trong quần chúng, đoàn kết

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.1, 3.

và thống nhất, quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

4. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

a) Tính chất

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là "một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc mang tính chất dân chủ mới. Nó là một bộ phận khăng khít của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam"[1]. "Cách mạng Tháng Tám Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Mục đích của nó là làm cho dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách đế quốc, làm cho nước Việt Nam thành một nước độc lập, tự do"[2].

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc *cách mạng giải phóng dân tộc điển hình*, thể hiện:

Tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc, tập trung giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai; đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử và ý chí, nguyện vọng độc lập, tự do của quần chúng nhân dân.

Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc, đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Việt Minh với những tổ chức quần

1, 2. Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, t.1, tr.172.

chúng mang tên "cứu quốc", động viên đến mức cao nhất mọi lực lượng dân tộc lên trận địa cách mạng. Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của lực lượng toàn dân tộc.

Thành lập chính quyền nhà nước "của chung toàn dân tộc" theo chủ trương của Đảng, với hình thức cộng hòa dân chủ, chỉ trừ tay sai của đế quốc và những kẻ phản quốc, "còn ai là người dân sống trên dải đất Việt Nam thảy đều được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy"[1].

Cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là một bộ phận của phe dân chủ chống phátxít. "Nó chống lại phátxít Nhật và bọn phong kiến phản động, tay sai của phátxít Nhật, và nó là một bộ phận của cuộc chiến đấu vĩ đại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới chống phátxít xâm lược"[2]. Cách mạng đã giải quyết một số quyền lợi cho nông dân, lực lượng đông đảo nhất trong dân tộc; một phần ruộng đất của đế quốc và Việt gian đã bị tịch thu, địa tô được tuyên bố giảm 25%, một số nợ lưu cữu được xóa bỏ. Cuộc cách mạng thành công, chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam đã được thành lập, xóa bỏ chế độ quân chủ phong kiến. Các tầng lớp nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.7, tr.114.

2. Trường Chinh: *Tuyển tập, Sđd*, t.1, tr.321.

Cách mạng Tháng Tám chưa làm cách mạng ruộng đất, chưa thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng, chưa xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, chưa xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến để cho công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh... quan hệ giữa địa chủ và nông dân nói chung vẫn như cũ. "Chính vì thế mà Cách mạng Tháng Tám có tính chất dân chủ, nhưng tính chất đó chưa được đầy đủ và sâu sắc"[1].

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng còn mang đậm tính nhân văn, hoàn thành một bước cơ bản sự nghiệp giải phóng con người Việt Nam khỏi mọi sự áp bức về mặt dân tộc, sự bóc lột về mặt giai cấp và sự nô dịch về mặt tinh thần.

b) Ý nghĩa

Khẳng định ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng *mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc*"[2].

1. Trường Chinh: *Tuyển tập, Sđd*, t.1, tr.322.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.25.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế hàng nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, giải quyết thành công vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ bước lên địa vị người chủ đất nước, có quyền quyết định vận mệnh của mình.

Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đảng Cộng sản Đông Dương từ chỗ phải hoạt động bí mật trở thành một đảng cầm quyền. Từ đây, Đảng và nhân dân Việt Nam có chính quyền nhà nước cách mạng làm công cụ sắc bén phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám mở ra kỷ nguyên mới trong tiến trình lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập, tự do và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, đã đột phá một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ. Thắng lợi

của Cách mạng Tháng Tám không chỉ là chiến công của dân tộc Việt Nam mà còn là chiến công chung của các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh vì độc lập tự do, vì thế, nó có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng và tư tưởng độc lập, tự do của Hồ Chí Minh. Nó chứng tỏ rằng: một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa trước khi giai cấp công nhân ở "chính quốc" lên nắm chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc.

c) Bài học kinh nghiệm

Cách mạng Tháng Tám thành công để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược: phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

Thứ hai, về xây dựng lực lượng: trên cơ sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật, cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Theo cách dùng từ của V.I. Lênin trong tác phẩm *Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền tự quyết*, thì đó chính là một "*lò lửa khởi nghĩa dân tộc*"[1].

Thứ ba, về phương pháp cách mạng: nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận ở những vùng nông thôn có điều kiện, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, giành chính quyền toàn quốc.

Thứ tư, về xây dựng Đảng: phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển lý

1. V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t.30, tr.67.

luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đúng đắn; xây dựng một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng và với đội ngũ cán bộ, đảng viên kiên cường được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng.

Chú trọng vai trò lãnh đạo ở cấp chiến lược của Trung ương Đảng, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của đảng bộ các địa phương.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa lịch sử dân tộc sang trang mới, đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại trong quá trình tiến hóa của dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ khi ra đời, dù phải trải qua muôn vàn khó khăn, thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần đoàn kết phấn đấu của toàn dân, luôn được xây dựng và củng cố, vững bước tiến trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Suốt 15 năm đấu tranh cách mạng 1930 - 1945, Đảng đã lãnh đạo giai cấp và dân tộc hoàn thành mục tiêu giành độc lập, thiết lập nhà nước dân chủ nhân dân.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Phân tích những điều kiện cần thiết dẫn tới thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2/1930.

2. Nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng được Hội nghị thành lập Đảng (2/1930) thông qua.

3. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc 1930 - 1945.

4. Tính chất, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của cuộc Cánh mạng Tháng Tám năm 1945.

Chương 2

ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)

A. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945 - 1975.

2. Về tư tưởng: Giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945 - 1975, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

3. Về kỹ năng: Trang bị năng lực phân tích sự kiện; phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng; ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng.

B. NỘI DUNG

I- LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945 - 1946

a) Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Sau ngày tuyên bố độc lập, lịch sử nước Việt Nam bước sang một chặng đường mới với nhiều thuận lợi căn bản và khó khăn chồng chất.

Về thuận lợi:

Thuận lợi về quốc tế là sau cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, cục diện thế giới và khu vực có những sự thay đổi lớn có lợi cho cách mạng Việt Nam. Liên Xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội. Nhiều nước ở Đông, Trung Âu, được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội. Phong trào giải

phóng dân tộc ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh dâng cao.

Thuận lợi ở trong nước là Việt Nam trở thành quốc gia độc lập, tự do; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ, bị áp bức trở thành chủ nhân của chế độ dân chủ mới. Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền lãnh đạo cách mạng trong cả nước. Đặc biệt, việc hình thành hệ thống chính quyền cách mạng với bộ máy thống nhất từ cấp Trung ương đến cơ sở, ra sức phục vụ lợi ích của Tổ quốc, nhân dân.

Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành biểu tượng của nền độc lập, tự do, là trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam. Quân đội quốc gia và lực lượng công an, hệ thống luật pháp của chính quyền cách mạng được khẩn trương xây dựng và phát huy vai trò đối với cuộc đấu tranh chống thù trong, giặc ngoài, xây dựng chế độ mới.

Về khó khăn:

Trên thế giới, phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới "chia lại hệ thống thuộc địa thế giới", ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng thế giới, trong đó có cách mạng Việt Nam. Do lợi ích cục bộ của mình, các nước lớn không có nước nào ủng hộ lập trường độc lập và công nhận địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việt Nam nằm trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc, bị bao vây cách biệt hoàn toàn với thế giới bên ngoài. Cách mạng ba nước Đông Dương nói chung, cách mạng Việt Nam nói riêng phải đương đầu

với nhiều bất lợi, khó khăn, thử thách hết sức to lớn và rất nghiêm trọng.

Ở trong nước, hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt; hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản một nền kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị hoang hóa, 50% ruộng đất bị bỏ hoang; nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng; các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục, 95% dân số thất học, mù chữ, nạn đói cuối năm 1944, đầu năm 1945 làm 2 triệu người dân chết đói. Thách thức lớn nhất, nghiêm trọng nhất lúc này là âm mưu quay trở lại thống trị Việt Nam một lần nữa của thực dân Pháp. Ngày 2/9/1945, quân Pháp đã trắng trợn gây hấn, cho nổ súng vào những người tham gia cuộc míttinh mừng ngày độc lập ở Sài Gòn - Chợ Lớn.

Từ tháng 9/1945, theo thỏa thuận của phe Đồng minh, 2 vạn quân đội Anh - Ấn đổ bộ vào Sài Gòn để làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thua trận ở phía Nam Việt Nam. Quân đội Anh đã trực tiếp bảo trợ, sử dụng đội quân Nhật giúp sức quân Pháp ngang nhiên nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn (Nam Bộ) vào rạng sáng ngày 23/9/1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Ở Bắc vĩ tuyến 16, từ cuối tháng 8/1945, hơn 20 vạn quân đội của Tưởng Giới Thạch (Trung Hoa dân quốc) kéo

vào Việt Nam dưới sự bảo trợ và ủng hộ của Mỹ với danh nghĩa quân đội Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, kéo theo là lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách. Trong khi đó, trên đất nước Việt Nam vẫn còn 6 vạn quân Nhật chưa được giải giáp.

Tình hình đó đã đặt nền độc lập và chính quyền cách mạng non trẻ của Việt Nam trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", cùng một lúc phải đối phó với nạn đói, nạn dốt và thù trong, giặc ngoài.

b) Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

Ngày 3/9/1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ngay nhiệm vụ lớn trước mắt là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm. Ngày 25/11/1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*, nhận định tình hình và định hướng con đường đi lên của cách mạng Việt Nam sau khi giành được chính quyền. Chỉ thị phân tích sâu sắc sự biến đổi của tình hình thế giới và trong nước, nhất là tình hình Nam Bộ và xác định rõ: "kẻ thù chính của ta lúc này là *thực dân Pháp xâm lược* phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng"[1]; nêu rõ mục tiêu của cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là "dân tộc giải phóng" và đề ra khẩu hiệu "Dân tộc trên hết,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.26.

Tổ quốc trên hết"; mọi hành động phải tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt "là phải củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân"[1].

Chỉ thị cũng đề ra nhiều biện pháp cụ thể giải quyết những khó khăn, phức tạp hiện thời của cách mạng Việt Nam, trong đó nêu rõ cần nhanh chóng xúc tiến bầu cử Quốc hội để đi đến thành lập Chính phủ chính thức, lập ra Hiến pháp, động viên lực lượng toàn dân, kiên trì kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài; kiên định nguyên tắc độc lập về chính trị; về ngoại giao phải đặc biệt chú ý "làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết"; đối với Tàu Tưởng nêu chủ trương "Hoa - Việt thân thiện", đối với Pháp "độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế". Về tuyên truyền, hết sức kêu gọi đoàn kết chống chủ nghĩa thực dân Pháp xâm lược; "đặc biệt chống mọi mưu mô phá hoại chia rẽ của bọn Tờrốtxki, Đại Việt, Việt Nam Quốc dân Đảng"[2]...

Những quan điểm và chủ trương, biện pháp lớn được Đảng nêu ra trong bản Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* đã đáp ứng đúng yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam; có tác dụng định hướng tư tưởng, trực tiếp chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ; xây dựng và

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.26-27, 27.

bảo vệ chính quyền cách mạng trong giai đoạn đầy khó khăn, phức tạp này.

Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào lớn, các cuộc vận động, như: tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm với khẩu hiệu "Tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa"; lập hũ gạo tiết kiệm, tổ chức "Tuần lễ vàng", gây quỹ "Độc lập", quỹ "Đảm phụ quốc phòng", quỹ "Nam Bộ kháng chiến", v.v.. Chính phủ bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ, thực hiện chính sách giảm tô 25%. Ngay năm đầu tiên, sản xuất nông nghiệp có bước khởi sắc rõ rệt, việc sửa chữa đê điều được khuyến khích, tổ chức khuyến nông, tịch thu ruộng đất của đế quốc, Việt gian, đất hoang hóa chia cho nông dân nghèo. Sản xuất lương thực tăng lên rõ rệt cả về diện tích và sản lượng hoa màu. Một số nhà máy, công xưởng, hầm mỏ được khuyến khích đầu tư khôi phục hoạt động trở lại. Ngân khố quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam. Đầu năm 1946, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân được ổn định, tinh thần dân tộc được phát huy cao độ, góp phần động viên kháng chiến ở Nam Bộ.

Chống giặc dốt, xóa nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng, thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, góp phần tích cực xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng, phát huy quyền dân chủ của nhân dân. Đảng

và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương phát động phong trào "Bình dân học vụ", toàn dân học chữ quốc ngữ để từng bước xóa bỏ nạn dốt; vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ. Các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt khai giảng năm học mới; thành lập Trường Đại học Văn khoa Hà Nội. Đến cuối năm 1946, cả nước đã có hơn 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ. Đời sống tinh thần của một bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhân dân tin tưởng vào chế độ mới, nêu cao quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.

Khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng: Để khẳng định địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương sớm tổ chức một cuộc bầu cử toàn quốc theo hình thức phổ thông đầu phiếu để bầu ra Quốc hội và thành lập Chính phủ chính thức. Ngày 6/1/1946, nhân dân cả nước tham gia cuộc bầu cử; có hơn 89% số cử tri đi bỏ phiếu dân chủ lần đầu tiên; đồng bào Nam Bộ và một số nơi đi bỏ phiếu dưới làn đạn của giặc Pháp, nhưng tất cả đều thể hiện rõ tinh thần "mỗi lá phiếu là một viên đạn bắn vào quân thù", làm thất bại âm mưu chia rẽ, lật đổ của các kẻ thù. Bầu cử thành công đã bầu ra 333 đại biểu Quốc hội đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ngày 2/3/1946, Quốc hội khóa I đã họp phiên đầu tiên tại Nhà hát Lớn Hà Nội, lập ra Chính phủ chính thức, gồm 10 bộ và kiện toàn nhân sự bộ máy Chính phủ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Quốc hội đã nhất trí bầu Ban Thường trực Quốc hội do cụ Nguyễn Văn Tố làm Chủ tịch.

Các địa phương cũng tiến hành bầu cử hội đồng nhân dân các cấp và kiện toàn ủy ban hành chính các cấp. Ban soạn thảo bản Hiến pháp mới được thành lập do Hồ Chí Minh làm Trưởng ban. Tại kỳ họp thứ 2, ngày 9/11/1946, Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp năm 1946). Xây dựng đi đôi với bảo vệ và làm cho bộ máy chính quyền thực sự dân chủ, trong sạch, trong thư gửi cho các ủy ban nhân dân, Hồ Chí Minh chỉ rõ: "các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật"[1]. Và yêu cầu chính quyền các cấp phải khắc phục và bỏ ngay những thói hư, tật xấu, như: cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo[2]...

Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được mở rộng nhằm tăng cường thực lực cách mạng, tập trung chống Pháp ở Nam Bộ. Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập do Huỳnh Thúc Kháng làm Hội trưởng, Tôn Đức Thắng làm Hội phó; thành lập Hội đồng cố vấn Chính phủ do Vĩnh Thụy (tức cựu hoàng Bảo Đại)

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.64-65.
2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.65-66.

đứng đầu; thành lập thêm một số đoàn thể xã hội mới, tiếp tục củng cố các tổ chức đoàn thể của Mặt trận Việt Minh; tổ chức Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất tại Hà Nội và Hội nghị đại biểu các dân tộc thiểu số Việt Nam ở Tây Nguyên... Lực lượng vũ trang cách mạng được củng cố và tổ chức lại; tích cực mua sắm vũ khí, tích trữ lương thực, thuốc men, củng cố các cơ sở và căn cứ địa cách mạng cả ở miền Bắc, miền Nam. Cuối năm 1946, Việt Nam có hơn 8 vạn bộ đội chính quy, lực lượng công an được tổ chức đến cấp huyện; hàng vạn dân quân, tự vệ được tổ chức ở cơ sở từ Bắc chí Nam...

c) Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ

Sau vụ khiêu khích trắng trợn ngày 2/9/1945 ở Sài Gòn, thực dân Pháp ráo riết thực hiện mưu đồ xâm lược Việt Nam. Đêm 22 rạng ngày 23/9/1945, quân đội Pháp đã nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn - Chợ Lớn (Nam Bộ). Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Nam Bộ bắt đầu. Sáng 23/9/1945, Hội nghị liên tịch giữa Xứ ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban kháng chiến và đại diện Tổng bộ Việt Minh đã nhanh chóng thống nhất, đề ra chủ trương hiệu triệu quân, dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống xâm lược Pháp. Trên địa bàn thành phố Sài Gòn - Chợ Lớn, các đơn vị bảo vệ Trụ sở Ủy ban nhân dân, Sở tự vệ, nhà Bưu điện thành phố đã kiên quyết

chiến đấu anh dũng. Ngày 25/10/1945, Hội nghị cán bộ Đảng bộ Nam Bộ đã họp tại Thiên Hộ, Cái Bè (Mỹ Tho) quyết định những biện pháp cấp bách nhằm củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang bí mật trong nội đô; tổ chức và phát động toàn dân kháng chiến, kiên quyết đẩy lùi cuộc tấn công của quân Pháp, ngăn chặn bước tiến của chúng...

Nhân dân các tỉnh Nam Bộ đã nêu cao tinh thần "Thà chết tự do còn hơn sống nô lệ" nhất loạt đứng lên dùng các loại vũ khí thô sơ, tự tạo, gậy tầm vông, giáo mác chống trả hành động xâm lược của thực dân Pháp, kiên quyết bảo vệ nền độc lập, tự do và chính quyền cách mạng; tổ chức công tác diệt ác, trừ gian, phát động chiến tranh nhân dân trong lòng thành phố, đốt phá kho tàng, chặn đánh các đoàn xe vận tải của địch, củng cố, xây dựng căn cứ địa. Nhân dân Sài Gòn - Chợ Lớn đi tiên phong ngăn cản bước tiến, kìm hãm, bao vây địch trong thành phố bằng các chiến lũy chướng ngại vật, ổ chiến đấu trên đường phố chính, phá hủy các cơ sở điện, nước; lùng bắt, trừng trị bọn Việt gian tay sai của Pháp. Nhiều trận đánh tiêu biểu diễn ra ở cầu Thị Nghè, Khánh Hội, Phú Lâm, An Nhơn, cầu Tham Luông...

Nhân dân miền Bắc nhanh chóng hưởng ứng và kịp thời chi viện, chia lửa với đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Ngày 26/9/1945, những chi đội đầu tiên ưu tú nhất của quân đội, được trang bị vũ khí tốt nhất, đã lên đường Nam tiến chi viện cho Nam Bộ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi

thư khích lệ, động viên đồng bào Nam Bộ kháng chiến, tuyên dương và tặng nhân dân Nam Bộ danh hiệu "Thành đồng Tổ quốc". Ở khu vực miền Trung, cuộc chiến đấu của quân, dân Nha Trang đã mở đầu cho cuộc chiến đấu oanh liệt, dũng cảm, kiên cường của quân, dân mặt trận Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Trong những ngày đầu kháng chiến, so sánh lực lượng giữa ta và địch quá chênh lệch, nhưng với lòng yêu nước sâu sắc, quyết tâm sắt đá bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, có sự lãnh đạo kịp thời, đúng đắn của Xứ ủy Nam Bộ, của Chính phủ Trung ương, quân và dân Nam Bộ, các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên đã nhanh chóng tổ chức lại lực lượng, củng cố các khu căn cứ và lực lượng vũ trang, động viên nhân tài, vật lực của toàn dân đứng lên ngăn chặn bước tiến của thực dân Pháp; tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài sau này.

Để làm thất bại âm mưu "diệt cộng, cầm Hồ", phá Việt Minh của quân Tưởng và tay sai, Đảng, Chính phủ Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện sách lược "triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc" với quân Tưởng; đề ra nhiều đối sách khôn khéo đối phó có hiệu quả với các hoạt động khiêu khích, gây xung đột vũ trang của quân Tưởng; thực hiện giao thiệp thân thiện, ứng xử mềm dẻo, linh hoạt với các yêu sách của quân Tưởng và các tổ chức đảng phái chính trị tay sai thân Tưởng, nhất là số cầm đầu Việt Quốc, Việt Cách. Để tránh

các mũi nhọn tấn công của kẻ thù, Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật bằng việc ra "Thông cáo Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý tự giải tán, ngày 11/11/1945", chỉ để lại một bộ phận hoạt động công khai với danh nghĩa "Hội Nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương"[1]; Chính phủ Việt Nam đồng ý việc đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân đội Tưởng khi ở Việt Nam và nhân nhượng cho quân Tưởng được sử dụng đồng tiền Quan kim, Quốc tệ song hành cùng đồng bạc Đông Dương. Sau khi bầu cử thành công, Hồ Chí Minh chấp nhận mở rộng thành phần đại biểu Quốc hội, đồng ý bổ sung thêm 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho một số đảng viên của Việt Quốc, Việt Cách; cải tổ, mở rộng thành phần Chính phủ liên hiệp với sự tham gia của nhiều nhân sĩ, trí thức, người không đảng phái và cả một số phần tử cầm đầu tổ chức phản động tay sai của quân Tưởng, trong đó có nhiều ghế bộ trưởng quan trọng,...

Đầu năm 1946, phe đế quốc đã dàn xếp, thỏa thuận để Chính phủ Pháp và Chính phủ Trung Hoa dân quốc ký kết bản Hiệp ước Trùng Khánh (còn gọi là Hiệp ước Hoa - Pháp, ngày 28/2/1946), trong đó có nội dung thỏa thuận để Pháp đưa quân đội ra Bắc vĩ tuyến 16 làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật, thay thế cho 20 vạn quân Tưởng rút về nước, hạn cuối cùng là ngày 31/3/1946. Đổi lại Pháp sẽ

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.8, tr.20.

nhượng lại cho Tưởng nhiều quyền lợi quan trọng ở Trung Quốc và Việt Nam. Đây thực chất là một bản hiệp ước bán rẻ lợi ích dân tộc, chà đạp lên nền độc lập của Việt Nam, hợp pháp hóa hành động xâm lược của thực dân Pháp ra miền Bắc. Chính phủ và nhân dân Việt Nam đứng trước một tình thế vô cùng nguy hiểm, phải cùng lúc đối mặt trực tiếp với hai kẻ thù xâm lược to lớn là Pháp và Tưởng, trong khi thực lực cách mạng vẫn còn non yếu.

Trước sự thay đổi nhanh chóng, phức tạp của tình hình, Thường vụ Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận định, đánh giá âm mưu, ý đồ chính trị của Pháp, Tưởng và ra bản Chỉ thị Tình hình và chủ trương, ngày 3/3/1946. Chỉ thị nêu rõ: "Vấn đề lúc này, không phải là muốn hay không muốn đánh. Vấn đề là biết mình biết người, nhận một cách khách quan những điều kiện lời lãi trong nước và ngoài nước mà chủ trương cho đúng"[1] và chủ trương tạm thời "dàn hòa với Pháp", nhân nhượng về lợi ích kinh tế, nhưng đòi Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của Việt Nam, "lợi dụng thời gian hòa hoãn với Pháp mà diệt bọn phản động bên trong, tay sai của Tàu trắng, trừ những hành động khiêu khích ly gián ta và Pháp"[2], thúc đẩy nhanh quân Tưởng về nước, bớt đi một kẻ thù nguy hiểm. Ngày 6/3/1946, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp tại Hà Nội là J. Xanhtơny (Jean Sainteny) bản Hiệp định sơ bộ. Hiệp định sơ bộ nêu rõ: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, tài chính và quân đội riêng nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp; Việt Nam đồng ý để 15.000 quân đội Pháp ra miền Bắc thay thế 20 vạn quân đội Tưởng rút về nước và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm; hai bên sẽ tiếp tục tiến hành đàm phán chính thức để giải quyết mối quan hệ Việt - Pháp...

Ngay sau khi ký Hiệp định sơ bộ, ngày 9/3/1946, Thường vụ Trung ương Đảng đã ra bản Chỉ thị Hòa để tiến, phân tích, đánh giá chủ trương hòa hoãn và khả năng phát triển của tình hình. Chỉ thị nêu rõ: Cần phải tiếp tục nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta, nhất là đối với đồng bào Nam Bộ và các chiến sĩ ngoài mặt trận; cần đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, đặc biệt chú ý đào tạo cán bộ chính trị và quân sự, gây dựng cơ sở đảng, củng cố phong trào quần chúng... Đến tháng 12/1946, Đảng đã có sự phát triển thêm về chất lượng, số lượng đảng viên tăng lên tới hơn 20.000 người.

Để giữ vững nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, Đảng, Chính phủ tiếp tục cuộc đấu tranh ngoại giao kiên trì, kiên quyết, đầy khó khăn, phức tạp trong suốt

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sdd*, t.8, tr.43-44, 46.

năm 1946 ở cả mặt trận trong nước và ngoài nước. Từ ngày 19/4 đến ngày 10/5/1946, đại diện Chính phủ Việt Nam và Pháp gặp nhau tại Hội nghị trù bị ở Đà Lạt. Từ ngày 31/5/1946, theo lời mời của Quốc hội và Chính phủ Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng phái đoàn của Chính phủ Việt Nam thăm chính thức nước Cộng hòa Pháp. Chuyến thăm kéo dài hơn 4 tháng và đã thu được nhiều thành công về mặt đối ngoại, làm cho dư luận Pháp, nhân dân Pháp và giới chính trị Pháp tiến bộ hiểu thêm cuộc đấu tranh chính nghĩa, nền độc lập thực sự của Việt Nam. Cũng trong thời gian này, phái đoàn Quốc hội Việt Nam do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu đi thăm thân thiện và tham dự đàm phán chính thức giữa hai bên Việt - Pháp tại Hội nghị Phôngtennơblô (Fontainebleau), từ ngày 6/7 đến ngày 10/9/1946, song không thành công vì vấp phải lập trường hiếu chiến và dã tâm xâm lược của thực dân Pháp. Với thiện chí hữu nghị, hòa bình, nhân nhượng và để đảm bảo an toàn cho phái đoàn đại biểu Việt Nam rời Pháp, ngày 14/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Marius Moutet (M. Mutê) - đại diện Chính phủ Pháp, bản Tạm ước 14/9 tại Mácxây (Marseill), đồng ý nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam; hai bên cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán...

Trong khi đó ở Việt Nam, thời hạn quân đội Tưởng phải rút về nước đã hết (trước ngày 31/3/1946), nhưng quân Tưởng vẫn trì hoãn kéo dài; các thế lực thực dân

hiếu chiến Pháp ở Hà Nội móc nối, câu kết với tay sai phản động Đại Việt, Quốc dân Đảng, ráo riết chuẩn bị âm mưu đảo chính lật đổ Chính phủ Việt Nam, dự định vào ngày 14/7/1946. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, sáng suốt của Đảng và Chính phủ do cụ Huỳnh Thúc Kháng - quyền Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ lãnh đạo, rạng sáng ngày 12/7/1946, lực lượng công an đã khôn khéo, mưu trí, sáng tạo, quyết đoán tổ chức một cuộc đột nhập, tấn công bất ngờ vào trụ sở của bọn Đại Việt, Quốc dân Đảng ở số nhà 132 Duvigneau (nay là phố Bùi Thị Xuân, Hà Nội), nhanh chóng khống chế bọn phản động có vũ trang, tổ chức khám xét và tịch thu được nhiều tài liệu phản động, trong đó có bản kế hoạch tổ chức đảo chính lật đổ Chính phủ Hồ Chí Minh do Trương Tử Anh soạn thảo, kịp thời kết thúc Vụ án ở số 7 phố Ôn Như Hầu (nay là phố Nguyễn Gia Thiều, Hà Nội). Với thắng lợi quan trọng này, ta đã đập tan hoàn toàn mưu đồ thâm độc lật đổ chính quyền cách mạng của bọn tay sai phản động câu kết với thực dân Pháp, giữ vững chính quyền cách mạng.

Ngày 20/10/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn Việt Nam về đến cảng Hải Phòng an toàn trong không khí đón chào nồng nhiệt của nhân dân, của đồng bào, đồng chí. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài *Công việc khẩn cấp bây giờ*, nêu rõ thêm những nhiệm vụ cụ thể và cấp thiết phải làm về mặt quân sự, chính trị và khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cuộc kháng chiến kiến quốc và

dự đoán đúng về khả năng một cuộc đối đầu quân sự giữa Việt Nam và Pháp. Kịp thời chỉ đạo từng bước chuyển sang tình trạng chiến tranh và chuẩn bị kháng chiến lâu dài; tiếp tục cuộc chiến đấu giam chân địch ở Nam Bộ và trong các thành phố, thị xã ở miền Bắc, khẩn trương tiến hành cuộc tổng di chuyển các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, Quốc hội và các ban, bộ, ngành, quân đội, công an và các cơ quan lãnh đạo kháng chiến địa phương ra khỏi thành phố, thị xã; củng cố, xây dựng căn cứ địa, các chiến khu, các ATK (an toàn khu)... Hàng ngàn tấn máy móc, nguyên, nhiên vật liệu đã được di chuyển, mua sắm, cất giữ trên các chiến khu, căn cứ địa kháng chiến, nhất là ở các ATK Thái Nguyên, Tuyên Quang, Chiến khu D, Đồng Tháp Mười; hàng vạn nhân dân được động viên, hướng dẫn tản cư khỏi vùng chiến sự. Ở các nơi quân Pháp có thể chiếm đóng, nhân dân thực hiện tiêu thổ kháng chiến với khẩu hiệu "Vườn không, nhà trống", "Phá hoại để kháng chiến" nhằm ngăn cản bước tiến của địch, hạn chế tiềm năng kinh tế địch, phá kinh tế địch...

Những chủ trương, biện pháp, sách lược và đối sách đúng đắn của Đảng, tinh thần quyết đoán, sáng tạo của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoài, thù trong những năm đầu chính quyền cách mạng non trẻ đã đem lại thắng lợi có ý nghĩa hết sức quan trọng: ngăn chặn bước tiến của đội quân xâm lược Pháp ở Nam Bộ, vạch trần và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các kẻ thù; củng cố, giữ vững và

bảo vệ bộ máy chính quyền cách mạng từ Trung ương đến cơ sở và những thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám; tạo thêm thời gian hòa bình, hòa hoãn, tranh thủ xây dựng thực lực, chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến lâu dài.

Nêu cao ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm bảo vệ nền tự do, độc lập. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ địch, thực hành nhân nhượng có nguyên tắc "Dĩ bất biến, ứng vạn biến". Tăng cường đại đoàn kết dân tộc, dựa vào sự ủng hộ vật chất là chính trị, tinh thần của toàn dân. Phát triển thực lực cách mạng. Đó là những thành công và kinh nghiệm nổi bật của Đảng trong lãnh đạo cách mạng hai năm 1945 - 1946.

2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946 - 1950)

a) Cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ và đường lối kháng chiến của Đảng

Từ cuối tháng 10/1946, tình hình chiến sự ở Việt Nam ngày càng căng thẳng, nguy cơ một cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp tăng dần. Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân Việt Nam kiên trì thực hiện chủ trương hòa hoãn và bày tỏ thiện chí hòa bình, nhân nhượng nhằm tìm kiếm con đường hòa bình, bảo vệ, giữ gìn toàn vẹn nền độc lập, tự do của Việt Nam, đồng thời cố gắng cứu vãn mối quan hệ Việt - Pháp đang ngày càng xấu đi nhằm ngăn chặn một cuộc chiến tranh nổ ra quá sớm và không

cân sức với Pháp. Nhiều lần, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam, đã gửi điện, thư cho Chính phủ Pháp, cho Thủ tướng Pháp song đều không được hồi đáp. Con đường ngoại giao với đại diện Pháp tại Hà Nội cũng đều không đưa đến kết quả tích cực vì phía Pháp chỉ muốn "dùng biện pháp quân sự để giải quyết mối quan hệ Việt - Pháp"[1]. Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Việt Nam đã bộc lộ rõ thái độ bội ước, tiếp tục đẩy mạnh tăng cường bình định ở các tỉnh Nam Bộ, xúc tiến tái lập Nam Kỳ tự trị; gây hấn, khiêu khích, gây xung đột quân sự, lấn chiếm nhiều vị trí đóng quân ở Bắc Bộ Việt Nam; đặt lại nền thống trị ở Campuchia và Lào, chia rẽ ba nước Đông Dương.

Cuối tháng 11/1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn; chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương; tấn công vào các vùng tự do của ta ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ; hậu thuẫn cho lực lượng phản động xúc tiến thành lập cái gọi là "Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ" và triệu tập Hội nghị Liên bang Đông Dương. Trong các ngày 16 và 17/12/1946, quân đội Pháp ở Hà Nội ngang nhiên tấn công đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính của ta; bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh và Hàng Bún. Ngày 18/12, đại diện Pháp ở Hà Nội đơn phương

1. Nghị quyết của Ủy ban Liên bộ Đông Dương (Comindo), ngày 23/11/1946.

tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp, giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, gìn giữ an ninh, trật tự của thành phố... Đến ngày 19/12/1946, thiện chí hòa bình của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã bị thực dân Pháp thẳng thừng cự tuyệt. Vì vậy, Đảng và nhân dân Việt Nam chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là cầm súng đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng; bảo vệ những thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám vừa giành được.

Ngày 12/12/1946, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến*. Ngày 18/12/1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng (mở rộng) họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông (nay thuộc quận Hà Đông, thành phố Hà Nội) đã đánh giá mức độ nghiêm trọng của tình hình, kịp thời đề ra chủ trương đối phó và quyết định phát động toàn dân, toàn quốc tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp với tinh thần "thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". Ngày 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân ta quyết kháng chiến đến cùng để bảo vệ nền độc lập, tự do:

"Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên!"[1].

Quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng và *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thực hiện mệnh lệnh của Chính phủ, bắt đầu từ 20 giờ ngày 19/12/1946, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quân và dân Hà Nội và ở các đô thị từ bắc vĩ tuyến 16 trở ra đã đồng loạt nổ súng, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Tại Hà Nội, vào lúc 20 giờ 3 phút, pháo đài Láng bắn loạt đại bác đầu tiên vào thành Hà Nội, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Đèn điện trong thành phố vụt tắt, các lực lượng vũ trang Vệ quốc đoàn, Tự vệ chiến đấu, Công an xung phong nhất loạt tấn công các vị trí đóng quân của Pháp trong thành phố. Cuộc chiến đấu diễn ra trên từng góc phố, căn nhà vô cùng ác liệt, không cân sức giữa ta và địch. Cuộc chiến đấu ở mặt trận Hà Nội là quyết liệt nhất, diễn ra liên tục trong suốt 60 ngày đêm khói lửa. Nhiều trận đánh ác liệt, giằng co, quyết tử, một mất một còn giữa ta và Pháp ở nhà Bắc Bộ phủ, nhà Bưu điện Bờ Hồ, chợ Đồng Xuân, ga Hàng Cỏ, sân bay Bạch Mai, Ô Cầu Dền... thể hiện tinh thần chiến đấu bất khuất, kiên cường "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.534.

quân dân cả nước. Quân ta đã chống trả quyết liệt, đánh tiêu hao nhiều sinh lực địch, bảo vệ an toàn các cơ quan đầu não, lãnh đạo của Trung ương và nhân dân rút ra ngoại thành; hoàn thành nhiệm vụ giam chân địch trong thành phố, bước đầu làm thất bại kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp; bảo toàn lực lượng, phát triển lực lượng chiến đấu thành một Trung đoàn chính quy mang tên "Trung đoàn Thủ đô". Đến ngày 17/2/1947, Trung đoàn Thủ đô và các lực lượng quân sự đã chủ động rút lui ra ngoài thành phố, lên chiến khu an toàn để củng cố, bảo toàn và phát triển lực lượng kháng chiến lâu dài...

Ở các địa phương khác như Đà Nẵng, Huế, Vinh, Nam Định, Bắc Ninh, Bắc Giang, quân và dân ta cũng đồng loạt nổ súng tấn công vào các vị trí đóng quân của địch trong các đô thị, ngăn chặn địch trên các tuyến giao thông, đánh phá các cơ sở chiến tranh của địch; kìm giữ chân địch không cho chúng mở rộng địa bàn chiếm đóng xung quanh thành phố, thị xã, thị trấn; tiếp tục di chuyển nhân tài, vật lực lên các khu căn cứ địa và ATK...

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng ta được hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm từ 1945 đến 1947. Nội dung cơ bản của đường lối là: *dựa trên sức mạnh toàn dân, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính*. Đường lối đó được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng, lời kêu gọi, bài

viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh, trong đó tập trung ở các văn bản: Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* (25/11/1945), Chỉ thị *Tình hình và chủ trương* (3/3/1946), Chỉ thị *Hòa để tiến* (9/3/1946), Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* (12/12/1946), *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946), tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh (8/1947),...

Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn; vì nền tự do dân chủ và góp phần bảo vệ hòa bình thế giới...

Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến. Xây dựng sự đồng thuận, nhất trí của cả nước, đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc, "mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận". Trong đó Quân đội nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định. Động viên và phát huy cho được mọi tiềm năng, sức mạnh của dân tộc, mọi nguồn lực vật chất, tinh thần trong nhân dân phục vụ kháng chiến thắng lợi.

Kháng chiến lâu dài là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch, vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển biến so sánh lực lượng trên chiến trường có lợi cho ta; lấy thời gian là lực lượng vật chất để chuyển hóa yếu thành mạnh. Kháng chiến lâu dài nhưng không có nghĩa là kéo dài vô thời hạn mà phải luôn tranh thủ, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước nhảy vọt về chất, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Kháng chiến dựa vào sức mình là chính, là sự kế thừa tư tưởng chiến lược trong chỉ đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành chính quyền của lãnh tụ Hồ Chí Minh. Phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần trong nhân dân ta làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân. Trên cơ sở đó, tìm kiếm, phát huy cao độ và có hiệu quả sự ủng hộ, giúp đỡ tinh thần và vật chất của quốc tế khi có điều kiện. Lấy độc lập, tự chủ về đường lối là yếu tố quan trọng hàng đầu.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đường lối kháng chiến của Đảng trở thành ngọn cờ dẫn đường, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Đường lối đó được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

b) Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến (1947 - 1950)

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, Trung ương Đảng quyết định chia cả nước thành các khu và sau này thành các chiến khu quân sự để phục vụ yêu cầu chỉ đạo cuộc kháng chiến. Các Ủy ban kháng chiến hành chính được thành lập; các tổ chức chính trị, xã hội được củng cố nhằm tăng cường đoàn kết, tập hợp đông đảo nhất mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến.

Ngày 6/4/1947, Ban Chấp hành Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị cán bộ Trung ương, nhấn mạnh việc mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp, củng cố chính quyền nhân dân ở vùng địch tạm chiếm, phát động chiến tranh du kích, đẩy mạnh công tác ngoại giao và tăng cường công tác xây dựng Đảng với việc mở đợt phát triển đảng viên mới "Lớp tháng Tám". Nhiều quần chúng ưu tú công, nông, trí đã gia nhập Đảng. Cuối năm 1947, tổng số đảng viên toàn Đảng tăng lên đến hơn 70.000 người. Bộ đội chính quy phát triển lên hơn 12 vạn quân, được biên chế thành 57 trung đoàn và 20 tiểu đoàn độc lập, bên cạnh đó, lực lượng dân quân tự vệ đã phát triển lên hơn 1 triệu người. Trang bị vũ khí được cải thiện, có khoảng 3 vạn khẩu súng, toàn quân có hơn 20 công xưởng sửa chữa, sản xuất vũ khí thô sơ. Lực lượng công an được thống nhất tổ chức trong toàn quốc và hoạt động cả trong vùng địch hậu và vùng tự do. Tổ chức của Nha Công an Việt Nam được thiết lập theo hệ thống dọc đến cấp khu, ty, quận, huyện, có sự phát triển mới cả về biên chế, tổ chức bộ máy, lý luận nghiệp vụ. Công an nhân dân đã lập nên nhiều chiến công lớn có tiếng vang trong cả nước, điển hình là chiến công của Tổ điệp báo A13, đánh đắm Thông báo hạm Amyot D'inville của Pháp ở ngoài khơi vùng biển Sầm Sơn, Thanh Hóa (9/1950), góp phần đập tan âm mưu của thực dân Pháp hòng mua chuộc, lôi kéo những người kháng chiến ly khai để xây dựng "chiến khu quốc gia", đánh chiếm vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh của ta[1]...

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp. Tranh thủ sự ủng hộ, đồng tình của lực lượng tiến bộ và nhân dân thế giới đối với cuộc kháng chiến; đặt cơ quan đại diện ở Thái Lan, Miến Điện (nay là Mianma), cử các đoàn đại biểu đi dự hội nghị quốc tế,...

Về quân sự, trong thu đông 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân, gồm cả ba lực lượng chủ lực là lục quân, hải quân và không quân, hình thành ba mũi tiến công chính tiến lên vùng ATK Việt Bắc, trong đó có mũi thọc sâu, đột kích nhảy dù xuống trung tâm thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới, Chợ Đồn, hòng bắt gọn Chính phủ Hồ Chí Minh.

1. Xem Bộ Nội vụ: *Công an nhân dân Việt Nam - Lịch sử biên niên (1945 - 1954)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1994, tr.235.

Các mũi khác tiến theo đường số 4 từ Lạng Sơn lên Cao Bằng; một mũi tiến theo đường sông Hồng lên sông Lô, sông Gâm tiến công vào ATK Tuyên Quang, thọc sâu vào vùng ATK hàng trăm cây số, trải rộng trên địa bàn khắp 12 tỉnh Việt Bắc.

Để đối phó với cuộc tấn công của địch lên Việt Bắc, ngày 15/10/1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị Phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp, trong đó nêu rõ quyết tâm của quân và dân ta, vạch ra thế yếu của địch và đề ra các nhiệm vụ quân sự cho các chiến trường là phải ra sức phát động mạnh mẽ cuộc chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ; chặt đứt giao thông, bao vây không để địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau; tổ chức cuộc chiến tranh nhân dân, đồng loạt tấn công đánh địch trên tất cả các hướng tiến công của chúng cả đường bộ và đường sông. Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục, oanh liệt, đến ngày 21/12/1947, quân và dân ta đã lần lượt bẻ gãy tất cả các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy hàng trăm xe cơ giới, bắn chìm nhiều tàu xuồng và nhiều phương tiện chiến tranh khác. Ta đã bảo toàn được cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến, đánh bại âm mưu, kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

Phối hợp với mặt trận chính, Đảng đã chỉ đạo quân dân vùng tạm bị chiếm đẩy mạnh kháng chiến, ra sức đánh phá chính quyền địch, diệt tề, trừ gian, trừng trị

nhiều tên Việt gian tay sai đầu sỏ ngay trong sào huyệt của chúng[1]. Đầu năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng Trung tướng Nguyễn Bình và 9 thiếu tướng. Sự kiện đó là bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Từ năm 1948, tình hình quốc tế có những chuyển biến có lợi cho các lực lượng cách mạng và tác động tích cực đối với cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Đặc biệt, ngày 1/10/1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc giành được chính quyền, Nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. Nước Pháp liên tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, mâu thuẫn phức tạp nảy sinh, thế chiến lược quân sự của Pháp ở Đông Dương bị đảo lộn...

Phát huy thắng lợi, Đảng chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn diện để làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt" của thực dân Pháp. Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, việc xây dựng thực lực kháng chiến được tăng cường. Các ngành, các giới, các đoàn thể phát động rộng rãi, mạnh mẽ và tổ chức sâu rộng nhiều cuộc vận động thi đua ái quốc theo *Lời kêu gọi Thi đua ái quốc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 11/6/1948. Nhiều loại hàng hóa cần thiết cho đời sống của bộ đội và nhân dân được sản xuất và tự cấp, tự túc kịp thời, như: vải vóc, giấy,

---

1. Xem Bộ Nội vụ: *Công an nhân dân Việt Nam - Lịch sử biên niên (1945 - 1954), Sđd*, tr.134.

thuốc chữa bệnh, nông cụ... Hội nghị Văn hóa toàn quốc được tổ chức tháng 7/1948 đã nhất trí thông qua đường lối, phương châm xây dựng nền văn hóa mới mang tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng. Tàn dư văn hóa thực dân, phong kiến từng bước được xóa bỏ, hình thành các giá trị văn hóa mới; công tác cải cách nền giáo dục quốc gia cũng thu được những kết quả tích cực.

Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc, Liên Xô; sau đó lần lượt Chính phủ Trung Quốc (18/1/1950), Liên Xô (30/1/1950) và các nhà nước dân chủ nhân dân Đông Âu; Triều Tiên (2/1950) công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ủng hộ, giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Với Lào và Campuchia, Đảng chủ trương "mở rộng mặt trận Lào - Miên", thắt chặt tình đoàn kết chiến đấu Việt - Miên - Lào để giúp bạn và cùng bạn chiến đấu. Từ cuối năm 1947, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã cử một số cán bộ, chiến sĩ sang giúp lực lượng kháng chiến Lào, xây dựng các khu căn cứ kháng chiến ở vùng Hạ, Trung và Thượng Lào. Cán bộ Việt kiều ở Thái Lan đã giúp lực lượng yêu nước Campuchia thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Khmer; xây dựng vùng căn cứ ở Tây Bắc Campuchia.

Tháng 11/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Trong quân đội có cuộc vận

động "luyện quân lập công" và tiếp theo là phong trào thi đua "rèn cán, chỉnh quân". Lực lượng ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích) phát triển nhanh chóng và trưởng thành về mọi mặt, số lượng bộ đội tăng lên 23 vạn người, trong đó có 40.000 đảng viên; số dân quân tự vệ và du kích lên đến 3 triệu người. Đầu năm 1950, lực lượng cơ động của ta đã hơn hẳn địch[1]. Viện trợ quân sự của Trung Quốc cũng góp phần tăng cường, cải thiện trang bị cho bộ đội ta. Lực lượng Công an Việt Nam được Đảng quan tâm chỉ đạo xây dựng theo đường lối Công an nhân dân. Công tác xây dựng Đảng được đẩy mạnh và phát triển nhanh trong 2 năm 1948 - 1949, kết nạp được hơn 50.000 đảng viên mới. Cuộc vận động "xây dựng chi bộ tự động công tác" đã góp phần phát triển rộng khắp và tôi luyện các cơ sở đảng. Tháng 2/1950, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tổng động viên, ra sắc lệnh huy động nhân lực, vật lực, tài lực của toàn dân để phục vụ đẩy mạnh công cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi lớn hơn. Từ cuối năm 1950, Đảng quyết định tạm ngừng phát triển Đảng để củng cố vì phát hiện ở nhiều nơi, việc phát triển Đảng "quá nóng", mắc sai lầm về tiêu chuẩn đảng viên. Trung ương Đảng đã ra chỉ thị uốn nắn, sửa chữa khắc phục một số khuyết điểm, sai lầm chủ quan

1. Quân đội ta có 2 đại đoàn (304 và 308), 2 trung đoàn chủ lực và 12 trung đoàn chủ lực của Liên khu. Quân đội Pháp ở Việt Nam lúc này chỉ có 12 tiểu đoàn cơ động chiến lược.

nóng vội, muốn chuyển nhanh, chuyển mạnh sang tổng phản công; nhận thức lệch lạc trong động viên sức người, sức của vượt quá sức dân.

Trong vùng tạm bị chiếm, Đảng chỉ đạo tiếp tục phát triển mạnh chiến tranh du kích để "biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta". Nhân dân cùng lực lượng vũ trang đã tiến hành chiến dịch tổng phá tề, trừ gian ở vùng sau lưng địch, phá hệ thống kìm kẹp của địch, đánh phá bộ máy chính quyền bù nhìn cơ sở của địch ở nhiều vùng rộng lớn, lập chính quyền của ta; tổ chức chống càn quét, chống đi phu, bắt lính, chống nộp thuế cho địch. Tại nhiều địa phương, quân và dân đã phối hợp hiệp đồng chiến đấu, tổ chức đánh phục kích tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và giành được thắng lợi giòn giã, điển hình như trận La Ngà (3/1948), Nghĩa Lộ (3/1948), Tầm Vu (4/1948), Đồng Dương (4/1948).

Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm cơ hội thay thế Pháp. Ngày 9/1/1950, 3.000 học sinh, sinh viên Sài Gòn - Chợ Lớn biểu tình, bị thực dân Pháp đàn áp dã man, Trần Văn Ơn hy sinh. Ngày 19/3/1950, hơn 500.000 người dân Sài Gòn biểu tình chống Mỹ khi Mỹ đưa tàu chiến tới cảng Sài Gòn. Xứ ủy Nam Bộ có vai trò quan trọng trong chỉ đạo phong trào đấu tranh của nhân dân Nam Bộ; luật sư Nguyễn Hữu Thọ tham gia lãnh đạo nhiều cuộc biểu tình chống thực dân Pháp.

Địa bàn Nam Bộ vốn là nơi địch thực hiện "chiến thuật mạng nhện", xây dựng hệ thống tháp canh dày đặc,

gây cho ta nhiều khó khăn. Nhận thức được điều đó, Xứ ủy Nam Bộ đã kịp thời chỉ đạo khắc phục, đưa phong trào chiến tranh du kích ngày càng phát triển. Tại mặt trận Khu VIII, ta mở chiến dịch Cầu Kè - Trà Vinh (4/1949), đánh vây đồn, diệt viện và thu được thắng lợi to lớn. Ở Khu VII, bộ đội thử nghiệm cách đánh đặc biệt (sau gọi là đặc công) dùng mìn đánh tháp canh và các mục tiêu cầu, cống, kho tàng của địch với trận đánh đầu tiên ở cầu Bà Kiên đêm 18/4/1950.

Từ cuối năm 1948, đầu năm 1949, Trung ương Đảng chủ trương tăng cường phối hợp chiến đấu với quân, dân Lào, Campuchia và Trung Quốc. Trực tiếp đưa bộ đội tham gia hỗ trợ quân giải phóng Trung Quốc trong chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn ở khu vực biên giới Việt - Trung...

Từ giữa năm 1949, tướng Rơve (Revers) - Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp đề ra kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, phong tỏa, khóa chặt biên giới Việt - Trung. Ngày 8/3/1949, Tổng thống Pháp Vincent Auriol ký với Bảo Đại Hiệp định về quan hệ Pháp - Việt. Ngày 13/6/1949, Bảo Đại được Pháp đưa về Sài Gòn làm Quốc trưởng và ngày 1/7/1949, Bảo Đại tuyên bố thành lập "Quốc gia Việt Nam". Đó là chính quyền bất hợp pháp, giả hiệu do Pháp dựng lên. Tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới thu đông 1950, tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt - Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn, nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc,

tạo hành lang rộng mở quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển lên giai đoạn mới. Chiến dịch Biên giới thu đông 1950 trải dọc theo tuyến biên giới Việt - Trung từ thị xã Cao Bằng đến Đình Lập (giáp Móng Cái). Đây là chiến dịch quân sự lớn, quan trọng đầu tiên do quân ta chủ động tấn công; đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thị sát và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Cuộc chiến đấu anh dũng và quyết liệt của quân và dân ta diễn ra liên tiếp trong suốt 30 ngày đêm (từ ngày 16/9 đến ngày 17/10/1950) đã giành được thắng lợi to lớn, "đạt được mục tiêu diệt địch, kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng vây". Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn.

3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951 - 1954)

a) Đại hội đại biểu lần thứ II và Chính cương của Đảng (2/1951)

Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng họp từ ngày 11 đến ngày 19/2/1951, tại xã Vinh Quang (nay là Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự Đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết, thay mặt cho hơn 766.000 đảng viên toàn Đảng. Đại hội được tiến hành trong bối cảnh Liên Xô lớn mạnh vượt bậc về mọi mặt, các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và phong trào cách mạng. Mỹ tăng cường giúp đỡ Pháp can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Ở trong nước, cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Cách mạng Lào và Campuchia cũng có những chuyển biến tích cực. Điều kiện lịch sử đó đặt ra cho Đảng Cộng sản Đông Dương các yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng phù hợp với mỗi nước ở Đông Dương để đưa kháng chiến đi đến thắng lợi.

Theo sáng kiến của những người cộng sản Việt Nam, được những người cộng sản Lào và Campuchia nhất trí tán thành, Đại hội quyết định: Do nhu cầu kháng chiến, giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một đảng riêng. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam[1].

Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày tại Đại hội đã tổng kết phong trào cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam trong nửa đầu thế kỷ XX, dự báo những triển vọng tốt đẹp của nửa thế kỷ sau; rút ra bài

1. Ngày 28/6/1951, Đảng bộ Campuchia đã họp Đại hội, quyết định thành lập Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia và bầu Ban Lãnh đạo của Đảng do Sơn Ngọc Minh đứng đầu. Đảng bộ Lào cũng tích cực chuẩn bị và đến ngày 22/3/1955 đã họp Đại hội, quyết định thành lập Đảng Nhân dân Lào (sau đổi là Đảng Nhân dân Cách mạng Lào), do Cayxỏn Phômvihản làm Tổng Bí thư.

học trong 21 năm hoạt động của Đảng. Báo cáo vạch rõ nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất độc lập hoàn toàn, bảo vệ hòa bình thế giới. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, Đảng phải đề ra những chính sách và biện pháp nhằm tích cực tăng cường lực lượng vũ trang, củng cố các đoàn thể quần chúng, đẩy mạnh thi đua ái quốc, mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, tăng cường đoàn kết quốc tế; đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng Lao động Việt Nam thành "một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để" để lãnh đạo đưa kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam, đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. *Chính cương Đảng Lao động Việt Nam* được Đại hội thông qua, gồm các nội dung quan trọng sau đây:

- *Xác định tính chất của xã hội Việt Nam* lúc này có 3 tính chất: "dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến". Cuộc kháng chiến để giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với các thế lực phản động chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược. Đối tượng đấu tranh chính của Việt Nam hiện nay là chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp, can thiệp Mỹ và phong kiến phản động.

- *Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam* là: "đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây cơ sở cho chủ nghĩa xã hội"[1]. Những nhiệm vụ đó có mối quan hệ khăng khít với nhau, nhưng nhiệm vụ chính lúc này là tập trung đấu tranh chống xâm lược, hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc.

- *Động lực của cách mạng Việt Nam* được xác định gồm có bốn giai cấp là: công nhân, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc, ngoài ra còn có những thân sĩ (thân hào, địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Trong đó, lấy nền tảng là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và lao động trí óc; giai cấp công nhân đóng vai trò là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- *Triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam* nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nên nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là quá trình lâu dài, có các giai đoạn phát triển tương ứng với những nhiệm vụ trung tâm, đó là: hoàn thành giải phóng dân tộc; xóa bỏ tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện triệt để người cày có ruộng, hoàn chỉnh chế độ dân chủ nhân dân; tiến tới xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.12, tr.434.

Nội dung của Chính cương còn nêu ra 15 chính sách lớn của Đảng trong giai đoạn hiện tại nhằm tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam, làm tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Điều lệ mới của Đảng được Đại hội thông qua có 13 chương, 71 điều, trong đó xác định rõ mục đích, tôn chỉ của Đảng là phấn đấu "phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam"[1]. Điều lệ Đảng cũng nêu ra những quy định về đảng viên, về nền tảng tư tưởng của Đảng, nguyên tắc hoạt động của Đảng Lao động Việt Nam. *Báo cáo chính trị* tại Đại hội nhấn mạnh: "trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"[2].

Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 19 ủy viên chính thức và 10 ủy viên dự khuyết. Ban Chấp hành dã bầu Bộ Chính trị gồm 7 ủy viên chính thức, 1 ủy viên dự khuyết và Ban Bí thư. Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu

---

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.12, tr.444, 38.

làm Chủ tịch Đảng, đồng chí Trường Chinh được bầu lại làm Tổng Bí thư.

Đại hội II thành công là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt, là "Đại hội kháng chiến kiến quốc", "thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam".

b) Đẩy mạnh phát triển cuộc kháng chiến về mọi mặt

Từ đầu năm 1951, Đảng chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân sự có quy mô tương đối lớn đánh vào các vùng chiếm đóng của địch ở địa bàn trung du và đồng bằng Bắc Bộ, tiêu diệt, tiêu hao sinh lực địch, tạo điều kiện phát triển cuộc chiến tranh du kích vùng sau lưng địch. Tiếp đó, ta mở Chiến dịch Hòa Bình (12/1951) và Chiến dịch Tây Bắc thu đông 1952 nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một phần vùng Tây Bắc, phá âm mưu lập "xứ Thái tự trị" của thực dân Pháp. Trên chiến trường Liên khu V, phong trào chiến tranh du kích phát triển mạnh ở các tỉnh Tây Nguyên, Bắc Quảng Nam, Khánh Hòa, Nam Bình Thuận... Trên địa bàn Nam Bộ, theo chỉ đạo của Xứ ủy, lực lượng vũ trang được tổ chức và sắp xếp lại cho phù hợp với nhiệm vụ phát triển chiến tranh du kích. Quân và dân Nam Bộ tích cực tiến công địch bằng các hình thức tập kích, phục kích, đánh đặc công, tiêu biểu là trận đánh vào khu hậu cần của Pháp ở Phú Thọ (Sài Gòn) ngày 8/5/1952, đốt cháy hơn 5 triệu lít xăng, phá hủy hơn 1.000 quả bom và diệt gọn

một đại đội quân Pháp... Phát huy thắng lợi của các chiến dịch quân sự trong nước, Đảng quyết định phối hợp với cách mạng Lào mở chiến dịch Thượng Lào (gồm tỉnh Hủa Phăn và Xiêng Khoảng), giúp Chính phủ kháng chiến Lào giải phóng thêm đất đai và mở rộng khu căn cứ địa, phá thế bố trí chiến lược của thực dân Pháp ở bắc Đông Dương.

Trên các mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng, Chính phủ chỉ đạo đẩy mạnh việc chăm lo phát triển thực lực, củng cố và tăng cường sức mạnh hậu phương kháng chiến. Tháng 4/1952, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra những quyết sách lớn về công tác "chỉnh Đảng, chỉnh quân", xác định đó là nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng Đảng, xây dựng quân đội giai đoạn này. Cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, khắc phục khó khăn, hăng hái lao động đã tự túc một phần lương thực, thực phẩm; bảo đảm đạn dược, thuốc men, quân trang, quân dụng cung cấp đủ cho bộ đội. Chấn chỉnh lại chế độ thuế khóa, tài chính, xây dựng ngành thương nghiệp, ngân hàng; thực hiện từng bước chính sách ruộng đất, chính sách thuế nông nghiệp, chính sách địa tô. Các mặt văn hóa, y tế, giáo dục, xây dựng nếp sống mới, củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất cũng được phát triển và đạt được nhiều thành tựu mới...

Từ đầu năm 1953, Đảng chủ trương đẩy mạnh thực hiện các cải cách dân chủ, phát động quần chúng nông

dân triệt để giảm tô, giảm tức tiến tới cải cách ruộng đất nhằm góp phần thúc đẩy kháng chiến mau thắng lợi, thực hiện mục tiêu người cày có ruộng. Nông dân đã được tạm cấp gần 180.000 ha ruộng đất vốn là của thực dân, địa chủ Việt gian, ruộng công, ruộng hoang hóa, vắng chủ. Tháng 1/1953, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp kiểm điểm về thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng và quyết định tiến tới cải cách ruộng đất ở một số vùng nông thôn Việt Nam. Tháng 11/1953, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Hội nghị toàn quốc của Đảng lần thứ nhất quyết nghị thông qua Cương lĩnh ruộng đất của Đảng Lao động Việt Nam với 23 điều và nêu chủ trương: "phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất", thực hiện người cày có ruộng, nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của người nông dân. Chủ trương, chính sách về ruộng đất và cải cách ruộng đất của Đảng và Nhà nước ta được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, như: hiến ruộng đất, tịch thu, trưng thu, trưng mua và đem ruộng đất đó chia cho cố nông, bần nông và trung nông lớp dưới là những người không có hoặc thiếu ruộng cày cấy. Chủ trương đó đã tạo ra chuyển biến lớn về kinh tế, chính trị ở nông thôn, thúc đẩy sức sản xuất phát triển, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người nông dân Việt Nam.

Ngày 4/12/1953, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa I đã thông qua Luật cải cách ruộng đất và ngày 19/12/1953,

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành Luật cải cách ruộng đất. Thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, hàng ngàn héctа ruộng đất và các loại nông cụ, trâu bò, tư liệu sản xuất nông nghiệp đã được chia cho nông dân nghèo, nhất là bần, cố nông. Thắng lợi này đã làm nức lòng bộ đội nơi tiền tuyến, tăng thêm quyết tâm giết giặc, lập công, góp phần tích cực động viên sức người, sức của cho Chiến dịch Điện Biên Phủ... Song, do còn hạn chế trong nhận thức, việc tiếp thu kinh nghiệm đấu tranh giai cấp của nước ngoài đã mắc vào giáo điều chủ nghĩa, vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng là độc đoán, chuyên quyền, định kiến chủ quan, quan liêu, mệnh lệnh, nhất là ở phương pháp, cách làm, ở việc chỉ đạo xử lý không đúng một số trường hợp oan sai trong cải cách ruộng đất, càng về sau càng nặng hơn[1]...

c) Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến

Bước vào năm 1953, quân đội Pháp ở Đông Dương bị mắc kẹt trong mâu thuẫn giữa tập trung binh lực và

---

1. Về vấn đề này, đến Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 10 (mở rộng) tháng 10/1956, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích sâu sắc, nhận thức đầy đủ, chỉ rõ khuyết điểm, sai lầm, nguyên nhân sai lầm và đã tự phê bình rất nghiêm khắc, có hình thức kỷ luật thích đáng những cá nhân gây ra sai phạm; đề ra nhiều chủ trương, biện pháp khắc phục hậu quả, lấy lại niềm tin của nhân dân.

chiếm giữ, giữa tiến công và phòng ngự, giữa bảo vệ đồng bằng Bắc Bộ và bảo vệ vùng Tây Bắc, Thượng Lào. Nước Pháp lệ thuộc ngày càng sâu vào viện trợ quân sự Mỹ và đang dốc mọi cố gắng hòng tìm một lối thoát trong danh dự.

Tháng 5/1953, Pháp cử Đại tướng Hăngri Nava (H. Navarre) đang đảm nhiệm chức vụ Tổng Tham mưu trưởng lục quân khối NATO sang làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7/1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị - quân sự mới lấy tên là "Kế hoạch Nava". Kế hoạch Nava dự kiến thực hiện trong vòng 18 tháng nhằm "chuyển bại thành thắng". Nava chủ trương tăng cường tập trung binh lực, hình thành những "quả đấm thép" để quyết chiến với chủ lực của Việt Minh. Chi phí vật chất của kế hoạch Nava phần lớn do Mỹ thực hiện. Trong quá trình triển khai kế hoạch, Nava đã từng bước biến Điện Biên Phủ - một địa danh vùng Tây Bắc Việt Nam trở thành một căn cứ quân sự khổng lồ và là trung tâm của kế hoạch. Đến đầu năm 1954, Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một "pháo đài khổng lồ không thể công phá", được giới quân sự, chính trị Pháp - Mỹ đánh giá là "một cỗ máy để nghiền Việt Minh".

Để đánh bại âm mưu và kế hoạch Nava, Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954. Từ đầu tháng 9/1953, Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam

nghiên cứu, đánh giá toàn diện tình hình quân sự trên chiến trường và vạch ra kế hoạch tác chiến mới. Cuối tháng 9/1953, Bộ Chính trị họp bàn và thông qua chủ trương tác chiến chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng của ta, giữ vững thế chủ động, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Nghị quyết quan trọng này của Bộ Chính trị đã mở đường đi tới những thắng lợi lịch sử trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tháng 12/1953, Bộ Tổng tham mưu đã xây dựng xong các kế hoạch tác chiến cụ thể cho các chiến trường và được Bộ Chính trị phê chuẩn. Trên cơ sở báo cáo quyết tâm của Tổng Quân ủy, cuộc họp của Bộ Chính trị ngày 6/12/1953 đã quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ và giao Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tư lệnh quân đội trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch. Phối hợp với mặt trận Điện Biên Phủ và tạo điều kiện cho trận quyết chiến chiến lược ở Điện Biên Phủ, lực lượng quân sự tổ chức nghi binh, kéo dãn lực lượng địch trên toàn chiến trường Đông Dương, mở nhiều cuộc tấn công địch đồng loạt trên các hướng chiến lược quan trọng, như: Lai Châu (12/1953); Trung Lào (12/1953), Hạ Lào và Đông Bắc Campuchia (12/1953); mặt trận Tây Nguyên (1/1954); Thượng Lào (1/1954). Tại mặt trận Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ, Nam Bộ, ta tổ chức đồng loạt tấn công địch, kết hợp phát

động phá tề, trừ gian, mở các chiến dịch địch vận, ngụy vận, phá hủy giao thông, đẩy mạnh hoạt động chiến tranh du kích...

Nhằm phát huy sức mạnh của hậu phương, chi viện tiền tuyến, nhất là lực lượng nông dân cho cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 và Chiến dịch Điện Biên Phủ, Trung ương Đảng, Quốc hội và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định phát động phong trào quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất, Bộ Chính trị quyết định thành lập Ủy ban chi viện tiền tuyến; Hội đồng cung cấp mặt trận Trung ương và các địa phương cũng được thành lập. Mọi nguồn nhân tài, vật lực, dân công tiếp tế, chi viện cho mặt trận Điện Biên Phủ được tăng cường với hàng vạn ngày công, hàng vạn tấn lương thực, đạn dược, vũ khí, phương tiện trang bị,... Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng, không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy, toàn quân, toàn dân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được"[1].

Thực hiện quyết tâm chiến lược đó, ta đã tập trung khoảng 5 vạn quân với mọi nỗ lực và quyết tâm cao nhất bao vây chặt quân địch ở Điện Biên Phủ. Với phương châm "đánh chắc, tiến chắc", "đánh chắc thắng", ngày 13/3/1954,

---

1. Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp (12/1953).

quân ta nổ súng tấn công địch ở phân khu phía bắc trung tâm Mường Thanh, mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ. Trải qua 56 ngày đêm, với 3 đợt tiến công lớn, đến 17 giờ 30 phút chiều 7/5/1954, Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm hầm chỉ huy, bắt sống tướng Đờ Cátơri (Chiristian de Castries), Chỉ huy trưởng và Bộ Chỉ huy tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Toàn bộ lực lượng địch ở Điện Biên Phủ bị tiêu diệt và bị bắt sống. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đã đưa cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 - 1954 và cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi vẻ vang.

Chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ là thắng lợi của ý chí và khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam mà nòng cốt là lực lượng Quân đội nhân dân anh hùng. Với nước Pháp: "Điện Biên Phủ thất thủ gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đó là một trong những thảm bại lớn nhất của phương Tây..."[1]. Thắng lợi ở Điện Biên Phủ là "thiên sử vàng của dân tộc Việt Nam", được ghi nhận là một chiến công vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX và "đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân"[2].

---

1. Jules Roy: *Trận Điện Biên Phủ dưới con mắt của người Pháp*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1994, tr.579.

2. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới, Sđd*, tr.90.

Cùng với thắng lợi quân sự to lớn, vang dội ở Điện Biên Phủ, trên toàn chiến trường Đông Dương, quân và dân ta cũng giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự ở cả vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, mặt trận Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Những thắng lợi này đã góp phần cổ vũ, tác động tích cực đối với mặt trận Điện Biên Phủ.

Từ cuối năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố về lập trường của Việt Nam: "Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thật sự của nước Việt Nam"[1], phải đình chỉ cuộc chiến tranh xâm lược và phải thương lượng trực tiếp và chủ yếu với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa[2]. Tuyên bố này mở đường cho đấu tranh ngoại giao tại Hội nghị Giơnevơ (Geneve, Thụy Sĩ).

Hội nghị Giơnevơ bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương khai mạc ngày 8/5/1954. Trong 75 ngày đàm phán căng thẳng, gay go, phức tạp, trải qua 8 phiên họp toàn thể, 23 phiên họp cấp trưởng đoàn và nhiều cuộc gặp gỡ riêng với nhiều áp lực, tác động tiêu cực của diễn biến tình hình quốc tế phức tạp và sức ép của các nước lớn. Đoàn Mỹ do J. Đalét (John Foster Dules), Bộ trưởng Ngoại giao dẫn đầu; đoàn Vương quốc Anh do Bộ trưởng Ngoại giao Anthony Eden là Trưởng đoàn; đoàn

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.340.

2. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.340-341.

Pháp do Biđôn (Georges Bidault) dẫn đầu; đoàn Liên Xô do Bộ trưởng Ngoại giao Viacheslav Molotov làm Trưởng đoàn; đoàn Trung Quốc do Thủ tướng Chu Ân Lai làm Trưởng đoàn. Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn. Các đoàn Vương quốc Lào, Vương quốc Campuchia và Quốc gia Việt Nam (chính quyền Bảo Đại) cũng tham gia Hội nghị. Phía Việt Nam luôn kiên trì đấu tranh, giữ vững nguyên tắc, nhân nhượng có điều kiện và cũng tích cực đấu tranh để bảo vệ quyền lợi chính trị của lực lượng kháng chiến Lào và Campuchia. Song, so sánh lực lượng không thuận lợi cho cách mạng ba nước Đông Dương, nên ta đồng ý chấp nhận ký kết với Pháp bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam vào ngày 21/7/1954. Trong quá trình diễn ra Hội nghị, Mỹ đã gây sức ép buộc Pháp chấp nhận đưa Ngô Đình Diệm về nước làm Thủ tướng trong chính quyền Bảo Đại nhằm xây dựng một chính quyền thân Mỹ thay thế chính quyền thân Pháp. Tổng thống Mỹ Aixenhao (Dwight D. Eisenhower) quyết tâm thúc đẩy quá trình Mỹ thay thế Pháp ở Việt Nam và Đông Dương.

Hội nghị đã thông qua bản Tuyên bố cuối cùng về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương có chữ ký của các bên. Đại biểu Mỹ không ký, nhưng tuyên bố cam kết tôn trọng Hiệp định. Bản Tuyên bố nêu rõ: Pháp và các nước tham dự Hội nghị long trọng cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp

vào công việc nội bộ của các nước đó; cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lập lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương... Kết quả Hội nghị phản ánh xu thế chung và cục diện tình hình quốc tế lúc bấy giờ. Đây là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam và mở đường cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho nhân dân ba nước Đông Dương sau này.

4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ

a) Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã bảo vệ thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám; củng cố, phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đưa đến việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo tiền đề về chính trị - xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng, bảo vệ vững chắc miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã giành được thắng lợi to lớn, có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với sự nghiệp đấu tranh giành độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của dân tộc Việt Nam; có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc. Nhân dân Việt Nam đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược có quy mô lớn của quân đội nhà nghề có tiềm lực quân sự và kinh tế hùng mạnh với các trang bị vũ khí, công nghệ, khoa học, kỹ thuật tiên tiến, hiện đại; được điều hành bởi các nhà chính trị lão luyện, các tướng tá quân sự tài ba của Pháp - Mỹ. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa nhỏ bé đã đánh thắng một cường quốc thực dân, đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ, tiến bộ ở các châu lục Á, Phi và khu vực Mỹ Latinh.

b) Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

Thắng lợi của cuộc kháng chiến ghi nhận sự phát triển và thành công trong lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh giải phóng dân tộc của Đảng Lao động Việt Nam và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.

Một là, đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu. Đường lối cơ bản là "kháng chiến và kiến quốc"; kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh là chính. Tinh thần, khí phách đó đã khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và mọi nguồn

lực sáng tạo của các tầng lớp nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống thù trong, giặc ngoài, thực hiện mục tiêu độc lập, dân chủ, tiến bộ trong suốt thời kỳ kháng chiến. Kết hợp sức mạnh nội lực của nhân dân Việt Nam với việc tranh thủ tối đa những điều kiện thuận lợi của quốc tế, phát huy có hiệu quả cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ đối với cuộc kháng chiến.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến. Kháng chiến toàn diện trên các mặt trận, các lĩnh vực cả kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời ưu tiên đẩy mạnh hoạt động quân sự, đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định. Kết hợp nhuần nhuyễn các hình thức đấu tranh trên các mặt trận, lấy quân sự làm nòng cốt, lấy xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm chỗ dựa, nền tảng để củng cố, phát triển cơ sở hạ tầng chính trị - xã hội vững chắc, phát huy hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến của Đảng, Chính phủ trên thực tế. Kháng chiến đi đôi với kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến, xây dựng hậu phương - căn cứ địa vững chắc luôn là những nhiệm vụ cơ bản, cùng đồng hành và là nội dung chủ yếu, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến của Đảng Lao động Việt Nam.

Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của

từng giai đoạn. Phát triển các loại hình chiến tranh đúng đắn, sáng tạo phù hợp với đặc điểm của cuộc kháng chiến và so sánh lực lượng ta - địch, đó là loại hình chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích ở cả mặt trận chính diện và vùng sau lưng địch, vùng tạm bị chiếm. Phát huy sở trường của ta và cách đánh địch sáng tạo, linh hoạt kết hợp với chỉ đạo chiến thuật tác chiến linh hoạt, cơ động, "đánh chắc, tiến chắc, chắc thắng", thắng từng bước tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị - quân sự của cuộc kháng chiến. Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy lực lượng vũ trang, nhất là Quân đội nhân dân, Công an nhân dân một cách đúng đắn, thích hợp. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trước hết và quan trọng nhất là về tư tưởng - chính trị, trở thành công cụ chuyên chính sắc bén, tin cậy, làm mũi nhọn, nòng cốt cho kháng chiến, làm chỗ dựa cho toàn dân đánh giặc. Đảng và quân đội đã xây dựng thành công hình ảnh "Bộ đội Cụ Hồ" trong kháng chiến; xây dựng Công an nhân dân mang bản chất giai cấp và tính nhân dân sâu sắc, công an là "bạn dân" theo tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc

kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận. Xây dựng, bồi đắp hình ảnh, uy tín của Đảng và Chính phủ phải bằng hành động thực tế, bằng sự nêu gương và vai trò tiên phong của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình tổ chức cuộc kháng chiến ở cả căn cứ địa - hậu phương và vùng bị địch tạm chiếm. Hết sức chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên cao nhất, nhiều nhất mọi nguồn lực vật chất trong nhân dân, phát huy cao độ tinh thần, nghị lực của nhân dân; củng cố lòng tin vững chắc của nhân dân đối với thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phải luôn nâng cao nhận thức chính trị - tư tưởng, chú ý khắc phục những khuynh hướng tư tưởng giáo điều, tả khuynh, hữu khuynh, chủ quan, duy ý chí trong chỉ đạo, tổ chức cuộc kháng chiến, nhất là tư tưởng chủ quan, nóng vội, coi thường sức mạnh của địch; tập trung cao độ vào nhiệm vụ quân sự, nhưng ít chú ý đúng mức đến nhiệm vụ xây dựng và kiến quốc; giải quyết hài hòa, thỏa đáng mối quan hệ giữa huy động sức dân với bồi dưỡng, nâng cao sức dân; học hỏi, tiếp thu, vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài phải sáng tạo phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Trong công tác chỉnh đảng, chỉnh quân mắc vào chủ nghĩa thành phần, đố kỵ trong công tác cán bộ... Những khuyết điểm này đã gây ra tác hại đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm giảm sút lòng tin trong nhân dân đối với Đảng và Chính phủ.

II- LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954 - 1975)

1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam - Bắc (1954 - 1965)

a) Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954 - 1960)

Ở miền Bắc, sau ngày Hiệp định Giơnevơ (7/1954) được ký kết, cách mạng có những đặc điểm và thuận lợi, khó khăn mới. Đất nước bị chia làm hai miền, có chế độ chính trị, xã hội khác nhau: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, miền Nam do chính quyền đối phương quản lý, trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ.

Trên trường quốc tế, thuận lợi của cách mạng Việt Nam là hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học - kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô. Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản. Bất lợi là: xuất hiện đế quốc Mỹ hùng mạnh có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng được các đời tổng thống nối tiếp nhau xây dựng và thực hiện. Thế giới đi vào thời kỳ

chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Ở trong nước, thuận lợi là đã có miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn trước sau chín năm kháng chiến; có ý chí độc lập thống nhất của nhân dân cả nước. Khó khăn là đất nước chia làm hai miền, có chế độ chính trị khác nhau, miền Nam do đế quốc, tay sai kiểm soát, không chịu thực hiện hòa bình thống nhất đất nước. Kinh tế miền Bắc nghèo nàn, lạc hậu. Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam.

Tình hình phức tạp nêu trên đã đặt Đảng ta trước một yêu cầu bức thiết là phải vạch ra đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên phù hợp với tình hình mới của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại. Trải qua nhiều hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, chủ trương chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới của Đảng từng bước hình thành.

Về chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, sau khi miền Bắc được giải phóng, Trung ương Đảng đã chủ trương chuyển miền Bắc sang giai đoạn mới với nhận thức: sự kết thúc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cũng là sự mở đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa như các cương lĩnh của Đảng đã xác định.

Tháng 9/1954, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế... để sớm đưa miền Bắc trở lại bình thường sau chín năm chiến tranh.

Hội nghị lần thứ bảy (3/1955) và lần thứ tám (8/1955) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã nhận định: Mỹ và tay sai đã hất cẳng Pháp ở miền Nam, công khai lập nhà nước riêng chống phá Hiệp định Giơnevơ, đàn áp phong trào cách mạng. Muốn chống đế quốc Mỹ và tay sai, củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Thực hiện Hiệp định Giơnevơ, ngay sau khi hoà bình được lập lại, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc đấu tranh đòi đối phương phải rút quân khỏi miền Bắc theo đúng thời gian quy định. Cuộc đấu tranh này đã diễn ra hết sức khó khăn, phức tạp bởi Pháp và tay sai đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá, làm rối loạn xã hội và mất trật tự an ninh trước khi chúng rút quân; kích động, thúc ép đồng bào theo đạo Thiên Chúa di cư vào Nam; phá hoại, di chuyển máy móc, nguyên vật liệu trái phép...

Để chống lại âm mưu, thủ đoạn của địch và ổn định tình hình, Đảng và Nhà nước đã ban hành kịp thời nhiều chính sách chỉ đạo các địa phương thực hiện, như: chính sách đối với tôn giáo; chính sách đối với công chức, trí thức trước đây làm việc cho địch; chính sách đối với ngụy quân. Ngoài ra, Đảng và Nhà nước còn huy động hàng vạn cán bộ, bộ đội đến giúp đỡ các địa phương, tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh chống địch cưỡng ép di cư nhằm ổn định tình hình.

Trước tinh thần đấu tranh của nhân dân ta, địch đã phải rút quân theo đúng Hiệp định. Ngày 10/10/1954, những lính Pháp cuối cùng rút khỏi Hà Nội. Ngày 16/5/1955, toàn bộ quân đội viễn chinh Pháp và tay sai đã phải rút khỏi miền Bắc.

Nhận rõ kinh tế miền Bắc cơ bản là nông nghiệp, Đảng đã chỉ đạo lấy khôi phục và phát triển sản xuất nông nghiệp làm trọng tâm. Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp được kết hợp với cải cách ruộng đất và vận động đổi công, giúp nhau sản xuất, đồng thời, chăm lo xây dựng cơ sở vật chất cho nông nghiệp. Đến năm 1957, cơ bản nông nghiệp miền Bắc đã đạt được năng suất và sản lượng của năm 1939, năm cao nhất dưới thời Pháp thuộc, nhờ đó nạn đói bị đẩy lùi, tạo điều kiện giải quyết những vấn đề cơ bản trong nền kinh tế quốc dân, góp phần ổn định chính trị, trật tự an ninh xã hội.

Cùng với khôi phục sản xuất nông nghiệp, việc khôi phục công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành. Hầu hết các xí nghiệp quan trọng đã được phục hồi sản xuất và tăng thêm thiết bị, một số nhà

máy mới được xây dựng. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế được phát triển nhanh.

Công cuộc giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất được tiếp tục đẩy mạnh. Để đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải cách ruộng đất, Đảng chủ trương dựa hẳn vào bần cố nông, đoàn kết với trung nông, đánh đổ giai cấp địa chủ, tịch thu ruộng đất của họ để chia đều cho dân cày nghèo. Đến tháng 7/1956, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành ở đồng bằng, trung du và miền núi. Chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc đến đây bị xóa bỏ hoàn toàn. Hơn 9 triệu người trong hơn 2 triệu hộ nông dân lao động được chia hơn 810.000 ha ruộng đất.

Trong quá trình cải cách ruộng đất, bên cạnh những kết quả đạt được, ta đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài trong chỉ đạo thực hiện. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sai lầm là chủ quan, giáo điều, không xuất phát từ tình hình thực tiễn, nhất là những thay đổi quan trọng về quan hệ giai cấp, xã hội ở nông thôn miền Bắc sau ngày được hoàn toàn giải phóng. Do đó, trong chỉ đạo, thực hiện cải cách ruộng đất, đã cường điệu hóa đấu tranh giai cấp ở nông thôn, dẫn đến mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh; sử dụng hình thức, phương pháp không phù hợp với đối tượng là địa chủ ở nông thôn Việt Nam; trong chỉnh đốn tổ chức, đã nhận định sai về tình hình tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn, cho rằng về cơ bản đã bị địch lũng đoạn, từ đó dẫn đến xử lý

oan nhiều cán bộ, đảng viên tốt. Sai lầm này đã gây ra một số tổn thất đối với Đảng và ảnh hưởng tới quan hệ giữa Đảng với nhân dân.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II (tháng 9/1956) đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, công khai tự phê bình trước nhân dân, thi hành kỷ luật đối với một số Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Trung ương Đảng. Công tác sửa sai trong năm 1956 đã được Đảng chỉ đạo tiến hành một cách kiên quyết, khẩn trương, thận trọng và có kế hoạch chặt chẽ nên từng bước khắc phục được những sai lầm đã xảy ra.

Tháng 12/1957, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới. Tháng 11/1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 đề ra kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958 - 1960). Cũng như tư duy, nhận thức chung của các nước xã hội chủ nghĩa anh em lúc đó, coi nền kinh tế của chủ nghĩa xã hội là có hai thành phần (quốc doanh và tập thể), Hội nghị đã xác định phải cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, tư bản tư doanh, khuyến khích chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất thành sở hữu tập thể xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức toàn dân và tập thể. Mục tiêu trước mắt là xây dựng, củng cố miền Bắc

thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 4/1959, Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp, xác định hình thức và bước đi của hợp tác xã là: hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa, do vậy hợp tác hóa phải đi đôi với thủy lợi hóa và tổ chức lại lao động, để phát huy tính ưu việt và sức mạnh của tập thể. Hội nghị chỉ rõ ba nguyên tắc cần được quán triệt trong suốt quá trình xây dựng hợp tác xã là: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Về vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, Hội nghị chủ trương cải tạo hòa bình đối với giai cấp tư sản. Về chính trị, vẫn coi giai cấp tư sản là thành viên của Mặt trận Tổ quốc; về kinh tế, không tịch thu tư liệu sản xuất của tư sản mà dùng chính sách chuộc lại, thông qua hình thức công tư hợp doanh; sắp xếp công việc cho người tư sản trong xí nghiệp, dần dần cải tạo họ thành người lao động.

Kết quả của ba năm phát triển kinh tế - văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960) đã tạo nên những chuyển biến lớn ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

Ở miền Nam, từ năm 1954, đế quốc Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam, âm mưu xâm lược và biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới,

xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa; chia cắt lâu dài và biến miền Nam thành một mắt xích trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống vùng này.

Để thực hiện những âm mưu đó, Mỹ đã sử dụng nhiều thủ đoạn về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, nhất là nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống[1]; xây dựng lực lượng quân đội (ngụy quân) gần nửa triệu người cùng hàng vạn cảnh sát, công an, mật vụ được trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ. Bộ máy chính quyền, lực lượng quân đội, cảnh sát đã trở thành công cụ đắc lực nhằm thi hành chính sách thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Địch vừa dụ dỗ, lừa bịp, vừa đàn áp, khủng bố với nhiều thủ đoạn thâm độc, dã man, ráo riết thi hành quốc sách "tố cộng, diệt cộng", lập "khu trù mật", "khu dinh điền" nhằm mục đích bắt bớ, trả thù tất cả những người yêu

---

1. Trước khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, ngày 7/7/1954, Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm về Sài Gòn làm Thủ tướng Chính phủ Quốc gia Việt Nam thay Bửu Lộc. Ngày 17/7/1955, theo chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố không hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước và ngày 23/10/1955 đã tổ chức cái gọi là "trưng cầu dân ý" để phế truất Bảo Đại, đưa Ngô Đình Diệm lên làm Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

nước kháng chiến cũ, thẳng tay đàn áp phong trào đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơnevơ của các tầng lớp nhân dân; gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu ở Bến Tre, Quảng Nam, Phú Yên. Trong vòng 10 tháng (từ tháng 7/1955 đến tháng 5/1956), địch đã bắt và giết 108.835 người. Ngày 13/5/1957, Ngô Đình Diệm thăm Mỹ và tuyên bố: "Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17", đó là hành động bán nước trắng trợn.

Xuất phát từ tương quan lực lượng giữa ta và địch, từ tháng 7/1954, Đảng quyết định thay đổi phương thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi đối phương phải thi hành Hiệp định, tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam trong tình hình mới. Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 7/1954) đã chỉ rõ: "Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới, và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ"[1].

Ngày 22/7/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi đồng bào và cán bộ, chiến sĩ cả nước,* trong đó nhấn mạnh: "Trung Nam Bắc đều là bờ cõi của ta, nước ta nhất định sẽ thống nhất, đồng bào cả nước nhất định được giải phóng"[2].

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.15, tr.172.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.9, tr.2.

Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 9/1954 nêu rõ 3 nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng miền Nam là: đấu tranh đòi thi hành Hiệp định; chuyển hướng công tác cho phù hợp điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình, thống nhất, độc lập, đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị về tình hình và công tác của các đảng bộ miền Nam, tháng 10/1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập, do đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị làm Bí thư. Từ thực tiễn cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam, tháng 8/1956, đồng chí Lê Duẩn đã dự thảo *Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam*, nêu rõ chế độ thống trị của Mỹ - Diệm ở miền Nam là một chế độ độc tài, phátxít, hiếu chiến. Để chống đế quốc Mỹ và tay sai, "nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình, là con đường cách mạng. Ngoài con đường cách mạng không có một con đường khác"[1]... Bản Đề cương là một trong những văn kiện quan trọng, góp phần hình thành đường lối cách mạng Việt Nam ở miền Nam của Đảng.

Theo chủ trương chuyển hướng của Đảng, hàng trăm tổ chức quần chúng công khai, trong đó có các ủy ban đấu tranh đòi hòa bình được thành lập ở miền Nam. Phong

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.17, tr.785.

trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử, chống bầu cử lừa bịp, chống cướp đất, đuổi nhà, dồn dân, đòi công ăn việc làm, chống khủng bố, chống sa thải, chống bắt lính... được phát triển mạnh ở cả nông thôn và thành thị với hàng triệu lượt người tham gia. Để giữ gìn lực lượng và duy trì hoạt động trong điều kiện quân thù khủng bố dã man, các đảng bộ ở miền Nam đã sắp xếp lại tổ chức và rút vào hoạt động bí mật. Nhiều địa phương đã chủ trương "điều" và "lắng"[1] cán bộ để bám dân, bám đất lãnh đạo phong trào. Nhiều nơi quần chúng đã lấy vũ khí chôn giấu khi có Hiệp định đình chiến, cướp súng địch, dùng vũ khí tự tạo để tự vệ, chống lại khủng bố, tiêu diệt những tên phản động chỉ điểm, ác ôn. Nhiều khu căn cứ được củng cố lại, nhiều đội vũ trang được thành lập.

Từ năm 1958, địch đẩy mạnh khủng bố dã man, liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét, dồn dân quy mô lớn vào các trại tập trung. Tháng 3/1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố "đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh". Với Luật 10/59, địch dùng Tòa án quân sự đặc biệt để đưa những người bị bắt ra xét xử và bắn giết tại chỗ. Địch khủng bố những người yêu nước và cách mạng bằng cả súng đạn và máy chém.

Chính sách khủng bố và chiến tranh đó đã làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân

1. Điều là đưa cán bộ đi hoạt động ở địa phương khác khi đã bị lộ; "lắng" là tạm thời rút vào hoạt động bí mật để bảo toàn lực lượng.

miền Nam Việt Nam thêm gay gắt, dẫn đến bùng nổ các cuộc khởi nghĩa của quần chúng. Tháng 1/1959, Hội nghị Trung ương 15 (mở rộng) đã ra nghị quyết về tình hình cách mạng miền Nam với tinh thần cơ bản là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, tiến tới khởi nghĩa vũ tranh giành chính quyền về tay nhân dân... Nghị quyết 15 đã vạch rõ phương hướng tiến lên cho cách mạng miền Nam, tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ngày càng rộng lớn.

Thực hiện Nghị quyết 15 của Đảng và sự chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, miền Bắc đã mở đường chi viện cách mạng miền Nam. Đường vận tải trên bộ mang tên đường 559, trên biển mang tên đường 759. Đường vận tải Hồ Chí Minh trên bộ hình thành từ ngày 19/5/1959; đường Hồ Chí Minh trên biển từ ngày 23/10/1961, kéo dài hàng ngàn kilômét từ Bắc vào Nam cả trên bộ và trên biển. Các tỉnh miền Bắc đã chủ động kết nghĩa với các tỉnh miền Nam để phối hợp đấu tranh cách mạng vì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Từ giữa năm 1959, một số cuộc khởi nghĩa vũ trang và đấu tranh vũ trang đã bùng nổ ở Tà Lốc, Tà Léc (Bình Định), Bác Ái (Ninh Thuận), Trà Bồng (Quảng Ngãi), Gò Quảng Cung (Đồng Tháp)... Ngày 17/1/1960, ở Bến Tre, hình thức khởi nghĩa đồng loạt (đồng khởi) bùng nổ do đồng chí Nguyễn Thị Định lãnh đạo ở huyện Mỏ Cày,

sau đó lan ra các huyện Minh Tân, Giồng Trôm, Châu Thành, Ba Tri, Thạnh Phú, rồi nhanh chóng mở rộng ra khắp các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và một số nơi thuộc các tỉnh Trung Bộ. Hệ thống kìm kẹp của địch ở xã, ấp bị tê liệt và vỡ từng mảng lớn.

Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng khởi đã làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn, có 1.383 xã/2.627 xã nhân dân lập chính quyền tự quản. Vùng giải phóng ra đời trên phạm vi rộng lớn, nối liền từ Tây Nguyên đến miền Tây Nam Bộ và đồng bằng Liên khu V. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi ở nông thôn đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh ở đô thị và các đồn điền, nhà máy.

Từ thắng lợi của phong trào Đồng khởi, ngày 20/12/1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập do Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, tập hợp rộng rãi quần chúng nhân dân đoàn kết đấu tranh theo chương trình hành động 10 điểm, hướng tới mục tiêu đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, xây dựng một miền Nam độc lập, dân chủ, hoà bình, trung lập, tiến tới thống nhất nước nhà.

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi là bước nhảy vọt có ý nghĩa lịch sử của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

b) Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961 - 1965)

Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "*Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà*"[1].

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết về nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, thông qua Báo cáo về xây dựng Đảng và Báo cáo về Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc[2],...

Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam, trên cơ sở phân tích tình hình và đặc điểm nước ta, Đại hội xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là phải thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: *Một là*, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; *Hai là*, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.673.

2. Ban Chấp hành Trung ương mới gồm 47 ủy viên chính thức, 31 ủy viên dự khuyết. Bộ Chính trị gồm 11 ủy viên chính thức, 2 ủy viên dự khuyết. Đồng chí Hồ Chí Minh được bầu lại làm Chủ tịch Đảng, đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Về mục tiêu chiến lược chung, Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.

Về hòa bình, thống nhất Tổ quốc, Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song, ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ

kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Về triển vọng của cách mạng, Đại hội nhận định, cuộc đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà là nhiệm vụ thiêng liêng của nhân dân cả nước. Đó là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam - Bắc nhất định sum họp một nhà.

Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ đặc điểm của miền Bắc, trong đó, đặc điểm lớn nhất là từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, Đại hội xác định rằng, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường xã hội chủ nghĩa và con đường tư bản chủ nghĩa trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế được xem là hai mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về quan hệ sản xuất, có quan hệ mật thiết, tác động qua lại và thúc đẩy lẫn nhau. Công nghiệp hóa

xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Cùng với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa, nhằm thay đổi cơ bản đời sống tư tưởng, tinh thần và văn hóa của toàn xã hội phù hợp với chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa.

Từ những luận điểm đó, Đại hội đã đề ra *đường lối chung* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là: Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Để thực hiện mục tiêu nói trên, phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh; thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật, biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa

có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

Tuy vẫn còn một số hạn chế trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa như: nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; song thành công cơ bản, to lớn nhất của Đại hội lần thứ III của Đảng là đã *hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đó là tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất Tổ quốc.*

Đó chính là *đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội,* vừa phù hợp với miền Bắc, vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam cũng như phù hợp với tình hình quốc tế, nên đã phát huy và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh cả nước và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, tranh thủ được sự đồng tình, giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc, do đó tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đặt trong bối cảnh Việt Nam và quốc tế, đường lối chung của Đảng còn là sự thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề không có

tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam, vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế thời đại.

Trên cơ sở miền Bắc đã hoàn thành kế hoạch ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960), Đại hội lần thứ III của Đảng đã đề ra và chỉ đạo thực hiện Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) nhằm xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa và hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất là tiếp tục hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; xây dựng một bước cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội; cải thiện đời sống nhân dân; bảo đảm an ninh quốc phòng, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã mở nhiều hội nghị chuyên đề nhằm cụ thể hóa đường lối, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống[1].

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), nhiều cuộc vận động và phong

1. Như: về xây dựng Đảng (Hội nghị lần thứ tư, tháng 4/1961); về phát triển nông nghiệp (Hội nghị lần thứ năm, tháng 7/1961); về phát triển công nghiệp (Hội nghị lần thứ bảy, tháng 6/1962); về kế hoạch nhà nước (Hội nghị tháng 4/1963); về lưu thông phân phối, giá cả (Hội nghị lần thứ tám, tháng 12/1964),...

trào thi đua được triển khai sôi nổi ở các ngành, các giới và các địa phương. Trong nông nghiệp có phong trào thi đua theo gương của Hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình), trong công nghiệp có phong trào thi đua với Nhà máy cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng), trong tiểu thủ công nghiệp có phong trào thi đua với Hợp tác xã thủ công nghiệp Thành Công (Thanh Hóa), trong ngành giáo dục có phong trào thi đua học tập Trường cấp II Bắc Lý (Hà Nam), trong quân đội có phong trào thi đua "Ba nhất". Đặc biệt, phong trào "Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt" theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị chính trị đặc biệt tháng 3/1964, khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ở miền Nam, đã làm tăng thêm không khí phấn khởi, hăng hái vươn lên hoàn thành Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

Kế hoạch này mới thực hiện được hơn bốn năm (đến ngày 5/8/1964) thì được chuyển hướng do phải đối phó với chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, song những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành.

Trong những năm thực hiện Kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất, miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã không ngừng tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam. Tuy đường hành quân và vận tải theo dãy Trường Sơn còn nhiều khó khăn do địch đánh phá và địa hình hiểm trở, nhưng đã trở thành tuyến đường chiến lược huyết mạch nối hậu phương với chiến trường, liên tục có các đoàn cán bộ, chiến sĩ cùng vũ khí đạn dược chi viện cho cách mạng miền Nam. Đường

vận tải trên biển mặc dù bị sự ngăn chặn của quân thù và thời tiết hiểm nguy, song đã có nhiều chuyến "tàu không số" chở hàng chục tấn vũ khí từ miền Bắc vào các căn cứ ven biển Phú Yên, Bà Rịa, Cà Mau,... cung cấp cho bộ đội, du kích chiến đấu. Tính chung, năm 1965, số bộ đội từ miền Bắc được đưa vào miền Nam tăng 9 lần, số vật chất tăng 10 lần so với năm 1961. Đây là một thành công lớn, có ý nghĩa chiến lược của hậu phương miền Bắc với nhiều sự hy sinh anh dũng của cán bộ, chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam trên Biển Đông và dãy Trường Sơn huyền thoại, góp phần vào chiến thắng của quân dân miền Nam đánh bại chiến tranh xâm lược thực dân mới của đế quốc Mỹ và tay sai giai đoạn 1961 - 1965.

Trải qua 10 năm khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới, "miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng thấy trong lịch sử dân tộc. Đất nước, xã hội và con người đều đổi mới"[1]. Miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước với chế độ chính trị ưu việt, với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh.

Ở miền Nam, từ năm 1961, do thất bại trong thực hiện hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân mới, đế quốc Mỹ đã chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (Special War Strategy), một bộ phận trong chiến lược toàn cầu "Phản ứng linh hoạt", với vai trò của

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.14, tr.275.

Tổng thống Mỹ J. Kennơdy (John F. Kennedy). Với công thức "cố vấn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa", Mỹ và ngụy quyền Ngô Đình Diệm triển khai thực hiện kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, dự định lập 17.000 ấp chiến lược là "quốc sách". Chúng đã có hai kế hoạch quân sự - chính trị để thực hiện mục tiêu của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" là kế hoạch Stalây - Taylo (1961 - 1963) và Giônxơn - Mắc Namara (1964 - 1965). Chiến thuật quân sự được chúng áp dụng là "trực thăng vận" và "thiết xa vận". "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ đã gây cho cách mạng miền Nam rất nhiều khó khăn, nhất là những năm 1961 - 1962. Từ ngày 10/8/1961, Mỹ bắt đầu rải chất độc dioxin xuống miền Nam Việt Nam.

Tháng 1/1961 và tháng 2/1962, các cuộc hội nghị của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phân tích, đánh giá tình hình giữa ta và địch ở miền Nam kể từ sau ngày Đồng khởi và ra Chỉ thị về "*Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam*". Tinh thần của Chỉ thị là *giữ vững thế chiến lược tiến công của cách mạng miền Nam đã giành được từ sau phong trào Đồng khởi,* đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn rừng núi, bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận. Trên thực tế, đây là quyết định chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam *từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng* và chỉ rõ những nhiệm

vụ cụ thể cho cách mạng miền Nam là phải tiêu hao, tiêu diệt lực lượng quân ngụy Sài Gòn và làm phá sản quốc sách "ấp chiến lược" của địch.

Bộ Chính trị nhấn mạnh, do đặc điểm phát triển không đều của cách mạng miền Nam, tương quan lực lượng ở mỗi vùng khác nhau, địa hình hoạt động và tác chiến khác nhau, nên phương châm đấu tranh của ta phải linh hoạt, thích hợp với từng nơi, từng lúc cụ thể: Vùng rừng núi: Lấy đấu tranh vũ trang là chủ yếu; vùng nông thôn đồng bằng: Kết hợp hai hình thức đấu tranh vũ trang và chính trị; vùng đô thị: Lấy đấu tranh chính trị là chủ yếu.

Để tăng cường sự chỉ đạo của Trung ương Đảng đối với cách mạng miền Nam, tháng 10/1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập, do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư. Đảng bộ miền Nam được kiện toàn với hệ thống tổ chức thống nhất, tập trung từ Trung ương Cục đến các chi bộ[1]. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam còn làm chức năng của chính quyền cách mạng. Ngày 15/2/1961, các lực lượng vũ trang ở miền Nam được thống nhất với tên gọi Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Vượt qua khó khăn, cách mạng miền Nam tiếp tục có bước phát triển mới. Chiến thắng vang dội ở Ấp Bắc (Mỹ Tho) ngày 2/1/1963 đã thể hiện sức mạnh và hiệu quả của

1. Đảng bộ miền Nam của Đảng có danh nghĩa công khai là Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam.

đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, chống địch càn quét và nổi dậy giành quyền làm chủ.

Từ đầu năm 1963, sau chiến thắng Ấp Bắc, phong trào đấu tranh phá "ấp chiến lược" phát triển mạnh mẽ, với phương châm "bám đất, bám làng", "một tấc không đi, một ly không rời". Phong trào đấu tranh quân sự và phong trào phá "ấp chiến lược" phát triển đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị lên cao, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động, trí thức, học sinh, sinh viên và các giáo phái tham gia, đặc biệt là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo năm 1963.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nội bộ kẻ địch ngày càng khủng hoảng trầm trọng. Ngày 1/11/1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, lực lượng quân đảo chính đã giết chết Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn Ngô Đình Diệm. Từ tháng 11/1963 đến tháng 6/1965 đã diễn ra 10 cuộc đảo chính quân sự nhằm lật đổ lẫn nhau trong nội bộ ngụy quyền Sài Gòn.

Tháng 12/1963, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ chín, xác định những vấn đề quan trọng về đường lối cách mạng miền Nam và đường lối đoàn kết quốc tế của Đảng. Nghị quyết Trung ương 9 đã xác định "đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định trực tiếp" thắng lợi trên chiến trường.

Được sự chi viện tích cực của miền Bắc, quân và dân miền Nam đã mở nhiều chiến dịch với hàng trăm trận đánh lớn nhỏ trên khắp các chiến trường, như ở An Lão,

Đèo Nhông - Dương Liễu, Việt An, Ba Gia (Khu V và khu vực Tây Nguyên, Trị Thiên), Bình Giã, Đồng Xoài (Nam Bộ). Chiến thắng Bình Giã (12/1964), Ba Gia (5/1965), Đồng Xoài (7/1965) đã sáng tạo một hình thức tiến công, phương châm tác chiến độc đáo ở miền Nam là: 2 chân (quân sự, chính trị), 3 mũi (quân sự, chính trị, binh vận), 3 vùng (đô thị, nông thôn đồng bằng, miền núi). Phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị cũng phát triển sôi động, mạnh mẽ từ giữa năm 1963 trở đi. Các chiến dịch quân sự và phong trào đấu tranh chính trị dồn dập, có hiệu quả của quân và dân miền Nam đã làm cho ba chỗ dựa chủ yếu của Mỹ là quân đội chính quyền Sài Gòn, hệ thống "ấp chiến lược" và các đô thị bị lung lay tận gốc.

Với tinh thần chủ động, sáng tạo, sau hơn 4 năm (từ đầu năm 1961 đến giữa năm 1965), lực lượng cách mạng ở miền Nam đã làm phá sản chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ ở miền Nam. Ba trụ cột của chiến lược này là xây dựng chính quyền Sài Gòn từ trung ương đến cơ sở mạnh, xây dựng quân đội mạnh và bình định nông thôn miền Nam đều không thực hiện được. Chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ (1/11/1963) đã gây nên tình hình rối loạn kéo dài trên chính trường miền Nam thời gian sau đó.

Phong trào học sinh, sinh viên, trí thức ở đô thị, bãi công của công nhân, lực lượng biệt động đã đóng góp xứng đáng cho kháng chiến.

Tháng 9/1964, Bộ Chính trị họp và chủ trương giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới,

tăng cường sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị được cử vào miền Nam trực tiếp phụ trách, chỉ đạo cuộc kháng chiến với cương vị Bí thư Trung ương Cục, Chính ủy Quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Đến đầu năm 1965, các công cụ, chỗ dựa của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" là ngụy quân, ngụy quyền, ấp chiến lược, đô thị đều bị lung lay tận gốc. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã hoàn toàn bị phá sản. Đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ là một thắng lợi to lớn, có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.

2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965 - 1975)

a) Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng

Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", để cứu vãn cơ đồ chủ nghĩa thực dân mới, ngăn chặn sự sụp đổ của chính quyền và quân đội Sài Gòn, chính quyền của Tổng thống Mỹ L. Giônxơn quyết định tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" (Local War Strategy) ở miền Nam. "Chiến tranh cục bộ" là một hình thức chiến tranh trong chiến lược toàn cầu "Phản ứng linh hoạt" của đế quốc Mỹ, mục đích là đưa quân chiến đấu Mỹ và quân các nước đồng minh của Mỹ

vào trực tiếp tham chiến, đóng vai trò chủ yếu trên chiến trường miền Nam; quân đội Sài Gòn đóng vai trò hỗ trợ quân Mỹ và thực hiện bình định. Ngày 8/3/1965, quân Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng trực tiếp tham chiến ở miền Nam Việt Nam. Đồng thời, đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

Chiến tranh lan rộng ra cả nước đã đặt vận mệnh của dân tộc ta trước những thách thức nghiêm trọng. Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 11 (3/1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12/1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc và hạ quyết tâm chiến lược: "*Động viên lực lượng của cả nước, kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà*"[1].

Nội dung đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong giai đoạn mới là sự kế thừa và phát triển sáng tạo đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam đã được Đảng đề ra tại Đại hội lần thứ III (1960), gồm các nội dung lớn là:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.26, tr.634.

Quyết tâm chiến lược: Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn, cuộc chiến tranh trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường; cuộc "Chiến tranh cục bộ" mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới. Cuộc chiến tranh đó được đề ra trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược; Mỹ không thể nào cứu vãn được tình thế nguy khốn, bế tắc của chúng ở miền Nam. Từ sự phân tích và nhận định trên, Trung ương khẳng định chúng ta có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Với tinh thần "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

Mục tiêu chiến lược: Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình, thống nhất nước nhà.

Phương châm chiến lược: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh; cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng

lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn này, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người, sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng "Chiến tranh cục bộ" ra cả nước.

Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là thành quả chung rất to lớn của nhân dân cả nước ta, là hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Phải đánh

bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt, nhất là về kinh tế và quốc phòng, nhằm đảm bảo chi viện đắc lực cho miền Nam, đồng thời, vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phát huy vai trò đắc lực của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau mà gắn bó mật thiết với nhau. Đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, thì bất kỳ chúng đặt chân ở đâu trên đất nước Việt Nam, mọi người Việt Nam đều có nghĩa vụ tiêu diệt chúng. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là "Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược".

Nghị quyết Trung ương lần thứ 11 và lần thứ 12 năm 1965 với nội dung như trên thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng của Đảng và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của dân tộc ta. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính trong hoàn cảnh mới, cơ sở để Đảng lãnh đạo đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi tới thắng lợi vẻ vang.

b) Xây dựng hậu phương, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc; giữ vững thế chiến lược tiến công, đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)

Ở miền Bắc: Từ ngày 5/8/1964, Mỹ dựng lên "sự kiện

Vịnh Bắc Bộ" nhằm lấy cớ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam. Cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ với ý đồ của Tổng thống Mỹ Giônxơn đưa miền Bắc trở về thời kỳ đồ đá; phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam; đè bẹp ý chí quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của cả dân tộc Việt Nam, buộc chúng ta phải kết thúc chiến tranh theo điều kiện do Mỹ đặt ra. Đế quốc Mỹ đã huy động lực lượng lớn không quân và hải quân, trút hàng triệu tấn bom đạn, tàn phá, hủy hoại nhiều thành phố, thị xã, thị trấn, xóm làng, nhiều công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, nhiều bệnh viện, trường học, nhà ở, giết hại nhiều dân thường, gây nên những tội ác tày trời với nhân dân ta.

Trước tình hình đó, theo tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 và lần thứ 12, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã kịp thời xác định chủ trương, nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh: *Một là,* kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; *Hai là,* tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh; *Ba là,* ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam; *Bốn là,* phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Chủ trương chuyển hướng và những nhiệm vụ của miền Bắc phản ánh quyết tâm của Đảng và nhân dân ta trong việc kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, tiếp tục tăng cường sức mạnh của miền Bắc, làm chỗ dựa vững chắc cho sự nghiệp chống Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Quyết tâm đó đã được thể hiện trong Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 17/7/1966: "Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*"[1].

Thực hiện những nghị quyết của Đảng và theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân miền Bắc đã dấy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ. Thanh niên có phong trào "Ba sẵn sàng", phụ nữ có phong trào "Ba đảm đang", nông dân có phong trào "Tay cày, tay súng", công nhân có phong trào "Tay búa, tay súng", trong chiến đấu có "Nhằm thẳng quân thù mà bắn", trong chi viện tiền tuyến có "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", trong bảo đảm giao thông vận tải có "Xe chưa qua, nhà không tiếc",... Đó thực sự là một cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại hào hùng,

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr.131.

sáng tạo với tinh thần "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược", "Tất cả vì miền Nam ruột thịt".

Do bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc, tháng 3/1968, đế quốc Mỹ tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc, ngày 1/11/1968, Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Sau bốn năm thực hiện chuyển hướng xây dựng và phát triển kinh tế, hậu phương lớn miền Bắc đã đạt được những thành tích đáng tự hào trên các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, chi viện tiền tuyến lớn miền Nam.

Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội vẫn tiếp tục, miền Bắc ngày càng thêm vững mạnh. Chế độ xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng ở miền Bắc đã vượt qua được nhiều thử thách nghiêm trọng và ngày càng phát huy tính ưu việt trong chiến tranh. Chuyển hướng kinh tế, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh có chiến tranh là nét đặc biệt chưa có tiền lệ. Sản xuất nông nghiệp không những không giảm sút mà còn có bước phát triển tiến bộ. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp được tăng cường so với trước chiến tranh; có 4.655 hợp tác xã được trang bị cơ khí nhỏ. Phong trào thâm canh tăng vụ được đẩy mạnh ở nhiều địa phương. Nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội vẫn bảo đảm. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn được duy trì mặc dù gặp nhiều khó khăn gay gắt. Nhiều nhà máy và xí nghiệp lớn phải sơ tán hoặc phân nhỏ để tiếp tục sản xuất trong điều kiện có chiến tranh. Công nghiệp địa phương phát triển mạnh.

Đời sống nhân dân căn bản được ổn định. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế chẳng những không ngừng trệ mà còn phát triển mạnh mẽ trong thời chiến và đạt nhiều kết quả tốt. Công tác nghiên cứu khoa học, điều tra cơ bản, thăm dò tài nguyên được đẩy mạnh, vừa phục vụ sự nghiệp xây dựng kinh tế trước mắt, vừa chuẩn bị cho nhiệm vụ lâu dài xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong chiến đấu, quân dân miền Bắc đã bắn rơi hơn 3.200 máy bay, bắn cháy 140 tàu chiến của địch. Nhiệm vụ chi viện tiền tuyến được hoàn thành xuất sắc, góp phần cùng quân dân miền Nam đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ. Chỉ tính riêng trong năm 1967, đã có hơn 94.000 cán bộ, chiến sĩ (tăng 1,5 lần so với năm 1966) được tổ chức biên chế thành từng trung đoàn, sư đoàn bộ binh và binh chủng kỹ thuật bổ sung cho các chiến trường Trị Thiên, Khu V, Tây Nguyên, Nam Bộ, nâng tổng số quân giải phóng miền Nam lên 220.000 quân chủ lực và 57.000 quân địa phương, không kể lực lượng dân quân, du kích, tự vệ. Năm 1968, hơn 14 vạn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc hành quân vào Nam nhanh chóng tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968.

Ở miền Nam: Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" mà Mỹ tiến hành là cuộc chiến tranh có quy mô lớn nhất, mạnh nhất,

kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai với sự tham gia của quân đội Mỹ và nhiều nước đồng minh của Mỹ.

Vào đầu mùa khô 1965 - 1966, Bộ Chỉ huy quân sự Mỹ đã huy động 70 vạn quân, trong đó có gần 20 vạn quân Mỹ, mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất vào ba hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng Khu V và miền Đông Nam Bộ, bao gồm cả vùng ngoại thành Sài Gòn. Mục tiêu của cuộc phản công này là "tìm diệt" quân giải phóng, giành lại quyền chủ động chiến trường, "bình định" các vùng nông thôn đồng bằng quan trọng ở những địa bàn nói trên.

Theo đường lối kháng chiến của Đảng và được hậu phương miền Bắc ra sức chi viện, quân dân miền Nam đã anh dũng chiến đấu chống lại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ và tay sai. Quân và dân miền Nam đã đánh thắng quân chiến đấu Mỹ ở Núi Thành (5/1965), Vạn Tường (8/1965), Plâyme (11/1965)..., bẻ gãy cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965 - 1966, làm thất bại kế hoạch "tìm diệt" và "bình định" nhằm giành quyền chủ động trên chiến trường của quân Mỹ và quân đội Sài Gòn. Miền Bắc bước đầu đánh thắng chiến tranh phá hoại, đảm bảo giao thông thông suốt, chi viện cho chiến trường ngày càng nhiều và hiệu quả.

Sau chiến thắng Vạn Tường, một cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy được đẩy lên mạnh mẽ khắp chiến trường miền Nam. Thế trận chiến tranh nhân dân được xây dựng và phát triển trên ba vùng chiến lược; quân và dân miền Nam

đã giữ vững quyền chủ động trên khắp chiến trường, vừa phản công tiêu diệt địch trong các cuộc hành quân của Mỹ, vừa chủ động tiến công, thọc sâu vào các vùng quân địch kiểm soát, các căn cứ đóng quân, các kho hậu cần và ngay ở cả sào huyệt chính của chúng tại Sài Gòn. Cùng với thắng lợi về quân sự, quân và dân ta còn giành được nhiều thắng lợi trên mặt trận chống phá "bình định" của Mỹ - ngụy. Toàn bộ kế hoạch lập 900 "ấp chiến lược" mới và củng cố hàng chục ngàn "ấp chiến lược" cũ của địch trong năm 1966 bị thất bại.

Đến mùa khô 1966 - 1967, với lực lượng hùng hậu, gồm 39 vạn quân Mỹ, hơn 5 vạn chư hầu và 54 vạn quân ngụy cùng với 4.000 máy bay, 2.500 xe tăng và xe bọc thép, Mỹ đã mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm vào hướng từ Tây Nguyên đến Sài Gòn. Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của địch đều bị bẻ gãy và bị tổn thất nặng nề.

Trên mặt trận chống phá "bình định", quân và dân các vùng nông thôn kiên trì phương châm "bốn bám"[1] và đẩy mạnh "ba mũi giáp công" đã chặn đánh quyết liệt các cuộc hành quân càn quét và bình định của Mỹ - ngụy. Kế hoạch lấn chiếm lại 50% nông thôn trong năm 1967 của chúng không thực hiện được, trái lại 80% đất đai miền

1. "Bốn bám": Cấp trên bám cấp dưới; Đảng bám dân; dân bám đất; bộ đội, du kích bám địch, đánh địch.

Nam nằm dưới quyền kiểm soát của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Phong trào đấu tranh chính trị vẫn tiếp tục phát triển với mức độ ngày càng quyết liệt ở hầu khắp các thành thị miền Nam, nhất là ở Huế và Đà Nẵng, với các khẩu hiệu đòi lật đổ chính phủ bù nhìn tay sai Mỹ, đòi Mỹ rút khỏi Việt Nam.

Đến cuối năm 1967, cuộc Chiến tranh cục bộ của Mỹ đã được đẩy đến đỉnh cao, số quân viễn chinh đổ vào miền Nam đã lên 48 vạn, mọi thủ đoạn và biện pháp chiến tranh đã được sử dụng, thế nhưng, đế quốc Mỹ vẫn không sao thực hiện được các mục tiêu chính trị và quân sự đã đề ra. Mặt khác, thất bại ở Việt Nam làm cho tình hình nước Mỹ ngày càng bất ổn, phong trào phản đối chiến tranh, đòi rút quân Mỹ về nước ngày càng lan rộng trong các tầng lớp nhân dân. Kết hợp với những thắng lợi về quân sự và chính trị, ngày 28/1/1967, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đã quyết định mở mặt trận ngoại giao nhằm tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, bè bạn, mở ra cục diện vừa đánh, vừa đàm, phát huy sức mạnh tổng hợp để đánh Mỹ.

Những thất bại và khó khăn của địch cùng với những thắng lợi to lớn của ta vừa giành được đã mở ra cho cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam những triển vọng to lớn. Tháng 7/1967, đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị được cử giữ chức Bí thư Trung ương cục miền Nam.

Đồng chí Trần Văn Trà làm Tư lệnh Quân giải phóng miền Nam; đồng chí Nguyễn Thị Định làm Phó Tư lệnh. Tháng 1/1968, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 14 đã chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích - tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị, dinh lũy của Mỹ - ngụy trên toàn miền Nam.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, Quân giải phóng mở chiến dịch Đường 9 - Khe Sanh (từ ngày 24/1 đến ngày 15/7/1968) như là cuộc nghi binh chiến lược. Đêm 30 rạng ngày 31/1/1968, đúng vào dịp giao thừa Tết Mậu Thân, thừa lúc địch sơ hở, cuộc tổng tiến công và nổi dậy đợt I đã được phát động trên toàn miền Nam. Quân và dân ta đồng loạt tiến công địch ở 4/6 thành phố, 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, quận ly, chi khu quân sự, kho tàng, hầu hết các cơ quan đầu não địch ở trung ương và địa phương, căn cứ quân sự của Mỹ, từ Đường 9 - Khe Sanh đến đồng bằng sông Cửu Long, đặc biệt mạnh mẽ là ở Sài Gòn - Gia Định, Huế. Trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân, lực lượng biệt động, nhất là biệt động Sài Gòn, có vai trò rất quan trọng. Cùng với cuộc tiến công của chủ lực Quân giải phóng có lực lượng địa phương, dân quân du kích và sự phối hợp nổi dậy của quần chúng nhân dân ở các đô thị. Ở Sài Gòn có sự đóng góp của lực lượng thanh niên xung phong dân quân hỏa tuyến ở xã Vĩnh Lộc, huyện Bình Chánh. Trên tuyến đường vận

chuyển vào Nam có sự hy sinh anh dũng của lực lượng thanh niên xung phong ở ngã ba Đồng Lộc ngày 24/7/1968, ở Truông Bồn ngày 31/10/1968, v.v..

Trong các đợt tiến công tiếp theo vào tháng 5 và tháng 8/1968, quân và dân ta đã tiêu diệt và loại khỏi vòng chiến đấu hàng chục vạn tên địch, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, giải phóng thêm hàng triệu đồng bào. Hàng triệu quần chúng đã nổi dậy diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ ở những mức độ khác nhau. Hầu hết các cơ quan đầu não của địch từ trung ương đến địa phương đều bị quân ta tiến công. Trong cuộc đấu tranh đã xuất hiện một hình thức mặt trận mới đó là Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam do luật sư Trịnh Đình Thảo đứng đầu.

Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là một chủ trương táo bạo và sáng tạo của Đảng, đánh thẳng vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ; là một đòn tiến công chiến lược đánh vào tận hang ổ kẻ thù. Đây là trận chiến lược có tính chất bước ngoặt, khởi đầu quá trình đi đến thất bại hoàn toàn của Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ phá sản, Mỹ buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Pari (Pháp) từ ngày 13/5/1968. Phái đoàn đàm phán của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Bộ trưởng Xuân Thủy làm Trưởng đoàn và đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị làm Cố vấn. Tháng 1/1969, Mỹ phải

chấp nhận cuộc đàm phán với Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pari, có sự tham gia của đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập ngày 6/6/1969 do kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm Chủ tịch và cử đoàn đại biểu tham gia đàm phán ở Pari do Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Thị Bình làm Trưởng đoàn.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động quân sự năm 1968 đã có biểu hiện chủ quan trong việc đánh giá tình hình, đề ra yêu cầu chưa sát với thực tế. Đặc biệt là sau đợt tấn công trong Tết Mậu Thân, ta đã không kiểm điểm, rút kinh nghiệm kịp thời, không đánh giá đúng tương quan lực lượng giữa ta và địch cũng như âm mưu đối phó của chúng, chủ trương tiếp tục mở các đợt tiến công vào đô thị khi không còn điều kiện và yếu tố bất ngờ "là sai lầm về chỉ đạo chiến lược"[1]. Địch đã phản kích quyết liệt, đẩy chủ lực ta ra xa các thành thị, các vùng ven, vùng đồng bằng, tiến hành bình định trên quy mô lớn, đồng thời triển khai hàng loạt biện pháp nhằm triệt phá cơ sở cách mạng miền Nam. Cách mạng miền Nam lâm vào thời kỳ khó khăn nghiêm trọng do bị tổn thất lớn về lực lượng và thế trận.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.47, tr.312.

c) Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (1969 - 1975)

Tranh thủ những thuận lợi mới do Mỹ chấm dứt chiến tranh phá hoại miền Bắc, từ tháng 11/1968, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc thực hiện các kế hoạch ngắn hạn nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục công cuộc xây dựng miền Bắc và tăng cường lực lượng cho miền Nam.

Ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, đó là tổn thất rất lớn đối với cách mạng Việt Nam. Ngày 23/9/1969, Quốc hội khóa III tại kỳ họp đặc biệt đã bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng chí Nguyễn Lương Bằng làm Phó Chủ tịch nước.

Nhân dân miền Bắc đã khẩn trương bắt tay khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chấp hành các nghị quyết của Đảng, sau ba năm phấn đấu gian khổ, từ năm 1969 đến năm 1972, tình hình khôi phục kinh tế và tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội có nhiều chuyển biến tốt đẹp trên nhiều mặt. Trong nông nghiệp, năm 1969, diện tích các loại cây trồng đều vượt năm 1968, riêng diện tích và sản lượng lúa tăng khá nhanh, lúa xuân tăng hai lần so với năm 1968, chăn nuôi cũng phát triển mạnh. Trong công nghiệp, hầu hết các xí nghiệp bị địch đánh phá được

khôi phục, sửa chữa. Hệ thống giao thông, cầu phà, bến bãi được khẩn trương khôi phục và xây dựng thêm. Trong lĩnh vực giáo dục, y tế có bước phát triển tốt so với trước, nhất là hệ thống giáo dục đại học, tăng lên 36 trường và phân hiệu với hơn 8 vạn sinh viên.

Những kết quả đạt được đã làm cho tiềm lực mọi mặt của hậu phương lớn miền Bắc được tăng cường, cải thiện đời sống nhân dân, hồi sinh một bước cuộc sống bình thường, cho phép miền Bắc chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến ngày càng cao, góp phần quyết định tạo nên chiến thắng to lớn trên chiến trường miền Nam, nhất là trong cuộc tập kích chiến lược xuân - hè 1972, với các chiến thắng vang dội ở Quảng Trị, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Đặc biệt là cuộc chiến đấu oanh liệt của Quân giải phóng ở Thành cổ Quảng Trị trong suốt 81 ngày đêm, từ ngày 28/6 đến ngày 16/9/1972.

Từ tháng 4/1972, để ngăn chặn cuộc tiến công chiến lược của quân dân ta ở miền Nam, đế quốc Mỹ đã cho máy bay, tàu chiến tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai hết sức ác liệt, nhất là cuộc rải thảm bom bằng pháo đài bay B.52 trong 12 ngày đêm ở Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác (Mỹ gọi là cuộc hành quân Lainerbacker II). Trước hành động chiến tranh điên cuồng của dịch, Trung ương Đảng đã phát động cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại đến đỉnh cao, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, tiếp tục chi viện miền Nam,

giữ vững lập trường đàm phán. Trong 9 tháng chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, quân dân miền Bắc đã bình tĩnh, sáng tạo, vừa sản xuất vừa chiến đấu, nhất là trong 12 ngày đêm cuối năm 1972, lập nên trận "Điện Biên Phủ trên không", đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ. Riêng trong 12 ngày đêm (từ ngày 18 đến ngày 30/12/1972) đánh trả cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B.52 của Mỹ vào Hà Nội và Hải Phòng, quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 84 máy bay, trong đó có 34 máy bay B.52 và 5 máy bay F.111A (cánh cụp, cánh xòe), bắt 43 giặc lái. Ngày 15/1/1973, Chính phủ Mỹ phải tuyên bố ngừng mọi hoạt động phá hoại miền Bắc và trở lại bàn đàm phán ở Pari.

Ngày 21/1/1973, Hiệp định Pari được ký kết, miền Bắc lập lại hòa bình, Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế 1974 - 1975. Với khí thế chiến thắng, nhân dân miền Bắc đã lao động hăng hái, khẩn trương, thực hiện có hiệu quả kế hoạch hai năm khôi phục và phát triển kinh tế. Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường. Năng lực sản xuất nhiều ngành kinh tế như công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải được tăng cường thêm một bước. Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp và công nghiệp trên một số mặt quan trọng đã đạt và vượt mức năm 1965. Đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện. Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế tiếp tục phát triển. Hàng chục vạn thanh niên đã nô nức tòng quân, lên đường ra mặt trận. Hàng vạn thanh niên xung phong, cán bộ và nhân viên chuyên môn kỹ thuật cũng hăng hái vào Nam làm nhiệm vụ chống Mỹ.

Với tiềm lực kinh tế và quốc phòng đã xây dựng được, cùng với việc tiếp thu và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ của quốc tế, miền Bắc chẳng những đứng vững trong chiến tranh, mà còn đánh thắng oanh liệt hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng kỹ thuật và phương tiện hiện đại nhất của đế quốc Mỹ. Qua hai lần chống chiến tranh phá hoại, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 4.181 máy bay, trong đó có nhiều B.52, bắn cháy 271 tàu chiến của Mỹ, bắt và tiêu diệt hàng ngàn giặc lái Mỹ.

Miền Bắc còn hoàn thành nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam và hoàn thành nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia. Tính tổng thể, hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã bảo đảm 80% bộ đội chủ lực, 70% vũ khí và lương thực, 65% thực phẩm cho chiến trường miền Nam, nhất là ở giai đoạn cuối.

Ở miền Nam, sau thất bại của chiến lược "Chiến tranh cục bộ", từ đầu năm 1969, Tổng thống Mỹ R. Níchxơn đã đề ra chiến lược toàn cầu mới mang tên "Học thuyết Níchxơn" với ba nguyên tắc trụ cột là: "cùng chia sẻ", "sức mạnh của Mỹ" và "sẵn sàng thương lượng". R. Níchxơn

chủ trương thay chiến lược "Chiến tranh cục bộ" bằng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" (The Strategy Vietnamsation of the War), một chính sách rất thâm độc nhằm "dùng người Việt Nam đánh người Việt Nam" để tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ ở miền Nam.

Quá trình triển khai chiến lược mới, Mỹ đã áp dụng một loạt biện pháp như: ra sức củng cố ngụy quyền, xây dựng ngụy quân đông và hiện đại; ráo riết thực hiện chương trình bình định; tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc nhằm chặn đứng sự chi viện cho miền Nam; tìm mọi cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô hòng cắt giảm nguồn viện trợ chủ yếu của Việt Nam. Trong hai năm 1969 - 1970, sự phản kích ác liệt của Mỹ - ngụy trong các chiến dịch bình định cấp tốc, xây dựng lại cơ sở hạ tầng của chủ nghĩa thực dân mới ở nông thôn đã gây cho ta nhiều khó khăn, tổn thất.

Trước âm mưu, thủ đoạn chiến tranh xảo quyệt của địch, Đảng ta đã đề ra quyết tâm và chủ trương chiến lược hai bước, thể hiện trong Thư chúc mừng năm mới (1/1/1969) của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*Vì độc lập, vì tự do, đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*"[1].

Hội nghị lần thứ 18 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1/1970) và Hội nghị Bộ Chính trị (6/1970) đã đề ra

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sdd*, t.15, tr.532.

chủ trương mới nhằm chống lại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn và đẩy lùi chương trình "bình định" của địch. Về mặt tác chiến, trong khi đẩy mạnh tác chiến chính quy của bộ đội chủ lực, phải kiên quyết thực hiện cho kỳ được một chuyển biến mạnh mẽ trong phong trào chiến tranh nhân dân địa phương, phát triển mạnh mẽ ba thứ quân, tăng cường lực lượng vũ trang tại chỗ.

Trong những năm 1970 - 1971, cách mạng miền Nam từng bước vượt qua khó khăn gian khổ, kiên trì xây dựng và phát triển lực lượng, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, gây tổn thất to lớn cho địch trong chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" và Đông Dương hóa chiến tranh.

Tại chiến trường Lào, đầu năm 1970, Mỹ và quân ngụy Lào (Vàng Pao) mở cuộc hành quân lấn chiếm khu vực chiến lược Cánh đồng Chum (Xiêng Khoảng). Thực hiện chủ trương của lãnh đạo Đảng hai nước, liên quân Lào - Việt Nam đã phối hợp mở chiến dịch phản công quy mô lớn, đánh bại cuộc hành quân của địch, bảo vệ căn cứ địa chủ yếu của Lào, phá thế uy hiếp sườn phía tây miền Bắc nước ta và tuyến vận tải tây Trường Sơn.

Tháng 3/1970, Mỹ tiến hành cuộc đảo chính ở Campuchia, lật đổ Chính phủ Vương quốc trung lập do Hoàng thân Nôrôđôm Xihanúc đứng đầu, dựng lên chính quyền tay sai Lon Non. Đây là một nấc thang chiến tranh nguy hiểm của Mỹ nhằm biến Campuchia thành thuộc địa

kiểu mới, xóa bỏ căn cứ và bàn đạp chiến lược của ta, cắt đứt tuyến đường tiếp tế từ miền Bắc vào miền Nam qua đất Campuchia. Cuộc hành quân xâm lược của Mỹ - ngụy đã thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân Campuchia. Trong thời gian ngắn, các lực lượng vũ trang của ta đã phối hợp với quân và dân nước bạn kịp thời phản công địch, đánh bại cuộc hành quân của chúng, giải phóng được vùng Đông Bắc Campuchia và kiểm soát được nhiều vùng nông thôn rộng lớn khác, buộc đế quốc Mỹ phải tuyên bố rút quân ra khỏi Campuchia (6/1970).

Năm 1971, quân và dân Việt Nam phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn "Lam Sơn 719" của Mỹ - ngụy đánh vào Đường 9 - Nam Lào nhằm cắt đứt đường mòn Hồ Chí Minh, cắt đứt con đường tiếp tế quan trọng của miền Bắc đối với miền Nam và phong trào kháng chiến Campuchia. Cũng vào thời gian này, quân và dân ta cùng với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân "Toàn thắng 1/1971" của Mỹ - ngụy đánh vào các hậu cứ kháng chiến tại Đông Bắc Campuchia.

Những thắng lợi quân sự nói trên cùng với những thắng lợi của nhân dân miền Nam trong việc đánh phá kế hoạch "bình định" của địch đã mở ra khả năng thực tế đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Quân ngụy Sài Gòn - "xương sống" của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", đã bị suy yếu nghiêm trọng.

Vào mùa xuân hè năm 1972, nhằm giành thắng lợi quyết định trong năm bầu cử tổng thống Mỹ, buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng ở thế thua, quân ta đã mở cuộc tiến công chiến lược với quy mô lớn, cường độ mạnh. Cuộc tiến công chiến lược được bắt đầu từ hướng chủ yếu là Trị - Thiên, đánh thẳng vào tuyến phòng ngự của địch ở Đường 9, tiếp theo là các hướng Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ, rồi đến đồng bằng Khu V và đồng bằng sông Cửu Long.

Chỉ trong thời gian ngắn, quân và dân ta đã phá vỡ ba tuyến phòng ngự mạnh nhất của địch tại các địa bàn xung yếu Quảng Trị, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, hỗ trợ đắc lực cho nhân dân các địa phương nổi dậy giành quyền làm chủ. Đế quốc Mỹ điên cuồng đối phó bằng cách vội vã "Mỹ hóa" trở lại cuộc chiến tranh ở miền Nam, đánh phá trở lại miền Bắc lần thứ hai từ đầu tháng 4/1972 bằng những thủ đoạn chiến tranh hủy diệt tàn bạo, song không cứu vãn được tình thế.

Cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Pari đã kéo dài 4 năm 8 tháng 14 ngày, với 200 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao giữa cố vấn Lê Đức Thọ với cố vấn Kítxinhgiơ (H. Kissingers), 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn, đàm phán và kết thúc vào ngày 27/1/1973 với việc ký kết "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam".

Với việc ký kết Hiệp định Pari, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã giành thêm thắng lợi hết sức to lớn và có tính chất quyết định. Nhân dân ta đã đạt được mục tiêu quan trọng hàng đầu là đè bẹp ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân viễn chinh và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam. Đây là cơ hội lớn cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đi tới thắng lợi hoàn toàn, từ "đánh cho Mỹ cút" tiến lên "đánh cho ngụy nhào". Điều 1 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ghi rõ: "Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Geneve năm một nghìn chín trăm năm mươi tư đã công nhận"[1].

Mặc dù phải ký Hiệp định Pari, chấp nhận rút quân khỏi Việt Nam, nhưng đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố, âm mưu tiếp tục tiến hành chiến tranh để áp đặt chủ nghĩa thực dân mới và chia cắt lâu dài đất nước ta. Một trong những mục tiêu chiến tranh mà Mỹ - ngụy đề ra trong kế hoạch 3 năm (1973 - 1976) là chiếm lại toàn bộ vùng giải phóng của ta, xóa bỏ hình thái "da báo" ở miền Nam, nhằm biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, lệ thuộc vào Mỹ.

1. Bộ Ngoại giao: *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.481.

Ngay sau khi Hiệp định Pari được ký kết, dưới sự chỉ đạo của Mỹ, chính quyền Nguyễn Văn Thiệu đã ngang ngược phá hoại Hiệp định, liên tiếp mở các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng của ta. Riêng năm 1973, chúng đã chiếm lại hầu hết các vùng giải phóng mới của ta, trong đó có cảng Cửa Việt (Quảng Trị) bị chiếm ngay đêm 27/1/1973. Trong vùng chúng kiểm soát, cũng đã diễn ra liên tiếp các cuộc hành quân càn quét và bình định nhằm khủng bố đàn áp, bóp nghẹt mọi quyền tự do dân chủ, chống lại nguyện vọng hòa bình, hòa hợp dân tộc của nhân dân miền Nam, gây thêm nhiều tội ác đối với đồng bào ta.

Trước tình hình nghiêm trọng nói trên, tháng 7/1973, Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đã nêu rõ con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng và nhấn mạnh: bất kể trong tình huống nào cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công. Nhiệm vụ giành dân, giành quyền làm chủ, phát triển thực lực của cách mạng là yêu cầu vừa bức thiết vừa cơ bản trong giai đoạn mới. Tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Đảng là tích cực phản công, chuẩn bị tiến lên hoàn toàn giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Thực hiện Nghị quyết của Đảng, từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân ta ở miền Nam đã liên tiếp giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường, từ Trị - Thiên đến Tây Nam Bộ và vùng ven Sài Gòn, phá vỡ

từng mảng lớn kế hoạch "bình định" của địch, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng, tiêu diệt nhiều cụm cứ điểm, chi khu, quận lỵ, bức rút nhiều đồn bốt, dồn địch vào thế đối phó lúng túng, bị động. Đặc biệt, cuối năm 1974 đầu năm 1975, quân ta đánh chiếm thị xã Phước Long (ngày 6/1/1975), giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, địch không có khả năng đánh chiếm trở lại. Tình thế này chứng tỏ quân chủ lực cơ động của ta đã mạnh hơn hẳn quân chủ lực cơ động của địch, khả năng giải phóng hoàn toàn miền Nam đã chín muồi.

Trước yêu cầu phát triển của cuộc chiến tranh cách mạng vào giai đoạn cuối, từ tháng 10/1973 trở đi, Trung ương Đảng đã chỉ đạo thành lập các quân đoàn chủ lực có đủ các thành phần binh chủng kỹ thuật, hợp thành những quả đấm mạnh, có khả năng cơ động cao, hoạt động trên những hướng chủ yếu nhằm tiêu diệt quân chủ lực của địch. Tuyến đường chiến lược phía Đông Trường Sơn nối liền từ Đường 9 (Quảng Trị) vào đến miền Đông Nam Bộ đã được thông suốt. Một khối lượng lớn vũ khí, phương tiện chiến tranh như xe tăng, xe bọc thép, tên lửa, pháo tầm xa, pháo cao xạ cùng hàng chục vạn tấn vật chất các loại đã được chuyển tới các chiến trường. Hệ thống đường ống dẫn xăng dầu được nối liền từ miền Bắc vào đến chiến trường Đông Nam Bộ.

Hội nghị Bộ Chính trị họp đợt 1 (từ ngày 30/9 đến ngày 8/10/1974) và đợt 2 (từ ngày 8/12/1974 đến ngày 7/1/1975) đã bàn về chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Trong khi Bộ Chính trị đang họp thì quân ta giải phóng Phước Long (6/1/1975), cách Sài Gòn chỉ hơn 100 cây số mà quân ngụy không chiếm lại được, quân Mỹ không thể trở lại miền Nam. Những ngày cuối tháng 4/1975, Tổng thống Mỹ G. Pho (Gerald R. Ford) đã từ chối việc viện trợ tiếp tục cho chính quyền Sài Gòn.

Chiến thắng Phước Long có ý nghĩa như một đòn thăm dò chiến lược, tạo thêm cơ sở để Bộ Chính trị đi tới nhận định: Chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị, có thời cơ chiến lược to lớn như hiện nay để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Bộ Chính trị đề ra quyết tâm chiến lược giải phóng miền Nam trong hai năm 1975 - 1976 theo tinh thần là: năm 1975 tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bộ Chính trị còn dự kiến, nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Chấp hành quyết định chiến lược nói trên, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 đã diễn ra trên toàn miền Nam, trong đó quyết định là các đòn tiến công chiến lược lớn. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 bắt đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu tiến

công vào thị xã Buôn Ma Thuột ngày 10/3/1975 đã giành được thắng lợi. Trước tình hình quân ta thắng lớn ở Tây Nguyên, cuộc họp Bộ Chính trị ngày 18/3/1975 đã quyết định: giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Sau khi làm chủ Buôn Ma Thuột và toàn bộ Tây Nguyên, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng Quân đoàn II và hệ thống chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở Quân khu II, quân ta nhanh chóng phát triển cuộc tiến công xuống các tỉnh ven biển miền Trung. Ngày 26/3, thành phố Huế được giải phóng. Ngày 29/3, Đà Nẵng được giải phóng. Trên đà thắng lợi của mặt trận Tây Nguyên và Huế, Đà Nẵng, ngày 25/3/1975, Bộ Chính trị bổ sung quyết tâm chiến lược: giải phóng miền Nam trước mùa mưa. Ngày 7/4/1975, Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp ra mệnh lệnh: "Thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa, tranh thủ từng giờ, từng phút, xốc tới mặt trận, giải phóng miền Nam. Quyết chiến và toàn thắng".

Trên cơ sở thế và lực đã có, ngày 26/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định bắt đầu. Bộ Tư lệnh chiến dịch được thành lập do Đại tướng Văn Tiến Dũng làm Tư lệnh, đồng chí Phạm Hùng làm Chính ủy, đồng chí Trần Văn Trà làm Phó Tư lệnh. Sau 4 ngày đêm tiến công dũng mãnh, vào 11 giờ 30 phút ngày 30/4/1975, lá cờ chiến thắng đã được cắm trên Dinh Độc Lập. Toàn bộ lực lượng quân sự và bộ máy chính quyền địch ở Quân khu III, Quân đoàn III bị tiêu diệt. Sài Gòn được giải phóng.

Ngày 2/5/1975, cuộc chiến đấu giải phóng các địa phương còn lại ở đồng bằng sông Cửu Long và các đảo, quần đảo ở Biển Đông đã kết thúc thắng lợi, giải phóng quần đảo Trường Sa và các đảo khác. Riêng quần đảo Hoàng Sa bị quân Trung Quốc đánh chiếm từ ngày 20/1/1974, khi đó Hoàng Sa do chính quyền Sài Gòn quản lý. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 đã toàn thắng, đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954 - 1975

a) Ý nghĩa

- Thắng lợi vĩ đại của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 đã kết thúc 21 năm chiến đấu chống đế quốc Mỹ xâm lược, 30 năm chiến tranh cách mạng, 117 năm chống đế quốc xâm lược, giành lại nền độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ cho đất nước.

- Thắng lợi này đã kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc: kỷ nguyên cả nước hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược, đi lên chủ nghĩa xã hội; làm tăng thêm sức mạnh vật chất, tinh thần, thế và lực cho cách mạng và dân tộc Việt Nam, nâng cao uy tín của Đảng và dân tộc trên trường quốc tế; nâng cao khí

phách, niềm tự hào và để lại những kinh nghiệm quý cho sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

- Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam đã làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc tiến công vào chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới; đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, làm phá sản các chiến lược chiến tranh thực dân kiểu mới của đế quốc Mỹ và tác động đến nội tình nước Mỹ; làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một phòng tuyến quan trọng của chúng ở khu vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) đã khẳng định: "Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của nhân dân ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc"[1].

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.37, tr.471.

b) Kinh nghiệm

Một là, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ.

Hai là, tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.

Ba là, phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ đảng và các cấp chi ủy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn.

Bốn là, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng lực lượng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

Hạn chế của Đảng trong chỉ đạo thực tiễn: Có thời điểm đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch chưa thật đầy đủ và còn có những biểu hiện nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ 1945 - 1954.

2. Ý nghĩa lịch sử và những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ 1945 - 1954.

3. Sự phát triển đường lối và khái quát quá trình chỉ đạo thực hiện của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975.

4. Đặc điểm, ý nghĩa thắng lợi và những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 - 1975.

5. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và những thành quả xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc 1954 - 1975.

Chương 3

ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY)

A. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức: Giúp sinh viên nắm được đường lối, Cương lĩnh, những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay.

2. Về tư tưởng: Củng cố niềm tin của sinh viên về những thắng lợi của Đảng trong lãnh đạo đưa cả nước quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới, củng cố niềm tin và lòng tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay.

3. Về kỹ năng: Rèn luyện cho học viên phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng

động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

B. NỘI DUNG

I- LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1986)

1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975 - 1981

Sau năm 1975, đất nước đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đất nước có nhiều thuận lợi với sức mạnh tổng hợp, đồng thời cũng phải khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh. Điểm xuất phát của Việt Nam về kinh tế - xã hội còn ở trình độ thấp. Điều kiện quốc tế có thuận lợi đồng thời có xuất hiện những khó khăn thách thức mới. Các nước xã hội chủ nghĩa bộc lộ những khó khăn về kinh tế - xã hội và sự phát triển; các thế lực thù địch bao vây cấm vận và phá hoại sự phát triển của Việt Nam.

a) Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện bước quá độ này, rất nhiều nhiệm vụ được Đảng đặt ra nhưng nhiệm vụ đầu tiên, bức thiết nhất là lãnh đạo thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Cụ thể là thống nhất hai chính quyền khác nhau ở hai miền là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ở miền Nam.

Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8/1975) chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam. Cần xúc tiến việc thống nhất nước nhà một cách tích cực và khẩn trương. Thống nhất càng sớm thì càng mau chóng phát huy sức mạnh mới của đất nước, kịp thời ngăn ngừa và phá tan âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động trong nước và trên thế giới.

Dưới sự chỉ đạo của Đảng, ngày 27/10/1975, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã họp phiên đặc biệt để bàn chủ trương, biện pháp thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Hội nghị cử đoàn đại biểu miền Bắc gồm 25 thành viên do đồng chí Trường Chinh làm trưởng đoàn để hiệp thương với đoàn đại biểu miền Nam.

Ngày 5 và 6/11/1975, tại Sài Gòn, Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Hội đồng cố vấn Chính phủ và đại biểu các nhân sĩ, trí thức đã họp hội nghị liên tịch và cử đoàn đại biểu miền Nam gồm 25 thành viên do đồng chí Phạm Hùng dẫn đầu để hiệp thương với đoàn đại biểu miền Bắc.

Từ ngày 15 đến ngày 21/11/1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Bắc - Nam đã họp tại Sài Gòn. Hội nghị khẳng định: Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một, nước nhà cần được sớm thống nhất về mặt nhà nước; tổ chức tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ Việt Nam bầu ra Quốc hội chung cho cả nước vào nửa đầu năm 1976 theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Ngày 3/1/1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 228-CT/TW nêu rõ tầm quan trọng của cuộc tổng tuyển cử và giao trách nhiệm cho các cấp ủy lãnh đạo cuộc bầu cử.

Ngày 25/4/1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất được tiến hành. Hơn 23 triệu cử tri, đạt tỷ lệ 98,77% tổng số cử tri đi bầu, đã bầu ra 492 đại biểu gồm đủ các thành phần công nhân, nông dân, trí thức, các lực lượng vũ trang, các đại biểu tầng lớp thanh niên, phụ nữ, đại biểu các dân tộc thiểu số và các tôn giáo... trên cả nước. Thắng lợi của công việc bầu

cử thể hiện ý chí đoàn kết toàn dân tộc quyết tâm thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà"[1].

Từ ngày 24/6 đến ngày 3/7/1976, kỳ họp thứ nhất Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ sao vàng 5 cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài *Tiến quân ca*, Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội đã bầu đồng chí Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước; các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước; đồng chí Trường Chinh làm Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội và đồng chí Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội đã thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới.

Theo chủ trương của Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội đều được thống nhất cả nước với tên gọi mới: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,...

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.15, tr.623.

Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn; là cơ sở để thống nhất trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước; là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó còn thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

b) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20/12/1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế tham dự.

Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu Kế hoạch nhà nước 5 năm (1976 - 1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và sửa đổi *Điều lệ Đảng*, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức, 32 ủy viên dự khuyết, bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khẳng định thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có ý nghĩa quốc tế quan trọng, có tính thời đại sâu sắc.

Đại hội đã phân tích tình hình thế giới, trong nước và nêu lên ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: "*Một là,* nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. *Hai là,* Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra[1]. *Ba là,* cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt"[2].

Với ba đặc điểm chỉ ra, Việt Nam có đủ điều kiện đi lên và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, nhưng đó là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, lâu dài, đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải phát huy cao độ tính chủ động, tự giác, sáng tạo trong quá trình cách mạng. Trong ba đặc điểm trên,

---

1. Mỹ thừa nhận lực lượng không quân Hoa Kỳ đã ném, thả xuống chiến trường Đông Dương 7,5 triệu tấn bom, gấp 3 lần bom Mỹ dùng trong Chiến tranh thế giới thứ hai (2,1 triệu tấn) gấp 47 lần số bom Mỹ ném xuống Nhật Bản (160.000 tấn) và hơn 10 lần số bom Mỹ ném xuống Triều Tiên (698.000 tấn). (Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975 - Thắng lợi và bài học,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.514).

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.37, tr.988.

đặc điểm đầu tiên là lớn nhất, quy định nội dung, hình thức, bước đi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của nước ta là: "*Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội*"[1]. Trong đường lối chung thể hiện nhận thức mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội ở nước ta gồm 4 đặc trưng cơ bản là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn, nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; coi chuyên chính vô sản,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.37, tr.998.

phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là: Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa bằng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất; tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác.

Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá (1976 - 1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá, xây dựng và phát triển nền văn hoá mới; tăng cường nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể; coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội; coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng, củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, đẩy mạnh hợp tác với Liên Xô; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức lao động sáng tạo để "xây dựng lại đất

nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" theo *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Đại hội lần thứ IV của Đảng còn bộc lộ một số hạn chế như: Chưa tổng kết kinh nghiệm 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện thời chiến, vừa là hậu phương, vừa là tiền tuyến, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa chống chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của đế quốc Mỹ, vừa làm nhiệm vụ chi viện cho chiến trường miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế. Trong điều kiện đó, không thể áp dụng đầy đủ các quy luật kinh tế, không thể hạch toán kinh tế mà tất yếu phải thực hành chính sách bao cấp để đáp ứng yêu cầu "tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược"; chưa phát hiện những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ rõ sau chiến tranh. Việc dự kiến thời gian hoàn thành về cơ bản quá trình đưa nền kinh tế của đất nước từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trong khoảng 20 năm để kết thúc thời kỳ quá độ; việc ưu tiên phát triển công nghiệp nặng với quy mô lớn, việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế... là những chủ trương nóng vội, thực tế đã không thực hiện được.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tập trung chủ yếu vào chỉ đạo phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và phân phối lưu thông.

Hội nghị Trung ương 6 (8/1979) được cho là *bước đột phá đầu tiên* đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh

tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, phá bỏ những rào cản để cho "sản xuất bung ra". Theo đó, tháng 10/1979, Hội đồng Chính phủ ra quyết định về việc tận dụng đất đai nông nghiệp để khai hoang, phục hoá, được miễn thuế, trả thù lao và được sử dụng toàn bộ sản phẩm; quyết định xóa bỏ những trạm kiểm soát để người sản xuất có quyền tự do đưa sản phẩm ra trao đổi ngoài thị trường.

Trước hiện tượng "khoán chui" trong hợp tác xã nông nghiệp ở một số địa phương, sau khi tổ chức thí điểm, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 100-CT/TW (ngày 13/1/1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp (gọi tắt là Khoán 100). Theo Chỉ thị, mỗi xã viên nhận mức khoán theo diện tích và tự mình làm các khâu cấy, chăm sóc và thu hoạch, còn những khâu khác do hợp tác xã đảm nhiệm. Thu hoạch vượt mức khoán sẽ được hưởng và tự do mua bán. Chủ trương đó được nông dân cả nước ủng hộ, nhanh chóng thành phong trào quần chúng sâu rộng. Sản lượng lương thực bình quân từ 13,4 triệu tấn/năm thời kỳ 1976 - 1980 tăng lên 17 triệu tấn/năm thời kỳ 1981 - 1985; những hiện tượng tiêu cực, lãng phí trong sản xuất nông nghiệp giảm đi đáng kể.

Trong lĩnh vực công nghiệp, trước các hiện tượng "xé rào" bù giá vào lương ở Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Long An, Chính phủ ban hành Quyết định số 25/CP (1/1981) về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp quốc doanh và Quyết định số 26/CP về việc mở rộng hình thức trả lương khoán,

lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước. Những chủ trương trên đã tạo nên động lực mới, góp phần thúc đẩy sản xuất công nghiệp đạt kế hoạch, riêng công nghiệp địa phương vượt kế hoạch 7,5%.

Tháng 9/1980, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp để cho ý kiến về bản Dự thảo Hiến pháp mới của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quyết định những biện pháp bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp sau khi được Quốc hội thông qua ngày 18/12/1980.

Sau 30 năm chiến đấu liên tục để giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, nguyện vọng thiết tha của nhân dân Việt Nam là hoà bình, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ để xây dựng đất nước. Song, chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch đã cấu kết với nhau ra sức chống phá, buộc Việt Nam phải tiến hành cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc của Tổ quốc.

Việt Nam, Lào và Campuchia là ba nước láng giềng cùng trên bán đảo Đông Dương, cùng dòng sông Mê Kông, cùng kẻ thù chung là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược từ cuối thế kỷ XIX cho đến năm 1975. Đoàn kết ba nước Đông Dương đã trở thành truyền thống tốt đẹp, là quy luật phát triển của từng nước và của cả ba nước.

Từ tháng 4/1975, tập đoàn Pôn Pốt đã thi hành chính sách diệt chủng ở Campuchia và tăng cường chống Việt Nam. Ngày 3/5/1975, chúng cho quân đổ bộ chiếm các đảo Thổ Chu, Phú Quốc, sau đó tiến hành hàng ngàn vụ tấn công lấn chiếm đất đai, giết hại nhân dân Việt Nam trên

toàn tuyến biên giới Tây Nam. Đảng và Chính phủ Việt Nam đã nhiều lần đề nghị đàm phán ở bất cứ cấp nào, thời gian nào, ở mọi nơi để giải quyết xung đột nhưng tập đoàn Pôn Pốt đều từ chối. Cuối tháng 12/1978, chính quyền Pôn Pốt huy động tổng lực tiến công xâm lược quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới Tây Nam với mục tiêu nhanh chóng tiến sâu vào nội địa Việt Nam.

Để bảo vệ độc lập và chủ quyền Tổ quốc, quân và dân Việt Nam đã kiên quyết tiến công đánh đuổi bọn xâm lược ra khỏi bờ cõi. Thể theo yêu cầu của Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, từ ngày 26/12/1978, quân tình nguyện Việt Nam phối hợp và giúp đỡ Campuchia tổng tiến công, đến ngày 7/1/1979 giải phóng Phnôm Pênh, đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Ngày 18/2/1979, Việt Nam và Campuchia ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Theo Hiệp ước, quân đội Việt Nam có mặt ở Campuchia để giúp bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và hồi sinh đất nước. Hành động đó của Việt Nam là chính nghĩa và xuất phát từ nhu cầu tự vệ chính đáng được ghi nhận trong Điều 51 Hiến chương Liên hợp quốc, đã được nhân dân Campuchia và thế giới ghi nhận.

Việt Nam và Trung Quốc là hai nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng về chính trị, kinh tế, văn hóa, có quan hệ hữu nghị truyền thống lâu đời. Trong lịch sử cách mạng, hai Đảng và nhân dân hai nước đã đoàn kết, ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã dành cho nhân dân Việt Nam sự ủng hộ, giúp

đỡ toàn diện, to lớn và quý báu. Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam luôn biết ơn về sự giúp đỡ quý báu đó.

Năm 1978, Trung Quốc tuyên bố rút chuyên gia, cắt viện trợ cho Việt Nam, liên tiếp lấn chiếm dẫn đến xung đột trên tuyến biên giới phía Bắc Việt Nam đã làm cho quan hệ Trung Quốc - Việt Nam xấu đi rõ rệt. Ngày 17/2/1979, Trung Quốc huy động hơn 60 vạn quân đồng loạt tấn công toàn tuyến biên giới nước ta từ Lai Châu đến Quảng Ninh, gây ra những thiệt hại rất nặng nề. Quân dân Việt Nam, nhất là quân dân các tỉnh biên giới phía Bắc, được nhân dân thế giới ủng hộ đã kiên cường chiến đấu bảo vệ đất nước. Ngày 5/3/1979, Trung Quốc tuyên bố rút quân, song, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc của quân và dân ta vẫn diễn ra trong nhiều năm sau đó (đặc biệt là trên mặt trận Vị Xuyên, Hà Giang ngày 12/7/1984). Việt Nam và Trung Quốc đã tổ chức nhiều cuộc đàm phán, từng bước giải quyết những tranh chấp về biên giới lãnh thổ và các vấn đề khác, khôi phục hoà bình, quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước.

Đồng thời, quân dân cả nước cũng đấu tranh thắng lợi làm thất bại âm mưu, hoạt động phá hoại của lực lượng phản động FULRO vũ trang ở Tây Nguyên, lực lượng lưu vong vũ trang xâm nhập về nước, bảo vệ vững chắc mọi thành quả của cách mạng.

Sau 5 năm 1975 - 1981, quân dân cả nước đã giành được thành tựu thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, chiến thắng trong hai cuộc chiến tranh biên giới và đã khắc phục một phần hậu quả chiến tranh và thiên tai liên

tiếp gây ra. Các tỉnh phía Nam đã cơ bản hoàn thành việc xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của đế quốc, phong kiến. Ở miền Bắc, bước đầu có sự cải tiến đưa nông nghiệp từng bước lên sản xuất lớn. Tuy nhiên, kết quả nhìn chung đã không đạt chỉ tiêu do Đại hội IV đề ra: lưu thông, phân phối rối ren, giá cả tăng vọt, nhập khẩu tăng gấp 4 - 5 lần xuất khẩu. Đời sống của nhân dân, cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang rất khó khăn. Từ cuối năm 1979, ở một số địa phương miền Bắc đã xuất hiện hiện tượng "xé rào", "khoán chui". Ở miền Nam, việc thí điểm hợp tác xã diễn ra phức tạp, lúng túng...

Những khó khăn trên có nguồn gốc sâu xa từ nền kinh tế thấp kém, thiên tai nặng nề liên tiếp xảy ra, chiến tranh biên giới và chính sách cấm vận, bao vây, cô lập của Mỹ và các thế lực thù địch. Tuy nhiên, về chủ quan, do những khuyết điểm, sai lầm của Đảng, Nhà nước về lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội làm trầm trọng thêm những khó khăn trên. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tự phê bình về những khuyết điểm và sai lầm đó trước Đại hội V của Đảng.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982 - 1986

a) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội

Đại hội V của Đảng họp từ ngày 27 đến ngày 31/3/1982 trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước

có một số mặt thuận lợi, nhưng nhiều khó khăn, thách thức. Mỹ tiếp tục thực hiện chính sách bao vây cấm vận và "kế hoạch hậu chiến". Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế ra sức tuyên truyền xuyên tạc việc quân tình nguyện Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, gây sức ép với Việt Nam, chia rẽ ba nước Đông Dương. Trong nước, tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội ngày càng trầm trọng.

Dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước, có 47 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế. Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 116 ủy viên chính thức, Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá thành tựu, khuyết điểm, sai lầm của Đảng, phân tích nguyên nhân thắng lợi và khó khăn của đất nước, những biến động của tình hình thế giới; khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ IV đề ra. Cùng với việc đề ra các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại, xây dựng Đảng..., Đại hội V đã bổ sung đường lối chung và đề ra những quan điểm mới, cụ thể là:

Khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với những khó khăn về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội; đó là thời kỳ khó khăn, phức tạp, lâu dài, phải trải qua nhiều chặng đường. Chặng

đường trước mắt bao gồm thời kỳ 5 năm 1981 - 1985 và kéo dài đến những năm 1990 là khoảng thời gian có tầm quan trọng đặc biệt. Nhiệm vụ của chặng đường trước mắt là giữ ổn định, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh, trật tự xã hội. Đại hội chỉ rõ: "Kinh nghiệm của 5 năm 1976 - 1980 cho thấy sự cần thiết phải cụ thể hoá đường lối của Đảng - đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa và đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa ở nước ta - vạch ra *chiến lược kinh tế - xã hội cho chặng đường đầu tiên của quá trình công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa*"[1].

Cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau: "Trong khi không một phút lơi lỏng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu *nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội*"[2].

Nội dung, bước đi, cách làm để thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là: tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, tr.43, tr.63, 57.

là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Nhận thức đó phù hợp với thực tiễn nước ta, khai thác và phát huy thế mạnh, tiềm năng của đất nước về lao động, đất đai, ngành nghề..., làm cơ sở để thực hiện nhiệm vụ chủ yếu của chặng đường đầu tiên, tạo ra những tiền đề cần thiết cho chặng đường tiếp theo.

Đại hội V đã thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa và xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại; tiếp tục nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, thực sự trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Đại hội chưa thấy hết sự cần thiết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa xác định những quan điểm kết hợp kế hoạch với thị trường, về công tác quản lý lưu thông, phân phối; vẫn tiếp tục chủ trương hoàn thành về cơ bản cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam trong vòng 5 năm; vẫn tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật cho việc phát triển công nghiệp nặng một cách tràn

lan; không dứt khoát dành thêm vốn và vật tư cho phát triển nông nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng...

b) Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế

Thực hiện Nghị quyết Đại hội V, các hội nghị Trung ương đã cụ thể hoá trên từng lĩnh vực. Hội nghị Trung ương 6 (7/1984) chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông, hai công việc cần làm ngay là đẩy mạnh thu mua nắm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do; thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế. Hội nghị Trung ương 7 (12/1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Hội nghị Trung ương 8 (6/1985) được coi là *bước đột phá thứ hai* trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng. Tại Hội nghị này, Trung ương chủ trương xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá - lương - tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nội dung xoá bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp trong giá và lương là tính đủ chi phí hợp lý trong giá thành sản phẩm; giá cả bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, người sản xuất có lợi nhuận thoả đáng, Nhà nước từng bước có tích lũy; xoá bỏ tình trạng Nhà nước mua thấp, bán thấp và bù lỗ; thực hiện cơ chế một giá trong toàn bộ hệ thống, khắc phục tình trạng thả nổi trong việc định giá và quản lý giá. Thực hiện cơ chế một giá, xoá bỏ chế độ bao cấp bằng

hiện vật theo giá thấp, chuyển mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Giá, lương, tiền coi là khâu đột phá để chuyển đổi cơ chế. Thực hiện trả lương bằng tiền có hàng hoá bảo đảm, xoá bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp, thoát ly giá trị hàng hoá. Xoá bỏ các khoản chi của ngân sách trung ương, địa phương mang tính chất bao cấp tràn lan. Nhanh chóng chuyển hẳn công tác ngân hàng sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Thực chất, các chủ trương của Hội nghị Trung ương 8 đã thừa nhận sản xuất hàng hoá và những quy luật sản xuất hàng hoá trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện lại mắc những sai lầm như vội vàng đổi tiền; tổng điều chỉnh giá, lương trong tình hình chưa chuẩn bị đủ mọi mặt. Cuộc điều chỉnh giá, lương, tiền đã làm cho cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng sâu sắc hơn.

Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8/1986) đưa ra kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế. Đây là *bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế*, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới của Đảng. Nội dung đổi mới có tính đột phá là:

Về cơ cấu sản xuất, Hội nghị cho rằng, chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất. Đây là một nguyên nhân quan trọng khiến cho sản xuất trong 5 năm gần đây như dẫm chân tại chỗ, năng suất lao động giảm sút, chi phí sản xuất không ngừng

tăng lên, tình hình kinh tế - xã hội ngày càng không ổn định. Đây cũng là nguyên nhân trực tiếp của tình trạng chậm giải quyết căn bản các vấn đề về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và tạo nguồn hàng cho xuất khẩu. Cần tiến hành một cuộc điều chỉnh lớn về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng thật sự lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn cả về quy mô và nhịp độ, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, phát huy hiệu quả nhanh nhằm phục vụ đắc lực yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu. Cần tập trung lực lượng, trước hết là vốn và vật tư, thực hiện cho được ba chương trình quan trọng nhất về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Hội nghị cho rằng, do chưa nắm vững quy luật đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nên chúng ta đã phạm nhiều khuyết điểm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng lĩnh vực, phải đi qua những bước trung gian, quá độ từ thấp đến cao, từ quy mô nhỏ đến trung bình, rồi tiến lên quy mô lớn; phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, đó là sự cần thiết khách quan để phát triển lực lượng sản xuất, tận dụng các tiềm năng, tạo thêm việc

làm cho người lao động, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế; cải tạo xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự thay đổi chế độ sở hữu, mà còn thay đổi cả chế độ quản lý, chế độ phân phối, đó là một quá trình gắn liền với mỗi bước phát triển của lực lượng sản xuất, vì vậy không thể làm một lần hay trong một thời gian ngắn là xong.

Về cơ chế quản lý kinh tế, Hội nghị cho rằng, bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm cho hai mặt ăn khớp với nhau tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển. Nội dung chủ yếu của cơ chế quản lý kinh doanh xã hội chủ nghĩa là: Đổi mới kế hoạch hoá theo nguyên tắc phát huy vai trò chủ đạo của các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời sử dụng đúng đắn các quy luật của quan hệ hàng hoá - tiền tệ; làm cho các đơn vị kinh tế có quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; phân biệt chức năng quản lý hành chính của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế; phân công, phân cấp bảo đảm các quyền tập trung thống nhất của Trung ương trong những khâu then chốt, quyền chủ động của địa phương trên địa bàn lãnh thổ, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Những kết luận trên đây là kết quả tổng hợp của cả quá trình tìm tòi, thử nghiệm, đấu tranh giữa quan điểm mới và quan điểm cũ, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế. Những quan điểm mới được trình bày trong bản kết luận đã định hướng cho việc soạn thảo Báo cáo chính trị để trình ra Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, thay cho bản Dự thảo Báo cáo chính trị được chuẩn bị

trước đó vẫn còn giữ lại nhiều quan điểm cũ không phù hợp với yêu cầu trước mắt là khắc phục cho được khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Tổng kết 10 năm 1975 - 1986, Đảng đã khẳng định 3 thành tựu nổi bật là: Thực hiện thắng lợi chủ trương thống nhất nước nhà về mặt nhà nước; đạt được những thành tựu quan trọng trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Những thành tựu trên đã tạo cho cách mạng nước ta những nhân tố mới để tiếp tục tiến lên. Song những sai lầm, khuyết điểm nổi bật là không hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội IV và Đại hội V của Đảng đề ra. Đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội kéo dài; sản xuất tăng chậm và không ổn định; nền kinh tế luôn trong tình trạng thiếu hụt, không có tích lũy; lạm phát tăng cao và kéo dài. Đất nước bị bao vây, cô lập, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, lòng tin đối với Đảng, Nhà nước, chế độ giảm sút nghiêm trọng.

Nguyên nhân khách quan dẫn đến khủng hoảng kinh tế - xã hội là do chúng ta xây dựng đất nước từ nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, sản xuất nhỏ là phổ biến, bị bao vây, cấm vận nhiều năm, nguồn viện trợ từ nước ngoài giảm mạnh; hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh chưa kịp hàn gắn thì chiến tranh biên giới ở hai đầu đất nước làm nảy sinh những khó khăn mới. Về chủ quan là do những sai lầm của Đảng trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi, sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế; sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong lĩnh vực phân

phối, lưu thông; duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn phá hoại nhiều mặt của địch.

Ngày 10/7/1986, Tổng Bí thư Lê Duẩn qua đời. Ngày 14/7/1986, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị bất thường bầu đồng chí Trường Chinh giữ chức Tổng Bí thư của Đảng.

Các bước đột phá tháng 8/1979, tháng 6/1985 và tháng 8/1986 phản ánh sự phát triển nhận thức từ quá trình khảo nghiệm, tổng kết thực tiễn, từ sáng kiến và nguyện vọng lợi ích của nhân dân để hình thành đường lối đổi mới.

II- LÃNH ĐẠO CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ (TỪ NĂM 1986 ĐẾN NAY)

1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986 - 1996

a) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện

Đại hội VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại. Liên Xô và các nước

xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việt Nam đang bị các đế quốc và thế lực thù địch bao vây, cấm vận và ở tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng đều khan hiếm; lạm phát tăng từ 300% năm 1985 lên hơn 774% năm 1986. Các hiện tượng tiêu cực, vi phạm pháp luật, vượt biên trái phép diễn ra khá phổ biến. Đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết của tình hình đất nước.

Dự Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho gần 2 triệu đảng viên cả nước và có 32 đoàn đại biểu quốc tế đến dự. Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng, khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 124 ủy viên chính thức, bầu Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức; bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội VI đề ra thể hiện trên các lĩnh vực nổi bật như sau:

Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời kỳ 1975 - 1986. Đó là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện. Khuynh hướng tư tưởng chủ yếu của những sai lầm, khuyết điểm đó, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế, là bệnh chủ quan duy ý chí, lối suy nghĩ và hành động giản đơn, nóng vội, chạy theo nguyện vọng chủ quan. Đó là tư tưởng tiểu tư sản, vừa tả khuynh vừa

hữu khuynh. Nguyên nhân của mọi nguyên nhân bắt nguồn từ những khuyết điểm trong hoạt động tư tưởng, tổ chức và công tác cán bộ của Đảng. Đại hội rút ra bốn bài học quý báu: *Một là,* trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc". *Hai là,* Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. *Ba là,* phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Bốn là,* chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp, chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường. Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là sự cụ thể hóa nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ. Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực, hiệu quả các chính sách xã hội. Bảo đảm nhu cầu

củng cố quốc phòng và an ninh. Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế là: Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học - kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Đại hội VI nhấn mạnh: "*Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch và các chính sách kinh tế là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa*"[1].

Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người, cần có chính sách cơ bản, lâu dài, xác định được những nhiệm vụ phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Bốn nhóm chính sách xã hội là: Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động; thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội; chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân; xây dựng chính sách bảo trợ xã hội.

Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng các kiểu chiến

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.47, tr.380.

tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

Đối ngoại góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước là điều kiện tất yếu để huy động lực lượng của quần chúng.

Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Các văn kiện của Đại hội mang tính chất khoa học và cách mạng, lãnh đạo cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, hạn chế của Đại hội VI là chưa tìm ra những giải pháp hiệu quả tháo gỡ tình trạng rối ren trong phân phối, lưu thông.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, tình hình thế giới biến chuyển nhanh chóng. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng rơi vào khủng hoảng toàn diện và sụp đổ hoàn toàn (12/1991). Sự sụp đổ đó gây tác động bất lợi nhiều mặt đối với thế giới và Việt Nam. Viện trợ và quan hệ kinh tế giữa Liên Xô và các nước Đông Âu với nước ta bị thu hẹp nhanh. Trên diễn đàn quốc tế, Mỹ và các thế lực thù địch lấy cớ quân tình nguyện Việt Nam chưa rút khỏi Campuchia, tiếp tục bao vây, cấm vận, cô lập, tuyên truyền chống Việt Nam. Họ còn dung dưỡng các tổ chức phản động người Việt từ nước ngoài trở về Việt Nam gây bạo loạn, lật đổ. Trên một số vùng biên giới phía Bắc diễn biến phức tạp, căng thẳng. Cao điểm nhất, tháng 3/1988, Trung Quốc cho quân đội chiếm đảo Gạc Ma và các bãi cạn Châu Viên, Chữ Thập, Tư Nghĩa,... ở quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Trên thực tế cuộc chiến tranh chống xâm lược bảo vệ Tổ quốc ở biên giới phía Bắc kéo dài 10 năm; từ năm 1979 đến năm 1989.

Ở trong nước, những năm 1987 - 1988, khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn diễn ra nghiêm trọng. Lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, lạm phát cao, đời sống nhân dân rất khó khăn. Sự dao động về tư tưởng chính trị, giảm sút niềm tin vào con đường xã hội chủ nghĩa ngày càng lan rộng. Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, chỉ đạo đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật trên các lĩnh vực sau:

Về kinh tế - xã hội, phân phối, lưu thông rối ren, lạm phát ở mức cao, lại thêm thiên tai, mất mùa nên kỳ giáp hạt năm 1988, nhiều nơi từ miền Trung trở ra rất thiếu đói. Hội nghị Trung ương 2 (4/1987) đề ra một số biện pháp cấp bách về phân phối, lưu thông, trọng tâm là thực hiện bốn giảm: Giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân; mở rộng giao lưu hàng hóa, giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông; thực hiện cơ chế một giá và chế độ lương thống nhất cả nước; giảm tỷ lệ bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt, tiết kiệm chi tiêu, chống tiêu cực; chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Quyết định số 217/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (14/11/1987) trao quyền tự chủ cho các doanh nghiệp.

Trong nông nghiệp, nổi bật là Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 5/4/1988 của Bộ Chính trị về "Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp" (gọi tắt là Khoán 10). Theo đó, người nông dân được nhận khoán và canh tác trên diện tích ổn định trong 15 năm; bảo đảm có thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên. Lần đầu tiên Luật đầu tư nước ngoài được Quốc hội khóa VIII thông qua, có hiệu lực từ ngày 1/1/1988.

Trong công nghiệp, xóa bỏ chế độ tập trung, bao cấp, chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhằm tạo ra động lực mạnh mẽ,

giải phóng mọi năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phát triển kinh tế hàng hóa theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao. Nhà máy thủy điện Hòa Bình phát điện tổ máy số 1. Liên doanh dầu khí Việt - Xô khai thác những thùng dầu thô đầu tiên.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế. Nâng cao vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc doanh, phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác. Các thành phần kinh tế bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

Các chủ trương trên thể hiện tư duy đổi mới quan trọng về kinh tế của Đảng và đã có kết quả nhanh chóng. Đến năm 1991, lạm phát giảm từ trên 774% năm 1986 còn 67,1%. Cuối năm 1988, chế độ phân phối theo tem phiếu đã được xóa bỏ. Lương thực, từ chỗ thiếu triền miên, năm 1988 phải nhập hơn 45 vạn tấn gạo, đến năm 1989 đã đáp ứng được nhu cầu, có dự trữ và xuất khẩu. Hàng tiêu dùng đa dạng, lưu thông tương đối thuận lợi. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bước đầu hình thành. Kinh tế đối ngoại phát triển nhanh hơn trước.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, công cuộc cải tổ ở Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng rơi vào khủng hoảng toàn diện, gây tác động bất lợi nhiều mặt đối với thế giới và Việt Nam. Hội nghị Trung ương 6 (3/1989) chính thức dùng khái niệm *hệ thống*

chính trị, đề ra những chủ trương cụ thể và xác định sáu nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới[1]:

Đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu ở nước ta, là sự lựa chọn sáng suốt của Bác Hồ, là mục tiêu, là lý tưởng của Đảng và nhân dân ta. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa, mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn bằng quan niệm đúng đắn, hình thức, biện pháp và bước đi thích hợp.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đổi mới, vận dụng sáng tạo và phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là tăng cường sức mạnh và hiệu lực của các tổ chức trong hệ thống chính trị[2].

Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa. Song, dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo phải trên cơ sở dân

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.49, tr.591.

2. Từ Hội nghị này, khái niệm *hệ thống chính trị* được sử dụng thay cho khái niệm *hệ thống chuyên chính vô sản*.

chủ; dân chủ với nhân dân, nhưng phải chuyên chính với kẻ địch.

Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Để chỉ đạo công tác tư tưởng trong bối cảnh tác động xấu từ sự khủng hoảng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu; kịp thời ngăn chặn các hoạt động chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch hòng xóa bỏ Đảng Cộng sản Việt Nam, Hội nghị Trung ương 8 (3/1990) đã kịp thời phân tích tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc, đề ra nhiệm vụ của Đảng ta. Trung ương chỉ rõ cần nhận rõ nguyên nhân sâu xa dẫn đến khủng hoảng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu là do việc xây dựng mô hình chủ nghĩa xã hội còn một số nhược điểm và khuyết điểm: cải tạo xã hội chủ nghĩa nóng vội, hình thức sở hữu thiếu đa dạng; cơ chế quản lý tập trung nặng về hành chính mệnh lệnh và bao cấp; phủ nhận hoặc coi nhẹ kinh tế hàng hóa; hệ thống chính trị tập trung quan liêu làm suy yếu nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và mối liên hệ giữa Đảng với nhân dân...; những nhược điểm và khuyết điểm của mô hình nói trên kéo dài quá lâu và ngày càng nặng nề, cộng với nhiều sai lầm khác ở nước này hay nước khác tích tụ dẫn đến khủng hoảng nói trên. Hai nguyên nhân trực tiếp dẫn đến khủng hoảng: *Một là*, những quan điểm, khuynh hướng sai lầm, hữu khuynh của một số người lãnh đạo Liên Xô trong quá trình cải tổ. *Hai là*, các thế lực đế quốc và phản

động quốc tế triệt để khai thác những sai lầm, khó khăn của các nước xã hội chủ nghĩa để tăng cường can thiệp, phá hoại, thực hiện "diễn biến hoà bình". Cuộc khủng hoảng của các nước xã hội chủ nghĩa đã và đang tác động tiêu cực đến cách mạng nước ta, làm một số người hoài nghi đối với chủ nghĩa xã hội, giảm lòng tin đối với Đảng và Nhà nước. Một số ít phần tử cơ hội, bất mãn đẩy mạnh hoạt động chống lại sự lãnh đạo của Đảng, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng, gây mất ổn định tình hình. Những người cộng sản Việt Nam cần rút ra những bài học cần thiết từ sự khủng hoảng đó, đổi mới nhận thức về mô hình và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; Đảng phải tích cực đổi mới, nâng cao trình độ lãnh đạo và sức chiến đấu của mình; cần cảnh giác và kiên quyết chống âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Từ năm 1990, Đảng và Nhà nước có những chủ trương đổi mới về quan hệ đối ngoại: "Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại theo phương châm thêm bạn, bớt thù, giữ vững hòa bình, để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"[1]. Trước hết là bình thường hóa quan hệ Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Hoa Kỳ; từng bước xây dựng quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước Đông Nam Á, thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và các nước châu Âu. Quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam là sớm tiến

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.50, tr.78.

hành những bước đầu tiên giải quyết bất đồng với các nước nhưng luôn kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Để thực hiện chủ trương đó, từ tháng 5/1988, Việt Nam tuyên bố rút 5 vạn quân và Bộ Tư lệnh quân tình nguyện ở Campuchia về nước và rút hết quân tình nguyện về nước vào tháng 9/1989, sớm hơn một năm theo kế hoạch.

Nhằm thực hiện đổi mới tư duy của Đảng, Hội nghị Trung ương 6 (3/1989) và Hội nghị Trung ương 8 (3/1990) tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng[1]. Điểm nổi bật là đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm nhằm phục vụ thiết thực việc đổi mới tư duy, cụ thể hóa kịp thời, đúng đắn các nghị quyết của Đảng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế - xã hội. Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; tăng cường công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Nâng cao chất lượng đảng viên và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, giữ vững mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc đổi mới và toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.49, tr.261.

b) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Đất nước sau hơn 4 năm thực hiện công cuộc đổi mới, tình hình cơ bản ổn định nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề kinh tế - xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết.

Đại hội lần thứ VII của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 24 đến ngày 27/6/1991. Dự Đại hội có 1.176 đại biểu, thay mặt cho trên 2 triệu đảng viên cả nước. Ngoài các văn kiện chính, điểm mới nổi bật của Đại hội VII là thông qua hai văn kiện quan trọng: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*. Đại hội đã bầu 146 ủy viên Trung ương, Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên; đồng chí Đỗ Mười được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội VII khẳng định nền kinh tế bước đầu chuyển biến tích cực, hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Lạm phát năm 1988 là 393,3%, đến năm 1990 giảm còn 67,4%.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII thông qua (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) đã tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và nêu ra năm bài học lớn: *Một là*, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. *Hai là*, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. *Ba là*, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. *Bốn là*, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. *Năm là*, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Cương lĩnh đã khái quát xu thế phát triển của thế giới, đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; nêu rõ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có sáu đặc trưng cơ bản: "Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới"[1].

Cương lĩnh nêu ra bảy phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội là: 1) Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa. 2) Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.51, tr.134.

đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm. 3) Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu. 4) Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. 5) Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. 6) Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. 7) Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cương lĩnh chỉ rõ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại. "**Mục tiêu tổng quát** phải đạt tới khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh"[1].

Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Mặt trận Tổ

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.51, tr.136.

quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

Đại hội VII lần đầu tiên thông qua *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, trong đó xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2000 là ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990. Quan điểm chỉ đạo của Chiến lược: Phát triển kinh tế - xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hóa, có kỷ cương, xóa bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì

con người, do con người, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp.

Tổng kết bài học bước đầu qua 5 năm đổi mới: *Một là,* phải giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình đổi mới, kết hợp sự kiên định về nguyên tắc và chiến lược cách mạng với sự linh hoạt trong sách lược, nhạy cảm nắm bắt cái mới. *Hai là,* đổi mới toàn diện, đồng bộ và triệt để, nhưng phải có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. *Ba là,* phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước về kinh tế, xã hội. *Bốn là,* tiếp tục phát huy sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc phù hợp. *Năm là,* trong quá trình đổi mới phải quan tâm dự báo tình hình, kết hợp phát hiện và giải quyết đúng đắn những vấn đề mới nảy sinh trên tinh thần kiên định thực hiện đường lối đổi mới.

Tại Đại hội VII, lần đầu tiên Đảng giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: "Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và của nhân

loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân"[1].

Đại hội VII tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và bước đầu triển khai thực hiện Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Mục tiêu tổng quát của 5 năm 1991 - 1995 là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng.

Đại hội VII của Đảng là *"Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết"*, đã hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Sau Đại hội, toàn Đảng, toàn dân đã sôi nổi thảo luận và tại kỳ họp thứ 11 (4/1992), Quốc hội đã thông qua Hiến pháp năm 1992.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, trong những năm 1991 - 1995, Ban Chấp hành Trung ương đã họp nhiều lần, chỉ đạo tiếp tục đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật trên những lĩnh vực chủ yếu:

Coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và có cách nhìn toàn diện, trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng nông nghiệp, nông thôn nước ta qua những năm đầu đổi mới, Hội nghị Trung ương 5 khóa VII đã ban hành Nghị

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.51, tr.208-209.

quyết số 05-NQ/TW ngày 10/6/1993 tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, đã đề ra các chính sách đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn. Trung ương xác định ba mục tiêu chủ yếu là: 1) Xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển, đời sống văn hóa phong phú, lành mạnh, có cơ sở hạ tầng vật chất và xã hội đáp ứng được những nhu cầu cơ bản của nông dân, có hệ thống chính trị vững mạnh; 2) Phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội; 3) Tăng cường đoàn kết và ổn định chính trị, giữ vững trật tự xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh. Điểm mới trong chủ trương này của Đảng là đề ra các quan điểm, nhiệm vụ xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện, khơi dậy mọi tiềm năng, nội lực của nông dân. Trung ương đã đưa ra quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đổi mới, xây dựng và phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện.

Hội nghị Trung ương 7 khóa VII (7/1994) chủ trương phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Mục tiêu lâu dài của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Cần xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về giai

cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trung ương đã chỉ ra các nhiệm vụ và giải pháp tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới.

Kết quả, sau 5 năm 1991 - 1995, nhiều mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm đã hoàn thành vượt mức, GDP đạt 8,2% (kế hoạch là 5,5 - 6,5%); đã bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Lạm phát từ mức 67,1% năm 1991 giảm xuống còn 12,7% năm 1995. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng.

Sau Đại hội VII, tình hình thế giới diễn biến phức tạp; đất nước đứng trước những thuận lợi mới và những thách thức mới. Hội nghị Trung ương 3 (6/1992) đã thảo luận và đưa ra ba quyết sách quan trọng, đúng đắn về củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, đổi mới và chỉnh đốn Đảng.

Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, trong đó các lực lượng vũ trang gồm Quân đội nhân dân và

Công an nhân dân là lực lượng nòng cốt. Trong tình hình mới, phải phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, đề cao cảnh giác, kiên quyết chống lại những âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, xây dựng các lực lượng vũ trang trong sạch, vững mạnh, giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Đảng, Nhà nước chủ trương mở rộng, đa dạng hóa và đa phương hóa quan hệ đối ngoại cả về chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học - kỹ thuật, cả về Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức phi chính phủ, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, gìn giữ và phát huy những truyền thống và bản sắc tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc.

Những chủ trương trên đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, độc lập chủ quyền và môi trường hòa bình của đất nước, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, phá thế bị bao vây cấm vận, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho công cuộc đổi mới. Từ tháng 11/1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ, từng bước khôi phục và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác nhiều mặt; tăng cường quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt với Lào; xây dựng quan hệ tốt với Campuchia; phát

triển quan hệ với các nước trong khu vực, trở thành thành viên đầy đủ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á ngày 28/7/1995 (ASEAN) và thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ ngày 11/7/1995. Đến cuối năm 1995, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 160 nước, quan hệ thương mại quốc tế buôn bán với trên 100 nước... Các công ty của hơn 50 nước và vùng lãnh thổ đã đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Nhiều chính phủ và tổ chức quốc tế dành cho Việt Nam viện trợ không hoàn lại hoặc cho vay để phát triển. Ngày 28/7/1994, Việt Nam phê chuẩn tham gia Công ước về Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc.

Hội nghị Trung ương 3 (6/1992) lần đầu tiên đưa ra chủ trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng[1]. Mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII đề ra, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế, làm cho dân giàu, nước mạnh, giữ vững ổn định chính trị. Nguyên tắc đổi mới và chỉnh đốn Đảng là quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng các

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.52, tr.188.

nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân. Yêu cầu và phương châm đổi mới, chỉnh đốn Đảng: xây dựng Đảng về chính trị và tư tưởng; chỉnh đốn Đảng về tổ chức, tạo bước chuyển biến quan trọng về công tác cán bộ; đổi mới và tăng cường công tác dân vận; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tăng cường củng cố Mặt trận Dân tộc thống nhất, ngày 17/11/1993, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TW về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc thống nhất, nhấn mạnh đại đoàn kết lấy mục tiêu chung làm điểm tương đồng, vì lợi ích chung của dân tộc; cùng nhau xóa bỏ định kiến, mặc cảm, hận thù, hướng về tương lai.

c) Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng

Trước sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thế giới và trong nước, lần đầu tiên Đảng tổ chức Hội nghị giữa nhiệm kỳ (1/1994). Hội nghị khẳng định, đổi mới là sự nghiệp khó khăn, chưa có tiền lệ, song Đảng đã mạnh dạn tìm tòi và giành thắng lợi quan trọng. Điều cơ bản có tính chất quyết định nhất là Đảng ta đã giữ vững vai trò lãnh đạo duy nhất, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ và sáng tạo, có đường lối, chính sách phù hợp với quy luật và thực tiễn Việt Nam, phát huy được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, mở rộng hợp tác quốc tế.

Cùng với việc cụ thể hóa thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và bầu bổ sung 20 ủy viên Trung ương Đảng, nhận thức mới của Hội nghị giữa nhiệm kỳ là chỉ rõ những thách thức lớn và những cơ hội lớn. Hội nghị chỉ rõ các nguy cơ: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện; nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau.

Song, Hội nghị cũng khẳng định: Đảng ta có đường lối đúng đắn, đoàn kết nhất trí, nhân dân ta cần cù, thông minh, giàu lòng yêu nước, có bản lĩnh và ý chí cách mạng kiên cường, tin tưởng ở sự lãnh đạo của Đảng, các lực lượng vũ trang tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân, những thành tựu của công cuộc đổi mới đang tạo ra thế và lực mới, sự phát triển của cách mạng khoa học - kỹ thuật, xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển trên thế giới và khu vực mang đến cho chúng ta thêm những nguồn lực quan trọng.

Trong văn kiện Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng lần đầu tiên khẳng định xây dựng Nhà nước pháp

quyền Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Hội nghị Trung ương 8 (1/1995) đã cụ thể hóa một bước chủ trương đó và chủ trương tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cải cách một bước nền hành chính nhà nước[1]. Nhận thức mới của Đảng là: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội, kết hợp biện pháp hành chính với giáo dục tư tưởng, nâng cao dân trí, kết hợp sức mạnh của pháp luật với sức mạnh của quần chúng.

Với quan điểm coi con người là nhân tố quyết định, là động lực to lớn nhất, là chủ thể sáng tạo mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần của xã hội; coi hạnh phúc của con người là mục tiêu phấn đấu cao nhất của Đảng, Hội nghị Trung ương 4 đã ban hành 5 nghị quyết: về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo; về một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt; về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; về công tác

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t.54, tr.161.

thanh niên trong thời kỳ mới. Các nghị quyết trên cho thấy quan điểm cách mạng và nhân văn của Đảng: Tất cả là do con người, tất cả vì hạnh phúc con người.

2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1996 đến nay)

a) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII và bước đầu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 28/6 đến ngày 1/7/1996, trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển với trình độ cao hơn, chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào. Sau 10 năm đổi mới, nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi bước đầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, phá được thế bị bao vây, cô lập. Tuy vậy, nước ta vẫn là nước nghèo, kém phát triển, xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết.

Dự Đại hội có 1.198 đại biểu, thay mặt cho hơn 2,1 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng, bầu đồng chí Đỗ Mười tiếp tục làm Tổng Bí thư. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội VIII đã bổ sung đặc trưng tổng quát về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh*, nêu bật những vấn đề trọng tâm sau:

Tổng kết 10 năm đổi mới (1986 - 1996), đất nước thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng được xác định rõ hơn. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. "Xét trên tổng thể, việc hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới những năm qua về cơ bản là đúng đắn, đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tuy trong quá trình thực hiện có một số khuyết điểm, lệch lạc lớn và kéo dài dẫn đến chệch hướng ở lĩnh vực này hay lĩnh vực khác, ở mức độ này hay mức độ khác"[1]. Đại hội nêu ra sáu bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới: *Một là,* giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới; nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. *Hai là,* kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. *Ba là,* xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tăng trưởng

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.55, tr.356.

kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái. *Bốn là,* mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả dân tộc. *Năm là,* mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại. *Sáu là,* tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa trong thời kỳ mới gồm các nội dung: 1) Giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. 2) Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. 3) Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. 4) Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định. 5) Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. 6) Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

Xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là vấn đề có ý nghĩa quyết định hàng đầu. Đảng phải tiếp tục tự đổi

mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Cần phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng; nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ; nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng.

Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kỳ mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau Đại hội VIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp nhiều lần, chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, nổi bật là:

Coi phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm; phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm, nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. Cần kiệm để công nghiệp hóa, khắc phục xu hướng chạy theo "xã hội tiêu dùng". Tập trung xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Hướng mạnh về xuất khẩu, nhưng không được coi nhẹ sản xuất và thị trường trong nước. Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng Nhà nước phải quản lý

và điều tiết theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội.

Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu là: Thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác hóa, dân chủ hóa. Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ; thực hành triệt để tiết kiệm. Tích cực giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo. Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội.

Với các chủ trương trên về kinh tế, nước ta đã vượt qua khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực từ tháng 7/1997. Đến năm 2000, kinh tế đất nước tăng trưởng khá, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hằng năm 7%. Nông nghiệp phát triển liên tục, đặc biệt là sản xuất lương thực. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 13,5%. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu đều phát triển. Năm 2000, các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt hoặc vượt kế hoạch đề ra.

Công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những tiến bộ quan trọng, nhưng còn nhiều khuyết điểm, yếu kém. Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII đã thông qua Nghị quyết số 03-NQ/HNTW ngày 18/6/1997 về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; trong đó, nhấn mạnh ba yêu cầu lớn: *Một là,* tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ nhà nước. *Hai là,* tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cán bộ, công chức nhà nước thật sự là công bộc, tận tụy phục vụ nhân dân. *Ba là,* tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Nhiệm vụ và giải pháp lớn được Đảng đề ra trong Nghị quyết là: mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước; cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

Về công tác cán bộ, Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được thông qua tại Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII, trong đó, Đảng chủ trương: xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu. Tiêu chuẩn chủ yếu của cán bộ là: Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật.

Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm. Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe. Các tiêu chuẩn đó quan hệ mật thiết với nhau. Coi trọng cả đức và tài, lấy đức là gốc.

Hội nghị Trung ương 4 khóa VIII (12/1997) bầu đồng chí Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí thư.

Thực hiện tự phê bình và phê bình trong Đảng, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) (2/1999) đã đề ra Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 2/2/1999 về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay. Trong đó yêu cầu: tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi bốn nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước; kiên định những quan điểm có tính nguyên tắc sau: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; không chấp nhận "đa nguyên, đa đảng". Nhà nước Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức, sinh hoạt và hoạt động của Đảng. Kết hợp chủ nghĩa yêu nước chân chính và chủ nghĩa quốc tế trong sáng của giai cấp công nhân.

Nhằm tiếp tục xây dựng và củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở, Hội nghị

Trung ương 7 khóa VIII (8/1999) đã xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các ban của Đảng ở các cấp; cải tiến cách làm việc của các cơ quan của Quốc hội, của Chính phủ và chính quyền địa phương; chỉ đạo và sắp xếp tổ chức của hai ngành kiểm sát và toà án; xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội.

Trước tình hình mất dân chủ xảy ra nghiêm trọng ở một số địa phương, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18/2/1998 về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở. Sau đó, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức trong hệ thống chính trị đã phối hợp ban hành Quy chế dân chủ ở các loại hình tổ chức cơ sở, ở xã, phường, thị trấn, ở các cơ quan, đơn vị và trên các lĩnh vực trên cả nước.

Để đáp ứng yêu cầu tạo nguồn nhân lực có chất lượng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (12/1996) đã ban hành hai nghị quyết, đó là:

- Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000 đã xác định quan điểm: nhiệm vụ và mục tiêu cơ bản của giáo dục là nhằm xây dựng con người là những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên"; giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục - đào tạo; coi giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân; mọi người

đi học, học thường xuyên, học suốt đời; kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh ở mọi nơi, trong từng cộng đồng, từng tập thể; phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học - công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh.

- Nghị quyết số 02-NQ/HNTW ngày 24/12/1996 về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000 với quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của nhân loại, đi sâu điều tra, nghiên cứu thực tế, tổng kết sâu sắc quá trình đổi mới đất nước. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong tất cả các ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng - an ninh. Nâng cao năng lực nội sinh, xây dựng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà, từng bước hình thành nền khoa học và công nghệ hiện đại của Việt Nam.

Văn hóa Việt Nam là thành quả hàng nghìn năm lao động sáng tạo, đấu tranh kiên cường dựng nước và giữ nước của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, là kết quả giao lưu và tiếp thu tinh hoa của nhiều nền văn minh thế giới. Văn hóa Việt Nam tiếp tục được phát huy, đã góp phần quyết định vào những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong sự nghiệp đổi mới. Hội nghị Trung ương 5 khóa VIII

đã ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16/7/1998 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, với quan điểm: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng, văn minh, con người phát triển toàn diện. Nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung. Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc văn hóa các dân tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lề thói cũ.

Nền văn hóa Việt Nam là nền văn hóa thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam. 54 dân tộc sống trên đất nước ta đều có những giá trị và bản sắc văn hóa riêng, bổ sung cho nhau, làm phong phú nền văn hóa Việt Nam. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng. Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng. Kiên trì cuộc đấu tranh bài trừ thói hư tật xấu, nâng cao tính chiến đấu, chống mọi sự lợi dụng văn hóa để thực hiện "diễn biến hòa bình".

Mười nhiệm vụ cụ thể xây dựng và phát triển văn hóa là: Xây dựng con người Việt Nam; xây dựng môi trường văn hóa; phát triển sự nghiệp văn học - nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ; phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn, phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; chính sách văn hóa đối với tôn giáo; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa; mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII được coi như tuyên ngôn văn hóa của Đảng trong thời kỳ thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ đó, phong trào thi đua "Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa" được phát động rộng rãi trên cả nước, trên nhiều lĩnh vực góp phần làm chuyển biến phong phú thêm đời sống tinh thần toàn xã hội.

b) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, tiếp tục thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 19 đến ngày 22/4/2001, là Đại hội mở đầu thế kỷ XXI, cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ. Sau sự kiện ngày 11/9/2001 ở Mỹ, một số nước lớn đã lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố để tăng cường can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều nước. Khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương trở thành khu vực phát triển kinh tế năng động nhưng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tạo thế và lực mới nhưng nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế bình quân trong 5 năm mà Đại hội VIII đề ra là 9 - 10% đã không đạt. Các nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng (1/1994) đã nêu ra vẫn là những thách thức lớn của cách mạng nước ta.

Dự Đại hội IX có 1.168 đại biểu, thay mặt cho hơn 2,2 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng, trong đó có Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010; xác định rõ những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa IX gồm 150 ủy viên. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương đã bầu Bộ Chính trị gồm 15 đồng chí và Ban Bí thư gồm 9 đồng chí; đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Thế kỷ XX ghi đậm trong lịch sử loài người ba dấu ấn cực kỳ sâu sắc: Khoa học và công nghệ tiến nhanh chưa từng thấy; diễn ra hai cuộc chiến tranh thế giới đẫm máu; đầu thế kỷ, phong trào cách mạng phát triển rộng trên toàn thế giới, cuối thế kỷ, chủ nghĩa xã hội hiện thực tạm thời lâm vào thoái trào. Đối với nước ta, thế kỷ XX là thế kỷ của những biến đổi to lớn, thế kỷ của những chiến công và thắng lợi có ý nghĩa lịch sử và thời đại: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời mở ra bước ngoặt của cách mạng Việt Nam; thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và việc thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Kết quả thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 đã đưa "tổng sản phẩm trong nước năm 2000 tăng hơn gấp đôi so với năm 1990"[1]. Đại hội đã đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 với mục tiêu tổng quát là đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020, nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại; tiếp tục đưa GDP năm 2010 lên gấp đôi so với năm 2000.

Đại hội khẳng định những bài học đổi mới do các Đại hội VI, VII, VIII của Đảng nêu lên vẫn còn có giá trị lớn,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.60, tr.175.

nhất là những bài học: Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo. Đổi mới phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. "*Tư tưởng Hồ Chí Minh* là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại"[1]. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động là bước phát triển quan trọng trong nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta.

Con đường phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.60, tr.130.

việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong thời kỳ quá độ, có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế.

Quan hệ các giai cấp, tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc.

Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hòa các lợi

ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội.

Đảng, Nhà nước chủ trương thực hiện nhất quán và lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức phân phối, chủ yếu phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và phân phối thông qua phúc lợi xã hội.

Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân; góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, về năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống văn hóa, quan hệ hài hòa trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. *Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của*

các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển.

Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đánh dấu bước trưởng thành trong nhận thức về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Các hội nghị Trung ương Đảng khóa IX đã chỉ đạo đổi mới toàn diện, nổi bật nhất là những nhiệm vụ trọng tâm sau:

Đảng và Nhà nước đã thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp tích cực đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đã đạt nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, doanh nghiệp nhà nước cũng còn những mặt hạn chế, yếu kém, có mặt rất nghiêm trọng. Hội nghị Trung ương 3 khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 24/9/2001 về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Qua 5 năm 1996 - 2001, kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới dưới nhiều hình thức, trình độ khác nhau trong các ngành, lĩnh vực, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn đã có đổi mới, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, kinh tế tập thể còn nhiều mặt yếu kém, năng lực nội tại hạn chế; hiệu quả ít; kinh tế tập thể chiếm tỷ trọng thấp trong GDP, chưa đủ sức đảm nhiệm tốt vai trò của mình. Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (3/2002) đã thống nhất nhận

thức về sự cần thiết phát triển kinh tế tập thể và chủ trương xác lập môi trường thể chế và tâm lý xã hội thuận lợi cho kinh tế tập thể phát triển, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách; nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với phát triển kinh tế tập thể.

Qua 10 năm 1991 - 2001, kinh tế tư nhân - gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân, đã phát triển rộng khắp trong cả nước, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế. Tuy vậy, kinh tế tư nhân nước ta còn nhiều hạn chế, yếu kém như: quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ sản xuất lạc hậu, trình độ quản lý kém, hiệu quả và sức cạnh tranh yếu, gặp nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế hoạt động. Hội nghị Trung ương 5 (3/2002) đã thảo luận, thống nhất nhận thức, coi kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Trung ương quyết định tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân.

Sau khi Luật đất đai năm 1987 được ban hành, những đổi mới trong chính sách, pháp luật về đất đai đã đưa đến những kết quả tích cực, thúc đẩy kinh tế phát triển. Tuy nhiên, công tác quản lý và sử dụng đất đai còn nhiều hạn chế, yếu kém và nhiều vấn đề bức xúc: Đất đai chưa được chuyển dịch hợp lý, hiệu quả sử dụng còn thấp. Tình trạng người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai và tình

hình khiếu kiện về đất đai diễn ra nghiêm trọng và phổ biến; việc thu hồi đất, đền bù giải toả mặt bằng thực hiện hết sức khó khăn. Hội nghị Trung ương 7 khóa IX (3/2003) đã thống nhất nhận thức coi đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là nguồn nội lực và nguồn vốn to lớn của đất nước; quyền sử dụng đất là hàng hóa đặc biệt. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Trung ương chủ trương tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhà nước giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn theo pháp luật. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được Nhà nước giao cho cá nhân, tổ chức sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách đất đai.

Qua 15 năm đổi mới, tình hình tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân nhìn chung có nhiều mặt tích cực và tiêu cực đan xen nhau, trong đó mặt tích cực là cơ bản. Tuy vậy, mặt tiêu cực có lúc, có nơi cũng rất nghiêm trọng, thực sự là nguy cơ tiềm ẩn, liên quan đến sự mất còn của Đảng, của chế độ. Hội nghị Trung ương 5 khóa IX (3/2002) đã đề ra những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong tình hình mới. Hội nghị nhấn mạnh, cần đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền,

giáo dục lý luận chính trị; chủ động tiến công, làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình", âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Qua 10 năm 1991 - 2001, công tác nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả quan trọng, tuy vậy, việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh còn một số hạn chế, yếu kém. Ngày 27/3/2003, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 23-CT/TW về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới nhằm làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định và làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội ta.

Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân tộc, về dân tộc, tôn giáo, về Mặt trận và các đoàn thể nhân dân. Nhìn chung, khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức được mở rộng hơn, là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị - xã hội của đất nước. Tuy nhiên, khối đại đoàn kết toàn dân tộc chưa thật bền chặt và đứng trước những thách thức mới. Lòng tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ của một bộ phận nhân dân chưa vững chắc. Nguyên nhân là do đời sống nhân dân còn khó khăn, mặt khác, những bất công xã hội và tình trạng tham nhũng, quan liêu, lãng phí còn khá phổ biến

và nghiêm trọng, kỷ cương phép nước nhiều lúc, nhiều nơi không nghiêm, đạo đức xã hội có mặt xuống cấp, trật tự an toàn xã hội còn phức tạp. Các vụ khiếu kiện đông người vẫn còn nhiều, có lúc, có nơi diễn ra gay gắt. Việc tập hợp nhân dân vào Mặt trận và các đoàn thể, các tổ chức xã hội còn nhiều hạn chế. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương 7 (3/2003) đã ban hành ba nghị quyết quan trọng:

- Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003 về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Nghị quyết khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai. Nghị quyết đề cập toàn diện và tổng thể vấn đề dân tộc ở nước ta, tập trung vào những nội dung chủ yếu và cấp bách của công tác dân tộc trong thời kỳ mới, bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, chăm lo lợi ích thiết thực, chính đáng, hợp pháp của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân; thực hiện dân chủ gắn liền với giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng bồi dưỡng, nâng cao tinh thần yêu

nước, ý thức độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc, tinh thần tự lực, tự cường xây dựng đất nước.

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác dân tộc, khẳng định, trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước. Tuy nhiên, do tác động của tình hình thế giới và hoạt động của các thế lực thù địch cả trong và ngoài nước, tình hình dân tộc ở nước ta có những diễn biến phức tạp hơn. Cần nhận thức rõ vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Trung ương đã đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện công tác dân tộc trong thời kỳ mới.

- Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác tôn giáo khẳng định, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích

cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.

Đến năm 2002, có khoảng 2,7 triệu người Việt Nam đang sống ở gần 90 nước và vùng lãnh thổ, ngoài ra, còn hàng trăm nghìn người Việt Nam ra nước ngoài lao động, học tập, tu nghiệp, đoàn tụ gia đình, hình thành các cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Đa số họ có đời sống ổn định, có tiềm lực kinh tế nhất định, có vị trí và quan hệ nhất định ở nước sở tại, luôn nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, giữ gìn truyền thống văn hóa, hướng về cội nguồn, gia đình, dòng tộc, quê hương; có những đóng góp nhất định về các mặt cho đất nước. Tuy nhiên, người Việt Nam ở một số nước còn nhiều khó khăn trong việc ổn định cuộc sống, ở một số nơi còn bị kỳ thị. Một số người chưa có dịp về thăm đất nước, chưa thấy những thành tựu của công cuộc đổi mới, vẫn còn thành kiến, mặc cảm, thậm chí chống phá đất nước. Trong bối cảnh đó, Bộ Chính trị khóa IX đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 26/3/2004 về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, chủ trương coi người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời, là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước. Nhà nước có trách nhiệm thoả thuận với các

nước hữu quan về khuôn khổ pháp lý để đồng bào ổn định cuộc sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài theo luật pháp, công ước và thông lệ quốc tế.

Sau Đại hội IX, tình hình thế giới diễn biến rất mau lẹ, phức tạp; sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta đang đặt ra những vấn đề mới rất cấp thiết. Hội nghị Trung ương 8 khóa IX (7/2003) đã ban hành Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Sau khi chỉ rõ những thành tựu, khuyết điểm, yếu kém của Đảng trong thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, dự báo tình hình quốc tế, khu vực, tình hình đất nước, Chiến lược xác định: Mục tiêu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hóa; giữ vững an ninh chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với công nhân xã hội; lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam

xã hội chủ nghĩa. Xây dựng sức mạnh tổng hợp về chính trị, tư tưởng, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại...; ra sức phát huy nội lực, đồng thời tranh thủ tối đa và khai thác mọi thuận lợi ở bên ngoài; chủ động phòng ngừa và triệt tiêu những nhân tố bên trong có thể dẫn đến những đột biến bất lợi.

Nhiệm vụ cơ bản về bảo vệ Tổ quốc là: Giữ vững hòa bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Đảng là nhiệm vụ theo chốt, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị nội bộ. Nỗ lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ trung tâm là phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, đồng thời chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa đi đôi với việc tăng cường trật tự kỷ cương, chú trọng giải quyết các vấn đề dân tộc, tôn giáo, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, trong đó Quân đội nhân dân và Công an nhân dân là lực lượng lòng cốt. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế, ưu tiên phát triển hợp tác với các nước láng giềng, chú trọng thúc đẩy quan hệ với các nước và

trung tâm lớn. Trên cơ sở đó, Trung ương đã đưa ra các nhiệm vụ cơ bản và giải pháp chủ yếu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

c) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng họp tại Hà Nội, từ ngày 18 đến ngày 25/4/2006, vào thời điểm đất nước đã trải qua 20 năm đổi mới, đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước có sự thay đổi cơ bản, toàn diện, thế và lực, uy tín quốc tế tăng lên nhiều so với trước. Tình hình quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta có những thuận lợi và cơ hội lớn, nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường.

Dự Đại hội có 1.176 đại biểu, thay mặt cho hơn 3,1 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị và bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa X gồm 160 ủy viên chính thức, 21 ủy viên dự khuyết; Bộ Chính trị gồm 14 đồng chí; đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Các văn kiện của Đại hội trình bày toàn diện những nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới, nổi bật là nhiệm vụ trọng tâm, tổng quát thể hiện trong chủ đề của Đại hội: "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển".

Đại hội X đã tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn của 20 năm đổi mới. Sau khi đánh giá quá trình đổi mới, chỉ rõ những thành tựu, khuyết điểm, yếu kém, Đại hội đã chỉ ra những bài học cần thiết để tiếp tục hoàn thiện đường lối chỉ đạo đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới trong những năm tiếp theo, gồm: *Một là,* trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. *Hai là,* đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp. *Ba là,* đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới. *Bốn là,* phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. *Năm là,* nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Đại hội X có sự tiếp thu, bổ sung hai đặc trưng mới của chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng so với Cương lĩnh năm 1991, đó là: Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời diễn đạt lại các đặc trưng khác. Cụ thể: Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân

chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

Đại hội X xác định nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Đây là thành tố đầu tiên của chủ đề Đại hội. Chính vì Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam; mọi thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng. Trong tình hình cơ hội và thách thức đan xen nhau, đòi hỏi xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải đáp ứng bằng được yêu cầu vừa kiên định sự lãnh đạo của Đảng, vừa nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để Đảng ngang tầm với trọng trách của mình. Muốn vậy, Đảng phải nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách; năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện, tổng kết lý luận thực tiễn, phải tạo thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng; lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với

nhân dân. Nâng cao sức chiến đấu của Đảng là làm cho từng cán bộ, đảng viên, từng tổ chức đảng, nói chung là toàn Đảng phải có ý chí vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, kiên quyết đấu tranh với tiêu cực, tham nhũng, suy thoái, đấu tranh chống các tư tưởng, quan điểm và hành động sai trái, thù địch.

Phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, từ đội ngũ cán bộ đến phương thức lãnh đạo của Đảng. Điểm mới của Đại hội X là đã làm sáng tỏ bản chất của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc.

Quan điểm mới nổi bật của Đại hội X là đã cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân, kể cả tư bản tư nhân, nhưng yêu cầu phải tuân thủ Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước, đồng thời nêu cao tính tiền phong gương mẫu của người đảng viên. Đây là chủ trương đúng đắn, vừa phù hợp với thực tế, vừa động viên mọi nguồn lực vào thực hiện mục tiêu của Đảng là "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Nội dung mới của thành tố thứ hai trong chủ đề Đại hội X là "phát huy sức mạnh toàn dân tộc". Muốn đoàn kết phải lấy mục tiêu chung của toàn dân tộc là giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã

hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Điểm mới ở đây là xóa bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội. Đại hội đã chỉ ra nhiều biện pháp, hình thức, nhằm phát huy dân chủ, có chính sách bảo vệ lợi ích của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, bảo đảm công bằng xã hội.

Nội dung mới trong thành tố thứ ba của chủ đề Đại hội X là "đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới". Đại hội nhấn mạnh cần tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế.

Đại hội X của Đảng là dấu mốc quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các văn kiện được thông qua tại Đại hội X là kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân quyết tâm đổi mới toàn diện, phát triển với tốc độ nhanh và bền vững hơn trong thời kỳ mới.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội X, các hội nghị Trung ương Đảng đã họp, thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng, nổi bật là:

Lần đầu tiên, tại Hội nghị Trung ương 4 khóa X Đảng ta ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 9/2/2007 về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Trung ương nhận định, thế kỷ XXI được thế giới xem là thế kỷ của đại dương. Các quốc gia có biển đều rất quan tâm đến biển và xây dựng chiến lược biển. Khu vực Biển Đông, trong đó bao gồm vùng biển Việt Nam, có vị trí địa kinh tế và địa chính trị rất quan trọng. Với nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng, biển Việt Nam càng có vai trò to lớn hơn đối với sự nghiệp phát triển đất nước. Từ những năm 90 của thế kỷ XX, Đảng và Nhà nước ta đã có một số nghị quyết, chính sách về các lĩnh vực liên quan đến biển. Trước tình hình mới, phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia đối với biển, đảo và vùng trời của Tổ quốc, đòi hỏi nước ta cần có chiến lược biển toàn diện nhằm phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trung ương đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2020, kinh tế biển Việt Nam đóng góp khoảng 53 - 55% GDP, 55 - 60% kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng: Nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra

tốc độ phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả cao với tầm nhìn dài hạn. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển vùng biển, ven biển, hải đảo với phát triển vùng nội địa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thu hút mọi nguồn lực để phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường biển trên tinh thần chủ động, tích cực mở cửa. Phát huy đầy đủ, có hiệu quả các nguồn lực bên trong, tranh thủ hợp tác quốc tế, thu hút mạnh các nguồn lực bên ngoài theo nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước.

Đường lối đổi mới của Đảng đã được thể chế hóa thành Hiến pháp, pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hình thành và phát triển. Tuy nhiên, quá trình xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất. Mặt trái của kinh tế thị trường tác động dẫn đến nhiều tiêu cực trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, làm nảy sinh các vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc. Hội nghị Trung ương 6 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 30/1/2008 về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là:

Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa và bảo vệ môi trường. Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở quan điểm đó, Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau hơn 20 năm đổi mới, nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã đạt được thành tựu khá toàn diện và to lớn. Nông nghiệp, nông thôn đứng trước nhiều thách thức mới, phát triển còn kém bền vững, thiếu quy hoạch, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém. Đời sống của nông dân còn nhiều khó khăn. Hội nghị Trung ương 7 khóa X (8/2008) đã đánh

giá tình hình nông nghiệp, nông dân, nông thôn nước ta và lần đầu tiên đưa ra những quyết sách mạnh mẽ về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp, giải quyết đồng thời ba vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực; phát huy cao nội lực; đồng thời tăng mạnh đầu tư của Nhà nước và xã hội, ứng dụng nhanh các thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến cho nông nghiệp, nông thôn, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí nông dân. Giải quyết vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội; trước hết, phải khơi dậy tinh thần yêu nước, tự chủ, tự lực, tự cường vươn lên của nông dân. Xây dựng

xã hội nông thôn ổn định, hòa thuận, dân chủ, có đời sống văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân.

Những chủ trương trên đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế 5 năm (2005 - 2010): tốc độ tăng GDP bình quân đạt 7%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2001 - 2005, đạt 42,9% GDP. Mặc dù thời gian này, khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu đang diễn ra, nhưng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta đạt cao. GDP năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỉ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Việt Nam năm 2008 đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, đứng vào nhóm các nước có thu nhập trung bình.

Đảng và Nhà nước đã luôn chú trọng công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí và đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn nhiều hạn chế, khuyết điểm, hiệu quả thấp. Tham nhũng, lãng phí vẫn diễn ra nghiêm trọng ở nhiều ngành, nhiều cấp, nhiều lĩnh vực với phạm vi rộng, tính chất phức tạp, gây hậu quả xấu về nhiều mặt, làm giảm sút lòng tin của nhân dân, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của Đảng và chế độ ta. Trong tình hình mới, Hội nghị Trung ương 3 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 21/8/2006 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công

tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Điểm nổi bật của chủ trương này là Đảng lãnh đạo chặt chẽ công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn dân; thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự; tích cực, chủ động phòng ngừa là chính, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Gắn phòng, chống tham nhũng, lãng phí với xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Coi đây là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, phải tiến hành kiên quyết, kiên trì, liên tục với những bước đi vững chắc, tích cực và có trọng tâm, trọng điểm. Kế thừa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, chú trọng tổng kết thực tiễn và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Công tác kiểm tra của Đảng có nhiều đổi mới và đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tích cực vào thực hiện nhiệm vụ chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Tuy nhiên, chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra chưa cao, chưa phát huy được sức mạnh tổng hợp của các ngành, các lĩnh vực trong kiểm tra; chưa coi trọng kiểm tra phòng ngừa; nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện và khắc phục. Hội nghị Trung ương 5 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 30/7/2007 về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, với quan điểm chỉ đạo là: Kiểm tra, giám sát là nội dung rất quan trọng trong lãnh đạo của Đảng, là nhiệm vụ thường xuyên của toàn Đảng, trước hết là của cấp ủy và người

đứng đầu cấp ủy. Công tác kiểm tra, giám sát phải được tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, thận trọng và chặt chẽ theo đúng nguyên tắc, phương pháp công tác đảng. Tổ chức đảng, đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng và chịu sự giám sát của nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát phải gắn chặt với công tác tư tưởng, công tác tổ chức và đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng; thực hiện toàn diện, đồng bộ, có hiệu lực, hiệu quả; phải góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng. Thực hiện đồng bộ giữa công tác kiểm tra và công tác giám sát. Giám sát phải mở rộng, kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm. Chủ động phòng ngừa vi phạm, kịp thời phát hiện những nhân tố mới để phát huy; khắc phục thiếu sót, khuyết điểm, vi phạm ngay từ lúc mới manh nha. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phải kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống, lấy xây là chính. Khi các vụ việc vi phạm được phát hiện, phải kiên quyết xử lý nghiêm minh để răn đe và giáo dục. Đề cao trách nhiệm của các tổ chức đảng, đảng viên; phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trong hệ thống chính trị và nhân dân trong kiểm tra, giám sát. Trên cơ sở quan điểm đó, Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng trong thời kỳ mới.

Nghị quyết Trung ương 4 khóa X (4/2007) đã chủ trương sắp xếp bộ máy các cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương tinh gọn và hiệu lực, hiệu quả hơn. Còn 6 ban

tham mưu của Trung ương; Chính phủ có 22 bộ và cơ quan ngang bộ.

Nhằm tập trung chỉ đạo xây dựng cơ sở đảng vững mạnh, nhiều tổ chức cơ sở đảng đã phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở. Tuy nhiên, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên còn khuyết điểm, yếu kém. Hội nghị Trung ương 6 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 2/2/2008 về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, trong đó khẳng định: tổ chức cơ sở đảng có vị trí rất quan trọng, là nền tảng của Đảng, là hạt nhân chính trị ở cơ sở, là cầu nối giữa Đảng với dân. Toàn Đảng phải tập trung chỉ đạo để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trên tất cả lĩnh vực đời sống xã hội; tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở vững mạnh, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Trên cơ sở quan điểm đó, Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thời kỳ mới.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất cầm quyền, vì vậy, phương thức lãnh đạo của Đảng tác động trực tiếp, thúc đẩy hoặc kìm hãm hoạt động của tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị. Sau hơn 20 năm đổi

mới, Đảng ta đã quan tâm nhiều hơn và có kết quả trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Tuy vậy, trong thực tế, có nơi Đảng bao biện làm thay, có nơi buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Hội nghị Trung ương 5 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 30/7/2007 về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, cụ thể là: Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; thực hành dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội; đẩy mạnh phân cấp, tăng chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị là công việc hệ trọng. Phải chủ động, tích cực, có quyết tâm cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm, vừa tổng kết, rút kinh nghiệm. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi cấp, mỗi ngành vừa phải quán triệt nguyên tắc chung, vừa phù hợp với đặc điểm từng cấp, ngành. Trên cơ sở quan điểm đó, Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị trong thời kỳ mới.

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập ngày càng sâu và toàn diện vào nền kinh tế thế giới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cải cách hành chính có vai trò rất quan trọng để bảo đảm sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Từ sau Đại hội IX, việc cải cách hành chính đã đạt những kết quả tích cực. Tuy nhiên, nền hành chính nhà nước vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Hệ thống thể chế, luật pháp, nhất là thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn còn không ít bất cập, vướng mắc. Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu; tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng. Những yếu kém, hạn chế của cải cách hành chính đã làm cản trở tiến trình phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Hội nghị Trung ương 5 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TW ngày 1/8/2007 về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Tiếp tục hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và quy chế phối hợp để nâng cao vai trò, trách nhiệm của từng cơ quan và cả bộ máy nhà nước. Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phục vụ tốt nhất cho nhân dân và chịu sự giám sát chặt chẽ của nhân dân. Các chủ trương, giải pháp cải cách hành chính phải đáp

ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, vững chắc, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể và bảo đảm sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước. Trung ương đã đề ra yêu cầu, nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước.

Ngày 29/5/2008, với sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội khóa XII đã ra Nghị quyết số 15/2008/QH12 về việc điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan, kể từ ngày 1/8/2008. Đây là một quyết định đúng đắn, phù hợp với các điều kiện địa lý, lịch sử, văn hóa truyền thống; phát huy đầy đủ các chức năng và vị thế của một thủ đô hiện đại của đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Trong thời kỳ đổi mới, giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, phát triển cả về số lượng và chất lượng. Tuy nhiên, số lượng, cơ cấu, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp của công nhân chưa đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập kinh tế quốc tế; việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của công nhân còn nhiều khó khăn, lợi ích của một bộ phận công nhân chưa tương xứng với thành tựu của công cuộc đổi mới và sự đóng góp của chính họ. Hội nghị Trung ương 6 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW về tiếp tục xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong

thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; tiên phong, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trung ương đã nêu ra các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn kết hữu cơ với đại đoàn kết toàn dân tộc; đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân; coi đó là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội. Trên cơ sở đó, Trung ương đã nêu ra nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trước yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, sự biến đổi nhanh chóng của tình hình thanh niên, Hội nghị Trung ương 7 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 25/7/2008 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người. Chăm lo, phát triển thanh niên vừa là mục tiêu, vừa là động lực bảo đảm cho sự ổn định và phát triển vững bền của đất nước. Chăm lo, bồi dưỡng, giáo dục thanh niên thành lớp người "vừa hồng, vừa chuyên" theo tư tưởng Hồ Chí Minh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quan trọng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, gia đình, nhà trường và xã hội. Đảng lãnh đạo công tác thanh niên và trực tiếp lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. Xây dựng Đoàn vững mạnh là nội dung quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là xây dựng Đảng trước một bước. Đảng đề ra đường lối, chủ trương định hướng cho thanh niên hành động, xác định các chuẩn mực cho thanh niên phấn đấu; xây dựng các tấm gương điển hình tiêu biểu cho thanh niên học tập và noi theo. Nhà nước quản lý thanh niên và công tác thanh niên; thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng về thanh niên và công tác thanh niên thành pháp luật, chính sách, chiến lược, chương trình hành động và cụ thể hóa trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh hằng năm của các cấp, các ngành. Sự nỗ lực học tập, rèn luyện và phấn đấu không ngừng của thanh niên theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là yếu tố quan trọng để xây dựng thế hệ thanh niên thời kỳ mới. Mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên là nội dung quan trọng của công tác đoàn để giáo dục, bồi dưỡng, động viên và phát huy vai trò thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trung ương đã nêu ra nhiệm vụ và giải pháp

tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhận thức sâu sắc "hiền tài là nguyên khí quốc gia", trong những năm đổi mới, Đảng và Nhà nước luôn coi trọng, quan tâm và có nhiều chủ trương, chính sách phát triển đội ngũ trí thức, bước đầu tạo điều kiện thuận lợi để đội ngũ trí thức phát triển. Tuy nhiên, đội ngũ trí thức nước ta còn bộc lộ nhiều hạn chế và yếu kém về số lượng, chất lượng, cơ cấu, thiếu chuyên gia đầu ngành, chưa có nhiều tập thể khoa học mạnh, có uy tín ở khu vực và quốc tế. Hội nghị Trung ương 7 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 6/8/2008 về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quan điểm của Trung ương là: Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững. Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Trung ương đã nêu ra nhiệm vụ và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong bối cảnh các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động "diễn biến hòa bình", với các chủ trương của Đảng, đất nước vẫn giữ được ổn định chính trị, đạt được những thành tựu quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội X đề ra, tuy còn nhiều hạn chế, khuyết điểm cần được khắc phục.

Qua 3 năm thực hiện Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27/3/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa IX về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới, toàn Đảng, toàn dân ta đã thu được nhiều kết quả tốt trong học tập, quán triệt, vận dụng và phát triển sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh. Trước yêu cầu của tình hình mới, Hội nghị Trung ương 12 khóa IX (7/2005) đã chỉ đạo thí điểm Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Tháng 11/2006, Bộ Chính trị khóa X quyết định tổ chức Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân. Mục đích của cuộc vận động là làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản, giá trị to lớn của tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức của Người sâu rộng trong toàn xã hội; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội. Nội dung cuộc vận động tập trung chủ yếu vào học tập

và làm theo tư tưởng đạo đức trong tác phẩm *Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân, Di chúc*; tập trung vào các phẩm chất "cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư", ý thức tổ chức kỷ luật, có trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Qua học tập, mỗi người liên hệ tự phê bình; quần chúng ở cơ sở góp ý xây dựng thêm. Từng cơ quan, đơn vị xây dựng tiêu chuẩn đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức. Từ năm 2008 đến năm 2010, với các chủ đề khác nhau hằng năm, cuộc vận động đã trở thành phong trào sâu rộng trong toàn xã hội, tạo sự chuyển biến rõ rệt về ý thức tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước qua 20 năm đổi mới làm cho đa số nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước và triển vọng phát triển của đất nước. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại biểu hiện tiêu cực về tư tưởng diễn biến phức tạp và nghiêm trọng, tiềm ẩn các nguy cơ trực tiếp gây mất ổn định chính trị, đó là tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được khắc phục, làm giảm sức chiến đấu của Đảng và lòng tin của nhân dân với Đảng và chế độ. Trong Đảng đã xuất hiện các ý kiến khác nhau về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước. Trong xã hội đã phát sinh tâm trạng bức xúc đáng lo ngại. Các phần tử cơ hội, bất mãn trong nước kết hợp với thế lực thù địch, phản động ở nước ngoài tăng cường xuyên tạc, vu cáo, chống

phá quyết liệt Đảng, Nhà nước. Trong bối cảnh đó, Hội nghị Trung ương 5 khóa X đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 1/8/2007 về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới. Trung ương nhấn mạnh: Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí là bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng, là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ. Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, làm cho hệ tư tưởng của Đảng, những giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hóa thế giới chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Công tác tư tưởng là nhiệm vụ của toàn Đảng, của tất cả đảng viên, trước hết là cấp ủy các cấp và bí thư cấp ủy, của cả hệ thống chính trị với sự tham gia của nhân dân, trong đó lực lượng nòng cốt là đội ngũ chuyên trách làm công tác tư tưởng, lý luận, báo chí của Đảng.

Văn học, nghệ thuật cũng là một trong những lĩnh vực được Đảng quan tâm, chỉ đạo. Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16/6/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới xác định quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hóa; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam. Văn học, nghệ

thuật Việt Nam thời kỳ mới phải phát triển toàn diện và mạnh mẽ, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ. Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng, quý trọng và phát huy các tài năng văn học, nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp.

Hội nghị Trung ương 6 khóa X (1/2008), Đảng chủ trương "Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công giai đoạn 2008 - 2012". Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Coi việc trả lương đúng cho người lao động là thực hiện đầu tư cho phát triển, tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội, góp phần làm trong sạch và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Trung ương chỉ rõ, phải tiến tới bảo đảm cho cán bộ, công chức, viên chức sống được bằng tiền lương ở mức trung bình khá trong xã hội. Cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công phải gắn với việc kiềm chế tốc độ tăng giá, bảo đảm tốt hơn đời sống của người nghèo, đồng bào dân tộc, đối tượng chính sách xã hội nhằm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển.

Tháng 11/2006, sau hơn 10 năm đàm phán, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Đây là một dấu mốc quan trọng trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế, mở ra nhiều thuận lợi cho đất nước. Để chỉ rõ những cơ hội lớn và những thách thức lớn về nhiều mặt, Hội nghị Trung ương 4 khóa X ban hành Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 5/2/2007 về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương khi nước ta gia nhập WTO là: Giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, hội nhập vì lợi ích đất nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Coi hội nhập kinh tế quốc tế là công việc của toàn dân. Nhân dân là chủ thể của hội nhập và được hưởng thành quả từ hội nhập. Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đi liền với nâng cao chất lượng và hiệu quả của tăng trưởng. Giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường sinh thái. Gắn khai thác với sử dụng có hiệu quả cao nội lực và các nguồn lực bên ngoài. Đẩy nhanh nhịp độ cải cách thể chế, cơ chế, chính sách kinh tế. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy vai trò của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Về đối ngoại, thành tựu nổi bật sau 5 năm 2006 - 2010 là Việt Nam đã mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại, góp phần tạo ra thế và lực mới, giữ vững ổn định chính trị và tạo được một môi trường quốc tế thuận lợi chưa từng có để giữ vững hòa bình, an ninh và mở rộng hợp tác, tranh thủ vốn, kỹ thuật, tri thức, kinh

nghiệm để phát triển đất nước. Việt Nam đã trở thành thành viên 150 của tổ chức WTO; đăng cai và tổ chức thành công tuần lễ cao cấp APEC (Diễn đàn kinh tế châu Á - Thái Bình Dương) lần thứ 14 (11/2006). Đến năm 2010, Việt Nam có quan hệ thương mại đầu tư với 230 nước và vùng lãnh thổ, trong đó các đối tác lớn nhất là Trung Quốc và Mỹ.

Hoàn thành phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền với Trung Quốc[1]; bước đầu đàm phán phân định vùng biển ngoài của Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc. Phát triển quan hệ đặc biệt với Lào, tăng dày hệ thống mốc biên giới với Lào; hợp tác toàn diện và hoàn thành một bước phân giới cắm mốc trên đất liền với Campuchia. Ngoại giao văn hóa có nhiều khởi sắc, nhiều công trình văn hóa được công nhận là di sản văn hóa thế giới[2]. Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đạt kết quả tích cực; lượng kiều hối gửi về nước tăng tới 8 tỉ USD năm 2010.

---

1. Hiệp ước về biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc được ký kết năm 1999. Sau 8 năm thực hiện, theo phương châm "dễ trước, khó sau", đến ngày 31/12/2008, đã hoàn thành. Lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam - Trung Quốc hoạch định đường biên giới trên đất liền rõ ràng và hiện đại, đặt nền tảng vững chắc cho việc xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định lâu dài, hợp tác và phát triển giữa hai nước.

2. Kinh đô Huế, Thánh địa Mỹ Sơn, Hoàng thành Thăng Long, Vịnh Hạ Long, không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, nhã nhạc cung đình Huế, quan họ Bắc Ninh,...

d) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991

Đại hội XI của Đảng họp tại Hà Nội từ ngày 12 đến ngày 19/1/2011, trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu xảy ra nghiêm trọng trên toàn thế giới. Cả nước vừa kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội với những thành tựu quan trọng nhưng còn nhiều yếu kém cần được khắc phục. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động "diễn biến hòa bình".

Dự Đại hội có 1.377 đại biểu, thay mặt cho 3,6 triệu đảng viên trong cả nước. Nội dung nổi bật của Đại hội XI là thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành Trung ương gồm 175 ủy viên chính thức và 25 ủy viên dự khuyết, Bộ Chính trị gồm 14 đồng chí; đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội XI thể hiện trí tuệ, ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn dân ta, tiếp tục khẳng định, hoàn thiện và phát triển đường lối đổi mới trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011),* gọi tắt là *Cương lĩnh năm 2011* có kết cấu bốn phần cơ bản như Cương lĩnh năm 1991, được bổ sung, phát triển nhận thức mới ở tiêu đề và nội dung từng phần, cụ thể là:

+ *Quá trình cách mạng Việt Nam và những bài học kinh nghiệm.*

Cương lĩnh năm 2011 có diễn đạt mới về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống xâm lược, mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới. Cách diễn đạt mới đảm bảo vừa trung thực với lịch sử, vừa cổ vũ niềm tự hào dân tộc và phù hợp với quan hệ đối ngoại trong tình hình mới. Ngoài ra còn bổ sung ý nghĩa của những thành quả do các thắng lợi trên mang lại và đánh giá tổng quát sai lầm, khuyết điểm và nguyên nhân, thái độ của Đảng trước những sai lầm đó.

Cương lĩnh khẳng định những bài học kinh nghiệm lớn: *Một là,* nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. *Hai là,* sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. *Ba là,* không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. *Bốn là,* kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế. *Năm là,* sự lãnh đạo

đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Cương lĩnh năm 2011 có sửa đổi hai từ *bảo đảm* bằng từ *quyết định* ở bài học thứ năm; bổ sung vào nội dung phân tích ở bài học thứ hai: "Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân, sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng"[1].

+ *Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh mới diễn biến phức tạp.*

Về đặc điểm, xu thế chung: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát triển. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc, tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ biển, đảo, tài nguyên, cạnh tranh quyết liệt về kinh tế tiếp tục diễn ra phức tạp. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á phát triển năng động nhưng vẫn tiềm ẩn nhiều nhân tố mất ổn định.

Đánh giá về chủ nghĩa xã hội: Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa cho phong trào hòa bình và cách

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.65.

mạng thế giới, góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. "Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ là tổn thất lớn đối với phong trào cách mạng thế giới, nhưng một số nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, vẫn kiên định mục tiêu, lý tưởng, tiến hành cải cách, đổi mới, giành được những thành tựu to lớn, tiếp tục phát triển; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có những bước hồi phục"[1].

Hiện tại, chủ nghĩa tư bản còn tiềm năng phát triển, nhưng về bản chất vẫn là một chế độ áp bức, bóc lột và bất công. Khủng hoảng kinh tế, chính trị, xã hội vẫn tiếp tục xảy ra. Chính sự vận động của những mâu thuẫn nội tại đó và cuộc đấu tranh của nhân dân lao động sẽ quyết định vận mệnh của chủ nghĩa tư bản.

Các nước đang phát triển, kém phát triển phải tiến hành cuộc đấu tranh rất khó khăn, phức tạp chống nghèo nàn, lạc hậu, chống mọi sự can thiệp, áp đặt và xâm lược để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia, dân tộc.

Những vấn đề toàn cầu cấp bách liên quan đến vận mệnh loài người. Đó là gìn giữ hòa bình, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ về dân số, phòng ngừa và đẩy lùi bệnh tật hiểm nghèo. Ở đây, Cương lĩnh năm 2011 bổ sung hai vấn đề là chống khủng bố và ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.68.

Đặc điểm nổi bật hiện nay của thời đại là: các nước có chế độ chính trị và trình độ phát triển khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia, dân tộc. Cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển và tiến bộ xã hội dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, nhưng sẽ có những bước tiến mới. "*Theo quy luật tiến hóa của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội*"[1].

Về mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản: Cương lĩnh năm 2011 nêu rõ: "*Xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội:* Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới"[2].

Trong các đặc trưng, ngoài đặc trưng "Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" không đổi, Cương lĩnh năm 2011 có bổ sung hai đặc trưng bao trùm, tổng quát: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh", "có

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Sđd*, tr.69, 70.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo". Các đặc trưng khác diễn đạt mới rõ hơn, không chỉ là thay đổi từ ngữ mà chứa đựng những nội dung mới, với ý nghĩa phù hợp hơn với mục tiêu khi nước ta đã xây dựng xong chủ nghĩa xã hội.

Cương lĩnh năm 2011 nhấn mạnh, quá trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa là quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen.

Sau khi chỉ rõ những thuận lợi cơ bản, Cương lĩnh năm 2011 xác định mục tiêu tổng quát khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc. Mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI là xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cương lĩnh năm 2011 chỉ rõ tám phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta: *Một là,* đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. *Hai là,* phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Ba là,* xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. *Bốn là,* bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. *Năm là,* thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. *Sáu là,* xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất. *Bảy là,* xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. *Tám là,* xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Cương lĩnh năm 2011 yêu cầu giải quyết tốt tám mối quan hệ lớn: Quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ.

+ Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

"Phát triển *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa* với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế,

bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển"[1].

Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ. Coi trọng phát triển các ngành công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo có tính nền tảng và các ngành công nghiệp có lợi thế; phát triển nông, lâm, ngư nghiệp ngày càng đạt trình độ công nghệ cao, chất lượng cao gắn với công nghiệp chế biến và xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm phát triển hài hòa giữa các vùng, miền. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc. Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của cộng đồng các

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, *Sđd*, tr.73-74.

dân tộc Việt Nam, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao.

Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, là chủ thể phát triển. Xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hóa, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, thật sự là tế bào lành mạnh của xã hội, là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống và hình thành nhân cách.

Coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho giáo dục và đào tạo là đầu tư phát triển. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo nhu cầu phát triển của xã hội; nâng cao chất lượng theo yêu cầu chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế, phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội và điều kiện cho mọi công dân học tập suốt đời.

Nghiên cứu và ứng dụng có hiệu quả các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại trên thế giới. Hình thành đồng bộ cơ chế, chính sách khuyến khích sáng tạo, trọng dụng nhân tài, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ.

Bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của cả hệ thống chính trị, toàn xã hội và của mọi công dân. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm soát, ngăn ngừa, khắc phục ô

nhiễm với khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển năng lượng sạch, sản xuất và tiêu dùng sạch. Coi trọng nghiên cứu, dự báo, thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và thảm họa thiên nhiên.

Kết hợp tốt tăng trưởng kinh tế với tiến bộ; khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu dựa vào lao động; thiết lập hệ thống đồng bộ, đa dạng về bảo hiểm và trợ cấp xã hội; hạn chế, tiến tới đẩy lùi tội phạm và giảm tác hại của tệ nạn xã hội. Bảo đảm quy mô hợp lý, cân bằng giới tính và chất lượng dân số.

Xây dựng một cộng đồng xã hội văn minh, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đoàn kết, bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Xây dựng, phát huy vai trò chủ thể của giai cấp nông dân trong quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo, bồi dưỡng, phát huy mọi tiềm năng và sức sáng tạo của đội ngũ trí thức để tạo nguồn trí tuệ và nhân tài cho đất nước. Xây dựng đội ngũ những nhà kinh doanh có tài, những nhà quản lý giỏi, có trách nhiệm xã hội, tâm huyết với đất nước và dân tộc. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế tục xứng đáng sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Thực hiện bình đẳng giới và hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ. Quan tâm thích đáng lợi ích và phát huy khả năng của các tầng lớp dân cư khác. Hỗ trợ đồng bào định cư ở nước ngoài ổn định cuộc sống, giữ gìn bản sắc dân tộc, chấp hành tốt pháp luật các nước sở tại, hướng về quê hương, tích cực góp phần xây dựng đất nước. Thực hiện chính sách bình

đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau giữa các dân tộc, gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam. Tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân theo quy định của pháp luật.

Mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Phát triển đường lối, nghệ thuật quân sự chiến tranh nhân dân và lý luận, khoa học an ninh nhân dân. Chủ động, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. Tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước đối với Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống ở mỗi cấp, trên tất cả các lĩnh vực. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hóa bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm.

Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

Về Đảng Cộng sản Việt Nam, Cương lĩnh năm 2011 bổ sung cách diễn đạt bản chất của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc, đồng thời khẳng định: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản.

Cương lĩnh năm 2011 cũng bổ sung, làm rõ phương thức lãnh đạo của Đảng: Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Về xây dựng Đảng: Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

Cương lĩnh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về lý luận và thực tiễn, là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào sự nghiệp xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; thể hiện nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Cương lĩnh là cơ sở đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động của toàn Đảng, toàn dân, là ngọn cờ chiến đấu vì thắng lợi của sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, định hướng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong những thập kỷ tới.

- Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020:

Quan điểm phát triển: Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Đổi mới đồng bộ, phù hợp về kinh tế và chính trị vì mục tiêu xây dựng nước Việt Nam "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người. Phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đồng thời hoàn thiện quan hệ sản xuất với

nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ ngày càng cao.

Ba đột phá chiến lược: 1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính; 2) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ; 3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

Định hướng phát triển kinh tế - xã hội: Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; thực hiện tốt chức năng của Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường; hoàn thiện bộ máy nhà nước, chuyển mạnh về cải cách hành chính; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng bộ máy nhà nước.

Đại hội XI đã kiểm điểm 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội X; nhìn lại 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991 và nêu ra những kinh nghiệm mới: *Một là*, trong bất kỳ điều kiện, tình huống nào, phải kiên trì thực hiện đường lối và mục tiêu đổi mới, kiên định và vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa

xã hội. *Hai là,* phải thực sự coi trọng chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững. *Ba là,* phải coi trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. *Bốn là,* chăm lo củng cố, xây dựng Đảng cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. *Năm là,* trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo phải rất nhạy bén, kiên quyết, sáng tạo.

Đại hội XI cũng đã đề cập các nội dung: Về đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế; về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức, coi trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; củng cố và tiếp tục xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phong phú, đa dạng; thực hiện có hiệu quả tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện nhất quán là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; đẩy mạnh việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Trong 5 năm 2011 - 2016, Trung ương Đảng đã tập trung chỉ đạo thực hiện những vấn đề quan trọng, đó là:

Để thực hiện một trong những đột phá của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, Hội nghị Trung

ương 4 khóa XI (1/2012) chủ trương xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Nghị quyết Hội nghị nhấn mạnh quan điểm: Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phải hiện đại, đồng bộ trên phạm vi cả nước, từng ngành, từng vùng và từng địa phương, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Phát triển kết cấu hạ tầng là sự nghiệp chung, vừa là quyền lợi, vừa là nghĩa vụ của toàn xã hội, mọi người dân đều có trách nhiệm tham gia đóng góp, trước hết là trong thực hiện chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng; bảo đảm lợi ích hài hòa giữa Nhà nước, người dân và nhà đầu tư. Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng phải kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng, an ninh; thu hẹp khoảng cách vùng, miền; gắn với tiết kiệm đất canh tác, bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đất đai đã thu được nhiều kết quả tích cực. Tuy vậy, công tác quản lý nhà nước về đất đai còn nhiều hạn chế, nhất là trong quy hoạch sử dụng đất, định giá đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư, các thủ tục hành chính về đất đai. Việc sử dụng đất nhiều nơi còn lãng phí, hiệu quả thấp; tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực này còn lớn; tình hình khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai còn diễn

biến phức tạp. Hội nghị Trung ương 5 khóa XI (5/2012) đã khẳng định: Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt; là tài sản, nguồn lực to lớn của đất nước, là nguồn sống của nhân dân ta; quyền sử dụng đất là hàng hóa đặc biệt. Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước là đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng ổn định lâu dài hoặc có thời hạn. Đất đai được phân bổ hợp lý, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và có hiệu quả cao; bảo đảm lợi ích trước mắt và lâu dài, bảo vệ môi trường sinh thái, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước, nâng cao chất lượng và bảo vệ đất canh tác nông nghiệp, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Chính sách, pháp luật về đất đai phải bảo đảm sự quản lý nhà nước chặt chẽ, thống nhất của Trung ương; đồng thời phân cấp phù hợp cho địa phương, có chế tài xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm chính sách, pháp luật về đất đai góp phần bảo đảm ổn định chính trị - xã hội, phát triển kinh tế - xã hội bền vững, củng cố quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Các doanh nghiệp nhà nước đã được sắp xếp lại một bước, góp phần để kinh tế nhà nước thực hiện vai trò chủ đạo, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ nhu cầu quốc phòng, an ninh. Tuy nhiên, việc sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước còn chậm, chưa chặt chẽ; trình độ công nghệ lạc hậu, quản trị doanh nghiệp còn nhiều yếu kém, hiệu quả thấp. Cơ cấu ngành, lĩnh vực chưa hợp lý, dàn trải, đầu tư ra ngoài ngành kém hiệu

quả. Một số doanh nghiệp vi phạm pháp luật nghiêm trọng, gây thất thoát, lãng phí lớn vốn và tài sản nhà nước. Hội nghị Trung ương 6 khóa XI (10/2012) ban hành Kết luận về Đề án tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Quan điểm của Trung ương là: Doanh nghiệp nhà nước là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước, là lực lượng vật chất quan trọng, là công cụ hỗ trợ để Nhà nước điều tiết nền kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô. Doanh nghiệp nhà nước phải tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, địa bàn quan trọng. Chấm dứt tình trạng đầu tư dàn trải ngoài ngành. Khẩn trương bổ sung, hoàn thiện thể chế quản lý, mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp nhà nước. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các doanh nghiệp.

Nhờ có những chủ trương đúng đắn, kịp thời của Đảng như vậy, tiềm lực kinh tế của đất nước tăng lên, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, kiểm soát được lạm phát. GDP tăng bình quân 5,9%, bình quân thu nhập 2.109 USD...

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Mục đích là phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, tiếp tục

làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; tạo chuyển biến mạnh mẽ và sâu rộng hơn nữa về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng. Liên tục từ năm 2011 đến năm 2015, Trung ương đã tổ chức học tập theo các chủ đề về tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tập trung vào việc phấn đấu rèn luyện đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, làm người công bộc tận tụy, trung thành của nhân dân, đời tư trong sáng, cuộc sống riêng giản dị; học tập và làm theo phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương; nêu cao trách nhiệm gương mẫu của cán bộ, đảng viên; nêu cao tinh thần trách nhiệm chống chủ nghĩa cá nhân, nói đi đôi với làm, trung thực, trách nhiệm; gắn bó với nhân dân; đoàn kết, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Đảng đã có nhiều chủ trương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng vẫn còn không ít hạn chế, yếu kém, thậm chí có những yếu kém, khuyết điểm kéo dài qua nhiều nhiệm kỳ chậm được khắc phục, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng; nếu không được sửa chữa sẽ là thách thức đối với vai trò lãnh đạo của Đảng và sự tồn vong của chế độ. Hội nghị Trung ương 4 khóa XI đã

ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 16/1/2012 Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay. Nghị quyết chỉ rõ: tập trung cao độ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt ba vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng: *Một là,* kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng. *Hai là,* xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. *Ba là*, xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong ba vấn đề trên, vấn đề thứ nhất là trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách nhất.

Đảng đã có nhiều chủ trương phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng với những biểu hiện tinh vi, phức tạp, xảy ra trên nhiều lĩnh vực, nhiều cấp, nhiều ngành, gây bức xúc trong xã hội và là thách thức lớn đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Hội nghị Trung ương 4 khóa XI (1/2012) đã đưa ra kết luận: tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Trung ương xác định, phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, phải thực hiện thường xuyên, có hiệu quả.

Trung ương quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng trực thuộc Bộ Chính trị, do Tổng Bí thư làm Trưởng ban; lập lại Ban Nội chính Trung ương là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Sau một năm kiểm điểm, tự phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI về xây dựng Đảng, Hội nghị Trung ương 6 khóa XI (10/2012) đã đánh giá kết quả kiểm điểm tự phê bình, phê bình khẳng định những thành tựu, ưu điểm, khuyết điểm của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã nghiêm túc tự phê bình và thành thật nhận lỗi trước Ban Chấp hành Trung ương vì đã không ngăn chặn, đẩy lùi được tình trạng tham nhũng, lãng phí trong một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có những cán bộ cấp cao của Đảng. Kinh nghiệm lịch sử Đảng ta cho thấy, một khi Đảng tự nhận ra sai lầm, khuyết điểm và tự nghiêm khắc, quyết tâm khắc phục, sửa chữa thì sức mạnh của Đảng càng được nâng lên; nhân dân càng tin yêu và ủng hộ Đảng, càng phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, và trong thời kỳ đổi mới, Đảng luôn quan tâm, đề ra nhiều chủ trương lãnh đạo công tác dân vận. Hội nghị Trung ương 7 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 3/6/2013 về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới. Nghị quyết đề ra phương thức lãnh đạo công tác dân vận của Đảng trong thời kỳ mới là công tác dân vận phải gắn liền với công tác xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Mọi quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước phải phù hợp với lợi ích của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức phải gương mẫu để nhân dân tin tưởng, noi theo. Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang. Trong đó, Đảng lãnh đạo, chính quyền tổ chức thực hiện, Mặt trận, đoàn thể làm tham mưu và nòng cốt. Nhà nước tiếp tục thể chế hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ" thành quy chế, quy định để các tổ chức trong hệ thống chính trị; cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang thực hiện công tác dân vận; các hình thức tập hợp nhân dân phải phong phú, đa dạng, khoa học, hiệu quả.

Trung ương đã kết luận về việc tiếp thu ý kiến nhân dân, hoàn thiện bản Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 với tinh thần nghiêm túc, chân thành, tiếp thu tối đa những ý kiến hợp lý của nhân dân; kiên trì những vấn đề có tính nguyên tắc về bản chất của chế độ chính trị và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, làm cơ sở để ban hành Hiến pháp năm 2013.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (12/1996) và các chủ trương của Đảng, Nhà nước,

khoa học và công nghệ nước ta đã đạt nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp thiết thực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, hoạt động khoa học và công nghệ nhìn chung còn nhiều yếu kém, bất cập, chưa thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội. Trước sự phát triển nhanh chóng của khoa học, công nghệ, toàn cầu hóa và kinh tế tri thức đã và đang đặt ra những yêu cầu mới, Hội nghị Trung ương 6 khóa XI ra Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 1/12/2012 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chỉ tiêu phấn đấu: đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp. Sự lãnh đạo của Đảng, năng lực quản lý của Nhà nước, tài năng, tâm huyết của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đóng vai trò quyết định thành công của sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ.

Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ về tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động, công tác xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ; phương thức đầu tư, cơ chế tài chính, chính sách cán bộ, cơ chế tự chủ của các tổ chức khoa học và công nghệ phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đầu tư cho nhân lực khoa học và công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc. Đảng và Nhà nước có chính sách phát triển, phát huy và trọng dụng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ. Nhà nước có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ. Chú trọng nghiên cứu ứng dụng và triển khai; coi doanh nghiệp và các đơn vị dịch vụ công là trung tâm của đổi mới ứng dụng và chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ. Quan tâm đúng mức đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến của thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để cập nhật tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến của thế giới, thu hút nguồn lực và chuyên gia, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia các dự án khoa học và công nghệ của Việt Nam. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh sau khi được đào tạo ở nước ngoài về nước làm việc.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII và các chủ trương của Đảng, Nhà nước về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lĩnh vực giáo dục và đào tạo nước ta đã đạt được những thành tựu quan trọng, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, giáo dục và đào tạo đã bộc lộ những hạn chế, yếu kém, chất lượng, hiệu quả còn thấp so với yêu cầu, có những vấn đề gây bức xúc xã hội kéo dài. Nhiều chính sách, cơ chế, giải pháp về giáo dục có hiệu quả trong giai đoạn vừa qua, nay đã không còn phù hợp, cần được điều chỉnh. Hội nghị Trung ương 8 khóa XI đã ra Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Điểm mới của Nghị quyết không chỉ ở nhận thức mà cả trong chỉ đạo thực tiễn phải coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục - đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học. Trung ương đã nêu ra các nhiệm vụ và giải pháp nhằm chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc, với tiến bộ khoa học và công nghệ. Đổi mới hệ thống giáo dục theo hướng mở, linh hoạt, liên thông giữa các bậc học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục, đào tạo. Thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa giáo dục và đào tạo. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế để phát triển giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và bản sắc dân tộc.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khoá VIII về văn hóa, đất nước đã đạt những thành tựu nổi bật về phát triển văn hóa. Nhưng kết quả đạt được trong xây dựng và phát triển văn hóa vẫn chưa tương xứng với yêu cầu và chưa vững chắc; thiếu sự gắn bó chặt chẽ giữa văn hóa với kinh tế, chính trị; giữa các lĩnh vực của văn hoá; chưa tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế - xã hội, đến xây dựng con người. Hội nghị Trung ương 9 khóa XI ban hành Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 9/6/2014 về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội. Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng các dân tộc Việt Nam, với các đặc trưng dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học.

Phát triển văn hóa vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hóa. Trong xây dựng văn hóa, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo. Xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, chú trọng vai trò của gia đình, cộng đồng; phát triển hài hòa giữa kinh tế, văn hóa và xây dựng con người mới. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân là chủ thể sáng tạo, đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Đảng và Nhà nước luôn luôn quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách xã hội, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực để phát triển bền vững, ổn định chính trị - xã hội, thể hiện bản chất tốt đẹp của chế độ ta. Kết quả là, các lĩnh vực xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nước ta được Liên hợp quốc công nhận là một trong các quốc gia đi đầu trong việc thực hiện một số mục tiêu thiên niên kỷ. Tuy nhiên, lĩnh vực xã hội vẫn còn nhiều hạn chế, một số mặt yếu kém kéo dài, chậm được khắc phục. Hội nghị Trung ương 5 khóa XI (5/2012) đã chủ trương giải quyết một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020 với quan điểm chỉ đạo là: Không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội phải phù hợp với trình độ phát

triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của đất nước trong từng thời kỳ; ưu tiên người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. Hệ thống an sinh xã hội phải đa dạng, toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thế hệ và giữa các thế hệ; bảo đảm bền vững, công bằng. Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia; tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh. Tăng cường hợp tác quốc tế để có thêm nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

Trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc ứng phó với biến đổi khí hậu còn bị động, lúng túng; thiên tai ngày càng bất thường, gây nhiều thiệt hại về người và tài sản; tài nguyên chưa được quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả và bền vững, một số loại tài nguyên bị khai thác quá mức dẫn tới suy thoái, cạn kiệt; ô nhiễm môi trường vẫn tiếp tục gia tăng, có nơi nghiêm trọng. Hội nghị Trung ương 7 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 6/3/2013 về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đây là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước. Trung ương đã

nêu ra các quan điểm, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đến năm 2000 trên cơ sở phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất liên ngành, liên vùng; được đặt trong mối quan hệ toàn cầu; không chỉ là thách thức mà còn tạo cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững. Tài nguyên là tài sản quốc gia, là nguồn lực, nguồn vốn tự nhiên đặc biệt quan trọng để phát triển đất nước, phải được đánh giá đầy đủ các giá trị, định giá, hạch toán trong nền kinh tế, được quản lý, bảo vệ chặt chẽ; khai thác, sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả và bền vững, gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Trên cơ sở phân tích và dự báo xu hướng phát triển của tình hình quốc tế, khu vực và trong nước; chỉ rõ thành tựu, hạn chế, nguyên nhân chủ quan của những hạn chế, thiếu sót trong 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Hội nghị Trung ương 8 khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới với quan điểm: Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng sức mạnh tổng hợp; phát huy nội lực kết hợp với ngoại lực. Kết hợp chặt chẽ giữa chiến lược và sách lược, tạo sự đồng thuận cao của nhân dân ta ở trong nước và nước ngoài; tranh thủ sự

đồng tình, ủng hộ cao nhất của dư luận quốc tế. Đặc biệt coi trọng mối quan hệ giữa yếu tố bên trong với bên ngoài, đoàn kết toàn dân tộc. Trên cơ sở mục tiêu, quan điểm đó, Trung ương đã nêu ra phương châm chỉ đạo, mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp để thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thực hiện đường lối đối ngoại đúng đắn của Đảng, hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế của Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Môi trường hòa bình thuận lợi cho phát triển, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ tiếp tục được giữ vững. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu. Quan hệ với các nước láng giềng và các nước trong Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được củng cố. Đến năm 2015, Việt Nam đã thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với 15 nước; đối tác toàn diện với 10 nước[1]; đối tác chiến lược lĩnh vực với Vương quốc Hà Lan.

Ngoại giao kinh tế đã góp phần tích cực thúc đẩy quan hệ kinh tế - thương mại - đầu tư, thu hút các nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế của đất nước. Đến năm 2012, có 36 nước công nhận cơ chế kinh tế thị trường

1. Đối tác chiến lược với 15 nước: Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Anh, Đức, Italia, Inđônêxia, Thái Lan, Xingapo, Pháp, Malaixia, Philíppin. Đối tác toàn diện với 10 nước: Nam Phi, Chilê, Braxin, Vênêxuêla, Ôxtrâylia, Niu Dilân, Áchentina, Ucraina, Mỹ, Đan Mạch.

của Việt Nam. Nhóm các nhà tài trợ cho Việt Nam năm 2011 đã cam kết tài trợ 7,39 tỉ USD. Năm 2012, số lượng đoàn lãnh đạo cấp cao Việt Nam đi thăm các nước, lãnh đạo cấp cao của các nước vào thăm Việt Nam tăng mạnh, với 31 đoàn, gấp 4 - 5 lần so với các năm. Hoạt động ngoại giao của Việt Nam trên các diễn đàn đa phương như APEC, ASEM, đặc biệt là trong ASEAN được triển khai một cách tích cực, thể hiện vị thế, vai trò ngày càng tăng của Việt Nam. Ngoại giao văn hóa của Việt Nam tiếp tục được triển khai mạnh mẽ[1].

Trong năm 2012, ASEAN và Trung Quốc đã xây dựng được Tuyên bố chung kỷ niệm 10 năm Tuyên bố về Ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) và ASEAN đã ra được tuyên bố 6 điểm về vấn đề Biển Đông. Đó là cơ sở pháp lý duy trì môi trường hòa bình, ổn định ở Biển Đông và giải quyết vấn đề Biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế.

Đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân được triển khai đồng bộ, hiệu quả, có bước phát triển mới. Quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, có hiệu quả. Vị thế, uy tín quốc tế của Việt Nam tiếp tục được nâng cao.

---

1. Năm 2011, UNESCO đã công nhận các di sản Thành Nhà Hồ (Thanh Hoá), Khu dự trữ sinh quyển Đồng Nai, hát xoan Phú Thọ... Năm 2012, UNESCO công nhận tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, hát xoan (Phú Thọ) là Di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại và mộc bản kinh Phật chùa Vĩnh Nghiêm là Di sản tư liệu thế giới.

d) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế

Đại hội XII của Đảng họp từ ngày 20 đến ngày 28/1/2016, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường. Đất nước đã qua 30 năm đổi mới, thế và lực tăng lên rõ rệt, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức gay gắt.

Chủ đề của Đại hội là: "*Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại*".

Dự Đại hội có hơn 1.510 đại biểu, thay mặt cho 4,6 triệu đảng viên trong toàn Đảng. Đại hội đã tổng kết 30 năm đổi mới, bầu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII gồm 180 ủy viên Trung ương chính thức, 20 ủy viên dự khuyết; Bộ Chính trị có 19 đồng chí, đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội XII của Đảng là Đại hội "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới", tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi

trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Đại hội XII đã kiểm điểm, đánh giá thành quả quan trọng, những hạn chế, yếu kém trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011 - 2015); tổng kết 30 năm đổi mới (1986 - 2016) và nêu mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm 2016 - 2021. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Đại hội XII rút ra *một số kinh nghiệm*: *Một là,* trước những khó khăn, thách thức trên con đường đổi mới, phải hết sức chú trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phải phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. *Hai là,* nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, bám sát thực tiễn của đất nước và thế giới; đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp. *Ba là,* gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. *Bốn là,* kiên trì thực hiện các mục tiêu lâu dài, các nhiệm vụ cơ bản, đồng thời tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, giải quyết dứt điểm những yếu kém, ách tắc, tạo đột phá để giữ vững và đẩy nhanh nhịp độ phát triển;

phát huy mọi nguồn lực trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. *Năm là,* chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm mục tiêu cao nhất, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Đại hội nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm 2016 - 2020, đó là: Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng, phát triển văn hóa, con người. Quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Quản lý tài nguyên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân. Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Đại hội XII nhấn mạnh, trong nhiệm kỳ, cần đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền

vững; đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có kết quả sáu nhiệm vụ trọng tâm:

(1) Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực, phẩm chất và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

(2) Xây dựng tổ chức bộ máy của toàn hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

(3) Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả ba đột phá chiến lược (hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ), cơ cấu lại tổng thể và đồng bộ nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Chú trọng giải quyết tốt vấn đề cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại ngân sách nhà nước, xử lý nợ xấu và bảo đảm an toàn nợ công.

(4) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát

triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. Mở rộng và đưa vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại; tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, thực hiện hiệu quả hội nhập quốc tế trong điều kiện mới, tiếp tục nâng cao vị thế và uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

(5) Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, giải quyết tốt những vấn đề bức thiết; tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và giảm nghèo bền vững. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

(6) Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

Sau Đại hội XII, Trung ương đã tiếp tục chỉ đạo đổi mới những lĩnh vực trọng yếu, cụ thể là:

Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế đã thực hiện và đạt được kết quả bước đầu. Tuy vậy, mô hình tăng trưởng về cơ bản vẫn theo mô hình cũ, chậm được đổi mới; tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào tăng vốn đầu tư và số lượng lao động, chưa dựa nhiều vào tăng năng suất lao động, ứng dụng khoa học - công nghệ. Hội nghị Trung ương khóa XII đã ra Nghị quyết số 05-

NQ/TW ngày 1/11/2016 về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện về cả kinh tế, xã hội và môi trường. Chú trọng và ngày càng dựa nhiều hơn vào các nhân tố thúc đẩy tăng năng suất lao động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đặc biệt là phát huy tinh thần yêu nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc, trí sáng tạo của con người Việt Nam và thành tựu khoa học - công nghệ của nhân loại, mọi tiềm năng, lợi thế của các ngành, lĩnh vực, các địa phương và cả nước. Gắn kết chặt chẽ với thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế với trọng tâm ưu tiên là: 1) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi cho khởi nghiệp và đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài. 2) Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại đầu tư công; cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước; cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng; cơ cấu lại ngân sách nhà nước và nợ công; cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công. 3) Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế là nhiệm vụ cơ bản, trọng

yếu, có ý nghĩa quyết định đối với thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Trung ương đã đưa ra những định hướng lớn, những nhiệm vụ và giải pháp để tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng của nền kinh tế trong thời kỳ mới.

Việc thực hiện đường lối của Đảng về hội nhập quốc tế đã đem lại những thành tựu quan trọng trong tất cả các lĩnh vực nhưng trong thực hiện các cam kết quốc tế mới với quốc tế sẽ đặt ra nhiều khó khăn, thách thức cả về kinh tế, cả về chính trị, xã hội; sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt, nhiều ngành, doanh nghiệp và sản phẩm của nước ta sẽ gặp khó khăn hơn. Hội nghị Trung ương 4 khóa XII (10/2016) đã chủ trương: "Thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới". Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hội nhập kinh tế quốc tế là trọng tâm của hội nhập quốc tế; hội nhập trong các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là sự nghiệp của toàn dân; doanh nhân, doanh nghiệp, đội ngũ trí thức là lực lượng đi đầu. Bảo đảm đồng bộ giữa đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế. Đẩy mạnh việc đổi mới, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách; chủ động xử lý các vấn đề

nảy sinh; giám sát chặt chẽ và quản lý hiệu quả quá trình thực hiện cam kết trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, nhất là trong những lĩnh vực, vấn đề liên quan đến ổn định chính trị - xã hội. Bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế. Trung ương đã xác định mục tiêu, chủ trương, chính sách chung, chính sách cụ thể để thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Sau hơn 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, Đảng luôn chú trọng công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, rút ra các kinh nghiệm và bài học, tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần quan trọng đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta thực hiện còn chậm. Một số quy định pháp luật, cơ chế, chính sách còn chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu ổn định, thiếu nhất quán; còn có biểu hiện lợi ích cục bộ. Bất bình đẳng xã hội, phân hóa giàu - nghèo có xu hướng gia tăng.

Hội nghị Trung ương 5 khóa XII (5/2017) chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một nhiệm vụ chiến lược, là khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá; xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với điều kiện phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế. Gắn kết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình phát triển liên tục; kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại và kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời bảo đảm giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Hoàn thiện thể chế kinh tế đi đôi với hoàn thiện thể chế chính trị mà trọng tâm là đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy và cán bộ. Có bước đi phù hợp,

vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm để tiếp tục hoàn thiện. Xác định rõ và thực hiện đúng vị trí, vai trò, chức năng và mối quan hệ của Nhà nước, thị trường và xã hội phù hợp với kinh tế thị trường; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng cường và giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ quan trọng, vừa cấp bách, vừa lâu dài của cả hệ thống chính trị. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội trong quá trình hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trung ương đã đề ra mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể đến năm 2020, các nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khoá IX (8/2001), các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động. Vai trò của doanh nghiệp nhà nước đối với nền kinh tế còn hạn chế; hiệu quả sản xuất, kinh doanh và đóng góp cho Nhà nước còn thấp, chưa tương xứng với nguồn lực Nhà nước đầu tư; nợ nần, thua lỗ, thất thoát lớn. Trước tình hình đó, Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TW ngày 3/6/2017 về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Doanh nghiệp nhà

nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ phần, vốn góp chi phối ở những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước; hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng và có vai trò nòng cốt, dẫn dắt phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác. Trung ương đã xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đến năm 2020 và năm 2030, đồng thời đề ra những nhiệm vụ và giải pháp để tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

Trong những năm qua, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá IX về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân, kinh tế tư nhân ở nước ta đã không ngừng phát triển, đóng góp ngày càng lớn hơn vào sự nghiệp đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhưng việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách về khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân còn hạn chế, yếu kém. Hệ thống pháp luật, các cơ chế, chính sách khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ. Kinh tế tư nhân chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Vi phạm pháp luật và cạnh tranh không lành mạnh trong kinh tế tư nhân còn khá phổ biến. Hội nghị Trung ương 5 khóa XII đã ra Nghị quyết số 10-NQ/TW

ngày 3/6/2017 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển. Kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế. Kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể cùng với kinh tế tư nhân là nòng cốt để phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng với tốc độ tăng trưởng cao cả về số lượng, quy mô, chất lượng và tỷ trọng đóng góp trong GDP. Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng. Phát huy mặt tích cực có lợi cho đất nước của kinh tế tư nhân, đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát, kiểm soát, thực hiện công khai, minh bạch, ngăn chặn, hạn chế mặt tiêu cực. Kinh tế tư nhân được phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để các hộ kinh doanh tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác hoặc hoạt động

theo mô hình doanh nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước, có đủ khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu. Khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa hoặc Nhà nước thoái vốn. Thúc đẩy phát triển mọi hình thức liên kết sản xuất, kinh doanh, cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị thị trường giữa kinh tế tư nhân với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhằm tiếp nhận, chuyển giao, tạo sự lan toả rộng rãi về công nghệ tiên tiến và quản trị hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng và mở rộng thị trường tiêu thụ.

Chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, nâng cao nhận thức chính trị, tinh thần tự lực, tự cường, lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, gắn bó với lợi ích của đất nước và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của các chủ doanh nghiệp. Phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam ngày càng vững mạnh, có ý thức chấp hành pháp luật, trách nhiệm với xã hội và kỹ năng lãnh đạo, quản trị cao; chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, đạo đức doanh nhân.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 khoá X (6/2009) về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020, đã có nhiều chuyển biến mới cả về nhận thức và hoạt động thực tiễn về thực hiện Chiến lược biển. Kinh tế biển, các vùng biển, ven biển đang trở thành động lực phát triển đất nước. Tuy nhiên, việc thực hiện Chiến lược biển còn

nhiều hạn chế, yếu kém và khó khăn, thách thức; chưa gắn kết hài hòa với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Công tác bảo vệ an ninh, an toàn, phối hợp tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, ứng phó với sự cố môi trường trên biển còn nhiều bất cập... Hội nghị Trung ương 8 khóa XII ra Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân Việt Nam. Trung ương đã xác định mục tiêu tổng quát, mục tiêu cụ thể đến năm 2030 và năm 2040, một số chủ trương lớn và khâu đột phá, các giải pháp thực hiện Chiến lược biển để tiếp tục phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam trong những giai đoạn tiếp theo.

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị khoá XI về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã đạt được kết quả bước đầu, góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và công tác xây dựng Đảng. Nhưng bên cạnh đó, việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh còn có những hạn chế, chưa trở thành việc làm thường xuyên, chưa thành ý thức tự giác của không ít tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương và một bộ phận cán bộ, đảng viên. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, coi đây là nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ.

Công tác xây dựng Đảng còn không ít hạn chế, khuyết điểm về công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, về sinh hoạt đảng, về năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng... Hội nghị Trung ương 4 khóa XII ra Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30/10/2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật,

đánh giá đúng sự thật, Nghị quyết đã chỉ rõ 27 biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ và đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết, trong đó nhấn mạnh tinh thần kiên quyết, kiên trì thực hiện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn; phát huy sự chủ động, sáng tạo và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của nhân dân, trong đó cán bộ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu các cấp là nòng cốt. Tăng cường sự lãnh đạo và đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy và ban thường vụ cấp ủy các cấp.

Đảng đã ban hành và thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều chủ trương, nghị quyết, kết luận về xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tổ chức Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội từng bước được sắp xếp, kiện toàn; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh hợp lý hơn; bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân và đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần vào thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới. Tuy nhiên, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, kém hiệu lực, hiệu quả; chức năng, nhiệm vụ của một số tổ chức còn chồng chéo; cơ cấu bên trong chưa hợp lý; tổ chức bộ máy của khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, các đơn vị sự nghiệp công lập chậm được đổi mới; tổ chức và biên chế ngày càng phình

to; cơ cấu, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức còn chưa hợp lý. Số người hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước ở các đơn vị sự nghiệp công và người hoạt động không chuyên trách cấp xã ngày càng nhiều...

Đảng đã có nhiều quyết sách đúng đắn về cán bộ và công tác cán bộ; kiên trì, kiên quyết lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chính sách, biện pháp, đạt được những kết quả quan trọng. Nhờ đó, đội ngũ cán bộ các cấp đã có bước trưởng thành, phát triển về nhiều mặt, chất lượng ngày càng được nâng lên; cơ cấu độ tuổi, giới tính, dân tộc, ngành nghề, lĩnh vực công tác có sự cân đối, hợp lý hơn. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ còn bộc lộ không ít những hạn chế, yếu kém. Đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị đông nhưng chưa mạnh, tình trạng vừa thừa, vừa thiếu cán bộ xảy ra ở nhiều nơi. Cơ cấu giữa các ngành, nghề, lĩnh vực chưa thật sự hợp lý, thiếu sự liên thông giữa các cấp, các ngành; thiếu những cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ; thiếu gương mẫu, chưa thật sự gắn bó mật thiết với nhân dân; vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm. Tình trạng chạy chức, chạy quyền, chạy tuổi, chạy quy hoạch, chạy luân chuyển, chạy bằng cấp, chạy tội... chậm được ngăn chặn và đẩy lùi. Hội nghị Trung ương 7 khoá XII đã ban hành Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất,

năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Trung ương đã đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Nghị quyết, trong đó coi xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững. Thực hiện nghiêm, nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ cán bộ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, trực tiếp là của các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu và cơ quan tham mưu của Đảng, cơ quan tổ chức, cán bộ là nòng cốt.

Tháng 10/2018, Hội nghị Trung ương 8 khóa XII của Đảng đã ban hành Quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ngày 23/10/2018, tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XIV đã bầu Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng giữ cương vị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Đảng, Nhà nước xác định sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi người dân và của toàn xã hội; chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân là công tác đặc biệt quan trọng, liên quan đến mọi người, mọi nhà và được cả xã hội quan tâm, có ý nghĩa chính trị, xã hội và nhân văn sâu

sắc, thể hiện bản chất ưu việt, tốt đẹp của chế độ ta. Trước yêu cầu đặt ra trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân cũng đã bộc lộ không ít yếu kém, khuyết điểm, để xảy ra một số sự việc, sự cố gây bức xúc xã hội. Hội nghị Trung ương 6 khoá XII đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về công tác dân số trong tình hình mới. Trung ương đã đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện hai nghị quyết này, trong đó nhấn mạnh việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó ngành y tế là nòng cốt. Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển.

Chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội là một bộ phận rất quan trọng, có quan hệ chặt chẽ với các chính sách khác trong hệ thống chính sách kinh tế - xã hội. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng, Nhà nước ta đã có nhiều lần cải cách và từng bước hoàn thiện vấn đề này, song vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập. Hội nghị Trung ương 7 khoá XII đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Trung ương đã đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp, trong

đó nhấn mạnh: Cải cách chính sách tiền lương phải bảo đảm tính tổng thể, hệ thống, đồng bộ, kế thừa và phát huy những ưu điểm, khắc phục có hiệu quả những hạn chế; tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật khách quan của kinh tế thị trường. Bảo hiểm xã hội là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và của mỗi người dân.

e) Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Đại hội XIII của Đảng diễn ra từ ngày 25/1 đến ngày 1/2/2021 tại Thủ đô Hà Nội, trong bối cảnh đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, nhiều vấn đề chiến lược mới đặt ra cần phải giải quyết, từ tình hình quốc tế, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường đến các thách thức mang tính toàn cầu về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và cả những thành tựu ngoạn mục của tiến bộ khoa học và công nghệ đang tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống kinh tế - xã hội của đất nước ta cũng như toàn thế giới.

Dự Đại hội có 1.587 đại biểu, đại diện cho hơn 5 triệu đảng viên trong cả nước. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII gồm 200 đồng chí, trong đó có 180 đồng chí Ủy viên Trung ương chính thức, 20 đồng chí Ủy viên Trung ương dự khuyết; Bộ Chính trị gồm 18 đồng chí, đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Chủ đề của Đại hội là: *Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Đại hội XIII của Đảng đã tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII gắn với việc đánh giá 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện *Cương lĩnh năm 1991*, 10 năm thực hiện *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020*; đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 (kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước); xác định mục tiêu, phương hướng đến năm 2030 (kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng) và tầm nhìn phát triển đất nước đến năm 2045 (kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Đây sẽ là những dấu mốc quan trọng

trong quá trình phát triển của Đảng ta, dân tộc ta, đất nước ta, có ý nghĩa định hướng và tầm nhìn chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ mới.

Đại hội XIII đã xác định quan điểm chỉ đạo:

- Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi. Tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần; bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên.

- Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hóa, con người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước.

- Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất.

- Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, phát huy bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Kế thừa và phát triển cách tiếp cận trong xác định mục tiêu trong 35 năm đổi mới, tham khảo kinh nghiệm và chuẩn mực chung của thế giới, Đại hội XIII đã xác định mục tiêu tổng quát, đó là: Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa;

khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta *trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Để thực hiện thành công các mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Đại hội XIII đã nêu sáu nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội, đó là:

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh. Đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, "lợi ích nhóm", những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Củng cố niềm tin, sự gắn bó của nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Tập trung kiểm soát đại dịch Covid-19, tiêm chủng đại trà vắcxin Covid-19 cho cộng đồng; phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập; phát triển đồng bộ và tạo ra sự liên kết giữa các khu vực, các vùng, các thành phần kinh tế, các loại hình sản xuất kinh doanh; có chính sách hỗ trợ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, nhất là trong nông nghiệp; đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững; hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là pháp luật về sở hữu trí tuệ và giải quyết các tranh chấp dân sự; khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước.

- Giữ vững độc lập, tự chủ, tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế; tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, tạo tiền đề vững chắc phấn đấu năm 2030, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo,

vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

- Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế; có chính sách cụ thể phát triển văn hóa vùng đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện tốt chính sách xã hội, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống và chỉ số hạnh phúc của con người Việt Nam.

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; đồng thời tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội, trước hết là việc thực thi tinh thần "thượng tôn pháp luật", gương mẫu tuân theo pháp luật, kỷ cương và thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của cán bộ, đảng viên; tăng cường đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Ba đột phá chiến lược cũng đã được Đại hội chỉ ra: *Một là, hoàn thiện đồng bộ thể chế* phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật. *Hai là, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao*; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục và đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. *Ba là, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng* đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

Công cuộc đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng, là quá trình cải biến sâu sắc, toàn diện, triệt để; là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn Đảng, toàn dân vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Việt Nam đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.* Đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn, phức tạp, *nhiều hạn chế, yếu kém* cần phải tập trung giải quyết, khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

a) Thành tựu

Thành tựu nổi bật trước hết là về phát triển kinh tế. Năm 1986, khi bắt đầu đổi mới, Đảng đã xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Đổi mới tư duy lý luận, trước hết là tư duy kinh tế, từ đó đổi mới cơ chế, chính sách về kinh tế để chuyển dần từ nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung, hành chính, bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhờ vậy, kinh tế giảm bớt khó khăn, từng bước phát triển. Năm 1996, chấm dứt khủng hoảng kinh tế - xã hội. Năm 2008, ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành quốc gia có thu nhập trung bình. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng mang lại hiệu quả. Đại hội XIII nêu rõ: "*Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển; kinh tế vĩ mô ổn định, vững chắc hơn, các cân đối lớn của nền kinh tế cơ bản được bảo đảm, tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức khá cao; quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên, chất lượng tăng trưởng được cải thiện.*

Nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường từng bước phát triển đồng bộ, gắn với thị trường khu vực và thế giới. Nhiều rào cản tham gia thị trường được dỡ bỏ; môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện rõ rệt, khởi nghiệp sáng tạo và phát triển doanh nghiệp khá sôi động. Doanh nghiệp nhà nước từng bước được sắp xếp, tổ chức lại có hiệu quả hơn; kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định là một động lực quan trọng của nền kinh tế; kinh tế tập thể từng bước đổi mới gắn với cơ chế thị trường; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển nhanh, là bộ phận quan trọng của nền kinh tế nước ta"[1].

Trong nhiệm kỳ khóa XII, những năm 2016 - 2019, phát triển kinh tế có những thuận lợi. "Mặc dù năm cuối nhiệm kỳ, đại dịch Covid-19 và thiên tai, bão lũ nghiêm trọng liên tiếp xảy ra ở các tỉnh miền Trung đã tác động

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.59-60.

nặng nề tới mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, nhưng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2016 - 2020 vẫn đạt khoảng 6%/năm (riêng năm 2020 tăng trưởng GDP vẫn đạt 2,91%, là mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới). Quy mô nền kinh tế và thu nhập bình quân đầu người tăng lên (năm 2020, GDP đạt 271,2 tỉ USD và thu nhập bình quân đầu người đạt 2.779 USD). Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động tăng từ 4,3%/năm giai đoạn 2011 - 2015 lên khoảng 6%/năm giai đoạn 2016 - 2020"[1].

Một thành tựu rất quan trọng của công cuộc đổi mới là "Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ tiếp tục được đổi mới và có bước phát triển"[2]. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo đã được đề ra từ năm 1996 nhằm thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chiến lược đó không ngừng được bổ sung và phát triển, thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tiếp cận và làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, trong quá trình hội nhập quốc tế.

"Chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo được tích cực triển khai, bước đầu có hiệu quả. Mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng về quy mô"[3]. Chú trọng đổi mới chương trình, sách giáo

1, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.I, tr.60-61, 62.

khoa giáo dục phổ thông, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập. Quản lý, quản trị đại học có bước đổi mới, chất lượng giáo dục đại học từng bước được nâng lên. Giáo dục nghề nghiệp có nhiều chuyển biến. Coi trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý. Chi đầu tư cho giáo dục và xã hội hóa giáo dục được tăng cường. Cơ chế tự chủ, cơ chế cung ứng dịch vụ công trong giáo dục và đào tạo được thể chế hóa và đạt kết quả bước đầu. Hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo được mở rộng. Nhân lực chất lượng cao tăng cả về số lượng và chất lượng.

"Khoa học và công nghệ từng bước khẳng định vai trò động lực trong phát triển kinh tế - xã hội. Tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước được tăng cường"[1]. Khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ đã đóng góp tích cực hơn trong nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội. Khoa học xã hội và nhân văn, khoa học lý luận chính trị góp phần tích cực cung cấp luận cứ cho việc xây dựng đường lối, chính sách, bảo vệ, phát triển nền tảng tư tưởng của Đảng, xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, con người Việt Nam và bảo vệ Tổ quốc.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.I, tr.63.

Thành tựu về văn hóa, xã hội: "*Phát triển văn hóa, xã hội, con người đạt nhiều kết quả quan trọng*"[1]. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc được Đảng chủ trương từ năm 1998; quan điểm đó không ngừng được bổ sung, phát triển. Thực tiễn đổi mới cho thấy, nhận thức về văn hóa, xã hội, con người ngày càng toàn diện, sâu sắc hơn. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống và di sản văn hóa được kế thừa, bảo tồn và phát huy. Văn hóa trong chính trị và trong kinh tế bước đầu được coi trọng và phát huy hiệu quả tích cực. Văn hóa gắn liền với xây dựng con người. "*Phát triển toàn diện con người Việt Nam* đang từng bước trở thành trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội"[2], xây dựng cái tốt, cải thiện, đồng thời phê phán, đấu tranh chống cái xấu, cái ác, cái lạc hậu.

Quá trình đổi mới đã từng bước hoàn thiện đồng bộ và thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo; phát triển thị trường lao động, hướng tới xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ, tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế. Bảo đảm cơ bản an sinh xã hội, quan tâm nâng cao phúc lợi xã hội cho người dân thực hiện ngày càng tốt hơn chính sách đối với người có công, tiếp tục cải thiện chính sách tiền lương, mở rộng bảo hiểm xã hội, tỷ lệ bảo hiểm y tế đạt trên 90%. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t. I, tr.64, 65.

đa chiều còn dưới 3%, hoàn thành các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ của Liên hợp quốc.

Một thành tựu đặc biệt quan trọng mà Đại hội cũng chỉ ra, đó là: "Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững và tăng cường; quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đạt nhiều thành tựu nổi bật"[1]. Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với quốc phòng, an ninh và lực lượng vũ trang. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Kết hợp có hiệu quả quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. "Đã ban hành và triển khai đồng bộ các chiến lược quan trọng, như: Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược quốc phòng, Chiến lược quân sự, Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia,

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t. I, tr.67.

Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia và Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, v.v."[1].

"*Quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế* tiếp tục mở rộng và đi vào chiều sâu, tạo khung khổ quan hệ ổn định và bền vững với các đối tác"[2]. Chủ động tham gia xây dựng các nguyên tắc, chuẩn mực trong các thể chế đa phương khu vực và toàn cầu; xử lý đúng đắn, hiệu quả quan hệ với các nước láng giềng, các nước lớn, các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện và đối tác khác.

Khi tiến hành công cuộc đổi mới, Đảng đã kết hợp ngay từ đầu đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị. *Hệ thống chính trị* không ngừng được xây dựng củng cố vững mạnh. "Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố; dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát huy"[3]. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đổi mới nội dung và phương thức hoạt động. Tôn trọng, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ công dân theo Hiến pháp năm 2013, gắn quyền công dân với nghĩa vụ, trách nhiệm công dân đối với xã hội. Chú trọng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là ở cơ sở. "Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn; bảo đảm thực hiện đồng bộ, các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp"[4]. "Công tác xây

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t. I, tr.68-69, 69, 70, 71.

dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ, quyết liệt, có hiệu quả rõ rệt"[1]. Chú trọng xây dựng Đảng về chính trị, về tư tưởng, về đạo đức, về tổ chức và cán bộ. Công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng được chỉ đạo tập trung, quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, có nhiều đổi mới, có hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng.

Có được những thành tựu to lớn về kinh tế, giáo dục, đào tạo, khoa học - công nghệ, văn hóa, xã hội, chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại là kết quả của quá trình phấn đấu liên tục, bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, qua nhiều nhiệm kỳ đại hội; là sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, có hiệu quả của Trung ương Đảng, sự quản lý, điều hành quyết liệt của Chính phủ và chính quyền các cấp; sự tham gia tích cực của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội; sự phối hợp đồng bộ của cả hệ thống chính trị.

Cần nhấn mạnh, việc xử lý các mối quan hệ lớn bảo đảm cho đổi mới phát triển mang lại nhiều thành tựu to lớn. Các quan hệ lớn mà Đại hội XIII chỉ ra, đó là: "*Giữa ổn định, đổi mới và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t. I, tr.73.

hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ; và đặc biệt, mối quan hệ mới được bổ sung lần này là mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội"[1]. Những mối quan hệ lớn phản ánh những quy luật mang tính biện chứng, những vấn đề lý luận cốt lõi về đường lối đổi mới của Đảng.

"*Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*"[2]. Đó là sự khái quát cao những thành tựu của đất nước qua 35 năm đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng.

b) Hạn chế

Hoàn thiện thể chế; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn chậm, chưa tạo được chuyển biến căn bản về mô hình tăng trưởng; năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Đổi mới giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ chưa thực sự trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Lĩnh vực

1, 2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd*, t. I, tr.39, 25.

văn hóa, xã hội chưa có nhiều đột phá, hiệu quả chưa cao. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu còn bất cập. Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế. Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa có lúc, có nơi chưa được quan tâm phát huy đầy đủ. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quản lý đất nước trong tình hình mới. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng còn một số hạn chế.

c) Những hạn chế, khuyết điểm trên đây có cả nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu

Về khách quan: Đổi mới là một sự nghiệp to lớn, toàn diện, lâu dài, rất khó khăn, phức tạp, chưa có tiền lệ trong lịch sử. Tình hình thế giới và khu vực có những mặt tác động không thuận lợi; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị.

Về chủ quan: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa được quan tâm đúng mức, đổi mới tư duy lý luận chưa kiên quyết, mạnh mẽ, có mặt còn lạc hậu, hạn chế so với chuyển biến nhanh của thực tiễn. Dự báo tình hình chậm và thiếu chính xác làm ảnh hưởng đến chất lượng các quyết sách, chủ trương, đường lối của Đảng. Nhận thức và giải quyết tám mối quan hệ lớn còn hạn chế. Đổi mới thiếu đồng bộ, lúng túng trên một số lĩnh vực.

Nhận thức, phương pháp và cách thức chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm, nhất là quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu không được quy định rõ ràng; thiếu cơ chế để kiểm soát quyền lực. Nhiều chủ trương, nghị quyết đúng không được tích cực triển khai thực hiện, kết quả đạt thấp. Một số chính sách không phù hợp với thực tiễn, chậm được sửa đổi, bổ sung.

Việc quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống chưa được coi trọng thường xuyên, đúng mức, hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu, chưa tạo được sự thống nhất cao về nhận thức tư tưởng, ý chí và hành động trong Đảng trước những diễn biến phức tạp của tình hình. Đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ còn nể nang, cục bộ; chưa quan tâm đến việc xây dựng cơ chế, chính sách để trọng dụng người có đức, có tài.

d) Một số bài học kinh nghiệm

Một là, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được triển khai quyết liệt, toàn diện, đồng bộ, thường xuyên cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nâng cao năng lực lãnh đạo,

cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; thường xuyên củng cố, tăng cường đoàn kết trong Đảng và hệ thống chính trị; thực hiện nghiêm các nguyên tắc xây dựng Đảng, thường xuyên đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Xây dựng Nhà nước và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; hoàn thiện cơ chế kiểm soát chặt chẽ quyền lực; kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ; đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Công tác cán bộ phải thực sự là "then chốt của then chốt", tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cán bộ cấp chiến lược đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; cán bộ, đảng viên phải thực hiện trách nhiệm nêu gương theo phương châm chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương.

Hai là, trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc, thực hiện nghiêm túc quan điểm "dân là gốc"; thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng". Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự xuất phát từ yêu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân; thắt chặt mối quan hệ mật thiết với nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng; lấy hạnh phúc, ấm

no của nhân dân làm mục tiêu phấn đấu; củng cố và tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ba là, trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện phải có quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tích cực, có bước đi phù hợp, phát huy mọi nguồn lực, động lực và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn; đề cao trách nhiệm người đứng đầu gắn liền với phát huy sức mạnh đồng bộ của hệ thống chính trị, phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững kỷ cương; coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; thực hiện tốt sự phối, kết hợp trong lãnh đạo, quản lý, điều hành; coi trọng chất lượng và hiệu quả thực tế; tạo đột phá để phát triển.

Bốn là, tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, bảo đảm hài hòa giữa kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, văn hóa, xã hội; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, con người, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường; giữa phát triển kinh tế, xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế; thực sự coi trọng, phát huy hiệu quả vai trò động lực của con người, văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong phát triển đất nước.

Năm là, chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo đúng tình hình, không để bị động, bất ngờ; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc đi đôi với giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện và sâu rộng trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường; xử lý đúng đắn, linh hoạt, hiệu quả mối quan hệ với các nước lớn và các nước láng giềng, đánh giá đúng xu thế, nắm bắt trúng thời cơ. Phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của đất nước kết hợp với sức mạnh của thời đại; khai thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Những bài học được tổng kết có rất nhiều điểm phát triển mới về lý luận và thực tiễn đổi mới của Việt Nam. Cần phải vận dụng và phát huy tốt nhất trong thời kỳ phát triển mới của đất nước. Phấn đấu đến năm 2025, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045, trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Khái quát quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước và quá trình tìm con đường đổi mới đất nước?

2. Nội dung đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội VI của Đảng (12/1986) và quá trình thực hiện?

3. Nội dung Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (năm 1991 và bổ sung, phát triển năm 2011)?

4. Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế?

5. Thành tựu, ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới?

KẾT LUẬN

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã trải qua những thời kỳ, giai đoạn lịch sử quan trọng, ghi những dấu mốc lịch sử của Đảng, của cách mạng và dân tộc Việt Nam. Đó là thời kỳ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đi tìm con đường cứu nước (1911 - 1920) và khẳng định con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và con người. Thời kỳ 1920 - 1930, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam, cùng với các chiến sĩ cách mạng tiền bối chuẩn bị những điều kiện về chính trị, tư tưởng và tổ chức để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam tháng 2/1930, công bố Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Từ năm 1930 đến năm 1945, Đảng lãnh đạo các phong trào cách mạng rộng lớn (1930 - 1931); khôi phục tổ chức (1932 - 1935); phong trào đòi dân sinh, dân chủ (1936 - 1939); hoàn chỉnh đường lối giải phóng dân tộc, lãnh đạo phong trào đấu tranh giành độc lập, giành chính quyền (1939 - 1945), dẫn tới thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Sau thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng lãnh đạo Nhà nước và trở thành Đảng cầm quyền. Đảng lãnh đạo xây dựng, củng cố, bảo vệ Nhà nước dân chủ nhân dân và mọi thành quả của cách mạng, xây dựng chế độ mới, cải thiện đời sống của nhân dân, xây dựng đời sống mới, đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến ở Nam Bộ chống sự xâm lược của thực dân Pháp (1945 - 1946). Đảng đề ra đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính và chỉ đạo cuộc kháng chiến toàn quốc từ tháng 12/1946, đánh bại các kế hoạch chiến tranh lớn của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ, đưa đến chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (7/5/1954), buộc Pháp ký Hiệp định Giơnevơ (21/7/1954), các nước cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản, độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào và Campuchia.

Thực dân Pháp rút hết quân về nước, đế quốc Mỹ thay thế thực dân Pháp, chiếm miền Nam Việt Nam (từ vĩ tuyến 17 về phía Nam), xây dựng chế độ thực dân kiểu mới, thông qua chính quyền tay sai, hòng chia cắt lâu dài nước Việt Nam, vi phạm và không thực hiện những điều khoản của Hiệp định Giơnevơ về thống nhất nước Việt Nam. Trong hoàn cảnh đó, Đảng đã lãnh đạo nhân dân miền Bắc tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, quá độ đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội, đồng thời Đảng chủ động đề ra đường lối lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng ở

miền Nam, tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Điểm nổi bật của cách mạng Việt Nam thời kỳ 1954 - 1975 là Đảng lãnh đạo đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng: cách mạng xã hội chủ nghĩa và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Hai chiến lược cách mạng đó có mối quan hệ mật thiết và quyết định lẫn nhau nhằm thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Với sự toàn thắng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (30/4/1975), đất nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất. Đảng đề ra đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa và lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng lại đất nước sau 30 năm kháng chiến lâu dài, gian khổ, đồng thời lại phải tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, thực hiện nghĩa vụ quốc tế, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng, hồi sinh đất nước, tiếp tục giúp đỡ cách mạng Lào. Những năm 1975 - 1986, Đảng từng bước đổi mới tư duy, đổi mới cơ chế, chính sách, khảo nghiệm thực tiễn để tìm con đường đổi mới đất nước.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) đã hoạch định đường lối đổi mới toàn diện cả về cơ chế, chính sách kinh tế, hệ thống chính trị, các chính sách xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Đảng lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn,

thách thức cả ở trong nước và tác động quốc tế, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng đường lối đổi mới. Trên cơ sở đổi mới tư duy, tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, Đảng đã thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* tại Đại hội VII của Đảng (6/1991). Cương lĩnh được bổ sung, phát triển năm 2011 tại Đại hội XI của Đảng. Thực hiện công cuộc đổi mới, vừa bổ sung, phát triển đường lối đổi mới và Cương lĩnh, vừa chú trọng những chủ trương, chính sách lớn về phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính trị và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; đề ra và thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các chính sách xã hội, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng và thực hiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân; thực hiện chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác, phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ, Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng thế giới, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Thành công của công cuộc đổi mới làm cho thế và lực của đất nước tăng lên, khẳng định con đường phát triển đúng đắn của dân tộc Việt Nam.

Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam tiến hành sự nghiệp đấu tranh cách mạng lâu dài đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác để có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Thành tựu của cách mạng vô cùng phong phú, toàn diện và vẻ vang phản ánh quy luật vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam:

Một là, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Thắng lợi đó đã đánh đổ chế độ thuộc địa của thực dân Pháp và phátxít Nhật, xóa bỏ chế độ phong kiến hàng nghìn năm, giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc, xây dựng nền cộng hòa dân chủ, chế độ dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, tạo tiền đề để phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc được mở ra, kỷ nguyên dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do, được làm chủ đất nước và xã hội, xây dựng cuộc sống mới ấm no, hạnh phúc, thực hiện các quyền cơ bản của con người. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đánh đổ ách cai trị của thực dân, phátxít, giành độc lập, đồng thời cũng là cuộc cách mạng dân chủ do nhân dân tiến hành, đánh đổ chế độ quân chủ phong kiến chuyên chế. Cuộc Cách mạng Tháng Tám đã kết hợp

đúng đắn đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, thống nhất lợi ích của các giai cấp với lợi ích tối cao của dân tộc, kết hợp chặt chẽ mục tiêu giành độc lập cho dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân. Đây là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xôviết Nghệ - Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

Cách mạng Tháng Tám thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của khát vọng độc lập, tự do và ý chí tự lực, tự cường, quyết "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"[1] như *Thư kêu gọi tổng khởi nghĩa* của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là thắng lợi của đường lối cứu nước, sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, vai trò to lớn của đội ngũ cán bộ, đảng viên, các tổ chức đảng trong cả nước. Có được những cán bộ, đảng viên trung kiên, hy sinh, chiến đấu vì giải phóng dân tộc, vì cuộc sống của nhân dân là thành công lớn trong xây dựng Đảng và thực hiện vai trò lãnh đạo của Đảng. Cách mạng Tháng Tám thành công là kết quả của quá trình Đảng chủ động nắm bắt thời cơ cách mạng, phát động và lãnh đạo cao trào cách mạng cứu nước, phát triển tổ chức đảng, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tạo ra thực lực cách mạng, phát triển sức mạnh

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.3, tr.596.

trong nước để khi nhân tố bên ngoài thuận lợi xuất hiện, Nhật đầu hàng Đồng minh, Đảng đã chớp thời cơ phát động Tổng khởi nghĩa. Triệt để tận dụng thời cơ, đồng thời chủ động đẩy lùi nguy cơ: thực dân Pháp quay lại áp đặt sự cai trị như trước ngày 9/3/1945 và quân Đồng minh kéo vào giải giáp quân Nhật, có ý đồ phá hoại nền độc lập của Việt Nam. Chớp đúng thời cơ và đẩy lùi nguy cơ là thành công nổi bật của Đảng trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh đã xử lý thành công các mối quan hệ quốc tế với kẻ thù trực tiếp, với các nước Đồng minh (Mỹ, Anh, Liên Xô, Trung Quốc) với chiến lược rõ ràng và sách lược phù hợp bảo đảm cho cách mạng nổ ra và giành thắng lợi. "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng *mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc*"[1].

Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, thực hiện thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, góp phần quan trọng vào cuộc đấu

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.25.

tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thắng lợi của các cuộc kháng chiến trước hết là thắng lợi của đường lối chính trị, đường lối quân sự độc lập, tự chủ, đúng đắn và sáng tạo của Đảng. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính, vận dụng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin về chiến tranh cách mạng, giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, kế thừa truyền thống đánh giặc, giữ nước của dân tộc, Đảng đã phát triển phong phú các hình thức chiến tranh nhân dân, phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam, kết hợp kháng chiến với kiến quốc đã đưa kháng chiến đến thắng lợi với chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử và ký kết Hiệp định Giơnevơ.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng lãnh đạo đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng: cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Một đảng thống nhất lãnh đạo một nước tạm chia làm hai miền với hai chiến lược cách mạng khác nhau là đặc điểm nổi bật của cách mạng Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975. Cùng với đường lối cách mạng, Đảng phải phát triển sáng tạo về phương pháp cách mạng; sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng: lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân; tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn, từ

khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng; kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và đấu tranh ngoại giao; kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy; đánh địch trên cả ba vùng chiến lược: rừng núi, nông thôn đồng bằng và thành thị; đánh địch bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị, binh vận; kết hợp ba thứ quân, kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy, kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ; thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để làm chủ. Nắm vững phương châm chiến lược đánh địch lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ và nắm vững thời cơ mở những cuộc tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy đè bẹp quân địch để giành thắng lợi cuối cùng.

Đường lối chính trị, quân sự và phương pháp cách mạng do Đảng đề ra, được thể hiện phong phú trong chiến tranh cách mạng "đã tạo nên sức mạnh tổng hợp cực kỳ to lớn" để đánh thắng thế lực đế quốc giàu mạnh nhất, hung bạo nhất trong thời đại ngày nay. Thực tiễn chiến tranh cách mạng ở Việt Nam chứng minh: "một dân tộc nước không rộng, người không đông, song đoàn kết chặt chẽ và đấu tranh kiên quyết dưới sự lãnh đạo của một đảng Mác - Lênin có đường lối và phương pháp cách mạng đúng đắn, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lại được sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của các nước

xã hội chủ nghĩa, các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới, thì hoàn toàn có thể đánh bại mọi thế lực đế quốc xâm lược"[1].

Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sự nghiệp đổi mới là kế thừa những thành tựu và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc khi còn chiến tranh và trong những năm đầu sau khi đất nước thống nhất, trải qua nhiều tìm tòi, khảo nghiệm sáng kiến của nhân dân, Đảng đã đề ra và lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn Việt Nam và bối cảnh quốc tế.

Đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng (tháng 12/1986) đề ra là bước đổi mới quan trọng về tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn những luận điểm của C. Mác và V.I. Lênin về những đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hiểu rõ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới cũng là kết quả của quá trình tổng kết, tìm tòi, khảo nghiệm thực tiễn, từng bước khắc phục lối tư duy chủ quan, duy ý chí, giáo điều, nóng vội và thấy rõ sự cần thiết phải tôn trọng và hành động theo quy luật khách

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* t.37, tr.489.

quan. Đường lối đổi mới dựa trên cơ sở sáng kiến, nguyện vọng và lợi ích của các tầng lớp nhân dân và do đó trở thành yêu cầu khách quan, tất yếu của cuộc sống.

Từ thực tiễn sinh động và hiệu quả thiết thực của quá trình đổi mới mà đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được bổ sung, phát triển. Đường lối đổi mới gắn liền với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội các chặng đường 10 năm được Đảng đề ra, gắn với quá trình cụ thể hóa, thể chế hóa thành những chính sách và hệ thống pháp luật.

Hơn 30 năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đã chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa, quản lý hành chính, tập trung, bao cấp, nền kinh tế hiện vật sang nền kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1996), đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ra khỏi tình trạng của nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước có mức thu nhập trung bình (2008), phấn đấu sớm trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện cả về vật chất và tinh thần. Chính trị, xã hội ổn định và hệ thống chính trị vững mạnh với vai trò của Đảng cầm quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quốc

phòng, an ninh được củng cố vững chắc, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Quan hệ đối ngoại mở rộng, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 188 nước trong tổng số 193 nước thành viên Liên hợp quốc, quan hệ đối tác chiến lược với 16 nước, tạo môi trường hòa bình, hợp tác, phát triển, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam nêu rõ: "Những thành tựu đó *tạo tiền đề, nền tảng quan trọng* để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là *phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử*"[1].

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam (1/2016) tổng kết 30 năm đổi mới, khẳng định những thành tựu, đồng thời thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm, nhất là công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận; kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn nhân lực được huy động; đổi mới chính trị chưa đồng bộ với đổi mới kinh tế. Bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1/1994) nêu ra vẫn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.66.

Từ công cuộc đổi mới, qua nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn mà nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn. Sáng tỏ hơn về mục tiêu, mô hình của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với 8 đặc trưng mà Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã đề ra. Sáng tỏ hơn về chế độ kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Sáng tỏ hơn về những nội dung bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là *bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa*. Kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Việt Nam đã và đang kế thừa thành tựu của các cuộc cách mạng công nghiệp, đặc biệt là Cách mạng công nghiệp lần thứ hai, lần thứ ba và nhất là Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Lãnh đạo công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam với tầm nhìn chiến lược, vừa định ra những mục tiêu chiến lược lâu dài khi đất nước kết thúc thời kỳ quá độ xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hóa phù hợp; vừa chú trọng những vấn đề bức thiết đang đặt ra để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức, đưa đất nước phát

triển nhanh và bền vững. Đó là đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với những quy luật và yêu cầu cao. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Từ thực tiễn đổi mới, Đảng đã nhận thức và giải quyết tốt các mối quan hệ lớn phản ánh quy luật đổi mới và phát triển ở Việt Nam: "Đó là quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa nhà nước và thị trường; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ"[1].

Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Học thuyết cách mạng, khoa học Mác - Lênin soi sáng sự nghiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân, giải phóng các dân tộc, giải phóng con người thoát khỏi áp bức, bóc lột, bất công để xây dựng một xã hội tốt đẹp vì con người, đó là chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh quan niệm giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp là hai cuộc giải phóng vĩ đại, quan hệ mật thiết với nhau. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là nội dung hàng đầu trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2/1930) xác định rõ mục tiêu: "Làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập"[2] và "để đi tới xã hội cộng sản"[3]. Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn nắm vững và kiên định các mục tiêu chiến lược đó. Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, đất nước ta lại phải tiếp tục tiến hành 30 năm chiến tranh cách mạng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, *Sđd*, tr.17-18.

2. 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.2.

chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ với hai nhiệm vụ chiến lược ở hai miền. Nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt ra trực tiếp ở miền Bắc từ năm 1954 và trên cả nước từ năm 1975. Công cuộc đổi mới từ năm 1986 đến nay đang hiện thực hóa những mục tiêu của chủ nghĩa xã hội mà Cương lĩnh của Đảng đã đề ra, vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng là quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước, là lý tưởng cao cả và hiện thực trong thời đại Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người làm nên lịch sử, là chủ thể của lịch sử, đó là quan điểm cơ bản trong lý luận Mác - Lênin về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về cách mạng xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần nhấn mạnh, cách mạng muốn thành

công thì phải lấy dân chúng làm gốc; có dân thì có tất cả, nghĩa là phải dựa vào dân, tổ chức, vận động để nhân dân hiểu rằng cách mạng là công việc của chính nhân dân. Người mong muốn, cách mạng thành công thì "quyền giao cho dân chúng số nhiều"[1]. "Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân"[2]. Khi Đảng nắm chính quyền, thì chính quyền đó là để gánh việc chung cho dân chứ không phải để cai trị dân; "việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì hại đến dân phải hết sức tránh"[3].

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Ngoài lợi ích của dân tộc, giai cấp và nhân dân, Đảng không có lợi ích nào khác. Từ khi thành lập, Đảng đã xác định, luôn luôn gắn bó với nhân dân, từng trải đấu tranh mà trưởng thành. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Nhân dân là người bảo vệ Đảng, giúp đỡ Đảng về mọi mặt trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và chính

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.292.
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.232.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr.51.

phong trào cách mạng của nhân dân đã hiện thực hóa mục tiêu cách mạng do Đảng đề ra.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, phải phòng ngừa nguy cơ sai lầm về đường lối, nguy cơ xa rời quần chúng nhân dân và cả nguy cơ suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã nêu rõ, quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng. Ở mọi thời kỳ cách mạng, nhất là trong điều kiện hiện nay, Đảng đặc biệt chú trọng công tác vận động quần chúng nhân dân. Thấm nhuần chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "*dân vận khéo thì việc gì cũng thành công*"[1], trong công cuộc đổi mới, cùng với bài học *lấy dân làm gốc*, Đảng chú trọng thực hiện phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Đảng và các cơ quan nhà nước các cấp phải thật sự hiểu dân, tin dân, gần dân, bàn bạc với dân và thật sự vì dân.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Đoàn kết là nguyên tắc của Đảng chân chính cách mạng. Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (1848),

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.234.

C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu rõ khẩu hiệu chiến lược: *Vô sản tất cả các nước đoàn kết lại.* Đầu thế kỷ XX, V.I. Lênin và Quốc tế Cộng sản bổ sung: *Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại.* Đối với dân tộc Việt Nam, đoàn kết là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng nêu cao ngọn cờ dân tộc, lợi ích quốc gia, dân tộc. Đại đoàn kết dân tộc là điểm căn bản và nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công. Người coi giữ gìn đoàn kết trong Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình. Người cũng là hiện thân của tinh thần đoàn kết quốc tế.

Nhờ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất do Đảng lãnh đạo, toàn dân Việt Nam đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên thành công của Cách mạng Tháng Tám và các cuộc kháng chiến cứu nước, tranh thủ được sự đoàn kết và ủng hộ của đồng chí, bè bạn và nhân dân thế giới, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới, xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Trong công cuộc đổi mới, Đảng nhấn mạnh chiến lược đại đoàn kết dân tộc, lấy mục tiêu chung của lợi ích quốc gia, dân tộc làm điểm tương đồng, tôn trọng lợi ích của các tầng lớp, giai cấp không trái với lợi ích chung. Đại đoàn kết dân tộc, luôn luôn gắn liền với phát huy và hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của

nhân dân, tôn trọng quyền con người, quyền và trách nhiệm công dân. Trong lịch sử, Đảng đã chú trọng xây dựng các tổ chức Mặt trận, các đoàn thể để đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, thực hiện tốt nhất đoàn kết mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tạo sự đồng thuận xã hội.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Chủ nghĩa Mác - Lênin mang bản chất quốc tế, cách mạng của giai cấp vô sản, không chỉ giải phóng giai cấp lao động trong một nước mà giải phóng toàn nhân loại. Đoàn kết và ủng hộ lẫn nhau giữa các cuộc cách mạng và nhân dân các nước là yêu cầu khách quan tất yếu. Trong thế giới hiện đại, nhiều vấn đề không thể giải quyết trong phạm vi một nước mà cần đến sự hợp tác quốc tế. Hồ Chí Minh là lãnh tụ dân tộc, lãnh tụ của Đảng đồng thời là chiến sĩ quốc tế. Người thấy rõ sự cần thiết phải kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; "Nhưng muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã"[1]. Quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng đã kết hợp đúng đắn sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế, tạo nên nhân tố quyết định thắng lợi.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.320.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc, với ý chí đem sức ta mà tự giải phóng cho ta, đồng thời tận dụng cơ hội thuận lợi khi phe Đồng minh chiến thắng phátxít Nhật. Trong hai cuộc kháng chiến, sức mạnh của dân tộc được huy động cao nhất với tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa và bạn bè quốc tế. Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng huy động cao nhất nguồn lực trong nước đồng thời tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài bao gồm cả viện trợ, cho vay và đầu tư trực tiếp. Tích cực, chủ động hợp tác với các nước, hội nhập quốc tế, tạo cả thế và lực để phát triển đất nước. Với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, đã tạo được sự hội nhập thành công, đồng thời vẫn giữ vững độc lập, tự chủ và con đường phát triển của đất nước.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đặc biệt chú trọng xây dựng Đảng Cộng sản - đội tiền phong của giai cấp vô sản. Đảng Cộng sản phải được trang bị lý luận tiền phong, khoa học, có cương lĩnh chính trị rõ ràng, được tổ chức theo những nguyên tắc cơ bản và với kỷ luật chặt

chế. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, cách mạng trước hết phải có đảng cách mạng để tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng, Đảng phải có chủ nghĩa làm cốt, Đảng không có chủ nghĩa (lý luận) cũng giống như người không có trí khôn. Đảng phải hoàn thành sứ mệnh giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước vì hạnh phúc của nhân dân. Người nhấn mạnh, Đảng và từng cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng. Năm 1927, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đề ra 23 điều về tư cách người cách mệnh. Năm 1947, Người đề ra 12 điều về tư cách của một Đảng chân chính cách mạng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn luôn chú trọng xây dựng Đảng, nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Không ngừng phát triển, bổ sung Cương lĩnh chính trị, đường lối, nắm vững và kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Khẳng định tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, đồng thời chú trọng các nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng; tự phê bình và phê bình; gắn bó mật thiết với nhân dân và nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Chú trọng công tác cán bộ, coi cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Rèn luyện đạo đức cách mạng là nội dung cơ bản trong xây dựng Đảng. Không ngừng đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao chất lượng và hiệu quả

lãnh đạo. Đảng lãnh đạo bằng đường lối và những quyết sách đúng đắn, thông qua hệ thống tổ chức đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị; thông qua đội ngũ cán bộ, đảng viên trên tất cả các lĩnh vực nhằm hiện thực hóa đường lối của Đảng. Chú trọng nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn và không ngừng làm rõ những vấn đề đặt ra trong khoa học lãnh đạo quản lý.

Để hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo của Đảng cầm quyền, Đảng không ngừng đổi mới, tự chỉnh đốn; phòng ngừa, đẩy lùi nguy cơ sai lầm về đường lối, quan liêu, xa dân và cả nguy cơ suy thoái, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (10/2016) đã ban hành Nghị quyết về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn liền với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII (10/2017) về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII (5/2018) về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp nhất là cấp chiến lược, thật sự làm cho Đảng vững mạnh, tiếp tục hoàn thành sứ mệnh lãnh đạo xã hội và Nhà nước, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ mới.

Đảng không ngừng làm giàu trí tuệ, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực tổ chức để đủ sức giải quyết các vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nổi bật những truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đó là truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng vì lý tưởng cách mạng cao cả, vì nước, vì dân, với sự hy sinh anh dũng của nhiều thế hệ cán bộ lãnh đạo, đảng viên kiên trung của Đảng. Truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng, thống nhất nhận thức, ý chí và hành động. Truyền thống tự phê bình, phê bình nghiêm túc và quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm, hạn chế, yếu kém. Truyền thống gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Truyền thống rèn luyện phẩm chất, đạo đức, nâng cao bản lĩnh tự vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Truyền thống của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam tôn vinh sự hy sinh anh dũng của các thế hệ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng, của đồng bào cả nước trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo. Các nhà lãnh đạo tiêu biểu của Đảng đã anh dũng hy sinh như: Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Châu Văn Liêm, Nguyễn Phong Sắc, Nguyễn Đức Cảnh, Ngô Gia Tự, Võ Văn Tần, Phan Đăng Lưu, Nguyễn Thị Minh Khai,

Nguyễn Hữu Tiến, Phùng Chí Kiên, Tô Hiệu, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Đình Giong và nhiều đồng chí khác. Rất nhiều tấm gương hy sinh của chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi vì lý tưởng và con đường cách mạng của Đảng và dân tộc như: Lý Tự Trọng, Nguyễn Hoàng Tôn, Kim Đồng (Nông Văn Dền), Võ Thị Sáu, Trần Văn Ơn, Lê Bình, Mạc Thị Bưởi, Bùi Thị Cúc, Nguyễn Thị Lợi, Vừ A Dính, Cù Chính Lan, Phan Đình Giót, Bế Văn Đàn, Tô Vĩnh Diện, Nguyễn Văn Trỗi, Nguyễn Viết Xuân, Bùi Ngọc Dương, Lê Thị Riêng, Lê Anh Xuân, Nguyễn Thị Út (Út Tịch), Quách Thị Trang, Nguyễn Phan Vinh, Lê Thị Hồng Gấm, Kơ Pa Kơ Lơng, Nguyễn Thái Bình, Phạm Ngọc Thảo, Vũ Xuân Thiều, Đặng Thùy Trâm, Nguyễn Văn Thạc, Lê Đình Chinh, Hoàng Thị Hồng Chiêm và nhiều tấm gương kiên cường khác.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định: "*Qua 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được hoàn thiện và từng bước được hiện thực hóa. Chúng ta đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử,* phát triển mạnh mẽ, toàn diện hơn so với những năm trước đổi mới. Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: *Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy*

tín quốc tế như ngày nay. Những thành tựu đó là sản phẩm kết tinh sức sáng tạo, là kết quả của cả một quá trình nỗ lực phấn đấu bền bỉ, liên tục qua nhiều nhiệm kỳ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; tiếp tục khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo; sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam"[1].

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Sđd,* t.I, tr.25-26.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHỦ YẾU

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* 15 tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* 69 tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995-2016.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* tập I, II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
6. *Đảng Cộng sản Việt Nam: 80 năm xây dựng và phát triển,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban Chấp hành Trung ương, Ban Chỉ đạo tổng kết: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015.

8. Archymedes L.A. Patti: *Why Vietnam? (Tại sao Việt Nam)*, Nxb. Đà Nẵng, 1995.
9. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945 - 1975 - thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
10. Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
11. Bộ Ngoại giao: *Mặt trận ngoại giao với cuộc đàm phán Paris về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006.
13. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
14. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.
15. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tái bản có sửa chữa, bổ sung)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018.
16. Robert S. McNamara: *Nhìn lại quá khứ - tấn thảm kịch và những bài học về Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

MỤC LỤC

Trang

Lời giới thiệu 7

Chương nhập môn

ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 11

I- Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 13

II- Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 17

III- Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 24

IV- Mục đích, yêu cầu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 29

Chương 1

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945) 35

A. Mục tiêu 35

B. Nội dung 36

I- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2/1930) 36
II- Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945) 72
C. Câu hỏi ôn tập 125
Chương 2
ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975) 127
A. Mục tiêu 127
B. Nội dung 128
I- Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) 128
II- Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975) 180
C. Câu hỏi ôn tập 235
Chương 3
ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY) 237
A. Mục tiêu 237
B. Nội dung 238
I- Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) 238

II- Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 260
C. Câu hỏi ôn tập 407
Kết luận 409
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHỦ YẾU 435

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn
Sách điện tử: www.stbook.vn, www.thuviencoso.vn





MÃ ĐỊNH DANH
TỪNG CUỐN SÁCH



Giá: 90.000đ